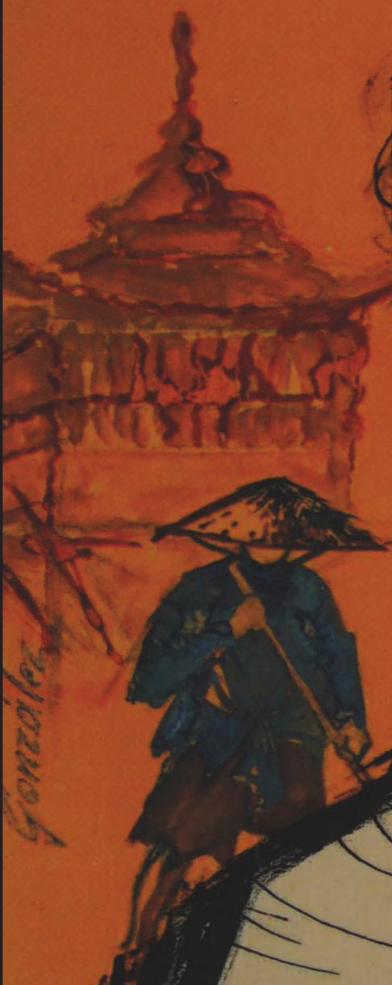


Người Phụ Nữ Lưu Vong

Pearl
BUCK

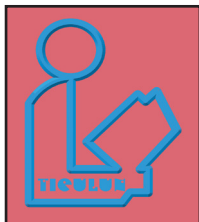


Le
LIVRE
de
POCHE

Texte intégral

NGƯỜI PHỤ NỮ LƯU VONG

PEARL BUCK



Pearl Buck sinh năm 1892 tại Hillsboro, Virginia (Hoa Kỳ). Khi mới ba tháng tuổi, bà được cha mẹ là những nhà truyền giáo đưa đến Trung Quốc, nơi bà lớn lên và học tiếng Trung trước cả tiếng mẹ đẻ. Ở tuổi thiếu niên, bà trở về Mỹ để hoàn thành việc học, sau đó lại quay lại Trung Quốc. Năm 1917, bà kết hôn với nhà truyền giáo người Mỹ John Buck và cùng ông đi khắp miền Bắc Trung Quốc trong năm năm.

Năm 1923, cuốn tiểu thuyết đầu tiên lấy cảm hứng từ Trung Quốc của bà ra mắt : Gió Đông, Gió Tây. Giải Pulitzer (1932) được trao cho tác phẩm Đất Trung Hoa, sau đó được tiếp nối bằng hai tập : Những Người Con Của Vương Long (1932) và Gia Đình Tan Tác (1935). Bà đã xuất bản nhiều tác phẩm khác sau đó. Đoạt giải Nobel năm 1938, Pearl Buck sống tại Pennsylvania, dành thời gian và tài sản cho một «mái ấm trẻ em» do chính bà sáng lập.

Một khu vườn kiểu Mỹ giữa lòng thành phố Trung Hoa bên bờ sông Dương Tử, và trong khu vườn ấy là người đã tạo dựng nó bằng chính đôi tay mình : Carrie, vợ của mục sư Stone. Tại sao người phụ nữ Mỹ này lại sống ở Trung Quốc ? Là người thừa kế truyền thống Thanh giáo nghiêm khắc, bà từng lo lắng về niềm yêu thích của mình dành cho niềm vui và cái đẹp, nên đã

quyết định công hiến cho sứ mệnh truyền giáo. Khi Andrew, sắp lên đường cải đạo cho người Trung Quốc, ngỏ lời cầu hôn, bà đã đồng ý với sự hào hứng.

Nhưng trước cảnh nghèo khổ của con người, bà nhanh chóng nhận ra rằng chữa lành vết thương thể xác quan trọng hơn việc cải đạo, trong khi Andrew chỉ quan tâm đến phần hồn. Sự hiểu lầm căn bản này đã định đoạt cuộc sống khắc nghiệt của người phụ nữ lưu đày giữa những biến cố dữ dội của Trung Quốc.

Trong tác phẩm xúc động này, Pearl Buck vừa khắc họa cuộc đời mẹ mình, vừa gợi lại tuổi trẻ của chính bà.

CHƯƠNG I

Trong số những hình ảnh lướt qua ký ức tôi, tôi chọn một hình ảnh tiêu biểu nhất. Tôi chọn hình ảnh bà đứng giữa khu vườn Mỹ do chính tay bà trồng giữa lòng thành phố Trung Hoa tắm tôi, bên bờ sông Dương Tử. Lúc ấy, bà đang ở độ chín muồi của tuổi trưởng thành, một người phụ nữ cường tráng, dáng đứng thẳng, phong thái uy nghi với những cử chỉ phóng khoáng, đứng dưới ánh nắng chói chang của mùa hè. Bà không cao cũng không thấp, đứng vững vàng trên mặt đất. Trên tay bà cầm một chiếc cuốc nhỏ vừa dùng để xới đất trong vườn. Bàn tay cầm dụng cụ ấy là một bàn tay vạm vỡ, rám nắng, không có làm cho trắng trẻo và mang dấu vết của bao bâng việc lao động, nhưng dù vậy, đường nét vẫn đẹp, với những ngón tay thon dài một cách kỳ lạ, mảnh mai ở đầu ngón.

Ánh mặt trời nhiệt đới đổ xuống người bà, nhưng bà ngẩng cao đầu, không chút sợ hãi, đôi mắt vẫn mở dưới ánh nắng và giữ nguyên vẻ trong trẻo - đôi mắt màu hạt dẻ, lấp lánh vàng dưới hàng lông mày đen dày ; ánh nhìn thẳng thắn giữa hàng lông mi đen, ngắn và dày. Vào thời điểm đó trong cuộc đời bà, người ta không bận tâm liệu bà có đẹp hay không. Người ta bị chinh phục,

bị cuốn hút bởi sức sống mãnh liệt trên khuôn mặt ấy: chiếc mũi thẳng hơi lớn, đôi mắt cách xa nhau, đôi môi linh hoạt, biểu cảm và luôn thay đổi, khá đầy đặn, cằm vuông vức, cổ và vai tuyệt đẹp.

Ánh nắng gay gắt chiếu lên mái tóc bà. Tóc bà dày và mềm, những lọn tóc xoắn ôm lấy khuôn mặt, màu nâu ấm áp, trừ hai bên thái dương, nơi tóc bạc trắng lộ ra như đôi cánh, và trong búi tóc lớn trên đỉnh đầu, màu trắng ấy hòa lẫn với những lọn tóc xoắn.

Một hình ảnh kỳ lạ và mạnh mẽ giữa khu vườn Mỹ do bà trồng giữa lòng thành phố Trung Hoa tăm tối! Người phụ nữ này không thể bị nhầm lẫn với bất kỳ ai khác ngoài một người Mỹ, dù ánh mặt trời xứ lạ đã làm da bà sạm đi hơn bình thường. Bên cạnh bà, trong đám tre, một người làm vườn Trung Quốc đang nghỉ ngơi, tựa vào thân cây. Áo vải bông màu xanh và quần của anh ta được giữ ở thắt lưng bằng một chiếc đai lỏng lẻo, đầu đội chiếc nón lá rộng trên cái đầu cạo trọc.

Nhưng cả những cây tre lẫn người làm vườn đều không thể khiến người phụ nữ này mang vẻ ngoại lai. Bà vẫn là chính mình. Thực tế, người đàn ông này gần như không đóng góp gì cho khu vườn ; anh ta chỉ mang những xô nước đến để tưới. Chính bà là người đã trồng những bông hoa Mỹ, hoa tường vi, hoa mao lương

và hoa thực quỳ, dọc theo những bức tường gạch bao quanh khu đất. Chính bà đã tạo ra thảm cỏ mượt mà dưới những tán cây và trồng một khóm hoa violet Anh dưới hiên nhà. Bà đã khiến cây thường xuân leo lên ngôi nhà xấu xí của hội truyền giáo, với những đường nét góc cạnh, và giờ đây cây đã phủ kín hai mặt. Ở cuối hiên nhà dài, một bông hồng trắng nặng trĩu đang nở rộ, và nếu bạn đến gần, bà sẽ gọi bạn lại ngay lập tức vì có một tổ chim gáy ẩn trong đó và bà bảo vệ nó với sự nhiệt thành không kém gì chim mẹ. Một lần, tôi thấy bà nổi giận - và bà có thể nổi giận thường xuyên - vì người làm vườn đã lấy trộm trứng trong tổ ; bà trút lên anh ta một tràng tiếng Trung rõ ràng, và anh ta vội vã bỏ đi, ngạc nhiên trước sự hiện diện của bà. Sau đó, tràn đầy lòng trắc ẩn, bà quay lại với con chim gáy đang vỗ cánh, giọng nói dịu dàng đến mức không thể nhận ra, bà dỗ dành nó, uốn những cành hoa hồng qua lại, nhặt chiếc tổ bị hỏng và đặt lại vị trí cũ một cách ân cần, rồi vừa buồn bã vừa tức giận, bà thu nhặt những mảnh vỡ của vỏ trứng và chôn chúng. Không ai hạnh phúc hơn bà khi chim mẹ lại đẻ những quả trứng mới vào chiếc tổ đã được đặt lại.

«Thật là tốt và dũng cảm !» bà đã reo lên, đôi mắt sáng rực.

Nhưng bức chân dung này của bà giữa khu vườn Mỹ do bà trồng trên đất khách không phải là khởi đầu. Nó không giải thích được bản thân bà, không nói lý do tại sao, vẫn là một người Mỹ chính hiệu, bà lại đến Trung Quốc và tạo dựng khu vườn này, và dù có lẽ không bao giờ có thể định nghĩa được bà, ít nhất cũng phải kể lại những khởi đầu.

Gia đình bà xuất thân từ một dòng họ Hà Lan kiên định, giàu có và độc lập. Ông nội bà từng là một thương nhân thịnh vượng ở thành phố Utrecht, Hà Lan. Vào thời đại lao động thủ bàng đó, ông được coi là giàu có vì sở hữu một xưởng sản xuất thuê hàng trăm thợ thủ bàng. Ở đó, ông sản xuất các loại tủ sách bằng gỗ nhập khẩu. Từ đó, có lẽ đã ra đời nhiều chiếc bàn làm việc bằng gỗ hồng, bàn khảm và các tác phẩm bằng gỗ gụ của thời đại.

Người Hà Lan này, Mynheer Stulting, đam mê những tác phẩm đẹp và sự hoàn hảo của chi tiết; ông tiết kiệm và tích lũy tiền bạc cho đến khi được coi là sở hữu một gia tài. Ông sống cùng gia đình trong ngôi nhà đặc trưng của Utrecht, chắc chắn, tiện nghi, rộng rãi, chứa đầy những món đồ nội thất đồ sộ tuyệt đẹp và mọi thứ đều sáng bóng, được chăm sóc sạch sẽ vượt quá sức tưởng tượng. Dù là một người thành thị chính hiệu, ông

vẫn có một khu vườn nhỏ hình vuông phía sau nhà, nơi ông thử nghiệm trồng hoa tulip và hành tây, và ngồi hút tẩu dài cùng ly rượu vào mỗi buổi tối.

Vào Chủ nhật, ngày mà ông luôn coi là ngày của Chúa, ông đến nhà thờ cùng vợ và đưa con trai út, đưa con cuối cùng còn sống với họ. Không ai trong gia đình nghĩ khác, bởi trong số ba trăm tín đồ của Giáo hội, không ai coi trọng nó hơn Mynheer Stulting ; vì vậy, ông dành nhiều bâng sức cho nó. Ông có giọng nói mạnh mẽ, phát ra từ chiếc cổ ngắn và dày, vang lên trong nhà thờ khi ông cất cao giọng hát thánh ca với niềm vui thực sự. Con trai ông, một chàng trai mảnh khảnh, khá yếu ớt, hát bên cạnh. Cậu bé thấp hơn cha, nhỏ con hơn, và ăn mặc chần chừ. Ở phía bên kia là người mẹ, phúc hậu, dịu dàng, dễ chịu, và thường thì thầm giai điệu thánh ca mà không bao giờ có thể hoàn toàn rời tâm trí khỏi bữa ăn Chủ nhật thịnh soạn đang được hâm nóng trong lò sứ của căn bếp sạch sẽ.

Vào sáng Chủ nhật, tôn giáo không hề thiếu trong nhà thờ này. Vị mục sư say sưa với nó - một bóng người cao gầy, tay áo rộng, đôi mắt rực lửa, giọng nói vang dội. Đôi khi, ông cảm thấy một thách thức, gần như không thể chịu đựng, ánh lên trong ánh mắt của ba trăm con người ấy vẫn luôn tụ họp đều đặn để nghe ông giảng,

trong ánh mắt họ toát lên sự ngay thẳng, cân bằng, sâu sắc, bình thản, khát khao và đòi hỏi, họ hoàn toàn có khả năng đánh giá liệu một người có soạn bài giảng của mình trước mặt Chúa hay không. Họ mong đợi được nuôi dưỡng bằng thức ăn tinh thần vững chắc, bổ dưỡng và mạnh mẽ cho tâm hồn. Và vị mục sư đã ban phát cho họ mà không hề tiếc sức mình.

Rồi đến thời kỳ, khá ngắn ngủi trong lịch sử, của một giai đoạn bất khoan dung tôn giáo ở Hà Lan, và gánh nặng ấy đổ dồn lên những tín đồ nhiệt thành này. Vào Chủ nhật sau khi sắc lệnh tước đoạt quyền tự do tín ngưỡng của họ được ban hành, ba trăm tín đồ ấy lại tụ họp, lần này không phải để nghe mục sư, mà để bàn bạc. Khi cuộc thảo luận bình tĩnh diễn ra, rõ ràng những người đàn ông và phụ nữ này sẽ không chịu bất kỳ sự ràng buộc nào đối với tự do tôn giáo của họ; điều đó thật minh bạch. Cuối cùng, Mynheer Stulting đứng lên một cách nặng nề, ngửa cổ dày của mình ra sau và đảo ánh mắt sắc lạnh từ đôi mắt tối màu, nặng mí của ông khắp hội chúng. Giọng nói mạnh mẽ của ông vang lên như tiếng kèn hiệu : «Ta và gia đình ta, ông tuyên bố, sẽ phụng sự Chúa. Nếu không thể phụng sự Ngài trên đất nước này, ta sẽ rời khỏi nơi đây !»

Ông im lặng và nhìn quanh với ánh mắt sắc bén. Ai nấy đều biết rằng không ai có nhiều thứ để mất hơn ông, một thương nhân thịnh vượng. Sau một khoảng lặng ngắn, ông cất giọng vang :

«Hãy đi thôi ! Ai sẽ theo ta ?»

Nhanh như ngọn lửa bùng lên, vị mục sư tóc bạc đứng dậy với nụ cười ngây ngất. Hai mươi thanh niên bật dậy, môi mím chặt, mắt sáng rực. Những người đàn ông lớn tuổi hơn bắt chước từ từ, vì họ phải hy sinh nhiều hơn: một cơ ngơi kinh doanh vững chắc, những xưởng sản xuất phát đạt, nhà cửa, đất đai. Cuối cùng, những người phụ nữ cũng làm theo, đây đó, một thiếu nữ ngược nhìn theo bước nhảy của chàng trai trẻ rồi e dè đứng lên chậm hơn một chút. Tiếp đến là những người mẹ, bối rối, lo lắng, ôm chặt lấy đứa con nhỏ trong vòng tay kinh ngạc. Cuối cùng, ba trăm tín đồ đã sẵn sàng, và vị mục sư, khi chứng kiến cảnh tượng ấy, cảm thấy những giọt nước mắt chiến thắng lăn trên má, bởi ông đang nhìn thấy vương quốc của mình. Ông giơ tay cầu nguyện, và tất cả quỳ xuống trước sức mạnh trong ánh mắt ông. Lời cầu nguyện cất lên tràn ngập nhà thờ với sức mạnh và hiện thực hữu hình.

Người phụ nữ Mỹ ấy được tạo nên từ chất liệu như vậy.

Quyết định ấy vẫn kiên định, không lay chuyển, ngay cả khi cảm xúc sâu sắc của ngày hôm ấy đã tan biến. Mynheer, với lý trí thực tế vững vàng của người Hà Lan, đã bán xưởng của mình với giá tốt và thanh lý toàn bộ tài sản.

Ông không muốn khiến mọi thứ trở nên quá khó khăn với vợ mình. Bà khóc khi đi quanh ngôi nhà, nhưng một cách lặng lẽ, mặt quay đi, vì bà sẽ không làm gì để ngăn cản chồng mình thực hiện bổn phận, và bà không nghi ngờ rằng ông hiểu ý Chúa hơn bà. Bà bận rộn với những món nướng, dọn dẹp, giặt giũ, giám sát đám người hầu đến mức không còn thời gian để nghĩ về Chúa, và bà giao phó việc đó cho chồng. Hơn nữa, việc đánh vần từng câu trong Kinh Thánh quá mất thời gian, nên bà gắn bó với những lời ông đọc mỗi sáng và tối, dù thường xuyên cảm thấy tội lỗi khi tâm trí buổi sáng tự động nghĩ đến bánh cà phê hay xúc xích thay vì lắng nghe lời răn ; buổi tối, nỗi xấu hổ càng lớn, vì dù cố gắng, bà thường ngủ gục trong lúc cầu nguyện, đến nỗi chồng bà phải đánh thức và nâng bà dậy khi bà đang quỳ. Điều đó khiến bà trở nên rất khiêm nhường, đặc biệt là vì ông chưa bao giờ trách móc, chỉ thường nói với sự rộng lượng vốn có :

«Thôi nào, Huldah tốt bụng của anh, em mệt rồi phải không ?»

- Ach, Johann, bà trả lời mỗi lần như vậy, đầy ắp ăn năn. Tại sao em không thể lắng nghe khi em khao khát được nghe lời răn đến thế ?»

Vì thế, khi ông tuyên bố phải rời đi, bà tin chắc rằng ông nói đúng. Ông đối xử tử tế với bà, cho phép bà mang theo những thứ bà yêu quý nhất. Họ đóng gói lông chim, bộ đồ sứ trắng xanh, bạc và tất cả đồ đạc cần thiết vào những chiếc thùng lớn.

Hai người con trai lớn đã lập gia đình và cũng phải dọn đi vì tất cả đều thuộc cùng một Giáo hội. Hermanus, đứa con út, từ thời niên thiếu đã đứng thẳng một cách cứng nhắc, là người duy nhất còn lại trong nhà của Mynheer Stulting. Cậu không được đưa vào kinh doanh như các anh, vì cậu ra đời sau khi nhiều đứa trẻ khác đã mất, khi mẹ cậu đã lớn tuổi, và cậu yếu ớt. Khi trưởng thành, gia đình giàu có có thể chu cấp cho cậu, và vì cậu tỏ ra kiêu hãnh, nhạy cảm và say mê cái đẹp, cha mẹ để cậu tự chọn nghề mình thích. Cậu muốn học nghề kim hoàn, bị thu hút bởi màu sắc và vẻ đẹp của đá quý ; cậu được dạy chế tác và sửa đồng hồ, vì cơ chế tinh xảo và chính xác của chúng khiến cậu mê mẩn.

Hermanus, con trai của những bậc cha mẹ vạm vỡ và tiết kiệm, quả là một đứa con kỳ lạ. Khi ngồi giữa họ trong ghế nhà thờ hay hòa vào đám anh trai mạnh mẽ, chị dâu và các cháu, cậu dường như xa lạ với họ, nhỏ bé, mảnh khảnh và mơ mộng, chỉ nổi bật bởi niềm kiêu hãnh và tinh thần độc lập, đến mức không ai dám cản trở cậu. Cậu cũng được giáo dục tốt hơn, luôn đòi hỏi được học hỏi nhiều thứ. Cậu nói nhiều ngôn ngữ, viết thơ, ghi chép nhạc, khéo léo sử dụng bút chì, mực và bút lông, tạo nên những bức vẽ tinh tế. Ngoài ra, cậu có giọng hát tuyệt vời, đôi tai nhạy cảm và nhanh chóng nắm bắt giai điệu. Tài năng này được phát hiện từ sớm, và cậu được giao chiếc âm thoa để khởi xướng các bài thánh ca khi vừa rời khỏi tuổi thơ.

Người phụ nữ Mỹ ấy cũng được tạo nên từ chất liệu của chàng trai mảnh khảnh, nhiệt huyết, kiêu hãnh và say đắm cái đẹp này, vì anh chính là cha bà.

Thỉnh thoảng, chàng trai trẻ được cử đi bàng tác cho Mynheer Stulting, và điều đó khiến cậu rất thích thú. Khi xa nhà, cậu hơi phô trương, mua một chiếc áo vest sặc sỡ ở Amsterdam, một chiếc cà vạt lụa rộng, thích mặc áo sơ mi trắng tinh và kỹ tính trong việc chọn nước hoa hay kiểu quần áo. Dù vậy, người ta luôn có thể tin tưởng cậu, dù không có người hầu đi cùng, vì sự tinh

tế và lòng tự trọng cao đã bảo vệ cậu khỏi những tội lỗi thô thiển của tuổi trẻ.

Khi Mynheer thanh lý tài sản trước khi rời đất nước, một số cửa hàng còn nợ ông tiền, vì nhiều cửa hiệu bán lẻ ở các thành phố rất thích mua đồ nội thất tinh xảo do ông sản xuất ; ông thường tự kiểm tra và đánh bóng chúng lần cuối bằng chính tay mình. Vì thế, ông gọi con trai lại và nói : «Hermanus, hãy đến Amsterdam lần cuối và thanh toán mọi khoản nợ với chủ cửa hiệu. Nói với ông ấy là ta rời đất nước để được tự do, và đây là kết thúc cũng như khởi đầu».

Chủ cửa hiệu nơi Mynheer gửi con trai đến là một người Pháp gốc Huguenot, thừa kế tài sản từ cha mình. Hermanus đã từng gặp ông và quen biết con gái ông. Cậu ngày càng bị thu hút bởi bà gái nhỏ với đôi mắt đen, nhẹ nhàng và mảnh mai hơn những bà gái Hà Lan tóc vàng xung quanh. Dù không cao, bà chỉ mới đến ngang vai cậu. Phong tục khắt khe của đất nước khiến họ không bao giờ được trao đổi dù chỉ một lời khi không có người khác, nhưng trong ba lần gặp gần nhất, ánh mắt họ đã chạm nhau, ngập tràn cảm xúc, và Hermanus hiểu rằng một ngày nào đó họ phải nói chuyện theo cách khác.

Giờ cậu biết đây là lần cuối gặp bà. Bà ngồi lặng lẽ, cúi đầu trên khung thêu, trong khi cậu nhắc lại lời nhắn của cha mình. Khi nghe cậu giải thích về việc ra nước ngoài, bà ngược lên, hơi thở gấp gáp, và cậu thấy bà đặt tay lên ngực. Đột nhiên, cảm xúc nóng bỏng đang dâng trào trong cậu, mà cậu chưa dám gọi là tình yêu, lớn mạnh, bao trùm, suýt làm cậu nghẹt thở, và cậu nhận ra rằng bà gái Pháp nhỏ bé ấy là điều không thể thiếu. Vì thế, đỏ mặt và lắp bắp, giằng xé giữa nỗi sợ và niềm kiêu hãnh, cậu xin phép cha bà được tỏ tình. Ông lập tức đuổi con gái ra khỏi phòng, kinh ngạc trước điều vừa nghe. Lòng mảy ông nhú lại, mắt chớp lia lịa, vai nhún lên trong cử chỉ bối rối. Tuy nhiên, ông không dám từ chối vì tài sản của Mynheer Stulting ; ông trì hoãn và nói về một thỏa thuận trong tương lai.

«Nhưng cháu sắp đến một đất nước xa xôi, Hermanus đáp kiên quyết, trở nên táo bạo; việc này phải được thực hiện ngay lập tức».

Lúc đó, điều đó là không thể ; hàng lông mày cong và đôi mí mắt chớp liên hồi bày tỏ sự từ chối ; Hermanus bước ra với vẻ kiêu hãnh, trái tim cậu đập mạnh dưới lồng ngực bất động và khuôn mặt kiêu ngạo.

Khi bước ra đường, dù đầy tự hào, cậu vẫn muốn khóc, và cậu loạng choạng bước đi trên con đường lát

đá, hướng về khách sạn, mắt mờ đi vì những giọt nước mắt. Cậu không thể trì hoãn chuyến đi của mình quá tối hôm đó, vì bằng việc đã xong xuôi. Bỗng nhiên, một điều khó tin xảy ra, cậu nghe thấy tiếng bước chân nhẹ đuổi theo phía sau, và đó là bà ấy, mái tóc được phủ bằng một chiếc khăn choàng ren nhỏ, bà nắm lấy cánh tay cậu và tuôn ra một tràng lời nói : Anh đi à ? Ồ ! Đến Mỹ ư ? Ồ ! Xa đến thế sao ? Ồ ! Đúng là rất xa, và bà bỗng cúi mặt xuống, đôi mắt trẻ thơ, xinh đẹp và chân thành, nâu lốm đốm vàng. Hermanus nhìn bà, tuyệt vọng. Nhưng trong khoảnh khắc này, cậu phải gom góp lại hàng tháng trời theo đuổi kín đáo và chùng mực. Sự ngay thẳng của người Hà Lan đã giúp cậu, cậu nói bằng giọng rõ ràng : «Em có muốn lấy anh làm chồng không?»

Bà ngẩng mặt lên nhìn cậu, rồi nhanh nhẹn trả lời với sự chân thành : «Vâng, em muốn».

Thế là họ vội vạch ra kế hoạch. Bà ở nhà một mình với người cha già và bà quản gia - mẹ bà đã mất từ lâu. Vâng, bà sẽ dễ dàng trốn đi. Vâng, bà sẽ gặp lại cậu trong nửa giờ nữa và họ sẽ lên xe. Vâng, bà cảm thấy hoàn toàn quyết tâm, không có gì mới mẻ ở đây. Bà đã tự nhủ rằng nếu cậu ngỏ lời, bà sẽ chấp nhận. Bà sẽ đến nhà cha mẹ Hermanus - rồi sang Mỹ.

Hermanus đợi bà trên con đường quanh co và yên tĩnh đó, trong cơn sốt của tình yêu và nỗi sợ hãi, xen lẫn chút bối rối, rồi bà chạy đến, sớm hơn dự định, với chiếc mũ nhỏ và áo choàng. Cậu đưa bà đến khách sạn nơi cậu gặp lại người đầy tớ ; dù người đàn ông điếm tĩnh này giật mình kinh hãi, đôi trẻ vẫn thành bâng trong việc dụ dỗ ông ta, và sáng hôm sau, sau một đêm hành trình mệt mỏi, họ xuất hiện trước mặt Mynheer Stulting và vợ ông, nhợt nhạt nhưng kiên quyết và đầy ý chí.

Sức mạnh của tình yêu và đam mê này đã góp phần tạo nên người phụ nữ Mỹ, vì hai người họ chính là cha mẹ của bà.

Giáo đoàn không thể rời Utrecht nhanh như dự định. Ba trăm người không thể nhổ bật rễ của mình một cách nhanh chóng như vậy. Một số tín đồ hy vọng chính phủ sẽ thay đổi chính sách. Nhưng điều đó đã không xảy ra, và trong năm đó, mọi chuẩn bị đã hoàn tất. Vì vậy, sau đám cưới của Hermanus và bà gái Pháp nhỏ bé, họ có chút thời gian rảnh rỗi ; điều này giúp đưa con trai của họ, được đặt tên là Cornélius, có thời gian chào đời, và khi giờ khởi hành điếm, ba thế hệ của gia đình Stulting cùng nhau lên tàu và rời xa quê hương.

Ba trăm tín đồ, cùng với mục sư của họ, đã vượt biển đến Mỹ. Họ thuê một con tàu để đưa tất cả cùng nhau. Cuộc sống trên tàu yên bình. Những hành khách đối mặt với điều chưa biết bằng sự kiên định và lập ra những kế hoạch thiết thực cho tương lai. Họ mất hai mươi ngày để vượt đại dương, trong đó có tám người chết vì bệnh cúm. Họ được chôn cất trên biển, và khi những thi thể được hạ xuống làn nước, vị mục sư cầu nguyện, mái tóc trắng thừa thớt của ông bị gió biển lạnh lẽo vờn qua.

Nhưng cuộc sống trên tàu đối với Hermanus và vợ là một giai đoạn của tình yêu và niềm say mê. Họ hoàn toàn thờ ơ với thông điệp từ người cha già người Pháp, người đã nhắn với con gái rằng ông tha thứ cho bà nhưng sẽ không bao giờ đón bà trở lại nhà.

«Dù sao em cũng không thể quay về, bà nói vui vẻ khi biết tin. Vả lại, em chưa bao yêu ông ấy, ông ấy là một người già độc ác. Ôi ! Hermanus !»

Hermanus vui sướng khi nghe bà nói tên mình với chất giọng Pháp ngọt ngào bỏ lửng các phụ âm. Cậu không biết chính xác điểm đến của họ. Cậu phó mặc điều đó cho cha mình, như mọi thứ khác. Trong lúc chờ đợi, tình yêu của cậu ở bên cạnh, cùng một đứa trẻ nhỏ.

Những khó khăn bắt đầu khi họ đặt chân lên bờ biển Mỹ. Người Hà Lan không phải là một chủng tộc đa cảm, và suy nghĩ của họ tập trung vào những vấn đề thực tế của cuộc sống phía trước hơn là động lực đã thúc đẩy họ giải phóng bản thân. Điều này tốt cho họ, vì dân cư New York tỏ ra tham lam và xảo quyệt ; lô hàng gồm những thương nhân giàu có và thợ thủ công vào cảng trở thành con mồi dễ dàng cho họ. Những người Hà Lan có vẻ ngoài thịnh vượng phải trả bằng tiền vàng cho những dịch vụ thiết yếu nhỏ nhất.

Họ chịu đựng những sự lạm dụng này với nghị lực phi thường và ngay lập tức hướng đến Pennsylvania, nơi họ đã mua đất qua thư từ. Khi đến đó, họ chỉ tìm thấy những vùng đất cằn cỗi, đầm lầy không thể canh tác. Mong muốn của tất cả là định cư tại một điểm chung, nơi họ sẽ tập trung nhà cửa và bàn việc xung quanh nhà thờ. Một số, nản lòng vì thói quen thành thị, đã quay trở lại thành phố. Mynheer Stulting không đi cùng họ. Đứng trên vùng đất lầy lội, với tư thế như khi ở trong nhà thờ, ông kêu gọi những ai muốn theo ông và vị mục sư của họ hãy dùng số tiền còn lại mua đất ở phía nam, để họ có thể ở cùng nhau, trong một nhóm duy nhất. Trong số những tín đồ còn lại, khoảng một trăm người đáp lại lời kêu gọi. Họ mua đất ở Virginia và tiến về đó, dữ dội, lòng nặng trĩu nỗi nhớ nhà. Lần

này, họ tìm thấy một vùng đất cao đẹp, đồng bằng màu mỡ, bằng phẳng, được bao quanh bởi núi non, nhưng cuộc sống thay đổi biết bao ! Thật khó khăn cho những người đàn ông và phụ nữ được nuôi dưỡng ở thành thị, quen với cuộc sống tiện nghi trong một thành phố Hà Lan giàu có, không biết gì về nông nghiệp và cuộc sống nông thôn, ngay cả ở quê nhà, nơi đông đúc và canh tác tốt. Ở đây, họ bị bao quanh bởi những ngọn núi hoang sơ, và những khu rừng rộng lớn trải dài trên vùng đất họ phải chiếm giữ. Một khu định cư nhỏ của người Anh gần đó, nhưng người da đỏ lang thang xung quanh và đi ngang qua vùng đất. May mắn thay, họ không tỏ ra thù địch một cách rõ ràng, nhưng vẻ ngoài của họ man rợ và đáng sợ.

Người Hà Lan là những người kiên định. Họ đòi những gì có thể lấy rìu nhỏ, rìu lớn và dao, và chặt cây theo lời khuyên của người Anh. Mỗi gia đình tự xây một cabin bằng gỗ tròn, sau đó tất cả cùng nhau xây một cabin lớn hơn để làm nhà thờ. Chủ nhật đầu tiên, những chiếc ghế dài vẫn chỉ là những khúc gỗ còn vỏ cây, và một gốc cây làm bục giảng. Các tín đồ tụ tập dưới bầu trời xa lạ này, nơi sẽ trở thành của họ, để thờ phượng một vị Chúa mà họ đã hy sinh rất nhiều. Số lượng của họ tiếp tục giảm trong hai năm đầu. Những người già, những người yếu đuối, được nuôi dưỡng ở

thành thị, không thể chịu đựng được những khó khăn và thiếu thốn của cuộc sống này. Chỉ còn lại khoảng năm mươi đến sáu mươi tín đồ đứng lên ca ngợi Chúa, và nhiều người vừa ca ngợi vừa để những giọt nước mắt chảy trên mặt. Vị mục sư vẫn ở đó, như một bóng ma và già đi một cách đáng thương, nhưng kiên định. Năm sau, ông cũng qua đời.

Những năm đầu tiên, họ phải làm biết bao bəng việc ! Dọn dẹp đất đai, chuẩn bị mùa màng để nuôi sống cộng đồng ! Họ bắt đầu bằng việc chặt cây và dọn chúng đi bằng những sợi xích mà cả người và ngựa cùng kéo. Họ để lại những gốc cây cho đến khi hoàn thành những bəng việc cấp bách như gieo hạt và thu hoạch. Sau đó, vào mùa đông, họ phải đào xung quanh những gốc cây, buộc chúng lại bằng xích, rồi với tiếng rên rỉ và thở hổn hển, những người đàn ông, với sự hỗ trợ của ngựa, nhổ chúng khỏi mặt đất và đặt sang một bên. Chúng được dùng để làm những hàng rào đầu tiên, nhưng bəng việc này thật khổ cực. Không còn dấu vết nào của những cư dân thành thị ngày xưa trong số những người di cư này, ngoại trừ Hermanus, người quá mảnh khảnh để làm những bəng việc đòi hỏi sức mạnh, vẫn giữ thái độ hơi tách biệt và vẻ thanh lịch của một kẻ ăn chơi. Cậu tiếp tục hành nghề của mình, ngay cả trong vùng hoang vu này, và những người sở hữu đồng hồ đeo tay hoặc đồng

hồ treo tường từ rất xa đến nhờ cậu sửa.

Hermanus, vợ và các con sống trong một cabin gỗ, liền kề với nhà của cha mẹ ông. Bà gái Paris nhỏ bé trở thành một người phụ nữ tiên phong tuyệt vời. Vui vẻ bất chấp mọi khó khăn, bước nhanh nhẹn và đôi tay khéo léo, vừa thực tế vừa nhiệt huyết, bà lao vào bâng việc, giữ cho cabin sạch sẽ một cách tỉ mỉ và chăm sóc những đứa trẻ ra đời mỗi năm. Ba bà con gái tiếp nối Cornélius, rồi một cậu con trai khác, sau đó bà tạm nghỉ ngơi không sinh thêm con.

Người phụ nữ nhỏ bé này không bao giờ ngừng yêu chồng. Với bà, cậu rất đẹp trai và vượt lên trên cuộc sống này. Còn bản thân bà, bà sẵn sàng nấu ăn, may vá, chăm sóc con cái ; đó là vai trò của phụ nữ ở mọi nơi, và bà thực hiện tốt điều đó ở đây. Bà cần mẫn cuộc một mảnh vườn nhỏ, đi mười dặm để mang về một con gà mái ấp và sáu quả trứng tươi, rồi bắt đầu nuôi gà. Bà tiếc vì có ao mà không thể kiếm được trứng vịt. Ở Pháp, vịt ngon biết bao ! Mỗi ngày bà giặt và là một chiếc áo sơ mi cho chồng, chiếc áo vải trắng do chính tay bà may. Cậu không bao giờ dậy trước tám giờ, và bà mang cho cậu một tách sô-bà-la trước bữa sáng. Bà thậm chí không nghĩ rằng khi cậu ngồi vào bàn, uống cà phê và ăn bánh ngọt, bà đã làm việc nửa ngày cho gia đình. Bà

yêu cậu và thích thú với cách cư xử thanh lịch, làn da tươi tắn, đôi má cạo nhẵn, chiếc áo sơ mi tinh tươm và cổ áo trắng của cậu. Không có một người đàn ông nào trong cả khu định cư giống chồng bà.

Người phụ nữ Pháp nhỏ bé này thích nghi nhanh hơn những người phụ nữ Hà Lan nặng nề ở vùng đất hoang vu này. Bà biến sa mạc thành khu vườn, một khu vườn được chăm sóc kiểu Pháp. Bà thu thập cây giống và cành chiết khắp nơi. Hầu như lần nào đi thăm bà cũng mang về một ít rễ cây, được gói cẩn thận trong khăn tay. Gia đình bà sống nhờ rau, trứng và gà của bà. Bà xin hàng xóm người Anh một con bê cái, đổi lại bằng việc may vá, và gia đình bà là người đầu tiên có sữa uống.

Bà thực tế và vui vẻ đến mức nơi hoang dã bà sống hay bằng việc bà làm dường như không làm bà mệt mỏi. Nhưng một ngày nọ, sau khi nhô cổ ở luống khoai tây, bà dừng lại ở cửa cabin để kiểm tra đứa bé đang ngủ yên trong chiếc nôi gỗ nhỏ làm từ khúc gỗ rỗng. Đứa bé đang ngủ, nhưng người mẹ kinh hãi nhìn thấy một con rắn đuôi chuông nằm vắt ngang qua người con, từ từ cuộn và đuổi những vòng xoắn của nó.

Người mẹ tựa vào khung cửa, choáng váng. Trí óc nhanh nhạy của bà ra lệnh phải im lặng và không cử động. Nhưng nếu đứa bé thức dậy và cựa quậy thì sao?

Bà ngồi xuống thềm nhà không một tiếng động và rình mò, yếu ớt vì sợ hãi, và cầu nguyện một cách tuyệt vọng. Bà bất động trong khi con rắn thoải mái đuổi mình. Mặt trời lên cao và sắp đến giờ mọi người về nhà ăn trưa. Bà tiếp tục cầu nguyện. Cuối cùng, con rắn lười biếng bắt đầu cử động ; nó bò qua mép nôi và trườn trên nền đất, về phía khe hở giữa hai khúc gỗ.

Lúc đó, cơn giận dữ trào lên trong người phụ nữ nhỏ bé can đảm. Bà siết chặt cái cuốc nhỏ trên tay và lao vào con rắn bất ngờ. Bà tấn báng, đập nó trong tiếng hét. Khi Hermanus về, cậu thấy bà nằm trên đất, ngất xỉu và khóc bên cạnh con rắn bị đập nát. Đứa bé đã thức, chơi ngoan ngoãn. Đây là lần đầu tiên Hermanus thấy vợ mình khóc.

Đứa con tiếp theo của họ là Carie. Người mẹ nhỏ bé người Pháp đã truyền cho bà những gì tốt đẹp nhất từ sự chín chắn, niềm vui, lễ phải, lòng dũng cảm, khả năng thích nghi và bản chất đam mê, tính khí của mình.

Cuộc sống của khu định cư Hà Lan hòa vào quốc gia Mỹ. Họ làm điều này một cách tự nguyện, có ý thức, dù những người lớn tuổi, đôi khi cả Mynheer Stulting, cảm thấy nhớ nhung khi nghĩ về sự thoải mái và an toàn của ngôi nhà xưa. Cái chết của vị mục sư già ngay từ đầu là một đòn đau với Mynheer, và ông không bao giờ hoàn

toàn hài lòng với những người cố thay thế vị mục sư.

Nhưng điều khó chịu nhất là tin tức đến với họ : sáu tháng sau khi họ rời quê hương, chính phủ đã thay đổi chính sách và cho phép tự do tôn giáo. Nếu họ kiên nhẫn hơn một chút, tất cả những điều này đã không xảy ra, tất cả những khó nhọc cay đắng, những cái chết này! Một số người đổ lỗi cho Mynheer Stulting, trách ông nóng vội. Ông nhìn những kẻ buộc tội mình bằng ánh mắt khiêm nhường, van xin ; ông cảm thấy choáng váng vì những gì mình đã làm. Ông thề thào, cổ họng khô khốc : «Nhưng đó là vì Chúa và tự do !»

Lúc đó, người vợ hiền của ông đã giúp ông. Bà đứng trước những người bất mãn và bằng giọng nói dịu dàng chưa từng cất lên trong hội trường, bà nói : «Làm sao ông ấy có thể biết trước được ? Chỉ ít Chúa cũng biết chúng ta sẵn sàng từ bỏ mọi thứ và theo Ngài. Giờ đây, Ngài biết chúng ta là ai. Chúng ta đã chứng minh điều đó cho Ngài. Và ai trong các người đã từ bỏ nhiều thứ hơn chồng tôi, và người phụ nữ nào đã bỏ lại nhiều thứ sau lưng như tôi, với ngôi nhà lớn có mười hai phòng, mỗi phòng đều có lò sưởi bằng gốm ?»

Điều đó đúng, và tất cả im lặng cho đến khi Mynheer tuyên bố một cách quyết đoán : «Không thể quay lại ; chúng ta chỉ có thể tiến về phía trước. Chúng ta phải

hòa nhập vào vùng đất mới này. Hãy dạy con cái chúng ta ngôn ngữ của đất nước này, và cố gắng học nó. Hãy tuân theo luật pháp của nó, trở thành bần dân của nó, và không còn thuộc về quê hương cũ nữa».

Và từ đó, họ làm theo.

* * *

Mynheer mong muốn trước khi chết có một ngôi nhà giống như ngôi nhà ông sở hữu ở Hà Lan. Ông mơ về nó và tự nhủ rằng điều đó sẽ giúp ông quên đi nỗi nhớ. Ông cảm nhận điều này rõ ràng hơn khi thấy vợ mình thờ dài mong có một ngôi nhà, một ngôi nhà thực sự, và không quen với những căn phòng thô sơ làm bằng gỗ tròn. Đất đai màu mỡ, và những người con trai lớn của Mynheer canh tác tốt. Những năm gần đây họ đã để dành được một ít tiền, ngoài chi phí ăn uống. Gỗ không thiếu, và một xưởng cưa nhỏ được lắp đặt trong khu định cư người Anh, vì vậy Mynheer quyết định xây ngôi nhà ông hằng mong ước. Ông tự vẽ kế hoạch và nhiệt tình làm việc, các con trai giúp ông khi rảnh rỗi, và ông vui mừng khi thấy niềm vui của người vợ già hiền hậu, người đã chịu đựng nhiều và kiên nhẫn, dù lạc lõng.

Họ xây một ngôi nhà gỗ đẹp, mười hai phòng, ở rìa khu định cư, với sàn nhà bằng phẳng, tường trát vữa, dán giấy, một ngôi nhà kiểu thành thị. Gỗ được lấy từ khu đất của họ, và họ trao đổi khi cần những bằng việc ngoài khả năng. Nhưng việc này mất rất nhiều thời gian, hơn hai năm, và trước khi ngôi nhà hoàn thành, mùa đông thứ hai ập đến, mùa đông khắc nghiệt của vùng núi ; Mynheer bị cảm lạnh khi đang giám sát xây nhà, và trước khi người ta nhận ra bệnh tình của ông, ông đã bị kết án và cái chết đến. Cùng mùa đông đó, người vợ, đã mất hết hứng thú với ngôi nhà, ra đi nhẹ nhàng và rời bỏ thế giới này một cách bình yên.

Hai con người này, từ vùng đất mới đến một nơi còn xa lạ hơn, đã nhìn ngắm cháu gái Carie trong nôi. Bà không nhớ gì về họ, nhưng trong tâm trí, trong xương thịt, bà mang dấu ấn của họ.

* * *

Một làn sóng nản lòng tràn qua khu định cư vào mùa đông năm 1835. Mùa màng thất bát, và nhiều nông dân từ bỏ canh tác và đến thành phố tìm việc buôn bán. Hai người con trai lớn của Mynheer nằm trong số đó ; họ rời đi, mang theo gia đình. Chỉ còn lại Hermanus và gia đình, cùng ngôi nhà đang xây dở.

Nhưng cậu bé, sinh ra ở quê hương cũ, sắp tròn mười lăm tuổi, thông minh và chín chắn so với tuổi ; với sự giúp đỡ của cậu và một số người bên ngoài, Hermanus hoàn thành ngôi nhà và họ dọn vào. Carie lên hai, và những ký ức đầu tiên của bà là về ngôi nhà mới và những căn phòng vuông vắn, trống trải.

Ngôi nhà đó, đẹp đẽ, rộng rãi, đầy vẻ cao quý, phẩm giá, xuất phát từ ý tưởng của Mynheer, ông nội bà, và được hoàn thành bởi đôi tay trẻ trung, đầy nhiệt huyết của anh trai bà, đã góp phần tạo nên người phụ nữ Mỹ.

* * *

Từ thời điểm đó, Carie có thể bắt đầu kể câu chuyện của mình dựa trên ký ức và những câu chuyện bà kể cho tôi nhiều năm sau khi đến Trung Quốc. Bà không bao giờ dừng lại lâu về chủ đề này, vì bà quá bận rộn để dành nhiều thời gian cho lời nói. Nhưng khi nhớ lại ba mươi năm quen biết bà, tôi có thể, bằng cách ghép những mảnh ghép này với nhau, hình dung rõ ràng về tuổi thơ và tuổi trẻ của bà ở nơi giờ là một thị trấn nhỏ ở Virginia, được xây dựng trên những đồng bằng cao và màu mỡ của dãy núi có tên «Những ngọn đồi nhỏ».

Đặc biệt là vào tối Chủ nhật, bà thường nhớ về quá khứ. Không khí ngày Chủ nhật dường như làm sống lại

những ký ức về ngôi nhà gia đình.

Sáng Chủ nhật, bà thức dậy với một vẻ mặt khác hẳn ngày thường, ít quyết đoán hơn, ít bận tâm đến những dự định hơn, bình thản hơn. Vàng trán thấp rộng của bà trông thật thanh thản, và đôi mắt vốn thường lấp lánh hơn là êm dịu giờ đây có vẻ yên bình.

Bữa sáng trong phòng ăn ngập nắng của nhà truyền giáo thật vui vẻ. Tôi nhớ rõ tất cả, tấm khăn trải bàn trắng bóng, lọ hoa đầy những bông hoa vừa nở, cà phê nóng, bánh mì mới ra lò, mứt, những lát thịt heo xông khói mỏng và trứng. Một thanh niên Trung Quốc da vàng thoăn thoắt quanh bàn phục vụ, còn bà thì chỉ bảo anh ta đôi chút, tay bận rộn giữa những chiếc tách xanh và đĩa lót. Thỉnh thoảng, bà ngược mắt nhìn khu vườn của mình với tình yêu thương. Bà luôn nhìn nó với ánh mắt triu mến như vậy, dù lúc nó đang nở hoa hay trơ trụi dưới bầu trời mùa đông.

«Một khu vườn xinh xắn chứ ?» bà thường nói.

Đôi khi trong bữa ăn, bà chợt nhớ : «Những buổi sáng Chủ nhật yên tĩnh luôn khiến tôi nhớ về nhà. Giá như tôi có thể nghe tiếng chuông nhà thờ. Tôi nhìn thấy hình ảnh cha tôi đi lễ mỗi Chủ nhật, cầm Kinh Thánh dưới cánh tay - thẳng như mũi tên, ngay cả khi đã tám

mười tuổi».

Tiếng chuông nhà thờ - bà luôn nhớ chúng, giản dị và trong trẻo, ngân vang trên những ngôi nhà yên bình của làng quê. Thỉnh thoảng trong ngày, và thường là vào ban đêm, tiếng chuông đền chùa Trung Quốc u ám, với nỗi buồn thăm thẳm, vang lên một nốt duy nhất, xé tan trái tim. Âm thanh vọng lên qua những khóm tre dưới thung lũng, phía dưới nhà truyền giáo. Bà ghét tiếng chuông đó. Bà cảm thấy nó gọi lên bóng tối, sự huyền bí và màn đêm của cuộc sống phương Đông bao quanh mình, và bà ghét bóng tối cùng sự huyền bí. Khi một nhà nguyện Cơ đốc được khánh thành, Carie chỉ cảm thấy bình yên sau khi thuyết phục được ngôi làng quê hương mình quyên góp và gửi cho bà một chiếc chuông nhà thờ nhỏ, vui tươi, được đúc ở Mỹ, một chiếc chuông rộn ràng phát ra những âm thanh tươi sáng dọc theo những con phố Trung Quốc với không khí chào đón đậm chất Mỹ. Tôi thường thấy một cụ già Trung Quốc vẻ mặt kiêu hãnh đột nhiên dừng lại khi nghe tiếng chuông vui tai vang lên phía trên, và vắn cổ tìm xem nó phát ra từ đâu. Không có gì sống động và trong trẻo hơn âm thanh của chiếc chuông này trong cả thành phố. Carie, mỗi khi nghe thấy nó vào sáng Chủ nhật, luôn mỉm cười và thốt lên : «Thật tuyệt phải không ? Cứ như đang ở nhà vậy !»

Nhưng chủ yếu là vào tối Chủ nhật, bà kể chuyện cho chúng tôi nghe. Bà đã đi nhà thờ hai lần ; lần đầu vào buổi sáng trong nhà nguyện Trung Quốc, rồi buổi chiều tại buổi nhóm cảm động của những người đàn ông và phụ nữ da trắng tụ tập ở một đất nước xa xôi, những người thỉnh thoảng gặp nhau để thờ phượng vị Chúa mà họ nhớ đến. Cả hai lần, bà đều chơi đàn organ, thực hiện những điệu kỳ diệu trên những chiếc đàn harmonium bé nhỏ. Bà chỉ huy các bài thánh ca, giọng soprano đầy đặn, tuyệt đẹp vang lên đến những xà nhà, một giọng hát hạnh phúc, tuyệt vời, vẫn mạnh mẽ và trong trẻo ngay cả khi bệnh tật khiến cơ thể bà chỉ còn da bọc xương.

Tối Chủ nhật bà cũng hát, tự đệm bằng chiếc harmonium của riêng mình. Cornélius đã tặng bà chiếc đàn đó. Anh là người bà yêu quý nhất trong số các anh chị em ; anh đóng vai trò như một người cha, vì Hermanus suốt đời yếu đuối, và cần được bảo vệ hơn là làm chỗ dựa. Tôi đã nói rằng tôi nhớ về bà nhiều nhất trong khu vườn kiểu Mỹ, nhưng tôi cũng thấy rõ hình ảnh bà trong căn phòng vuông nhỏ của nhà truyền giáo mà bà đã trang trí rất đẹp theo phong cách quê hương, với những chiếc ghế mây, rèm cửa sô màu trắng, hoa tươi, và nơi bà ngồi bên chiếc harmonium vào tối Chủ nhật để hát. Những ngôi nhà Trung Quốc lọt ngói xám

xịt sát bên nhà truyền giáo, và giữa tiếng rao của những người bán hàng, tiếng trẻ con khóc, tiếng ồn ào và chửi bới từ những con phố đông đúc, bà ngồi đó hát những bài thánh ca cũ đưa chúng tôi đến những nơi xa xôi, vượt qua các vùng đất và đại dương. - «Gần hơn bên Ngài, lạy Chúa tôi», «Xin ở lại với chúng con, lạy Chúa», «Chúa Giêsu, tình yêu của linh hồn tôi», những bài này và nhiều bài khác nữa, nhưng bà thường chọn những bài ca khái hoàn, vì giọng bà hợp với niềm vui và chiến thắng hơn là nỗi buồn, và chúng tôi đặc biệt thích nghe bà hát : «Tôi biết Đấng Cứu Chuộc tôi vẫn sống» và «Hãy vui mừng, hỡi những tâm lòng trong sạch.».. Đó cũng là những bài thánh ca yêu thích của bà. Vào cuối đời, khi hấp hối, bà quay đầu trên gối ; đôi mắt đen sâu thẳm, bất khuất lấp lánh trên khuôn mặt gầy gò, và bà có thể nói với chúng tôi : «Đừng hát bài gì buồn cả. Hãy hát cho tôi bài ca vinh quang».

Giọng hát trong trẻo của bà luôn giữ được âm hưởng khái hoàn đó, bất chấp cuộc sống tối tăm và ồn ào bao quanh chúng tôi. Đúng là có những lúc bà không thể hát, khi đó cả ngôi nhà như đè nặng lên chúng tôi. Nhưng điều đó không bao giờ kéo dài, và khi bà lại bắt đầu chơi nhạc, trong căn phòng tuyệt vời, ít đồ đạc đó, tôi cảm thấy mình được đưa về ngôi làng Những ngọn đồi nhỏ, và nhìn thấy qua đôi mắt bà phẩm giá giản dị của

cuộc sống ngày xưa ở Mỹ.

Khi bài hát đã xua tan nỗi nhớ nhà, để lại trong lòng bà sự mãn nguyện và bình yên, và khi chúng tôi bị cuốn vào sức hút của giọng hát, bà đến ngồi cùng chúng tôi, mùa đông bên lò sưởi, và mùa hè, dưới hiên dài bên cạnh khu vườn. Rồi bà kể cho chúng tôi nghe, từng chút một, những gì hiện lên trong tâm trí, và chúng tôi hình dung bà lúc còn là một đứa trẻ, một thiếu nữ và rồi một người phụ nữ trẻ.

Bà cho chúng tôi thấy ngôi nhà lớn và đẹp nơi bắt đầu những ký ức xa xôi nhất của bà. Một ngôi nhà trắng ba tầng, bà nói với chúng tôi, và một cử chỉ của bàn tay bà cho chúng tôi thấy nó như vậy. Có một tầng hầm sâu, rất mát, bên dưới, nơi người ta để sữa trong những chiếc mâm phẳng và đánh bơ. Trên những chiếc kệ còn có những miếng phô mai tròn Hà Lan và thùng rượu làm từ quả mọng hoặc nho. Mùa hè người ta thu hoạch quả mọng : quả mâm xôi, quả phúc bồn tử và quả com cháy. Đôi khi bà dừng lại để làm rõ một ký ức : «Mỗi mùa hè, chúng tôi vào rừng hái quả. Tôi nhớ những quả phúc bồn tử đỏ phủ một lớp sương bạc. Khi uống rượu, tôi luôn chọn loại làm từ quả phúc bồn tử ; tôi cảm thấy nó vẫn giữ được lớp sương bạc đó và ngọt ngào hơn những loại khác. Nhưng chân tôi bị gai cào xước biết

bao !»

Bà ngừng lại và mỉm cười trong bóng tối, và khi bà im lặng, chúng tôi hình dung bà bé với đôi chân nâu sẫm lẫn trong bụi rậm, đội một chiếc mũ rộng vành để bảo vệ làn da.

«Không phải vì nó thay đổi nhiều lắm», bà giải thích với chúng tôi mỗi lần như vậy, «vì tôi vốn đã sạm màu như hạt dẻ, điều khiến tôi rất xấu hổ, nhưng khi Greta ra đời, bà ấy còn đen hơn tôi, và mọi người không trêu tôi nữa mà chuyển sang trêu bà ấy. Bà ấy vẫn xinh đẹp với đôi mắt to đen như mắt ngựa con».

Sau này, chính tôi đã đến thăm ngôi nhà đó và thấy nó y hệt như bà đã mô tả. Một sân trước rộng, có hàng rào bao quanh, với một cánh cổng lớn mở ra khi xuống xe ngựa hoặc xe break. Có một cây phong đường khổng lồ bên trái, với một bậc đá bên dưới. Rất thường xuyên, bà dắt ngựa đến đó để lên yên. Nhưng đó là khi bà còn trẻ và mặc váy dài, khiến bà vấp ngã. Khi còn là một đứa trẻ, bà chạy trên đồng cỏ, túm lấy bờm ngựa và nhảy lên lưng nó khi nó đang phi nước kiệu, những lọn tóc đen xỏa tung sau lưng.

«Thật tự do làm sao ! bà nói, tôi thấy đau lòng khi nghĩ về những bé gái Trung Quốc, khi nhớ lại mình chạy nhảy, nhảy lên ngựa và phi khắp đồi núi. Và họ ở đây chỉ có những con trâu già lấm bùn, lưng thưng bên đường». Đôi mắt đầy biểu cảm của bà nhìn những mái nhà Trung Quốc san sát nhau sau bức tường vườn với ánh mắt xao xuyến.

Xung quanh ngôi nhà trắng, ngôi nhà thời thơ ấu của bà, là những khoảng không rộng lớn ; gần cửa là một vườn hoa với lối đi lát đá dẫn đến hiên vuông, nơi những giàn nho che bóng những chiếc ghế gỗ đặt trong bóng mát xanh mướt. Một cánh cửa trắng lớn luôn rộng mở trước mặt chúng tôi vào mọi mùa, trừ mùa đông. Phía trên cửa là một ô cửa sổ hình quạt và một chiếc võ bằng đồng. Khi tôi đến, cánh cửa đang mở; ánh mắt tôi xuyên qua hành lang dài và nhìn thấy phía bên kia một thảm cỏ, cây cối, những khóm hoa phlox dựa vào hàng rào, và xa hơn là vườn táo.

Bên trái và bên phải là các phòng khác nhau. Tôi kể về chúng vì trước khi tận mắt nhìn thấy, tôi đã biết chính xác hình dáng của chúng ; chúng tượng trưng cho nước Mỹ trong mắt chúng tôi. Bên trái, bạn bước vào phòng khách, mát mẻ, hơi tối, với những chiếc ghế bọc lông ngựa, tủ sách và một chiếc bàn gỗ hồng đào ở giữa. Còn

có một cây đàn piano trên đặt mấy cây vĩ cầm và một cây sáo. Trên tường treo những bản phác thảo và tranh vẽ bằng bút có giá trị thực sự, do chính tay Hermanus vẽ, cùng một hai bức phong cảnh. Phía trên lò sưởi gỗ trắng chạm khắc đường gờ là bức chân dung sơn dầu rất tối màu của Mynheer Stulting. Một tấm thảm hoa phủ kín sàn nhà và những cửa sổ cao mở ra khu vườn.

Bên phải là phòng ngủ nơi Hermanus đã ngủ nhiều năm cùng vợ, nhưng khi tôi thấy căn phòng này, nó đã thuộc về người con trai cả Cornélius, người đảm nhận việc quản lý tài sản, cùng vợ. Hermanus, một ông già nhỏ nhắn cẩn thận với dáng đứng thẳng và mái tóc bạc ánh bạc đáng ngạc nhiên, sống trong phòng bên cạnh, hơi cuối hành lang. Khi cửa mở, ta có thể nghe thấy tiếng tích tắc của vô số đồng hồ treo tường và những chiếc đồng hồ đeo tay cổ lỗ mà Hermanus sửa chữa. Hermanus bước ra khỏi phòng này mỗi sáng đúng 8 giờ dù cả nhà ăn sáng lúc 7 giờ. Khi tôi lần đầu gặp ông, ông đã 87 tuổi, mái tóc trắng dày và bông bênh được chải ngược ra sau để lộ vàng trán thấp rộng, y hệt của Carie. Ông đi qua với lời chào lịch sự dù hơi cứng nhắc và tiến về phòng ăn ở cuối hành lang. Từ đó có thể nhìn thấy vườn rau một bên và qua khung cửa kính là vườn cây ăn quả. Đó là một căn phòng dài mát mẻ và trông trải, chứa một số đồ nội thất tuyệt đẹp và một chiếc bàn

hình bầu dục được chạm khắc tinh xảo.

Chiếc bàn này là lý do khiến một ngày Carie vui mừng chạy đến một chiếc bàn hình bầu dục trong cửa hàng đồ cũ ở Thượng Hải. Người chủ cửa hàng, một người Trung Quốc béo mập, kể rằng hôm trước có một cuộc đấu giá và ông ta đã mua nó từ một thuyền trưởng người Anh ; người này giải thích rằng nó được làm từ gỗ tếch nhập khẩu từ Ấn Độ sang Anh và được chế tác bởi các thợ thủ công Anh. Vị thuyền trưởng đã mua và mang nó lên tàu để trang trí cho ngôi nhà ở Thượng Hải. Sau đó, vợ ông qua đời và ông bán đồ đạc. Đó là cách chiếc bàn đến tay người lái buôn Trung Quốc già và xuất hiện trong cửa hàng nhỏ đầy bụi này, nơi nó nổi bật lịch lãm và sang trọng giữa những món đồ nội thất bằng mây hay sợi gai dầu đã hỏng ít nhiều và các vật dụng bằng nan tre. Carie mua nó với vài đô la, đánh bóng và trân trọng nó. Bà mang theo nó trong mọi cuộc hành trình, dù đôi khi phải ở trong những căn phòng nhỏ chỉ có thể đến bằng cầu thang quá hẹp và quanh co đến nỗi không thể đưa chiếc bàn lên và phải dùng dây kéo nó lên qua cửa sổ. Món đồ nội thất này, lơ lửng trên con phố chật hẹp của Trung Quốc, làm tê liệt giao thông, khiến những người đẩy xe cút kít và xe kéo kinh ngạc, và người ta có thể thấy những khuôn mặt vàng vọt ngược nhìn lên. Trong suốt những năm bên cạnh

Carie, tôi thấy bà ngồi bên chiếc bàn hình bầu dục, và tôi hiểu lý do vào ngày người ta cho tôi xem chiếc bàn trong phòng ăn của ngôi nhà lớn. Chính bằng những sợi dây liên kết như thế mà bà dần dần gắn kết chúng tôi với quê hương của bà.

Trên đầu cầu thang rộng của ngôi nhà đằng kia - những bậc thang bằng gỗ gụ với lan can trắng - là sáu phòng ngủ lớn đối xứng, và phòng đầu tiên bên phải là của Carie. Người ta có thể nhìn thấy những ngọn núi xa xăm phía trên màu xanh đồng nhất của những khu rừng ở Những ngọn đồi nhỏ, và ngay phía dưới là khu vườn đầy hoa và cây phong đường lớn. Những chiếc tủ rộng chiếm một mảng tường ; chúng đủ sâu để Carie cất những chiếc váy bông mà bà mặc thời trẻ, và trong hộc cửa sổ là một chiếc ghế dài hình hòm dùng để đựng mũ, nơi Carie để những chiếc mũ tròn của mình. Ở giữa là chiếc giường của bà, màu trắng, rộng rãi và mát mẻ dưới tấm màn voan hoa. Trên những bức tường dán giấy trổ hoa hồng nhỏ và dương xỉ tinh tế, treo ba bức tranh: một bức Madonna phai màu rất cổ trong khung vàng mà Hermanus đã mua một lần ở Pháp, một bức ảnh chụp kiểu daguerreotype của mẹ Carie, và một bản in thạch bản về một người chẵn cừu dẫn đàn chiên về nhà vào buổi chiều, trên con đường quanh co giữa những ngọn đồi thấp. Carie luôn yêu thích hình ảnh những

người chần cừ dặt đàn chiên. Trong phòng của bà ở nhà truyền giáo, có một bức tranh cùng chủ đề mà bà đã cắt từ một tạp chí và tự tay đóng khung, và trên mộ của những đứa con nhỏ, bà cho khắc lời của người chần cừ : «Ngài sẽ ẵm những chú chiên con trên ngực». Căn phòng thời thiếu nữ của bà đã giải thích cho tôi một số chi tiết về ngôi nhà khác của bà, xa xôi nơi đất khách.

Sàn nhà ngày xưa được phủ một tấm chiếu màu rom tươi, trên đặt một tấm thảm hoa. Người ta có thể ngồi dưới những cửa sổ cao với rèm voan trắng có viền gấp, được giữ bằng những chiếc vòng màu hồng. Có hai chiếc ghế, một ghế bập bênh sơn trắng và một ghế mây có tựa hình thanh ngang, rồi một bàn trang điểm nhỏ bằng gỗ hồng đào, một bàn viết và phía trên bàn là một chiếc gương hình bầu dục có khung chạm khắc mạ vàng nhạt. Và người ta luôn thấy một lọ hoa, một cuốn sách mở, một bâng việc đang làm dở. Đó là một căn phòng thơm tho, với vẻ đơn giản và tinh khiết đến lạ thường. Tôi đã miêu tả nó tỉ mỉ, vì bà đã sống cuộc đời mình ở đó, đã ngủ và mơ ở đó.

Trên tầng ba là một gác xép rộng lớn với cửa sổ mái nhìn ra những đồng cỏ phẳng lặng màu mỡ. Dưới mái nhà chất đống những chiếc rương nhỏ, cứng, lưng cong từ Hà Lan mang sang ; những cuốn Godey's Books và

Pearson's Magazines chất đống ở đó ; những bộ váy cũ và vải vụn chờ đợi, được giấu trong những chiếc hòm, để có thể dệt thành thảm. Từ trần nhà treo lủng lẳng những bó cây khô mà thời còn sống, người mẹ nhỏ bé người Pháp đã dạy họ hái và giữ lại để tạo hương vị cho súp và pha trà thảo mộc.

Gác xếp không bao giờ nóng. Nó cao và trong thung lũng rộng giống như một đồng bằng đó, người ta luôn cảm thấy mát mẻ, ngay cả vào mùa hè. Thường có những màn sương dày đặc màu bạc bay lên vào ban đêm và đọng lại trong các hốc đất cho đến giữa buổi sáng, và khi mặt trời lặn, người ta có thể cảm nhận cái lạnh cắt da cắt thịt từ núi đồi trong không khí.

Sau khi trải nghiệm sức mạnh và hiệu ứng bất ngờ của không khí trong lành này, tôi ngạc nhiên trước sức chịu đựng mà Carrie thể hiện trong những năm tháng mùa hè ngọt ngào và không lành mạnh, những mùa thu nóng nực và hơi hám đó. Được nuôi dưỡng dưới ánh sáng lấp lánh mát mẻ này, trong làn sương bạc tinh khiết của nước Mỹ, không có gì ngạc nhiên khi đôi lúc bà ngất đi trong cái nóng ngọt ngào giữa trưa tháng Tám tại một thành phố miền nam Trung Quốc, quá ngạt thở bởi hơi thở con người và mùi cơ thể đầm mồ hôi.

Nhưng trong đồng bằng trong trẻo này, giữa những làn sương bắt chợt, những cơn gió lạnh lẽo và ánh nắng chan hòa, bà lớn lên khỏe mạnh và nhanh nhẹn trong tuổi trẻ. Có những cánh đồng để chạy nhảy, những con vật để chăm sóc và vuốt ve, những con bò với đôi mắt sâu thẳm trong chuồng, rống lên và mẩn đê ; những con ngựa để cưỡi, cho ăn tảo và đường ; gà và gà tây để canh giữ trong góc rạ sau vụ gặt, khi châu chấu xuất hiện khắp nơi. Có sự sống trong nhà, ngôi nhà đầy ắp trẻ con, người mẹ nhỏ bé hoạt bát với tiếng chim hót líu lo, người cha tinh tế, phức tạp, người anh cả nghiêm túc và nhân hậu. Mọi người đều bận rộn và hạnh phúc, và buổi tối thường có âm nhạc ; người này chơi vĩ cầm, người kia thổi sáo, hoặc đánh đàn piano, và tất cả cùng hát.

Một lần tôi hỏi Carie : «Ký ức rõ ràng nhất về những năm tháng đầu đời của bà là gì ?»

Đôi mắt bà sáng lên rồi dịu lại khi suy nghĩ, sau đó lại lấp lánh : «Một lần, khi tôi ba tuổi, tôi nhớ mình muốn giúp mẹ rửa bát. Trên bàn có một chiếc đĩa nướng lớn hoa văn xanh mà ông tôi mang về từ Hà Lan ngày xưa. Tôi nhắc nó lên và mang đi chậm rãi, cẩn thận, để đặt vào tủ trong phòng ăn. Nó lớn đến mức che khuất tầm nhìn xuống sàn của tôi. Bàn chân trần của tôi vấp phải

một mảnh gỗ hơi nhô lên. Tôi đập ngón chân cái và ngã - một bà bé tròn trịa và nặng nề - lên chiếc đĩa xanh vỡ tan thành từng mảnh. Cha tôi ngay lập tức cho tôi một trận đòn, tôi nhớ rõ, và tôi bắt đầu khóc một cách thảm thiết. Tôi không khóc vì đau mà vì tôi thực sự có ý định giúp đỡ. Kể từ đó, cảm giác không đáng bị đánh đòn đó vẫn luôn đọng lại trong tôi. Đến giờ, ở tuổi năm mươi, tôi vẫn cảm thấy sự bất bằng đó».

Vừa nói, bà vừa lăn một cục bột mềm, mịn trên bàn bếp. Bà tự nhào bánh mì trong căn bếp Trung Quốc này, những ổ bánh mì nâu lớn và những chiếc bánh mì giòn miền nam nước Mỹ. Cửa sổ mở, và tiếng chũm chọe chói tai vọng lên từ đường phố ; nó hòa với âm thanh mỏng hơn, kim loại, của một cây sáo đang than vãn. Một đoàn rước đi qua ; không có việc gì làm, tôi bước ra xem. Họ đang rước một pho tượng thần. Đoàn rước thừa thớt và pho tượng chẳng có gì đáng kể, xét theo vẻ ngoài tầm thường của nó : một bức tượng nhỏ bằng đất nung nghiêng ngả trong kiệu và mặc những bộ áo giấy đã rách. Một thầy tu rách rưới đi đầu, đánh chũm chọe, và hai người khác theo sau ; một người thổi sáo buồn bã và người kia thỉnh thoảng, khi chợt nghĩ ra, lại gõ dùi vào chiếc trống gỗ hình đầu cá. Đám đông trên phố thậm chí không ngẩng đầu lên nhìn, nhưng một lũ trẻ con đi theo, không muốn bỏ lỡ cảnh tượng này.

Bà đang nhào bánh mì, nhưng tâm trí đã ở cách xa hàng vạn dặm. «Chúng tôi đã có một cuộc sống hạnh phúc biết bao ở nhà !» bà nói ; «Từ những ký ức xa xôi nhất - bà có tin không, chính cây sáo điên rồ đó khiến tôi nhớ lại ? - âm nhạc dường như tràn ngập ngôi nhà. Những người lớn tuổi đều chơi một nhạc cụ nào đó và chúng tôi, lũ trẻ, thì hát. Cornélius là một giáo viên thanh nhạc rất giỏi. Nhiều năm sau, ở trường nội trú, khi tôi được học những bài học tốt nhất có thể, tôi không học được gì mới mẻ. Cornélius đã dạy tôi cách để giọng hát tuôn chảy. Chúng tôi hát ‘Messiah’. Tôi nhớ rõ lắm !»

Và, rút tay khỏi bột, bà đứng đó đơn giản và hát đoạn hợp xướng Alleluia, cổ họng rung động. Đầu bếp Trung Quốc làm rơi chiếc chảo đang cầm, nhìn chăm chăm vào bà, rồi gắt gỏng quay lại với đồ dùng của mình ; anh ta không hiểu gì, nhưng đã quen với việc đột nhiên nghe thấy giọng hát này. Tiếng chũm chọe chói tai chìm vào những âm thanh hỗn độn của phố phường ; và nhìn Carrie, tôi hình dung bà đứng trên bục hợp xướng của nhà thờ Mỹ bằng thạch cao, hoàn toàn trắng, đã thay thế cho nhà nguyện bằng gỗ tròn đầu tiên. Khi tôi nhìn thấy nhà thờ đó, nhiều năm sau, những cánh táo áp vào các cửa sổ mở và lấp đầy nhà thờ bằng hương thơm của chúng. Ngày đó, một bà gái trẻ, trên bục hợp xướng,

con gái của Cornélius, hát như Carie, nhưng giọng bà không đầy đặn và cảm động như giọng người phụ nữ này, ở đây trong thành phố Trung Quốc.

Bà đột ngột dừng lại ; không khí trong bếp dường như rung lên những âm vang của bài hát, và bà quay lại với chiếc bánh mì. «Chà, bà nói sau một lúc, đó là một cuộc sống hạnh phúc cho đến cuộc nội chiến. Nhưng lúc đó, chúng tôi đã trải qua một giai đoạn thế nào !»

Quả thật là một giai đoạn ! Khi chiến tranh nổ ra, gia đình Stulting ở trong phần Virginia liên minh với miền Bắc và trở thành Tây Virginia. Lúc đó, Hermanus không còn trẻ nữa. Ông đã bốn mươi tuổi : một người đàn ông mảnh khảnh, cứng nhắc, rất ngay thẳng, với những sợi tóc bạc đã lấm tấm trên mái tóc che trán có đường nét tinh tế. Người phụ nữ Pháp nhỏ bé cũng đã có dấu hiệu của tuổi già, những vết tích của một cuộc đời quá vất vả. Bà co rúm lại, và rõ ràng là bà đã mang mầm mống của bệnh lao sẽ cướp đi mạng sống của bà sau này. Cornélius hai mươi tuổi, một thanh niên trưởng thành trước tuổi, với đôi mắt đen, mái tóc đen, cực kỳ lý trí và dịu dàng trong cách cư xử, đam mê đọc sách và âm nhạc. Tuy nhiên, anh đã đảm nhận việc quản lý tài sản, thấy hoàn toàn tự nhiên khi gánh vác trách nhiệm gia đình thay cha mình. Hermanus là một nhân cách kỳ

lạ, với sức hút khiến con cái yêu quý ông. Dù không tham gia vào những bâng việc nặng nhọc của gia đình và với tính cách phức tạp của mình, đã đặt gánh nặng lên vai những đứa con lớn quá sớm, tất cả đều đồng lòng để ông giữ được vẻ ngoài của một người thành thị, vì ông sinh ra đã như vậy. Khi Cornélius, lúc còn rất trẻ, vật lộn từ sáng sớm với bộ quần áo lao động cứng đờ, liệu anh có bao giờ nghĩ rằng cha mình đang ngủ và sẽ ngủ thêm ba giờ nữa, cho đến khi tất cả đã ăn sáng xong và ngay cả lúc đó, người ta vẫn mang xô bà la cho ông trước khi ông làm vệ sinh cá nhân ? Tôi đã hỏi Carie điều này một ngày và bà trả lời : «Tôi nghĩ ông đáp ứng một nhu cầu nào đó của chúng tôi vào thời điểm đó, vì tất cả chúng tôi đều yêu những điều lớn lao và đẹp đẽ, và sau chiến tranh chẳng còn lại nhiều. Nhưng không ai trong chúng tôi bao giờ nghi ngờ về cha. Chúng tôi tin vào điều mẹ nói về ông : ông quá tinh tế để làm những bâng việc nặng nhọc, và không nên yêu cầu ông. Ông chăm sóc ong và cắt tỉa giàn nho và những cây hồng. Ông rất giỏi với những con ong này, và chúng tôi luôn có mật ong tuyệt hảo. Tôi không nghĩ ông từng bị ong đốt. Cử động của ông tinh tế đến mức và tôi chưa bao giờ thấy đôi bàn tay nào khéo léo như của ông. Không có hình thức đẹp đẽ nào thoát khỏi đôi mắt ông. Tôi nhớ một cây nho leo trên tường nhà kho và những chùm nho

trắng to giữa những chiếc lá xanh, ướt đầm sương. Ông luôn gọi chúng tôi ra xem trước khi cắt chúng. Ông nói chúng giống như những viên đá mặt trăng, và có cùng vẻ đẹp. Tôi nghĩ đó là lý do chúng tôi yêu ông - vì ông cho chúng tôi thấy vẻ đẹp».

Cornélius thực sự là trụ cột gia đình. Tôi biết mẹ tôi và anh ấy luôn thảo luận về tài chính cùng nhau và cách chi tiêu hợp lý hơn. Xa nhất mà tôi có thể nhớ, tôi luôn tìm đến anh khi cần gì đó. Dĩ nhiên, khi chúng tôi còn nhỏ, anh không thể lập gia đình. Tôi không nghĩ anh để ý đến bất kỳ bà gái nào vào thời điểm đó. Anh chỉ kết hôn rất lâu sau chiến tranh, khi tất cả chúng tôi đã lớn.

Tuy nhiên, cha chúng tôi cũng có vị trí của mình. Chúng tôi không phải là những nông dân thô lỗ như những người xung quanh. Chúng tôi luôn có sách, âm nhạc, tranh của cha và tác phẩm kim hoàn của ông. Chính cha đã tạo nên sự khác biệt đó. Tôi nhớ rất rõ niềm tự hào vô bờ của mình vì ông mặc áo khoác đen và thay áo sơ mi trắng cùng cổ áo mỗi ngày, điều mà không ai trong số hàng xóm làm. Ý nghĩ rằng có một sự tàn nhẫn nào đó trong việc đeo chiếc cổ áo trắng đó chỉ đến với tôi sau này. Mỗi ngày, một trong số chúng tôi - mẹ tôi khi bà còn có thể, rồi một trong các chị gái tôi - phải giặt và là chiếc cổ áo và áo sơ mi đó, bất kể

hôm đó phải làm bao nhiêu đồ hộp hay bơ.

Khi chiến tranh được tuyên bố, mọi người lo sợ tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu Cornélius buộc phải ra trận. Anh kiên quyết không tình nguyện đi lính. Hermanus đã truyền cho tất cả nỗi kinh hãi về chế độ nô lệ và ngay cả ở vùng đất này, nơi hầu hết các chủ đất giàu có sở hữu nô lệ, Hermanus từ chối mua dù thiếu nhân bành. Bản năng tự do mạnh mẽ trong máu ông nổi loạn trước ý tưởng mặc cả về con người và bắt họ phục tùng ý muốn của mình. Khi thuê người da đen, ông trả tiền cẩn thận và để họ tự do. Tất cả con cái ông đều thừa hưởng từ ông tình yêu tự do đó. Vì vậy, khi chiến tranh nổ ra, không gì có thể lay chuyển họ ; họ từ chối để Cornélius gia nhập quân đội miền Nam. Tuy nhiên, họ đã trở thành bành dân trung thành của miền Nam và ý nghĩ chiến đấu chống lại Virginia có vẻ không thể chịu đựng được. Sự trung lập, vốn khó duy trì ngay cả trong thời điểm tốt đẹp hơn, trở thành con đường duy nhất mở ra cho họ, và Hermanus cùng Cornélius tuyên bố trung lập. Đó không phải là lập trường khiến họ được lòng dân vào thời điểm nóng bỏng như vậy, nhưng ít nhất Hermanus không phải chịu đựng vì điều đó. Ông có một tính cách thích đối đầu, và tôi nghe nói rằng vào thời điểm đó, ông bước vào nhà thờ với dáng đi uy nghiêm hơn, thái độ cứng nhắc hơn, và ông chỉ huy các

bài thánh ca có lẽ còn uy quyền hơn trước. Những lời đe dọa lan truyền về họ, đặc biệt trong số những người sở hữu nô lệ ; nhưng Hermanus có danh tiếng về sự chính trực và lòng dũng cảm, sự cao thượng đến mức không ai dám tấn bång ông bång khai.

Tình thế của Cornélius, một người đàn ông trẻ, thì khác. Khi được yêu cầu gia nhập phe này hay phe kia, anh trả lời rằng mẹ, em trai và các em gái phụ thuộc vào anh để sống và nếu anh đi, sẽ không còn ai chăm sóc họ. Anh kiên nhẫn chịu đựng những lời chế nhạo mà không nói gì khi nghe thấy trong làng, và tiếp tục bång việc đồng áng không nao núng.

Tuy nhiên, khi thời gian trôi qua và tình trạng thiếu nhân lực ở phe miền Nam trở thành vấn đề nghiêm trọng, Cornélius phải tìm cách tránh bị bắt lính. Ban đầu, họ không tin rằng anh sẽ thực sự bị bắt và ép buộc gia nhập quân đội ; nhưng đây là điều đã xảy ra. Một ngày nọ, khi về nhà vào buổi trưa, anh thấy những người lính miền Nam, giọng nói nhẹ nhàng, ánh mắt thép, mặc quân phục màu xám, đang đợi và theo anh vào nhà. Một trong số họ nói : «Tôi nghĩ anh sẽ phải chiến đấu, dù muốn hay không. Chúng tôi cần người.

- Các người sẽ phải dùng vũ lực để bắt tôi thôi, Cornélius nói đơn giản, nhìn thẳng vào mặt họ.

- Được rồi, vậy thì dùng vũ lực vậy, viên sĩ quan quay về phía thuộc hạ ; trói hẳn lại, và đặt lên ngựa đi».

Ba người lính tiến lên, trói cổ tay anh và nhấc bổng anh lên con ngựa đang chờ sẵn. Người mẹ nhỏ bé người Pháp đang nhặt đậu trong vườn ; tiếng khóc của lũ trẻ khiến bà chạy vội đến và ngay lập tức hiểu ra chuyện gì đang xảy ra. Bà lao vào con trai và bám chặt lấy chân anh.

«Hãy để nó lại cho chúng tôi, nó là người kiếm cơm nuôi cả nhà», bà thốt lên, hơi thở gấp gáp.

Viên sĩ quan chạm tay vào mũ: «Tôi rất tiếc, thưa bà, tôi chỉ làm theo lệnh cấp trên.

- Không - không - không - hãy để nó lại - nó là con trai tôi !

- Tiến lên !» viên sĩ quan ra lệnh đột ngột ; ông leo lên ngựa và họ bắt đầu hành quân ; người phụ nữ nhỏ bé chạy theo, bám vào chân con trai. Anh cúi xuống, lo lắng, thì thầm : «Con sẽ tìm cách trở về, mẹ ơi - mẹ không thể tiếp tục thế này được - buông con ra - con sẽ đào ngũ...

- Ủ, và con sẽ bị xử bắn, bà nói thẳm, giọng đầy quyết liệt. Không, mẹ sẽ không để con đi».

Bà chạy nhanh hơn khi ngựa bắt đầu phi nước kiệu, cuối cùng bà bị kéo lê một nửa trên mặt đất, nhưng vẫn không buông tay. Viên sĩ quan không chịu nổi cảnh tượng này ; ông dừng lại để thương lượng với bà.

«Thưa bà, điều này hoàn toàn vô ích. Anh ta phải đi. Tôi có lệnh. Tôi rất tiếc, thưa bà, nhưng ở đâu cũng vậy, con trai phải ra chiến trường.

- Không phải con trai tôi !» bà thốt lên, thở hỏn hển nhưng kiên quyết. Chiếc mũ của bà lủng lẳng phía sau, những lọn tóc bạc xõa tung quanh khuôn mặt gầy guộc; đôi mắt bà đờ đẫn vì kiệt sức, cổ họng run rẩy và lồng ngực như muốn vỡ tung dưới nhịp đập dồn dập của trái tim. «Nếu nó đi - tôi cũng đi theo. Và lại - chúng tôi không ủng hộ chế độ nô lệ. - Đắt nước chúng tôi đại diện cho tự do. - Và các người - các người muốn bắt nó chiến đấu vì - vì một điều - mà nó không hề tin tưởng ?»

Viên sĩ quan nhìn bà, rồi miễn cưỡng ra lệnh : «Tiến lên !»

Một lần nữa, ngựa phi nước kiệu, và viên sĩ quan cô không nhìn thấy thân hình nhỏ bé mặc đồ nâu đỏ, bám

chặt vào chân chàng trai, bị kéo lê nửa người trên con đường gồ ghề. Miệng bà mở rộng, thốt ra những tiếng rên rỉ kinh hoàng, đôi mắt nâu đỏ dần nhìn thẳng về phía trước, đầy đau đớn. Con trai bà cúi xuống, thì thầm van xin : «Mẹ ơi - mẹ ơi - mẹ ơi».

Điều này quá sức chịu đựng. Viên sĩ quan để bà chạy thêm một dặm nữa, rồi dừng lại, xuống ngựa, bỏ mũ ra và cúi chào.

«Thưa bà, bà đã chiến thắng. Con trai bà được trả lại cho bà». Sau đó, ông nói với thuộc hạ : «Cởi trói cho anh ta và để anh ta đi».

Ngay sau đó, mẹ con họ đứng một mình trên đường, trong khi những người lính rời đi, dẫn theo con ngựa không người cưỡi. Cornélius nhìn mẹ với ánh mắt trìu mến khôn tả; bà gỡ những lọn tóc rối bằng đôi tay run rẩy, đôi mắt lấp lánh, rồi suýt ngất đi và dựa vào anh, mấp máy đôi môi khô : «Mẹ không thể để họ làm thế !»

Nhưng đây là bài học cho họ ; tình huống này chắc chắn sẽ lặp lại và một viên sĩ quan khác có lẽ sẽ cứng rắn hơn. Họ phải giấu Cornélius. Anh rời nhà tối hôm đó, cưỡi ngựa, mang theo một cuộn chăn và một giỏ thức ăn. Anh trèo lên một ngọn núi xa xôi tên là Núi Nghiêng, và tại đó, trong một lòng chảo gần đỉnh núi,

anh dựng lều trong một túp lều đổ nát, giữa những cánh đồng cỏ hoang.

Chàng trai sống một mình ở đó suốt hai năm, cho đến khi chiến tranh kết thúc. Anh cuốc đất, trồng đậu, ngô và lúa mì, và đến mùa thu hoạch, anh lén trở về nhà ban đêm để thăm mẹ, mang theo sản phẩm và lấy những thứ mình cần. Khi vùng Tiểu Cao Nguyên bị quân đội miền Bắc và miền Nam quét qua, phá hoại mùa màng, cướp kho thóc và lấy đi lương thực, những đóng góp ít ỏi của Cornélius giúp gia đình sống sót. Thường thì họ không có gì khác để ăn. Tôi không miêu tả ở đây tất cả những gì liên quan đến cuộc sống của Carie trong thời kỳ nội chiến, những sự kiện mà người ta có thể đọc trong bất kỳ cuốn sách lịch sử nào về thời kỳ đó. Tôi chỉ kể lại những gì bà ấy kể cho tôi, khi tôi còn là một đứa trẻ ngoại quốc ở một thành phố Trung Quốc, và tôi nhìn nước Mỹ qua đôi mắt của bà, bị cuốn hút bởi những câu chuyện bà kể về đất nước tôi - đất nước mà tôi chưa từng thấy.

Tôi biết rất rõ chiến tranh là gì. Lúc đó, chúng tôi, những người da trắng, đang ở giữa những bất ổn và nguy hiểm của cuộc nổi dậy Nghĩa Hòa Đoàn. Mỗi tối, quần áo của tôi được xếp ngay ngắn bên giường để tôi có thể mặc ngay khi có hiệu lệnh chạy trốn. Carie

dạy tôi cách mặc quần áo, buộc dây giày nhanh nhất, và nhặt mũ trên sàn gần ghế khi đi, phòng trường hợp chúng tôi phải đi bộ dưới ánh mặt trời nguy hiểm của phương Đông. Tôi phải tự làm tất cả những việc này, vì còn có một đứa nhỏ hơn tôi, không thể tự giúp mình. Một hộp sữa đặc luôn được chuẩn bị sẵn ngày đêm cho em bé. Nó được đặt cạnh cửa để dễ lấy khi vội vã. Carrie đã chuẩn bị từng chi tiết. Bà luôn sẵn sàng, không sợ hãi, và không cho phép chúng tôi sợ. Chúng tôi biết bà sẽ chăm sóc chúng tôi.

Bà có được lòng dũng cảm đó, ngoài bản tính gan dạ vốn có, trong bốn năm nội chiến, khi bà còn là một đứa trẻ. Trong mùa hè nóng bức dài đằng đằng năm 1900, chúng tôi thường nài nỉ : «Kể cho chúng con nghe những câu chuyện về cuộc chiến của bà ở Mỹ đi !» Và bà tái hiện lại cho chúng tôi những ngày tháng hỗn loạn đó, qua góc nhìn của một bà bé ở vùng núi Tây Virginia, biên giới giữa miền Bắc và miền Nam, nơi hai đội quân tiến lên rồi rút lui trong những trận chiến. Sau này, khi tôi học về giai đoạn lịch sử này, tôi đã biết rồi ; bà đã dạy tôi theo cách sống động và toàn diện hơn nhiều so với những gì tôi đọc trong sách giáo khoa.

Tôi biết được qua bà hơi thở của những đội quân hành quân : sự phấn khởi, an toàn ban đầu, rồi chấn động, bất

ngờ, cay đắng và tinh thần trả thù, sự quyết tâm, và cuối cùng là tuyệt vọng và thất bại. Nhưng những đội quân chiến thắng còn khủng khiếp hơn, đi qua những cánh đồng màu mỡ như những kẻ chinh phục tàn phá.

Một lần, bà nói với tôi, đôi mắt tôi lại vì ký ức : «Bọn Yankee hét lên rằng Sherman tuyên bố sẽ quét sạch một dải đất thẳng tiến vào Georgia ; nó sẽ rộng và trổng trải đến mức một con quạ cũng không tìm thấy một hạt ngô. Và ông ta đã làm được điều đó». Rồi bà thêm một cách rất giản dị : «Sherman nói chiến tranh là địa ngục. Giờ ông ta hẳn đã biết rõ, vì ông ta đã ở đó nhiều năm rồi».

Hoặc bà kể cho chúng tôi : «Không ai trong số chúng tôi ủng hộ chế độ nô lệ. Chúng tôi đồng ý với Lincoln. Chúng tôi là người Mỹ, chúng tôi không thể có nô lệ ở Mỹ và cho đó là điều tốt. Nhưng thả tất cả nô lệ cùng một lúc không phải là cách giải phóng họ. Sau chiến tranh, chúng tôi không dám ra ngoài ; tuy nhiên, có rất ít người da đen trong vùng chúng tôi. Tôi nhớ anh trai tôi, Cornélius, phải gia nhập Ku Klux Klan một thời gian để những nô lệ được giải phóng không quấy rầy chúng tôi».

Một lần, bà bật cười, ngồi xuống, và tiếp tục cười đến chảy nước mắt. «Tôi sẽ không bao giờ quên, bà nói, một buổi sáng nọ ; bọn Yankee đã cắm trại đêm trong vườn

cây, giữa mùa đông, và cây cối trơ trụi. Tôi ra ngoài để nhìn lũ đàn ông, trốn sau chuồng ngựa vì có nhiều tin đồn về họ. Người ở phe chúng tôi nói họ có sừng như quỷ dữ. Khi tôi ra ngoài, những cái cây đầy những thứ quả kỳ lạ. Tôi không thể tưởng tượng đó là gì ; tôi đến gần hơn, và thấy đó là bánh mì. Người ta đã phát cho bọn họ những ổ bánh mì bột ngô chua ; họ không chịu ăn và ném lên cành cây để đùa giỡn. Cây cối phủ đầy bánh mì, trông rất buồn cười, nhưng lũ chim có thức ăn trong nhiều tháng !

- Bọn Yankee có sừng không ạ ? Tôi hỏi, háo hức.

- Không hề, bà trả lời, đôi mắt lấp lánh. Họ giống như mọi người khác, và tôi đã rất thất vọng».

Có một câu chuyện mà chúng tôi thích nhất và luôn đòi nghe lại. Một ngày nọ, Hermanus biết được một đội quân Yankee đang đến gần. Lúc đó, ông đang giữ những món trang sức rất đẹp, ông thay đổi kiểu dáng cho chúng, và chúng thuộc về một gia đình địa chủ giàu có gần đó. Ông rất sợ chúng bị đánh cắp, vì ông không bao giờ có thể bồi thường giá trị của chúng. Do đó, ông quyết định giấu chúng ; ông đặt chúng vào một chiếc giỏ nhỏ có nắp đậy và chôn dưới một tảng đá phẳng lớn trong cánh đồng liền kề với khu vườn. Buổi chiều hôm đó, bọn Yankee đến và, thật kinh hoàng, họ chọn

chính cánh đồng này để dựng trại. Họ ngồi lên tảng đá, dùng nó làm bàn, và ban đêm, họ dựng lều ngay trên đó. Hermanus quan sát từ phòng của mình. Suốt ngày, ông canh chừng bên cửa sổ, lo sợ rằng một trong số họ sẽ cúi xuống và nhìn dưới tảng đá. Khi hoàng hôn buông xuống, mọi thứ dường như an toàn, nhưng khi màn đêm phủ kín, dưới ánh sáng le lói của những ngọn đuốc lớn, những bóng tối tạo ra những hình thù mờ ảo đến nỗi không thể biết chính xác điều gì đang xảy ra.

Đêm đó, Hermanus đi lại không ngừng trên sàn nhà; ông cầu nguyện và bảo mọi người cùng cầu nguyện, trong khi tự trách mình đã không trả lại trang sức cho chủ nhân ; ông cố gắng hình dung mình sẽ làm gì nếu chúng bị mất, vì chúng thuộc về một người đàn ông kiêu ngạo, nổi tiếng khắc nghiệt và đòi hỏi, và đó là những món đồ gia truyền không thể thay thế. Khi bình minh lên, quân lính rời đi, và Hermanus chạy đến chỗ giấu đồ, run rẩy vì sợ hãi, kiểm tra dưới tảng đá. Ông cúi xuống và thấy chiếc giỏ nhỏ vẫn nguyên vẹn, không ai phát hiện ra nó. Khi câu chuyện kết thúc có hậu, được tô điểm thêm bởi những biểu cảm sống động của Carrie, đôi mắt mở to, giọng nói trầm xuống đầy kịch tính, chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Bà thường kể những câu chuyện này vào cuối ngày, khi chúng tôi ngồi dưới hiên nhà. Trước mặt chúng tôi là thung lũng trải dài

với những ruộng lúa và mái tranh của nông dân ; đằng xa, một ngôi chùa thanh thoát như lơ lửng giữa những khóm tre trên sườn đồi. Nhưng chúng tôi chẳng thấy gì trong số đó, mà như đang nhìn thấy những cánh đồng gồ ghề, những sườn núi hiểm trở của quê hương mình, với những con ngựa phi nước đại và những người lính mặc áo xanh, áo xám cùng những lá cờ bay phấp phật.

Cũng có những giờ phút kinh hoàng khi quân miền Bắc và miền Nam chạm trán trong trận chiến ở Núi Nghiêng ; suốt cả ngày lẫn đêm, tiếng đại bác gầm rú trên đỉnh núi, và gia đình bà sống trong nỗi khiếp sợ, gần như không dám cầu nguyện, lo lắng Cornélius sẽ bị phát hiện trong nơi ẩn náu. Nhưng trước bình minh, anh trở về, bước đi loạng choạng ; tay và quần áo bị rách tả tơi, đôi chân trần đầy vết xước. Ban ngày, anh trốn trong một hang động, và ban đêm, anh lợi dụng bóng tối để leo xuống sườn núi dựng đứng như vách đá. Anh còn sống, không bị thương, nhưng cánh đồng đã cày xới, sẵn sàng gieo hạt, giờ không còn nữa, bị phá hủy bởi đạn pháo.

Một ngày nọ, trong nhà không còn gì để ăn ngoài khoảng hai lít đậu khô. Cũng ngày hôm đó, một nhóm lính miền Nam xuất hiện, những kẻ đào ngũ, rơi vào tuyệt vọng, áo quần rách rưới, chân đất, đói khát. Người

mẹ nhỏ bé, khi nhìn thấy họ, đã nấu hết số đậu và phân phát cho họ. Mỗi người nhận được một bát súp đậu, nhưng tối hôm đó, lũ trẻ phải nhổ rau diếp dại để ăn tối.

Bà kể cho chúng tôi những câu chuyện này, và nhiều câu chuyện khác, trong những ngày hè nóng bức bên ngoài thành phố Trung Quốc. Xung quanh chúng tôi, sự căm ghét dành cho những người ngoại quốc như chúng tôi đang sôi sục, nhưng tôi không hề hay biết. Khi nghe Carrie, tôi thấy đất nước mình, lòng dũng cảm của đồng bào mình, và điều đó tiếp thêm sức mạnh cho tôi. Bà không hề sợ hãi. Từ nhỏ, bà đã học cách nhìn những người bị thương, máu đổ, mà không ngất xỉu, chịu đựng cơn đói mà không than vãn, và tìm ra cách giải quyết khi tưởng chừng đã hết hy vọng. Và tất cả những điều đó được tôn vinh bởi sự phân kích của thời khắc.

Bà lên tám khi cuộc nội chiến kết thúc, và gia đình bà, như mọi gia đình khác trong vùng, phải thích nghi với những điều kiện mới. Khi mọi người chấp nhận thất bại, cuộc sống trở lại khắp nơi một cách hối hả. Trong bốn năm, trường học không còn tồn tại. Carrie đã tự học đọc, hỏi người này người kia để hiểu ý nghĩa của các con chữ. Nhưng ngoài điều đó, bà không biết gì khác, và em gái nhỏ của bà thậm chí còn không biết đọc.

Hầu hết trẻ em đều ở trong tình cảnh tương tự, vì cha mẹ chúng đã quá lo lắng. Trong suốt thời gian đó, những người cha chiến đấu trong tuyệt vọng, trong khi các bà mẹ làm ruộng, lo việc nhà và cố gắng đảm nhận thêm vai trò của người cha vắng mặt, nên giờ đây, người ta đòi hỏi trường học để bù đắp những thiếu hụt sau những năm chiến tranh.

Cornélius, bực bội vì sự thiếu hiểu biết của em trai và các em gái, là người đầu tiên trong thị trấn tổ chức một trường học. Anh tự dạy và chăm lo ruộng vườn vào sáng sớm và tối muộn khi về nhà. Lớp học ban đầu được tổ chức trong một căn phòng dưới nhà thờ, nhưng nhanh chóng phát triển và có địa điểm riêng ; cuối cùng nó được biết đến với cái tên học viện.

Cánh cửa cuộc đời mở ra cho Carie. Bà khao khát được học tập từ hơn hai năm nay, tìm kiếm câu trả lời cho mọi câu hỏi mà bà bắt đầu đặt ra. Bà là một đứa trẻ khá kỳ lạ ở một số khía cạnh, có trí tưởng tượng phong phú, đam mê, nhạy cảm đến mức thường xuyên đau khổ : một sự pha trộn kỳ lạ giữa lý trí thực tế, cứng rắn và chủ nghĩa thần bí sâu sắc. Buổi tối, bà nằm dài trên bãi cỏ dày trước ngôi nhà trắng, chân trần, mắt dán lên bầu trời ; bà suy nghĩ về những vì sao, về bản chất của chúng, và khao khát khám phá bí ẩn vũ trụ khiến bà đau

đón. Những vì sao luôn mê hoặc bà. Tôi nhớ vào những đêm hè nóng nực ở thành phố Trung Quốc, bà nghiêng người bên cửa sổ, nhìn xuống con phố ồn ào, ngắm những ngôi sao lơ lửng, nặng trĩu và vàng óng trên nền trời tím sẫm, và nói : «Thật khó tin rằng đó là những ngôi sao tôi từng ngắm khi còn nhỏ, trên cánh đồng. Chúng trông mát mẻ và bạc lấp lánh, xa xôi và thanh thoát vô cùng. Ở đây, chúng có vẻ rắn chắc và rực lửa, quá gần gũi. Tôi từng mơ rằng chúng là nơi sinh sống của những sinh thể trong suốt, tinh tế, như những nàng tiên. Nhưng ở đây, người ta có cảm giác chúng đầy rẫy con người - những kẻ bạo lực, độc ác. Nhìn Orion treo lơ lửng trên đỉnh chùa kia».

Chính tại ngôi trường làng, bà tiếp thu những kiến thức đầu tiên về thiên văn học, môn học yêu thích của bà, dù phần toán học khiến bà hơi nản lòng. Bà có trí tưởng tượng sống động, biến những sự kiện khô khan thành những điều có sức sống. Cornélius có tài giảng dạy, và bà là một học trò có năng lực, thiên về hiểu biết hơn là trí nhớ ; vì vậy, mối quan hệ giữa một học trò được yêu quý và một giáo viên được kính trọng sâu sắc càng làm tình cảm anh em họ thêm gắn bó.

Thời kỳ hậu chiến ở một thị trấn nhỏ Virginia là giai đoạn của lòng nhiệt thành tâm linh sâu sắc cùng lối

sống khắc khổ. Carie hít thở bầu không khí này từ thuở nhỏ, và bản chất đa cảm, yêu cái đẹp của bà bị kìm nén mãi mãi. Nhưng điều đó cũng cho bà cơ hội trải nghiệm nhiều điều, và tâm hồn đa dạng của bà tìm thấy niềm vui trong đó. Bà từng nói với tôi : «Tôi đã làm mọi bằng việc hữu ích trong đời và tôi rất vui vì điều đó. Sau nội chiến, không có cửa hàng, không thể mua gì cả. Chúng tôi trồng lanh, kéo sợi và dệt vải để làm khăn trải giường, khăn bàn và quần áo lót. Chúng tôi nhuộm váy bằng sợi lanh và bông tự kéo. Tôi học được cách tạo ra màu sắc từ cây cỏ, vỏ cây và rễ cây. Đôi khi, chúng tôi thử nghiệm thất bại và vẫn phải mặc những chiếc váy đó. Chúng tôi cắt lông cừu, giặt, chải và kéo thành sợi. Tôi hạnh phúc vì đã học cách làm mọi thứ».

Họ thậm chí phải tự làm khung váy. Họ dùng những cành cây dẻo dai, vẫn tốt cho đến khi khô và dễ gãy. Tôi thường nhờ Carie kể cho nghe một kỷ niệm thời trẻ, và bà kể với nụ cười :

«Con muốn biết khung váy của mẹ gãy tan tành thế nào à ? À, một Chủ nhật nọ, khi mẹ đang đi nhà thờ - dĩ nhiên phải đi mỗi Chủ nhật - nhưng hôm đó, có một nhà truyền giáo đang giảng, và ngôi nhà thờ nhỏ chật cứng người. Bà Dunlop, vợ mục sư, ngồi cạnh mẹ. Bà ấy rất tốt và mẹ quý bà ấy, nhưng bà ấy cứ ép sát vào

mẹ, và vốn đã rất mập, dường như bà ấy càng lúc càng chiếm nhiều chỗ hơn. Trời lại rất nóng ; đó là giữa mùa hè. Cuối cùng, bà ấy cứ mở rộng ra và đè lên váy bông của mẹ ; cuối cùng, khung váy của mẹ - vốn không quá lớn vì cha cấm - đã khiến váy mẹ bật lên trước mặt một cách đáng xấu hổ. Mẹ cố gắng kéo xuống nhưng không được. Cuối cùng, với một nỗ lực tuyệt vọng, vì nghe thấy tiếng cười khúc khích của một cậu bé phía sau, mẹ đập mạnh một cái, và có tiếng rắc lớn. Khung váy của mẹ ! Váy mẹ bỗng sụp xuống, nhưng phải nhìn thấy mẹ lúc đứng dậy mới biết ; nó xệ xuống quanh người và lê thê trên mặt đất. Bà Dunlop tốt bụng đứng che phía trước, mẹ núp sau bà và nhanh chóng trèo lên xe ngựa. Sau đó chúng tôi cười rất nhiều, nhưng hôm đó mẹ thực sự xấu hổ; dù vậy tôi không thể nhin cười. Mẹ biết mình trông rất buồn cười. Cha của mẹ tuyên bố đó là hình phạt cho sự phù phiếm của mẹ. Có lẽ vậy, nhưng mẹ luôn nghĩ rằng nguyên nhân là do cảnh cây khô không chịu nổi sức ép từ sự bành trướng của bà Dunlop».

Nhưng đối với chúng tôi, những đứa trẻ bị giữ trong thành phố Trung Quốc, không gì ấn tượng bằng câu chuyện về đường cây phong. Sau chiến tranh, ở quê nhà, người ta phải tự làm mọi thứ có thể, chỉ mua sô bà la cho Hermanus, cà phê và trà.

Tôi chưa bao giờ được chứng kiến thu hoạch đường, thậm chí cả việc khoan vào thân cây để lấy nhựa. Nhưng tôi cảm giác như đã tận mắt thấy, vì câu chuyện này được kể đi kể lại nhiều lần, tại phương Đông xa xôi nơi cây phong đường chỉ mọc trong giấc mơ của chúng tôi. Tôi biết rằng vào đầu mùa xuân - thậm chí sớm hơn, khi mùa xuân mới chỉ là hy vọng và cái lạnh vẫn còn, người ta phải rạch những cây lớn từng vàng rực vào mùa thu. Họ khoét một lỗ nhỏ, đặt vào đó một ống gỗ để nhựa ngọt chảy ra. Nó nhỏ giọt vào một cái xô đặt bên dưới. Khi tất cả xô đều đầy, người ta tập hợp chúng lại và đổ vào những chiếc nồi gang lớn tại trại sản xuất đường. Các chàng trai đã chuẩn bị củi, và họ đốt lửa dưới những chiếc nồi treo trên giá đỡ thô sơ.

Những ngọn lửa bùng lên. Các chàng trai và bà gái trong thị trấn tụ tập tại trại, canh chừng siro, khuấy đều theo lượt, thêm những khúc gỗ lớn vào lửa, rồi nếu có tuyết, điều dường như không thể thiếu, họ trượt tuyết trong lúc chờ đợi ; họ vui chơi và cười đùa. Những gò má ửng hồng, đôi mắt lấp lánh và niềm vui tràn ngập khắp nơi.

Khi chất lỏng đủ đặc để làm siro cây phong, người ta đổ nó vào những thùng lớn, và quanh năm họ rưới nó lên bánh kiêu mạch, bánh kếp và bánh quế. Nhưng khi

muốn làm đường, họ tiếp tục đun, và cần một chút kinh nghiệm để biết chính xác thời điểm đổ chất lỏng sôi vào khuôn.

Những chiếc khuôn tròn lớn tạo ra những ổ đường dùng trong nấu ăn ; sau đó có hàng trăm khuôn nhỏ bằng thiếc, hình trái tim, ngôi sao hoặc lưỡi liềm cũng được đổ đầy. Nhưng thú vị và ngon miệng nhất là ổ đường nóng chảy lên tuyết và ăn nó, đột ngột nguội đi, dùng tay bóc tuyết và đường đang đông cứng. Sau khi thu hoạch xong, mọi người trở về nhà, ca hát và hít thở không khí trong lành, thơm ngát ; không ai bị khó chịu vì ăn quá nhiều - dù đã no căng - bởi khu rừng nơi họ cắm trại quá sạch sẽ, với tuyết tinh khiết và lạnh giá phủ kín mặt đất, không khí trong lành khiến bạn khỏe khoắn và tràn đầy sức sống. Ôi ! Carrie, bà đã khiến chúng tôi mơ về quê hương biết bao !

Tuyết ! Bà biết cách khiến chúng tôi hình dung nó rõ đến thế nào ! Đôi khi, vào những khoảng thời gian rất dài, chúng tôi có một trận tuyết nhỏ, vào một ngày đông lạnh lẽo và ẩm ướt, trong thành phố phía nam Trung Quốc nơi chúng tôi sống. Chúng tôi áp mặt vào cửa kính và nhìn nó rơi, trắng xóa trên nền trời xám, tan ngay khi chạm vào những viên ngói đen, ẩm hơn, trên mái nhà. Tôi nhớ gió đã thổi một đồng nhẹ như sương vào một

góc sân, nhưng đó thực sự là tuyết. Chúng tôi ủa ra, nhảy căng lên và reo hò : «Tuyết ! Tuyết !» Vào một mùa đông lạnh kỷ lục, tuyết thật rơi bên ngoài tường thành ; nó phủ lên những ngôi mộ khô cần một lớp dày một inch ; thế giới trông trắng xóa và sạch sẽ nếu bạn không nhìn kỹ những ngọn cỏ khô lộ ra. Những cây tre trông như những chiếc lông vũ phủ đầy bụi tuyết, và lúa mạch non xanh mơn mớn mọc lên giữa những tấm bia mộ trắng xóa. Carrie đóng cho chúng tôi vài tấm ván từ thùng sữa đặc, buộc một sợi dây thừng, và thế là chúng tôi trượt tuyết, lướt qua những ngôi mộ Trung Quốc trong khi mơ về những đường trượt tuyết ở Mỹ.

Nhiều năm sau, khi tôi tìm thấy tuyết thật sâu trong những khu rừng rậm Virginia, ở Dãy Núi Xanh, tôi nhận ra rằng nhờ những câu chuyện của Carrie, tôi đã biết tất cả trong trí tưởng tượng. Tôi thấy những khoảng không nơi những đồng cỏ yên tĩnh đang ngủ dưới lớp tuyết. Tôi thấy những mái nhà phủ đầy chần dày trên những ô cửa sổ nhìn ra ngoài, ấm cúng và vui tươi, trong khi khói bốc lên cuộn xoáy vào bầu trời. Mọi thứ đúng như bà miêu tả. Trước khi rẽ vào con đường dẫn lên núi, trái tim mách bảo tôi rằng những bóng cây phải xanh dưới làn gió cao nguyên, và khi tôi quay lại, quả nhiên những bóng cây ở đó. Bà đã chỉ cho tôi thấy chúng mười năm trước, cách xa vạn dặm, và tôi nhận ra ngay.

Vẻ đẹp quê hương thấm đẫm trong bà từ thuở ấu thơ cho đến năm hai mươi ba tuổi, khi bà rời đi. Nếu bà thừa hưởng từ cha khả năng phát hiện cái đẹp, bà hầu như không cần học hỏi, vì đôi mắt bà biết cách nhìn. Vẻ đẹp rộng lớn của đồng cỏ, thung lũng và núi non, vẻ đẹp của bốn mùa, mỗi mùa một vẻ, luôn gọi lên trong bà một tiếng vọng, nhưng bà cũng nhanh chóng nhận ra vẻ đẹp tinh tế hơn của những tảng rêu ken dày, những bông hoa nhỏ và bàn trùn. Một ngày nọ, bà cúi xuống nhìn một con nhện sắc sỡ, đỏ và đen, và cuối cùng đưa ngón tay ra chạm vào màu sắc đó. Con nhện cắn bà, và cánh tay bị nhiễm độc sưng phồng. Sau đó, bà chỉ nhìn ngắm ; nhưng bà nhớ mình đã khiêu khích con vật, điều này chứng tỏ tinh thần bằng bằng của bà, và vẻ đẹp của con nhện không hề giảm đi trong mắt bà.

Tình yêu cái đẹp này, phản ứng tức thì mà nó gọi lên trong Carrie, là một phần máu thịt của bà ; cảm xúc, sự thăng hoa của bản thân trước những gì bà ngưỡng mộ, đã nằm trong bản chất của bà. Bà cảm thấy ngây ngất giữa một đồng cỏ đầy nắng vào mùa xuân ; bà cười, tràn đầy niềm vui, như sắp nhảy múa ; tuy nhiên bà cũng yêu những điều bình dị, yên tĩnh và gọn gàng như vậy. Bà không chỉ nhìn thấy vẻ đẹp trong một hồ nước trên núi dưới ánh trăng, mà còn trong một căn phòng yên tĩnh, mát mẻ và sạch sẽ, trong những chiếc bát đĩa

sạch bóng. Bà kể với chúng tôi rằng, trong thời kỳ khắc khổ sau nội chiến, người ta không thể mua đồ sứ mới và phải sử dụng hàng ngày bộ đồ sứ (với họa tiết lá liễu xanh) và những chiếc ly pha lê mỏng manh mà ông bà bà mang từ Hà Lan về. Điều này khiến Carie vui thích, mỗi ngày bà đều xin được rửa chúng thay vì làm việc khác, để được chạm vào chất liệu tinh tế đó. Bà nhớ suốt đời ấn tượng về vẻ đẹp mà bà cảm nhận từ chúng.

Bà có bản chất đa cảm. Bà thích chạm vào lụa, sứ, vải lanh, nhung, lá hồng và những quả thông sần sùi. Tôi vẫn nhìn thấy bà cầm trên tay một chiếc lá tre phẳng, khô, cứng. Bà chà xát nó và thì thầm : «Cứng, mịn và dịu dàng». Khứu giác của bà cực kỳ nhạy bén. Mùi hôi thối của phân và rác, tràn qua bức tường thành vào khu vườn, hành hạ bà suốt thời gian sống ở phương Đông. Vì phân bón là nguồn dinh dưỡng chính để cải tạo đất.

Tôi nhớ lần đầu tiên Carie trở về quê hương. Bà đứng sâu đến đầu gối trong một đồng cỏ hoặc khu rừng, và hít thở sâu, hoặc hít nhanh để thưởng thức mùi hương.

«Có gì vậy ?» chúng tôi hỏi, háo hức không muốn bỏ lỡ điều gì, và câu trả lời của bà vang lên vui vẻ :

«Mẹ chỉ đang cảm nhận tất cả. Các con biết điều tuyệt nhất ở đất nước chúng ta là gì không? Là mùi hương -

mùi hương kỳ diệu của nó !»

Bà thích nắm một nắm lá thông, chà xát trong lòng bàn tay và đưa lên mũi ; bà say sưa với mùi nhựa thông, nhắm mắt trong niềm hạnh phúc. Đó là những mùi hương yêu thích của bà, hăng và tinh khiết, hoặc mùi dịu dàng hơn của hoa hồng trà. Bà không thích nhiều loài hoa phương Đông vì mùi ngọt nồng nặc của chúng.

Bà có hiểu biết kỹ thuật tốt về hòa âm. Nhưng âm nhạc đối với bà trước hết là cảm giác và cảm xúc. Thời thiếu niên bông bột của tôi, tôi khó chịu khi thấy nước mắt bà chảy dài trên má mỗi khi nghe bản nhạc hay ; không phải nước mắt buồn bã, mà là những giọt nước mắt xuất phát từ phản ứng đơn thuần của một trái tim quá nhạy cảm, quá tinh tế để có thể nghe nhạc hay mà không xúc động. Với sự ngạo mạn của tuổi trẻ, tôi nói: «Nếu mẹ không thể ngừng khóc, tại sao mẹ vẫn tiếp tục nghe ?»

Bà đặt lên tôi một trong những cái nhìn sâu thẳm đầy bình tĩnh và cuối cùng trả lời : «Con không hiểu bây giờ, làm sao con có thể hiểu được ? Con chưa có thời gian để sống. Một ngày nào đó con sẽ lắng nghe và cảm nhận rằng âm nhạc không phải là kỹ thuật và giai điệu, mà là ý nghĩa của cuộc sống, vô cùng buồn và đẹp đến nghẹt thở, rồi con sẽ hiểu».

Có một sự mâu thuẫn kỳ lạ trong gu thẩm mỹ màu sắc của bà. Bà luôn chọn những tông màu nhẹ nhàng, tinh tế, và điều này khiến tôi suy nghĩ, vì sự đam mê, bản chất hoang dại ẩn sâu trong con người bà dường như đòi hỏi những sắc màu mạnh mẽ hơn. Tôi có một lý thuyết, đúng hay sai, rằng mọi người bộc lộ bản thân qua lựa chọn màu sắc theo bản năng. Những màu đỏ và vàng của Trung Hoa đế quốc xưa luôn khiến Carrie khó chịu. Tôi tin bà nhìn thấy ở đó một sự buông thả khiến bà sợ hãi - một sự buông thả cho xác thịt. Và điều này làm bà kinh hoàng vì bà cảm nhận quá rõ sự đam mê trong huyết quản mình và sợ phải đáp lại nó. Bà chọn màu vàng hồng nhạt, tươi mát của hoa hồng trà mọc bên bậc thềm hiên nhà - một loài hoa của quê hương bà - và bà cũng yêu vẻ đẹp âm áp tinh tế của những đóa hồng cá hồi cổ điển. Sau này khi tóc bà bạc trắng và bà bắt đầu mặc những chiếc váy màu xám bạc, bà luôn điểm thêm một chút phụ kiện với những tông màu đó. Tôi tin bà nhận ra trong mình một chút gì đó của chủ nghĩa ngoại đạo, của đam mê, của tính cách quá mạnh mẽ, quá phong phú, điều mà bản tính thanh giáo của bà, được nuôi dưỡng bởi nền giáo dục thời đó, phản đối kịch liệt.

Nếu bà có thể trở về từ ngôi mộ bà đơn nơi bà yên nghỉ, tôi tin bà sẽ không thích những lời tôi vừa viết. Bà

sẽ nhìn tôi đầy bối rối và nói : «Chẳng phải mẹ đã chiến đấu cả đời chống lại những điều con đang nói khi mẹ đã chết sao ?» Và nếu có thể, tôi sẽ đáp : «Ồi vâng, chúng con đã chứng kiến cuộc chiến ấy, nhưng mẹ không biết rằng chính vì những điều đó, những điều mẹ ghét bỏ trong mình, mà chúng con yêu mẹ sao ?»

Bởi khi nghĩ về bà và nói về bà, chúng tôi luôn cảm nhận hai con người riêng biệt. Một là người phụ nữ trái tim ấm áp, vui tươi, tận hưởng bằng giác quan, sôi nổi, nhanh nhạy nắm bắt sự ló bịch, với tài năng diễn xuất, và khả năng bắt chước khiến tất cả chúng tôi cười phá lên khi bà có hứng bắt chước giọng nói, dáng đi và cử chỉ của người khác, người có thể dẫn dắt chúng tôi vào một dàn hợp xướng vui nhộn, hoặc đột ngột bỏ dở bâng việc để đi dã ngoại trong vườn hoặc trên núi. Con người kia là một tín đồ Thanh giáo, thần bí, lý trí, luôn cố gắng tìm kiếm Chúa mà không bao giờ hoàn toàn đạt được, luôn muốn cầu nguyện lâu hơn, hiến dâng sâu sắc hơn, tận tụy hơn, và bị thúc đẩy bởi chính những thất bại của mình để tăng thêm nhiệt huyết trong sự khắc kỷ nhằm gạt bỏ khía cạnh đam mê, cảm xúc trong bản chất mình, thứ mà bà được dạy rằng là xấu xa và khiến xa rời Chúa. Carrie luôn ở trong cuộc chiến không ngừng với chính mình.

Khi nghĩ về thời kỳ hình thành nhân cách của bà, tôi hiểu ra sự xung đột trong bản chất của bà. Tình yêu cái đẹp mà bà có được thừa hưởng từ Hermanus. Từ những người tổ tiên Hà Lan tốt bụng, bà kế thừa sự kiên định thực tế không bao giờ để bà nghỉ ngơi - một nhu cầu trong máu thịt, thúc đẩy bà hy sinh vì bằng lý. Bà được nuôi dưỡng bằng niềm tin rằng người ta phải từ bỏ mọi thứ và đến một vùng đất mới vì tình yêu Chúa. Bà mang dòng máu của những người hành hương. Và trong sự pha trộn vốn đã kỳ lạ này, còn có sự vui vẻ, tinh thần thực tế, tâm hồn của người mẹ nhỏ bé người Pháp, người không quá sùng đạo, yêu Hermanus và các con một cách say đắm, và chỉ sau đó, vì họ, mới yêu Chúa.

Tuy nhiên, sau này khi tôi hiểu hơn về đất nước và con người Mỹ, tôi càng thấu hiểu Carie hơn. Sự thiếu thống nhất này, sự đa dạng phong phú trong con người bà xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau, từ di sản của những người tiên phong, từ những trải nghiệm nhanh chóng và căn bản đầu đời, tất cả đã làm nên một người Mỹ đích thực.

Bởi dù niềm vui ngập tràn trong ngôi nhà vuông lớn, dù có âm nhạc, trường học và những buổi tụ họp ở làng, Carie không phải lúc nào cũng hạnh phúc. Có lẽ vào

thời của bà, không ai biết đến hạnh phúc trọn vẹn, vì luôn phải nghĩ đến sự cứu rỗi linh hồn.

Trong những khoảnh khắc vui nhất, Carie vẫn nghĩ về linh hồn mình. Đôi khi, khi bà đang vui chơi hết mình, và bạn bè lắng nghe những câu chuyện đùa, trêu chọc và tiếng cười của bà, bà đột nhiên dừng lại, như có bàn tay lạnh giá vừa đặt lên trái tim mình, và tự nhủ, kinh hãi : «Linh hồn vĩnh hằng của ta sẽ ra sao ?» Đôi khi, khi bà dừng giữa bâng việc nhà để ngắm khu vườn qua cánh cửa mở, tự hỏi liệu thiên đường có thể đẹp hơn không, một nỗi sợ hãi đột ngột ập đến : «Nhưng nếu ta không được cứu rỗi - liệu ta có được thấy thiên đường không ?»

Thật khó để không nghĩ về điều đó. Những buổi lễ dài trong nhà thờ vào Chủ nhật, những lời cầu nguyện ở nhà, hai lần mỗi ngày, những câu hỏi nhẹ nhàng nhưng xảo quyệt của mục sư, mong muốn của cha mẹ rằng mỗi đứa con họ đều được «cứu rỗi» và gia nhập Giáo hội, tất cả không giúp ích gì cho một niềm vui trọn vẹn.

Nhưng nỗi sợ địa ngục không bao giờ thúc đẩy Carie tìm kiếm Chúa. Hơn nữa, bà không biết đến sợ hãi và tôi không nghĩ có thể miêu tả một địa ngục đủ kinh khủng để khuấy phục ý chí bà bằng nỗi khiếp sợ. Carie khao khát được trở nên tốt đẹp. Bà thường nhắc nhở

chúng tôi : «Thật đẹp biết bao khi được tốt lành, các con ạ - hãy tốt bởi không có gì tuyệt vời hơn trên thế gian này». Bà khao khát tìm thấy Chúa vì người ta nói với bà đó là cách duy nhất để trở nên tốt lành. Nếu không, như Kinh Thánh nói, lòng tốt của chúng ta chỉ là «manh áo rách ghê tởm». Bà từng nói với tôi rằng những năm tháng tuổi trẻ của bà bị phá hủy bởi nỗi lo lắng trong cuộc tìm kiếm này. Lần lượt từng người bạn có trái tim nhẹ nhàng hơn của bà «cải đạo» và tham gia lễ ban thánh thể. Nhưng Carie, phần nộ và đau khổ, vẫn ngồi trong ngôi nhà thờ nhỏ và lắc đầu trước bánh mì và rượu. Bà sẽ không lừa dối ai, kể cả chính mình. Bà đã cầu nguyện quá nhiều.

Trong nhật ký của bà, tôi tìm thấy những dòng viết trong thời kỳ đó : «Từ mười hai đến mười lăm tuổi, tôi vào rừng sau chuồng ngựa vài lần mỗi tuần và chui vào một hốc cây giữa những bụi cây elder. Ở đó, tôi quỳ xuống đất và kêu gào với Chúa. Cầu xin Ngài cho tôi một dấu hiệu - bất cứ điều gì, để buộc tôi tin vào Ngài. Đôi khi, tôi thề, như Jacob, sẽ không rời đi cho đến khi Ngài ban cho tôi dấu hiệu đó. Nhưng chẳng có gì xảy ra. Tiếng chuông leng keng báo hiệu đêm xuống, những con bò trở về để vắt sữa và tôi phải đi dọn bàn ăn tối».

Biết bao lần bà tâm sự những trăn trở này với người hướng dẫn tinh thần, bà Dunlop, vợ mục sư, và người phụ nữ hiền lành điềm tĩnh ấy cố gắng dẫn dắt linh hồn chân thành và đầy đam mê này đến sự cứu rỗi.

«Hãy phó thác cho Chúa - đứa bé yêu quý - thật đơn giản thôi, bà nói, tràn đầy tình yêu thương dành cho bà gái nước da nâu này, quá tận tâm đến mức bà không bao giờ hoàn toàn hiểu nổi. Không có gì dễ dàng hơn việc dâng trái tim con cho Chúa».

Nhưng Carie không bằng lòng với điều đó : «Con muốn cảm nhận Chúa chấp nhận con, bà kêu lên. Con có thể dâng hiến bản thân, nhưng tại sao Chúa không muốn con ? Tại sao Ngài không ban cho con một dấu hiệu ?»

Điều này vượt quá sự hiểu biết của bà Dunlop già, bà chỉ kiên nhẫn đáp lại : «Hãy dâng mình cho Chúa ; hãy dâng trái tim con, đứa bé yêu quý».

Đó là những năm tháng đầy sóng gió của Carie. Thường xuyên, tuyệt vọng vì những nghi ngờ về Chúa, bà lao theo hướng ngược lại, rơi vào những giai đoạn vô tư, và những cơn vui sướng điên cuồng, thái quá của bà không phản ánh niềm vui chân thật. Rồi khi cảm nhận với nỗi kinh hoàng sự sôi sục của dòng máu trẻ,

bà tin mình đã trở nên xấu xa không thể cứu vãn. Bà sợ hãi trước những ham muốn nảy sinh trong mình.

Vào thời điểm đó, Carie là một thiếu nữ xinh đẹp, phát triển sớm so với tuổi, đầy khiếu hài hước, sẵn sàng cười đùa, nhưng cũng nghiêm túc vào những lúc cần thiết. Bà có đôi môi đỏ, gò má ửng hồng và mái tóc xoăn nâu dày như thác đổ.

Tôi không bao giờ biết chính xác bà đã trải qua điều gì trong thời kỳ đó, vì bà không kể với ai. Nhưng tôi chắc chắn rằng vào một thời điểm nào đó, bà đã yêu say đắm chàng trai đẹp trai với giọng hát tuyệt vời, tràn đầy niềm vui, người đã cười nhạo bà trong nhà thờ khi chiếc váy bông của bà vỡ tan. Anh ta đã trở thành một thanh niên cao lớn, tóc vàng, hiền lành, tự hào là kẻ vô thần và chỉ đến nhà thờ để hát và, tôi đoán, để gặp Carie. Họ cũng gặp nhau mỗi tuần một lần tại lớp học nhạc.

«Anh ấy khiến người ta ngây ngất khi hát», Carie bắt giác nói, đôi mắt nghiêm nghị. Khi đó tóc bà đã bạc, và tôi thấy trong ánh mắt bà thoáng qua hồi ức vẫn còn âm áp, nhưng bà không nói thêm gì. Tôi tin đó là chàng trai tóc vàng cao lớn đã khơi dậy ngọn lửa giác quan trong bà một cách gần như không thể chịu nổi, và con người Thanh giáo trong bà kinh hãi đến chết khiếp. Tôi không biết anh ta có yêu bà lâu hay không.

Tôi biết anh ta để ý đến bà, vì khi chúng tôi nài nỉ, bà thừa nhận anh ta rất «tử tế», và bà phải «ngăn cản» anh ta vì không muốn kết hôn với anh ta.

«Tại sao chứ ? chúng tôi hỏi, vì anh ta có vẻ rất lãng mạn.

- Bởi vì - bởi vì - anh ấy không tốt. Anh ấy uống rượu và xuất thân từ một gia đình nghiện rượu. Đã khó để trở nên tốt lành : mẹ sợ sẽ trở nên giống anh ấy nếu kết hôn với anh ấy».

Tôi tự hỏi nếu để mặc bà, liệu Carrie có giữ vững lập trường không, nhưng chuyện này xảy ra vào năm người mẹ nhỏ bé của bà lâm bệnh và Carrie, rút khỏi thế giới tuổi trẻ của mình, dành cả ngày lẫn đêm đối mặt với cái chết. Khi nhìn mẹ dần tàn lụi, bà thề sẽ luôn tìm kiếm điều tốt và tránh xa cái xấu, đi theo con đường khắc kỷ của bản thân chứ không phải niềm vui, và đấu tranh cả đời với bản chất đam mê xác thịt mà bà quá rõ. Bà sẽ đức hạnh ; bà sẽ từ bỏ mọi thứ ; bà sẽ hiến dâng mình cho Chúa. Nhưng làm sao đạt được sự từ bỏ hoàn toàn này ? Nếu bà dành cả đời cho Chúa, có lẽ Ngài sẽ ban cho bà một dấu hiệu về sự hiện diện của Ngài, để bà có thể theo Ngài và tìm thấy Ngài.

Bởi trong suốt thời gian bệnh tật đột ngột này, Carie quên bản thân, bị bao trùm bởi một nỗi sợ mới. Mẹ bà luôn bằng khai yêu bà hơn những đứa con khác. Carie thường cười cùng mẹ ; Carie có những cử chỉ nhanh nhẹn ; bà nấu ăn rất ngon và tiết kiệm. Bà thích hái rau và làm vườn. Và bà rất khỏe mạnh. Đôi khi bà ôm mẹ và bế bà lên như một đứa trẻ, nói rằng sẽ không thả xuống trừ khi mẹ hứa làm việc ít hơn và ăn nhiều hơn. «Con gái lớn xấu xa», người mẹ kêu lên, giả vờ tức giận. «Thả mẹ xuống ngay, mẹ là mẹ của con mà !» Nhưng bà rất vui và dựa vào con gái. Và Carie không chỉ yêu mẹ, bà còn ngưỡng mộ bà ; họ rất thoải mái với nhau trừ khi nói đến việc tìm kiếm Chúa đầy u ám. Carie đi trên con đường đó một mình, vì người mẹ Pháp không hiểu khát vọng mãnh liệt của con gái. Đến nhà thờ, quỳ gối khi cha cầu nguyện, giữ nhà cửa sạch sẽ và chuẩn bị bữa ăn tốt nhất có thể - thế là đủ với một người phụ nữ. Vì vậy Carie im lặng và yêu thương sự trẻ con của mẹ, điều càng rõ hơn khi bà đau ốm, khiến người mẹ bám lấy con gái.

Căn bệnh đến quá nhanh. Một ngày mùa đông, mẹ bà xuống hầm lạnh giá để lấy một đĩa dưa chua. Lọ đã hết ; bà ở lại để mở một lọ khác và bị cảm lạnh. Chẳng bao lâu, những cơn ho dữ dội hành hạ bà, rồi bệnh lao phổi nhanh chóng chiếm lấy bà. Dù Carie không muốn

tin mẹ mình sắp mất, bà quá chân thành để không thừa nhận sự thật.

Tuy nhiên, ngay cả cái chết cũng không khuất phục được Carie. Bà kiên cường vượt qua mọi thử thách. Bà vui vẻ bên giường bệnh, giữ phòng sạch sẽ và đầy hoa tươi ; bà giặt, hồ và là những chiếc mũ nhỏ xếp nếp mà mẹ bà đội, may cho bà những chiếc áo choàng ngủ xinh xắn, và niềm yêu thích ngày xưa khi mặc đồ cho búp bê giờ chuyển sang chăm chút cho người phụ nữ nhỏ bé mất sâu hoắm nằm trên giường lớn.

Hermanus dọn sang phòng khác và Carie ngủ cạnh mẹ, sưởi ấm thân hình gầy guộc, yếu ớt lạnh ngắt bằng cơ thể khỏe mạnh, trẻ trung của mình ; bà đùa giỡn và không cho phép mẹ sợ hãi.

Nhưng một đêm, mẹ bà lên cơn ho kinh khủng đến nỗi Carie vội vàng nâng đầu bà lên. Người mẹ nhìn bà, ôm yếu, kiệt quệ ; bà rên rỉ : «Con yêu - có phải đây là cái chết không ?» Bà gần như không thốt nên lời.

Carie không thể chịu đựng nỗi sợ hãi trong mắt mẹ. Ôi ! Giá bà chắc chắn về Chúa của mình ! - Giá bà có thể nói với mẹ : «Con biết mà !»

Bà cần một dấu hiệu... Bà sẽ hiến dâng chính mình. «Con sẽ dâng hiến toàn bộ con người con cho Chúa - cả cuộc đời con», bà thì thầm đầy nhiệt huyết. Tâm trí bồn chồn của bà lục lọi tương lai - không thể có chuyện hy sinh nửa vời. «Con sẽ đi truyền giáo, con không thấy mình có thể hiến dâng gì hơn nữa».

Cái chết đến đột ngột. Mẹ bà thốt lên tiếng kêu yếu ớt và Carie ôm bà vào lòng ; bà thấy đôi mắt mờ đục bỗng sáng lên, nụ cười ngạc nhiên thoáng trên đôi môi trắng bệch cùng những lời thề thào : «Nhưng - điều này... là thật».

Trong khoảnh khắc, người phụ nữ nhỏ bé có một tầm nhìn rõ ràng và chớp nhoáng ; bà nhìn xuyên qua bức tường phòng vào không gian của thế giới khác, rồi qua đời. Carie nghe thấy tiếng kêu và, trước biểu cảm của mẹ, cảm thấy trái tim mình ngừng đập.

Đây có phải là dấu hiệu từ Chúa ? Trong cơn sợ hãi pha lẫn ngây ngất, bà nhẹ nhàng đặt mẹ xuống giường.

CHƯƠNG II

Carie đã hiến dâng cuộc đời mình. Bà kiên định thực hiện lời thề. Cái chết của mẹ để lại một khoảng trống khủng khiếp. Khi thiếu vắng sự hiện diện bình yên của người phụ nữ nhỏ bé đó, Carie không còn có thể hát vào buổi tối với trái tim nhẹ nhõm, và bà nhớ lại thời khắc hiến dâng mình cho Chúa.

Bà vẫn chờ đợi một dấu hiệu, không biết liệu Chúa có chấp nhận sự hy sinh của bà không. Phải kiên nhẫn, xem tương lai mang lại điều gì. Hiện tại, những ngày tháng trôi qua như xưa, giữa bâng vâng việc và học tập. Nhưng Carie cảm thấy bình tĩnh và chắc chắn hơn. Bà từ chối tham gia các buổi họp mặt ở làng ; bà sẽ không đi dạo với Neale Carter ; bà sẽ làm việc chăm chỉ và chuẩn bị để giữ lời hứa.

Ý tưởng về truyền giáo không mới với bà. Nhiều lần, những người đàn ông gầy gò, rám nắng, nhà truyền giáo từ các quốc gia khác, đến nhà thờ nhỏ trong làng, phát biểu đầy nhiệt huyết và kể về bâng vâng việc của họ. Bà lắng nghe, bị cuốn hút dù không muốn bởi những cuộc phiêu lưu dũng cảm vì tình yêu Chúa. Nhưng lúc đó, bà chưa muốn được «gọi», vì điều đó có nghĩa là rời bỏ nước Mỹ, điều bà cho là không tưởng. Tránh ánh mắt

của nhà truyền giáo, bà lên ra khỏi nhà thờ và cảm thấy nhẹ nhõm, vui vẻ trở lại.

Giờ đây, mọi thứ đã thay đổi. Bà phải chuẩn bị rời đi - bà sẵn sàng, một khi đã hứa. Bà đi quanh nhà một cách trang nghiêm, và nếu ai đó nhận thấy vẻ nghiêm túc của bà, họ nghĩ : «Carie đang đau buồn vì cái chết của mẹ». Nhưng có điều khác : bà đã bắt đầu cắt đứt những ràng buộc, chuẩn bị cho thời điểm con đường được chỉ ra.

Hai năm trôi qua. Khi thịnh vượng trở lại, Hermanus gặt hái thành quả từ thứ trước đây chỉ là thú tiêu khiển. Khi bằng việc tái thiết gần hoàn thành, mọi người mang đồng hồ đến sửa và trang sức để làm lại. Ông cũng chế tác đồng hồ đeo tay, thứ có nhu cầu rất lớn. Những ngón tay mảnh mai, khéo léo của ông có một phép màu khiến bộ máy khó tính nhất cũng hoạt động trơn tru. Lần đầu tiên trong đời, Hermanus đóng góp đáng kể vào thu nhập gia đình.

Nhưng mọi gánh nặng vẫn đè lên Cornélius. Anh duy trì trường học và tài sản. Hai chị gái, với đôi tay khéo léo, quán xuyến nhà cửa và chăm sóc lũ trẻ. Khó khăn trong gia đình đến từ Luther, con trai út, người giống Carie cả về ngoại hình lẫn tính cách. Nhưng bà có ý chí mạnh mẽ và khả năng kiểm soát bản thân, với khát vọng chân thành hướng thiện, trong khi ở anh ta, khi còn trẻ,

xác thịt chiếm ưu thế. Anh đang nổi loạn và muốn đi về phía tây, đến những mỏ vàng đang thu hút tất cả thanh niên ưa mạo hiểm thời đó. Cả gia đình cố gắng giữ anh lại. Anh luôn được mẹ cưng chiều vì bà hiểu anh, và khi bà mất, khó có thể giữ anh ở lại. Hermanus nổi cơn thịnh nộ dữ dội, muốn dạy cho cậu bé một bài học nhớ đời, nhưng cậu thanh niên cao lớn với đôi mắt đen, mái tóc đen đã không chế được ông, và người cha nhỏ bé, kiêu ngạo và hiếu chiến, đã không thể đạt được mục đích của mình dù đã cố gắng hết sức. Cornélius đã đánh bại Luther một lần theo yêu cầu của cha, nhưng sau đó ném roi đi, chán ghét, và từ chối lặp lại. Mọi thứ dường như không còn suôn sẻ kể từ khi người mẹ qua đời ; tuy nhiên, cuộc sống gia đình vẫn tiếp diễn dù không mấy tốt đẹp, và Carie vẫn kiên nhẫn chờ đợi, trung thành với quyết tâm bí mật và sắt đá của mình.

Khi bà tròn mười tám tuổi, ông Dunlop già, mục sư thời thơ ấu của bà, chuẩn bị nghỉ hưu vì đã trở nên mập mạp và buồn ngủ sau nhiều năm phục vụ. Họ cần tìm người thay thế. Trong việc này, cũng như mọi việc liên quan đến làng xóm, Hermanus đã đứng ra chủ trì, và sau khi nghe thử nhiều bài giảng của các ứng viên khác nhau, họ đã chọn một người đàn ông cao lớn, chín chắn, trẻ tuổi nhưng đã trưởng thành sau chiến tranh. Ông đến từ một hạt lân cận, Greenbrier, cũng thuộc Virginia.

Cha ông là một địa chủ lớn ở đó. Sau chiến tranh, chàng trai trẻ này đã dạy học, rồi vào chủng viện. Khi trở về, ông mang theo hàng loạt bằng khen, với lời khen ngợi đặc biệt về khả năng ngôn ngữ phi thường, đặc biệt là tiếng Phạn, Ả Rập, Do Thái và Hy Lạp. Thị trấn có truyền thống văn chương, và Hermanus duy trì nền văn hóa gia đình qua các thế hệ. Hơn nữa, vị mục sư trẻ có ngoại hình ưa nhìn, cao lớn, dịu dàng với mái tóc vàng, cùng người vợ nhỏ nhắn, thanh lịch trong bộ váy xếp ly, đeo trên tay như một chiếc túi xinh xắn. Bài giảng thử của ông chứng tỏ một giáo lý lành mạnh ; ông giải thích thuyết tiền định và ý chí tự do một cách thỏa đáng, theo những thuật ngữ quen thuộc ; hơn nữa, ông nói rất dài ; nội dung phong phú của bài giảng vượt xa hiểu biết của hầu hết các thành viên trẻ trong hội chúng. Thế là đủ. Ông chính là người họ cần.

Cùng mùa hè đó, sau khi đến làng và an cư trong nhà thờ phủ đầy dây leo, liền kề với nhà thờ trắng, một người em trai, vẫn còn là sinh viên, đã đến thăm ông. Tôi nhắc đến điều này vì Carie. Chàng trai trẻ đang học để trở thành mục sư, cao gầy, với đôi mắt xanh, cận thị, ánh nhìn mơ hồ và thần bí, giọng nói nhẹ nhàng và nụ cười bình yên. Anh tỏ ra nhút nhát, im lặng, và kiên quyết từ chối mọi lời mời tham gia vào dàn hợp xướng hoặc lớp học hát. Anh chỉ mỉm cười trả lời rằng mình có

nhều việc phải làm - anh đang đọc sách cùng anh trai. Vào Chủ nhật, anh đứng tách biệt một chút, dường như không nhìn thấy ai và giữ trên khuôn mặt một vẻ say mê ngưỡng vọng. Khi Carie ngược mắt nhìn về phía anh, điều không thường xảy ra, bà có ấn tượng về một chàng trai rất gần với sự thánh thiện, tốt bụng nhưng thiếu một chút khiếu hài hước. Khiếu hài hước của bà luôn là nguồn cơn của những rắc rối. Bà xấu hổ vì luôn chú ý đến những sự việc buồn cười, ngay cả trong đám tang, và không ít lần bà không thể kìm nén được tiếng cười trong nhà thờ. Và chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt như vậy ! Bà tự trách mình sau đó, đầy hối hận. Ví dụ như khi ruồi bầu đầy trên lớp voan che chiếc mũ của bà Nelson, trong lúc bà đang chơi đàn organ. Những con ruồi, bị mắc kẹt, bay loạn xạ, kêu vo ve. Và dưới lớp voan hỗn độn đó, bà Nelson, một bà gái nhỏ nhắn, lúng túng, đỏ mặt, gần như ngất đi ; bà ít nhất cũng bỏ chạy một lần trong buổi lễ, rồi quay lại, thoát khỏi tai họa đó; nhưng chẳng mấy chốc, những con ruồi khác, bị thu hút bởi lớp voan ngọt ngào, lại bay qua cửa sổ và lao thẳng vào chiếc mũ. Mỗi mùa hè, chiếc mũ trang trí đó lại trở thành cái bẫy ruồi, khiến những người trẻ trong hội chúng thích thú.

Người em của mục sư không bao giờ để ý đến những chuyện như vậy trong nhà thờ. Suy nghĩ của anh hướng về nơi khác, không nghi ngờ gì nữa, đó là nơi chúng nên thuộc về. Carie, luôn cảm thấy xấu hổ vì sự mâu thuẫn giữa mong muốn và hành động của mình, trở nên nghiêm túc khi đối mặt với vẻ nhiệt thành trên khuôn mặt nhợt nhạt với những đường nét thô ráp của anh. Nhưng bà hầu như không nói chuyện với chàng sinh viên trẻ. Anh dường như bị bà lập bởi cả tính cách lẫn sứ mệnh của mình. Bà kính trọng anh sâu sắc, nhưng không hề nghĩ đến anh. Chẳng phải bà có một sứ mệnh phải hoàn thành sao ?

Năm mươi chín tuổi, bà đã học được tất cả những gì Cornélius có thể dạy, và ông muốn bà tiếp tục theo đuổi những nghiên cứu xứng đáng với trí thông minh sắc sảo và sáng láng của bà. Gia đình đã khôi phục được khá giả sau chiến tranh ; họ có thể để Carie rời nhà. Luther, đã trưởng thành hơn, đồng ý học hành. Cornélius quyết định gửi Carie đến một trường nữ sinh, nơi bà có thể thoải mái không chỉ phát triển trí tuệ mà còn rèn luyện giọng hát mạnh mẽ và tuyệt vời của mình.

Đây không phải là một trường nội trú bình thường. Ngoài chương trình học chính quy, Hermanus rất khát khe về mặt tôn giáo. Ông kiên định với giáo lý lành

mạnh của giáo phái Presbyterian và nhấn mạnh vào giáo dục đạo đức cùng cách cư xử tốt. Sau nhiều tìm kiếm, họ đã tìm thấy nơi lý tưởng : trường Bellewood gần Louisville, Kentucky.

Carie nhập học năm mười chín tuổi. Bà rời đi trong tâm trạng xúc động. Bà mặc một bộ đồ mới cho chuyến đi, sẽ gây ấn tượng trong suốt hành trình. Chiếc váy này có phần đệm hậu lớn phía sau, sáu lớp xếp ly ở gấu váy và một chút ren màu kem, xếp nếp ở cổ tay và ngực. Một chiếc mũ lông nhỏ, trang trí cùng loại ren đó, được đội cao trên mái tóc xoăn của bà. Carie cảm thấy hoàn toàn hài lòng về bản thân, dù bà cho rằng miệng mình hơi rộng. Nhưng đôi môi của bà lúc đó rất đỏ, và má hồng hào tươi tắn. Nhiều năm sau, đứa con gái nhỏ của bà đã ngây thơ hỏi : «Mẹ ơi, mẹ có xinh đẹp khi còn trẻ không ?» Đôi mắt nâu vàng của Carie lấp lánh, và bà trả lời một cách khiêm tốn : «Neale Carter dường như nghĩ vậy khi tiễn mẹ lên đường đến trường nội trú».

Hai năm ở trường Bellewood rất hạnh phúc và đầy ắp tình bạn. Lớp của Carie có mười bảy học sinh, và bà trở thành người dẫn dắt, vì bà đã giành được tình cảm của họ đến mức đáng ngạc nhiên. Trái tim rộng lớn của bà hiểu được mỗi con người, và sự đa dạng trong tình bạn của bà luôn khiến người khác kinh ngạc. Chỉ cần ai đó

cần giúp đỡ và sự dịu dàng là có thể đánh thức sự quan tâm ngay lập tức của bà. Tôi tin rằng nếu Neale Carter suýt giành được tình yêu của bà, đó chủ yếu là vì bà nghĩ rằng mình có thể khiến anh trở nên tốt hơn. Ít nhất bà đã thừa nhận với chúng tôi rằng anh suýt đã chiếm được trái tim bà vì lý do đó, nhưng nhờ khiếu hài hước sắc sảo và bàng bâng, bà nhận ra rằng mỗi khi anh tái phạm - vì anh nghiện rượu - anh lại tận hưởng cả tội lỗi lẫn sự tha thứ quá nhiều, và điều đó khiến bà rời xa anh.

Tôi có ở đây, bên cạnh mình, hai bài luận là di vật từ thời đi học của bà, được viết bằng nét chữ mảnh mai và thanh thoát thời đó. Một bài có tiêu đề «Nữ hoàng Esther». Đó là một bài luận về sự hy sinh của nữ hoàng Do Thái vì dân tộc mình - sức hấp dẫn vĩnh cửu của sự hy sinh ! - nữ hoàng sẵn sàng hiến dâng mạng sống nếu cần. Nhưng bài luận kết thúc với sự đảm bảo ngây thơ và đáng yêu rằng những ai làm điều tốt và tin tưởng vào Chúa sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng.

Bài luận thứ hai đã giúp bà giành được huy chương vàng được gắn trên một chiếc trâm, cho phép đeo nó quanh cổ bằng một dải ruy-băng hẹp. Bài luận này cũng được viết bằng nét chữ tuyệt đẹp như bài đầu tiên, không có một chút sửa chữa nào. Đây có lẽ là một cuộc thi về triết học đạo đức. Bài luận đầy ắp những giáo

điều tôn giáo nhiệt thành. Carie, ít nhất là ở tuổi hai mươi, không còn muốn là đứa trẻ ngoan đạo ngày xưa, luôn đấu tranh với bản thân, mà là một thiếu nữ với tình cảm cao thượng, một tín đồ Cơ đốc. Trong những trang viết này thoáng hiện một chút tự phụ khiến tôi không mấy bận tâm, vì tôi hiểu rõ tính cách lãng mạn của Carie, khiêu hài hước luôn sẵn sàng cứu vãn tình thế. Thực tế là, cho đến cuối đời, bà chỉ cần cầm bút lên là trở nên trang nghiêm và viết ra những lời răn dạy đạo đức mà thực chất là dành cho chính mình. Bà tìm cách củng cố sức mạnh tinh thần, ngay cả trong cuốn nhật ký nhỏ của mình. Tôi nghĩ bà luôn cảm thấy cần phải uốn nắn tâm trí mình. Bà tự thuyết giảng, sợ rằng tâm hồn vui tươi của mình sẽ đưa bà đi chệch khỏi con đường ngay thẳng.

Nếu Carie chỉ như hình ảnh mà người ta hình dung khi đọc «Những bằng chứng đạo đức của Cơ đốc giáo», bài luận được viết rất tốt nhưng ngớ ngẩn đó, bà đã không thể giành được tình yêu của bạn bè đến vậy, vì nhiều người vẫn tiếp tục viết thư cho bà suốt những năm bà còn sống. Những học sinh cùng khóa với bà, vẫn còn sống hai mươi lăm năm sau khi tốt nghiệp, đã tặng bà một tấm chăn tuyệt đẹp làm từ những mảnh lụa và nhung ghép lại ; mỗi người thêu tên mình lên mảnh vải của mình rồi gửi tác phẩm sang Trung Quốc. Carie

ôm chặt tấm chăn vào lòng và mỉm cười, đôi mắt ngấn lệ. «Những bà gái đáng yêu», bà thì thầm, dù tất cả giờ đã là những người phụ nữ tóc bạc, như chính Carie lúc đó.

Tôi nhớ có lần bà buông thả theo sở thích màu sắc của mình ; bà lót tấm chăn đó bằng một tấm lụa Trung Quốc tuyệt đẹp, thêu hoa văn màu đỏ thắm, và chúng tôi coi đó như một báu vật vinh quang. Nó được đặt ở vị trí trang trọng trên giường trong phòng khách. Nhưng khi Carie sắp qua đời, giữa lòng thành phố Trung Quốc, bà đã đòi lấy nó và người ta trải tấm chăn tình yêu và kính trọng đó lên người bà. Ít nhất, và tôi rất vui vì điều này, bà đã ra đi trước ngày cách mạng nổ ra, khi tấm chăn rơi vào tay những tên lính say máu và cướp bóc. Chúng bóc thăm chia nhau, và nó thuộc về kẻ hung tợn nhất, man rợ nhất mà tôi từng thấy và có lẽ sẽ không bao giờ thấy lại, và gã đó quần nó quanh đôi vai trần bần thiêu của mình.

Năm hai mươi hai tuổi, Carie hoàn thành việc học và trở về nhà, ngôi làng của bà, cảm thấy mình đã là một thiếu nữ hoàn hảo. Những năm tháng ở trường nội trú, cuộc sống kỷ luật và sự đề cao tôn giáo đã càng làm bà khao khát trở thành nhà truyền giáo. Bà nói với cha mình về kế hoạch này. Ông vô cùng kinh ngạc, và tức

giận, gạt bỏ toàn bộ chuyện đó. Làm sao một bà gái trẻ đẹp lại có thể đến một đất nước của những kẻ ngoại đạo, những người có lẽ sẽ sẵn sàng ăn thịt một tín đồ Cơ đốc - con gái ông ? À, không ! Không bao giờ !

Carie, ngạc nhiên đến mức không thể diễn tả, vì bà tin rằng kế hoạch này sẽ phù hợp với tư tưởng tôn giáo sâu sắc của cha mình, nhanh chóng mất kiên nhẫn. Bà tranh luận một cách gay gắt ; bà muốn cha đồng ý để bà cống hiến cho sứ mệnh cao cả, còn ông, người đã truyền cho bà tính khí nóng nảy và sự bướng bỉnh, đã trả lời với sự nhiệt thành và vô cùng trang trọng rằng mọi thứ đều có giới hạn, ngay cả tình yêu dành cho Chúa. Một phụ nữ hai mươi hai tuổi, chưa lập gia đình, đi truyền giáo là không phù hợp.

Carie chưa bao giờ nghe cha mình nói những lời dị giáo như vậy ; bà bật khóc vì tức giận, và quyết tâm cao đẹp của bà biến thành sự bướng bỉnh.

Người em trai của mục sư trở về vào kỳ nghỉ Giáng sinh, cao lớn, xanh xao và xa cách hơn bao giờ hết. Carie, trong tâm trạng phấn khích hiện tại, thấy anh thật đáng ngưỡng mộ. Neale Carter và nhóm bạn của anh thật thô lỗ và kinh khủng. Sau đó, bà nghe thấy những bà gái cùng tuổi thì thầm. Người ta nói rằng chàng trai này sẽ trở thành nhà truyền giáo. Bà cảm thấy trái tim

mình như nhảy lên : đây có phải là con đường của mình?

Một ngày, bà tìm có đề nói chuyện với anh, nhưng sự tự nhiên vui vẻ thường ngày của bà đột nhiên biến mất. Đó là sau buổi lễ ở nhà thờ, khi các tín đồ, theo thói quen, tụ tập trước cửa và trên bãi cỏ. Anh lịch sự cúi đầu, cũng bối rối như bà. Carrie hỏi, đôi mắt vàng của bà sáng lên vì xúc động : «Có thật là anh muốn đến Trung Quốc làm nhà truyền giáo không ?»

Bà chờ đợi câu trả lời của anh trong hồi hộp.

«Vâng, tôi cảm thấy đó là nhiệm vụ của mình», anh trả lời đơn giản. Anh đứng thẳng, vầng trán cao trắng toát có vẻ bình thản và thuần khiết, đôi mắt xanh ngập tràn sự thanh thản.

Bà kêu lên đầy nhiệt huyết : «Ôi ! Em cũng muốn đi từ nhiều năm nay rồi !»

Anh nhìn bà với sự quan tâm, lần đầu tiên. Đôi mắt xanh, mơ hồ và hơi lạnh lùng của anh gặp đôi mắt sẫm màu và sáng lấp lánh của bà gái.

«Thật sao ?» anh nói.

Sau này, khi đã hiểu rõ anh, những lời đơn giản này: «Tôi cảm thấy đó là nhiệm vụ của mình», đã cho bà

chìa khóa để hiểu bản chất con người anh, giải thích mọi hành động, lý do tồn tại không thể chối cãi của cuộc đời anh.

Anh không quên. Anh trở lại thăm bà, một cách trang trọng, và họ trò chuyện với nhau đầy phấn khích về tôn giáo và những dự định chung. Bà nhìn anh khi anh nói và giải thích những giáo lý mà bà chưa đủ kiên nhẫn để nghiên cứu trong những cuốn sách bám đầy bụi của nhà thờ. Bà cảm thấy như Chúa muốn họ đến gần nhau hơn. Trái tim bà không đập nhanh hơn khi họ ở bên nhau. Họ trò chuyện một cách tự nhiên và dễ dàng về những điều bổ ích. Bà cảm thấy quyết tâm của mình trở nên cao cả và thuần khiết hơn. Tính thể tục, sự sôi nổi trong bản chất ngày xưa của bà dần phai nhạt. Sau khi vị nhà truyền giáo tương lai rời đi, bà cảm thấy tươi mới, bình yên và ngoan đạo. Không còn dấu vết của sự mãnh liệt, tiếng cười và những trò đùa mà thời Neale theo đuổi bà đã khiến bà vui vẻ nhưng cũng mang lại chút xấu hổ.

Một ngày, rất nhanh, bà nhận được một bức thư. Đó là một lời cầu hôn, được viết cẩn thận, với những từ ngữ trang trọng.

Vì họ có cùng mục đích sống, những ý tưởng tương đồng, Chúa dường như muốn họ kết hợp. Hơn nữa, mẹ anh từ chối để anh đến những vùng đất ngoại đạo nếu

chưa lập gia đình. Bà đã đặt ra điều kiện duy nhất này - anh phải tìm một người vợ. Và không dễ để tìm được một người phụ nữ đồng ý đi xa đến vậy. Cuộc gặp gỡ của họ dường như là do ý trời.

Bà đọc bức thư với lòng tôn kính. Kết hợp với một người đàn ông như vậy, bà sẽ trở nên tốt đẹp. Trí tưởng tượng sống động của bà chạy về phía trước, cho bà thấy những năm tháng sống bên nhau, sự phục tùng tuyệt đối lẫn nhau và với Chúa, cùng nhau giúp đỡ. Anh không có tài hùng biện. Bà, với khả năng ngôn ngữ lưu loát và phong phú, sẽ giúp anh trong những bài giảng. Anh mang đến kiến thức uyên thâm, bà mang đến tài hùng biện, và sự kết hợp của cả hai sẽ không thể cưỡng lại được. Bà thấy một đám đông người ngoại đạo da sẫm mặc đồ trắng, được rửa tội và đi theo họ với ánh mắt ngưỡng mộ - một cuộc đời thành bành - bản chất cũ ồn ào, đam mê, yêu thích khoái lạc, đã bị chinh phục mãi mãi. Với Neale Carter, bà đánh mất linh hồn mình mà không cứu được linh hồn anh. Với người đàn ông này, không chỉ thiên đường là chắc chắn, mà bà còn giúp nhiều linh hồn khác lên thiên đàng. Nếu một bóng đen thoáng qua và bà cảm thấy đau lòng khi nghĩ đến việc rời xa ngôi nhà yêu dấu và quê hương, ngay lập tức bà tự nhủ một cách quyết tâm rằng bà biết mình muốn gì. Bà muốn điều tốt đẹp hơn tất cả. Nếu bà hy sinh - hoàn

toàn - Chúa sẽ gửi cho bà một dấu hiệu, một ngày nào đó. Bà cảm thấy dấu hiệu đó rất gần khi trò chuyện với nhà truyền giáo trẻ.

Nhưng bà không trả lời ngay lập tức. Bà đến gặp cha và nói một cách bình tĩnh, vì chính sự phấn khích đã khiến bà tràn ngập bình yên, rằng Chúa đã mở ra cho bà một con đường - bà quyết định kết hôn với chàng trai nhà truyền giáo và sẽ theo anh đến những vùng đất xa xôi.

Lúc này, Hermanus đã là một ông già tóc bạc, cực kỳ nóng tính, thẳng như cây gậy và hiếu chiến như một vị tướng già. Ông cầm gậy và tiến về phía cửa. Tình cờ, lúc đó khoảng ba giờ chiều, và chàng trai nhà truyền giáo đến thăm như thường lệ. Anh bước đi chậm rãi dọc theo lối đi lát đá, với bước chân luôn hơi do dự. Người đàn ông nhỏ bé giận dữ lao đến và vùng gậy trước mặt chàng trai khiến anh ngạc nhiên lùi lại.

«Thưa ông, tôi biết ý định của ông ! Hermanus hét lên với giọng nói không phù hợp với vóc dáng nhỏ bé của mình. Ông sẽ không có con gái tôi !»

Nhà truyền giáo có một chút khiêu hài hước, hơi khàn, chỉ thỉnh thoảng xuất hiện. Anh nhìn xuống người đàn ông nhỏ bé, nói nhẹ nhàng : «Nhưng tôi tin là sẽ có,

thưa ông», và tiếp tục bước đi.

Carie đang đợi anh ở cửa ; những do dự cuối cùng của bà đã biến mất. Sự phản đối của Hermanus đã giúp ích cho chàng trai. Bà đồng ý kết hôn với anh. Cornélius cố gắng thuyết phục cha mình. Bản thân ông cũng không tán thành lắm. Nhưng ông nhận ra Carie đã là một người phụ nữ trưởng thành và tự do hành động theo ý mình. Hơn nữa, chàng trai tỏ ra rất đạo đức ; truyền giáo là một bằng việc cao cả, nếu có mong muốn và thiên hướng ; sâu thẳm, ông biết Carie sẽ làm theo ý mình, và tốt hơn là nhượng bộ và tỏ vẻ đồng ý hơn là để bà ra đi chống lại ý muốn của họ. Hermanus, sau nhiều cuộc trò chuyện, đã miễn cưỡng đồng ý.

Từ đó, chàng trai nhà truyền giáo đến mỗi ngày để trò chuyện riêng với Carie một giờ trong phòng khách, nơi anh tiếp tục gọi bà là «Bà Carie» cho đến ngày cưới; lúc bốn giờ, anh dùng bữa nhẹ với gia đình, và theo phong tục của nhà, họ phục vụ rượu và bánh ngọt.

Ngày 8 tháng 7 năm 1880, đám cưới diễn ra. Carie mặc một chiếc váy du lịch màu be, vì những chi tiết cầu kỳ bằng satin trắng và hoa cam có vẻ không phù hợp với một nữ truyền giáo.

Ở nhà ga, có một chút hỗn loạn khi mọi người nhận ra chú rể chỉ đặt một chỗ trên tàu.

«Anh phải nhớ rằng bây giờ anh đã có vợ», anh trai anh nói với vẻ trách móc.

Sự thật là, khi thấy giấc mơ cuối cùng thành hiện thực, chàng trai nhà truyền giáo cảm thấy xúc động vì chuyển đi hơn là vì hôn nhân ; anh sắp bắt đầu sứ mệnh cuộc đời mình. «Sứ mệnh» như anh gọi lúc đó, và mãi mãi sau này. Chương ngại cuối cùng đã được gỡ bỏ : điều kiện mẹ anh đặt ra : kết hôn. Anh đã có vợ. Nhưng anh không bao giờ hoàn toàn nhớ điều đó.

Họ bắt đầu chuyển đi như hai đứa trẻ. Cả hai đều sống trong những thị trấn yên tĩnh, chỉ rời đi để đến trường học. Giờ đây, họ đầy tự tin, cao cả, lên đường đi nửa vòng trái đất. Họ chỉ biết một điều là sẽ đi bằng đường bộ trước, rồi đường thủy. Andrew có một nghìn năm trăm đô-la tiền giấy do ủy ban truyền giáo mà anh làm việc trao cho. Anh gấp những tờ tiền này vào túi áo khoác dài của mình. Hai vợ chồng ngồi trên ghế suốt hành trình băng qua lục địa, không biết rằng có thể thuê giường nằm. Khi đến San Francisco, họ đợi vài ngày trước khi tìm chỗ trên tàu. Cuối cùng, Andrew xuống bến cảng, tìm thấy một con tàu cũ kỹ, không xứng đáng ra biển, ồn ào, tên là Thành phố Tokyo, sẽ khởi hành

vào ngày hôm sau. Anh đặt một cabin và cặp vợ chồng trẻ chuẩn bị cho chặng thứ hai của hành trình.

Chỉ ba ngày sống chung, Carie đã nhận ra mình phải đảm nhận việc quản lý những khía cạnh thực tế của cuộc sống ; Andrew, dù rất giỏi trong việc cầu nguyện và giảng đạo, lại ngây thơ và đơn giản như trẻ con trong các vấn đề khác. Anh có niềm tin tuyệt đối vào bản chất con người, dù khi giảng đạo anh nói nó xấu xa. Thực tế, anh chỉ tin vào sự độc ác của những người có giáo lý khác mình. Carie là người thu xếp hành lý và đồ đạc lên tàu, và tìm hiểu về những yêu cầu của chuyến đi.

Ai có thể biết sau bao nhiêu năm, nửa thế kỷ, điều gì đã diễn ra trong tâm hồn Carie khi bà rời xa bờ biển Mỹ vào một ngày hè nóng bức đó ? Tôi đã nghe chính bà kể về khoảnh khắc hoảng loạn kinh khủng khi bà nhận ra mình đang rời xa quê hương. Bà nhanh chóng xuống cabin để không thấy khoảng cách giữa con tàu đang chạy và bờ biển yêu dấu ngày càng xa. Bà đột nhiên ghét vị thánh mà mình vừa kết hôn và cảm thấy thù địch - ngay lập tức bị kìm nén - với cả Chúa, người vào giờ phút chia ly này, từ chối lên tiếng từ thiên đường và gửi cho bà dù chỉ một dấu hiệu đồng ý nhỏ nhất.

Đến cuối đời, Carie vẫn nhớ với nỗi kinh hoàng về đại dương mà con tàu nhỏ bé già nua đã đưa họ đi suốt

một tháng. Bà nhận ra mình say sóng chỉ một giờ sau khi đất liền khuất khỏi tầm mắt. Con say sóng của bà đặc biệt dữ dội. Những cơn đau đầu và đau lưng khủng khiếp đi kèm với buồn nôn và tình trạng này ngày càng tồi tệ. Bà lớn lên ở vùng núi mà bà yêu thích. Vẻ đẹp của biển cả chỉ hiện lên với bà như một thứ gì đó đáng sợ và choáng ngợp. Tôi nghĩ bà nhìn thấy ở đó khoảng cách ngăn cách bà với quê hương, quê hương mà bà càng yêu thương sâu sắc hơn theo năm tháng. Khoảng cách đó quá rộng lớn và không thể vượt qua đến nỗi ngăn cản bà trở về nhà vào cuối đời và bà phải chết ở nơi đất khách thay vì chấp nhận rủi ro vượt biển. Một ngày, bà quay lại nhìn chúng tôi khi rời bến tàu. Con say sóng đã làm bà xanh xao, nhưng đôi mắt bà vẫn sáng lấp lánh với chút hài hước khi bà nói : «Tôi mong lên thiên đàng hơn bao giờ hết vì Kinh Thánh nói rằng ở đó sẽ không có đại dương».

Tình trạng như vậy đặc biệt khó chịu trong tuần trăng mật. Nhưng Carie chịu đựng cùng Andrew tốt hơn so với nếu bà kết hôn với ai khác, vì Andrew hầu như không để ý đến ngoại hình của phụ nữ, kể cả vợ mình. Bà biết điều đó và cười, dù cũng đau khổ. Tôi nhớ rất lâu sau đó, khi nhan sắc đã phai tàn, bà nói với chúng tôi : «Andrew chưa bao giờ biết tôi trông thế nào, hay tôi mặc gì. Lời khen duy nhất anh dành cho tôi là khi

anh nghĩ tôi sắp chết sau khi sinh con. Anh cảm thấy xúc động khác thường, và ngồi cạnh giường tôi, anh ngập ngừng nói : ‘Anh không biết em có đôi mắt nâu đẹp thế, Carie.’ Chúng tôi đã kết hôn mười tám năm và tôi vừa sinh đứa con thứ bảy ! Đó là điều xảy ra khi bạn lấy một vị thánh !» Rồi với sự thay đổi đột ngột và tính khí thất thường thường thấy, bà thêm : «Nhưng cuối cùng, tôi thà là vợ một vị thánh chưa bao giờ ngưỡng mộ tôi, còn hơn là vợ một kẻ xấu ngưỡng mộ tất cả phụ nữ khác».

Khi đến Nhật Bản, họ ngạc nhiên khi thấy một nền văn minh và văn hóa phát triển đến vậy. Điều này có thể nhận thấy ngay cả trong những chặng dừng ngắn tại các cảng. Carie, đặc biệt, vui mừng quan sát vẻ đẹp tinh tế thu nhỏ này, và không thể tin rằng một đất nước cổ tích hoàn hảo như vậy lại có thể xấu xa. Nhưng Andrew không dễ bị lạc lối bởi cái đẹp ; anh thấy những ngôi đền Nhật Bản và rất nhiều tín đồ và cảm thấy yên tâm. Rõ ràng vùng đất này vẫn là ngoại đạo.

Con tàu cũ, Thành phố Tokyo, kết thúc hành trình tại Nhật Bản ; họ phải đổi sang một tàu bánh xe phục vụ vùng biển Trung Quốc. Cặp vợ chồng trẻ trải qua năm ngày kinh khủng trên con tàu này, nhưng trước khi vượt qua vùng biển nổi tiếng sóng gió, họ đi dọc theo vùng

biển nội địa một cách yên bình ; những vùng biển này trải rộng, hạnh phúc trong vẻ huy hoàng, giữa các hòn đảo và núi non của Nhật Bản giữ chúng phục tùng và yên lặng. Carie luôn nhớ về khung cảnh rực rỡ và thanh bình này và mỗi lần sau này đi qua lại, bà đều tìm thấy niềm vui mới.

Khi đến gần Trung Quốc, bà tìm kiếm những bờ biển đá, đầy thơ mộng, gây ấn tượng mạnh khi đến Nhật Bản. Nhưng bờ biển ở đây khác. Sông Dương Tử đổ ra biển một cách dày đặc và ảm đạm. Dòng nước vàng, đục của nó vẫn đặc quánh, không hòa lẫn với làn nước trong xanh của đại dương. Con tàu dường như do dự, va vào ranh giới của những dòng nước từ chối hòa hợp. Ngay khi đất liền hiện ra, người ta có thể thấy những bãi bùn rộng lớn hai bên tàu. Carie mất một chút can đảm. Liệu bà sẽ phải sống ở một đất nước không có vẻ đẹp ? Và đó là cách họ đến Trung Quốc. Họ cập bến Thượng Hải, lúc đó cũng như bây giờ, là cảng chính của bờ biển. Những nhà truyền giáo cũ đang chờ đón những người mới trên bến tàu. Carie nhìn họ với sự tò mò, tự hỏi mình sẽ gặp kiểu người đàn ông và phụ nữ nào. Bà thất vọng khi thấy họ bề ngoài giống những người bình thường khác, không có dấu hiệu đặc biệt nào cho thấy sự cao quý của tâm hồn, cũng không có gì ngược lại. Họ là một nhóm người bình thường, ăn mặc

hơi lỗi thời, như những người bà từng gặp trong làng. Các bà vợ liếc nhìn bộ đồ du lịch của bà, và những câu hỏi đầu tiên của họ là về nước Mỹ, điều khiến Carie xúc động. Họ chào đón nồng nhiệt, đầy ấm áp, và thật tốt khi có người ra đón.

Nhìn thấy hai nhà truyền giáo trẻ khỏe mạnh, mới đến, những người đi trước, tổng cộng mười một người, cảm thấy được khích lệ, vì họ đã không nhận được thêm người trong bảy năm. Có một bữa tối chào mừng vào tối đầu tiên tại nhà một nhà truyền giáo sống ở Thượng Hải, và tất cả đều háo hức nói chuyện, đặt câu hỏi, nghe tin tức mới nhất từ quê nhà và đưa ra lời khuyên.

Tôi không thể nghĩ về bữa tối đó mà không nhớ cách Carie kể lại cho tôi và sự việc xảy ra sau đó. Sau bữa tối, Andrew, no nê, mệt mỏi và uể oải vì chuyến đi biển, ngủ gục, ngồi thẳng trên ghế, khiến bà dâu trẻ kinh ngạc và bối rối, vì ngồi phía bên kia phòng, bà không thể đánh thức anh. Đây là lần đầu tiên bà chứng kiến chuyện như vậy, nhưng Carie sớm phát hiện ra rằng bất cứ lúc nào, khi Andrew cảm thấy mệt hoặc chán, anh sẽ nhẹ nhàng và kiên quyết ngủ thiếp đi, rồi tỉnh dậy tươi tỉnh và vui vẻ. Khả năng ngủ này giúp anh rất nhiều trong những năm tháng khó khăn của cuộc đời tiên phong và có lẽ giúp anh giữ được sức khỏe tốt, nhưng Carie luôn khỏ

sở vì nó. Bà cố gắng ngồi gần anh nhất có thể, và học cách đánh thức anh bằng một cử chỉ nhẹ nhàng và khéo léo, vì phải cẩn thận, đề phòng anh kêu lên một tiếng nhỏ khi tỉnh dậy và thu hút sự chú ý.

Hiếm khi tôi thấy bà tức giận như một lần khi anh ở trong nhà thờ, ngồi trên bục, giữa những người đàn ông học thức, sắp phát biểu. Thấy bài phát biểu của người trước hơi nhàm chán, anh bình thản ngủ thiếp đi. Carrie, ngồi hàng ghế đầu, ngay lập tức nhận ra và nức ánh mắt có thể xuyên thủng, anh đã bị ghim vào tường. Nhưng anh tiếp tục ngủ trong khi bà quần quai trên ghế ; bà suýt đứng dậy khi người ta giới thiệu anh mà anh vẫn ngủ. Như một phép màu, anh mở mắt đúng lúc, nhìn về phía trước, thấy bục giảng trống và đứng lên phát biểu. Anh mỉm cười, hơi ngượng ngùng, khi bà trách móc sau đó, điều không bao giờ thiếu ; bà càng tức giận hơn vì anh nói đúng : anh luôn tỉnh dậy vào phút cuối.

Nhóm nhỏ ở lại Thượng Hải một tuần để chuẩn bị đồ dùng mùa đông. Lúc đó, không thể tìm thấy hàng ngoại nhập ở nơi khác ; các nhà truyền giáo mua cả than đá ở cảng này và vận chuyển vào nội địa bằng thuyền gỗ địa phương. Andrew mua chiếc áo len nhập khẩu đầu tiên từ Anh, vì mùa đông ở thung lũng Dương Tử lạnh và ẩm ướt. Họ cũng mua chăn ga gối đệm, đồ đạc cho

phòng ngủ, Carie thêm vải muslin màu hồng với ý định làm rèm cửa, và Andrew tự hỏi liệu mình có nên đồng ý không.

Sau đó, họ phải chia tay. Một nhóm đi đến Tô Châu và nhóm khác, bao gồm cặp vợ chồng trẻ, đến Hàng Châu. Họ đi thuyền gỗ cũ, rất nặng, mất bảy ngày để hoàn thành hành trình từ Thượng Hải đến Hàng Châu, điều ngày nay nghe thật khó tin khi có dịch vụ tàu hỏa tốt chỉ mất nửa ngày, khiến các doanh nhân Thượng Hải có thể dành cuối tuần bên Hồ Tây ở Hàng Châu. Nhưng thời đó, ngoài vài nhà truyền giáo, không có người da trắng nào khác trong khu vực : Andrew, Carie và bà Randolph già, lên một thuyền, còn gia đình Stuart với ba cậu con trai nhỏ lên thuyền khác. Họ thuê những chiếc thuyền này ở kênh Tô Châu và thủy thủ chèo thuyền qua thành phố Trung Quốc. Bờ kênh đông nghịt người hiếu kỳ đến xem người nước ngoài.

Khi Carie quay lại và thấy biển mặt nâu đỏ, bà cảm thấy rất phân vân. Đây chính là những «kẻ ngoại đạo» mà bà đã rời bỏ quê hương và hiến dâng cuộc đời mình. Ôi ! Bà sẽ cống hiến hết mình cho họ ! Nhưng ngay lập tức bà cảm thấy ghê tởm. Họ trông thật kinh khủng ; đôi mắt xéch có vẻ tàn nhẫn, sự tò mò của họ khiến bà lạnh người. Cuối cùng, những chiếc thuyền rời khỏi bóng tối

của thành phố, nơi những ngôi nhà chen chúc đến mức dường như bị ném xuống bờ kênh với những cột chống nhô lên khỏi mặt nước. Ra đến ngoại ô, con kênh trải dài, phẳng lặng và êm đềm giữa những cánh đồng nhỏ yên bình, và Carie có thể thở lại. Bầu trời xanh rộng lớn, những hàng cây quen thuộc, cây liễu giống như những cây bà đã rời xa, mùa màng sắp thu hoạch - bà biết tất cả những điều này và không sợ chúng. Thật may mắn khi Carie có trải nghiệm đầu tiên này với đất nước mới. Bà trải qua bảy ngày dài đẹp trời lênh đênh giữa những cánh đồng chín vàng. Vẻ đẹp luôn có sức chinh phục bà và giờ đây bao quanh bà, dù khác lạ. Tháng Chín sắp kết thúc, tháng Mười đang đến và bầu trời không một gợn mây. Đây là thời điểm ánh sáng rực rỡ nhất ở thung lũng Dương Tử. Cái nóng oi ả của mùa hè đã biến mất, đầu mùa thu chỉ làm dịu bớt sự khắc nghiệt của mặt trời và bầu không khí, để lại hơi ẩm dễ chịu. Những khóm tre đung đưa như lông vũ, những ngọn đồi thấp xanh mướt, dòng nước vàng của con kênh uốn lượn, những cánh đồng vàng trĩu hạt lúa, những ngôi làng nhỏ màu nâu với mái tranh, cách nhau khoảng nửa dặm, nhịp điệu ru ngủ của những chiếc chày đập lúa trên sân, hơi thở ngọt ngào của mùa thu - tất cả lấp đầy những ngày của Carie và có ảnh hưởng tốt đến kế hoạch tương lai của bà. Bà ngồi ở đầu thuyền và nhìn xung quanh, ngạc

nhien, bất ngờ, trong sự ngây thơ của mình, rằng một vùng đất ngoại đạo lại có thể đẹp đến thế. Đôi khi họ yêu cầu người chèo thuyền đưa thuyền vào gần bờ để đi bộ một chút. Những chiếc thuyền đi không nhanh hơn bước chân người, trừ khi căng buồm khi có gió. Nhưng vào những ngày thu trong trẻo và yên tĩnh này, thuyền được kéo bằng dây thừng buộc một đầu vào cột buồm, đầu kia quàng qua vai những người đàn ông đi dọc theo bờ kênh.

Khi đi qua vùng nông thôn, Carie quan sát khuôn mặt những người họ gặp với sự quan tâm lớn. Họ không có khuôn mặt cứng rắn, tàn nhẫn như dân thành phố. Họ là những nông dân hiền lành, rám nắng, tò mò nhìn chằm chằm vào người nước ngoài, nhưng dễ dàng đáp lại nụ cười, và Carie luôn hào phóng với nụ cười của mình. Những người cha, người mẹ, những đứa trẻ nhỏ vui tươi như những chú dế nâu trên mặt đất, tất cả hiện lên trước mắt bà như những gia đình sống nhờ đất đai; tôi tin rằng từ đó, bà không còn nhìn họ như những kẻ ngoại đạo mà xem xét họ qua góc độ con người. Và cuộc sống sau này của bà giữa họ mang dấu ấn của trải nghiệm đầu tiên này, bất chấp định kiến chủng tộc từ thời giáo dục của bà. Nhưng nỗi đau, sự khốn khổ hay vẻ duyên dáng của từng cá nhân khiến bà vô thức quên đi những ý niệm có sẵn và đánh giá mọi người theo cá

tính của họ.

Tôi nhớ một câu chuyện bà kể về thời thơ ấu, khi cha bà, người từ chối sở hữu nô lệ, lại không cho phép con chơi với những đứa trẻ da đen. Ở cuối cánh đồng có một ngôi nhà của nông dân da đen tự do làm ruộng. Ông ta có rất nhiều con và Hermanus cho xây một hàng rào ngăn chúng vượt qua. Carie kể : «Đôi khi chúng tôi chơi ở cánh đồng đó, nhưng tôi không thích. Những đứa trẻ da đen trèo lên hàng rào và nhìn chúng tôi với ánh mắt thèm muốn. Một ngày, Luther hét với chúng: ‘Chúng tôi không được chơi với các bạn !’ Và chúng đồng thanh đáp lại với những giọng nói không hòa hợp: ‘Chúng tôi biết. Chúng tôi biết mình là lũ trẻ da đen.’ Tôi không bao giờ quên nỗi buồn mình cảm thấy, và từ lúc đó, tôi hiểu được ý nghĩa của việc là người da đen ở một vùng đất của người da trắng. Tôi đã mắng Luther rất nhiều vì đã nhắc lại điều đó một cách tàn nhẫn». Đôi mắt Carie khi kể chuyện trở nên rất dịu dàng và bi thảm. Bà luôn mong mọi người được hạnh phúc !

Biết bao lần tôi thấy bà đi bộ qua một ngôi làng nhỏ Trung Quốc và dừng lại như Chúa đã làm trên Giêrusalem, khi Người thốt lên lời than thống thiết nhất của cuộc đời : «Ôi Giêrusalem, Giêrusalem !» Tôi đã nghe bà kêu lên đầy đam mê trước những con người

bị cuộc sống áp bức : «Sẽ vô ích nếu thay đổi mọi thứ, bà nói ; không cần thay đổi nhiều ở những ngôi làng này - nhà cửa, đường phố, cánh đồng vốn đã tốt, tôi muốn chúng giữ nguyên như vậy. Nhưng nếu chỉ cần họ không giết những bé gái nữa, và không để vợ mình sống trong tình trạng ngu dốt với đôi chân bó buộc : nếu họ ngừng thờ cúng một cách mù quáng, chỉ vì sợ hãi - và nếu dọn sạch rác trên đường và giết những con chó gần chết. Đây sẽ là một đất nước tuyệt đẹp nếu người dân biết cách tận dụng những gì họ có».

Và bà cũng thốt lên : «Tôi không muốn họ bắt chước chúng ta bất cứ điều gì. Hãy để họ tiếp tục sống trong những ngôi làng và thành phố nhỏ như hiện tại ; chỉ cần làm sạch và tốt bụng - sẽ đẹp biết bao !»

Trong suốt cuộc đời dài sống giữa họ, tôi chưa bao giờ thấy bà dạy điều gì ngoài những khái niệm đơn giản về đạo đức và vệ sinh. Khía cạnh thực tế trong tính cách bà vui mừng khi có thể tận dụng sản phẩm địa phương và chỉ cách sử dụng đúng. «Bạn không cần đồ ngoại nhập hay nhiều tiền, bà nói với một người phụ nữ. Bạn có tất cả, miễn là biết cách dùng». Và biết bao lần bà thì thầm khi đi qua các thành phố và làng quê : «Họ có mọi thứ họ cần, chỉ thiếu hai điều, sạch sẽ và đạo đức». Đó là hai nền tảng xây dựng cuộc đời bà.

Trong những ngày đầu của cuộc sống mới, khi đi dọc vùng nông thôn xinh đẹp này, trái tim bà tràn ngập mong muốn chia sẻ với mọi người phần của mình trong những yếu tố thiết yếu của cuộc sống. Vẻ đẹp của đất nước, sự thân thiện của người dân, sưởi ấm tâm hồn bà và làm tăng lòng nhiệt thành. Trong một vùng đất xinh đẹp như vậy, sẽ dễ dàng nói về Chúa. Bà bắt đầu những năm tháng đó với niềm say mê lớn lao dành cho cuộc sống, cuộc sống mà bà đã chọn. Bà có thể giúp đỡ rất nhiều - những em bé mắt bị bệnh, những người phụ nữ không biết chữ - chưa kể nhiều thứ khác bà liệt kê, gần như quên đi mỗi bận tâm bí mật - Chúa chưa bao giờ gửi cho bà dù chỉ một dấu hiệu nhỏ.

Họ đến Hàng Châu vào thứ Bảy và đi bộ qua những con phố chật hẹp, đông đúc đến nhà truyền giáo. Trên đường, họ thấy những chiếc xe đẩy, xích lô, những người bán hàng với đòn gánh treo đầy giỏ trên vai, những ảo thuật gia, những người hành khất, những cửa hàng ven đường, những người phụ nữ giặt quần áo ở giếng và gọi nhau vui vẻ, chia sẻ tin tức hàng xóm, những đứa trẻ nhỏ trần truồng chạy len lỏi khéo léo giữa xe cộ và chân người qua lại. Thật khó tin lại có thể có đám đông đông đúc và đường phố chật hẹp đến vậy. Nhưng khi rời khỏi sự hỗn độn đó, họ đi qua một cổng vòm hẹp, phía sau là không gian yên tĩnh. Trên một bãi cỏ xanh mướt là hai

ngôi nhà trắng của nhà truyền giáo : những bâng trành vuông vức, rẻ tiền nhưng sạch sẽ, với nhiều cửa sổ và hành lang dài. Còn có một nhà nguyện nhỏ màu trắng với lối vào riêng, mở ra đường phố. Trong khuôn viên này, cặp vợ chồng trẻ sẽ có tổ ấm của mình.

Họ được bố trí một phòng trong ngôi nhà đầu tiên, gần đường nhất, và chuyển đồ đạc vào ngay ngày hôm đó. Carie may và treo những tấm rèm màu hồng, lâu nay là nguồn an ủi và niềm vui của bà.

Hôm sau, Chủ nhật, tất cả đến nhà thờ. Carie và Andrew chắc hẳn rất xúc động trải nghiệm mới này - buổi lễ ở một đất nước nơi Chúa của họ hầu như không được biết đến. Ở cửa, họ phải chia tay : Andrew vào khu vực dành cho nam giới và Carie theo hai phụ nữ Mỹ vào khu vực nữ. Một bức ván ngăn lớn chia đôi không gian. Carie ngồi xuống và quan sát những người bạn đồng hành đang nói chuyện với những người phụ nữ da sẫm trong nhà thờ. Người Mỹ được chào đón nồng nhiệt và bà Stuart trò chuyện dễ dàng với phụ nữ Trung Quốc. Carie ghen tị, bà cảm thấy bất lực vì không biết ngôn ngữ, nhưng bà Stuart quay lại và nói : «Họ hỏi thăm bà và rất vui vì bà có đôi mắt và mái tóc sẫm màu !»

Carie mỉm cười, được an ủi và tràn đầy thiện cảm với những người phụ nữ mọi lứa tuổi đang bế con. Bà quan sát họ với sự quan tâm lớn, nhận thấy những chiếc áo gọn gàng, tay áo rộng, váy xếp ly rộng thùng thình, và đôi chân nhỏ xíu khiến bà kinh hãi. Phải thay đổi điều này, bà tự nhủ với niềm tin vô hạn vào thành bảg của kế hoạch. Mỗi phụ nữ mang theo một cuốn thánh ca và vài quyển sách gấp trong chiếc khăn tay màu xanh. Khi buổi lễ bắt đầu, bà Stuart tiến về phía chiếc đàn organ nhỏ như đồ chơi, và ngay lập tức có tiếng sột soạt của những trang thánh ca. Hầu hết phụ nữ đã học đọc, Carie nhận ra sau này, và họ tự hào tìm đúng bài thánh ca khi được chỉ định. Mục sư của họ, tiến sĩ Stuart, kiên nhẫn chờ đợi với ánh mắt vui tươi bị kìm nén. Cuối cùng, sau nhiều xôn xao, tìm kiếm trong sách của nhau và thì thầm, mỗi người tìm đúng trang. Sau đó, mục sư ra hiệu cho bà Stuart chơi chiếc đàn organ nhỏ đã cũ và mòn.

Không ai nghĩ chuẩn bị trước cho Carie về buổi lễ này. Trong nhà thờ trắng nhỏ thời thơ ấu, bài hát thánh ca là phần trang nghiêm và đẹp đẽ của buổi lễ. Bà mong đợi nghe lại những giai điệu quen thuộc và lắng nghe bà Stuart chơi lần đầu : «Có một dòng suối nhuộm máu». Khuôn mặt những người phụ nữ Trung Quốc trở nên căng thẳng, xúc động. Vừa khi bà Stuart mở miệng hát, một cuộc đua bắt đầu. Mỗi người hát hết sức có thể,

nhanh và to nhất có thể, và từ tiếng gầm rú vang lên phía bên kia bức vách, tình hình bên nam giới cũng tương tự. Tiếng ồn kinh khủng đến mức dường như mái nhà nguyện nhỏ bé sắp bật tung.

Không ai quan tâm đến giai điệu ; mỗi người theo đuổi phần của mình ; Carie lắng nghe, vừa hoảng sợ vừa thích thú. Một phụ nữ Trung Quốc nhỏ nhắn bên cạnh lắc lư tới lui, hét lên những âm thanh the thé không đúng tông, phát âm từ ngữ với tốc độ đáng sợ, trong khi dùng móng tay dài chỉ theo lời bài hát trên trang giấy. Bà ta kết thúc trước mọi người, đóng sách một cách dứt khoát, và ngồi xuống, đắc thắng, gói cuốn thánh ca vào khăn tay. Những người khác nhìn bà với ánh mắt ghen tị và cố gắng hơn, trong khi người phụ nữ lớn tuổi vẫn điềm tĩnh, với vẻ chiến thắng.

Carie không chịu nổi. Bà áp khăn tay lên miệng và bước ra. Đằng sau nhà nguyện, nơi không ai nghe thấy, bà bật cười đến chảy nước mắt. Khi mọi thứ lắng xuống, những giọng hát chậm trễ cố gắng kéo dài đến cuối cũng ngừng, Carie trở lại chỗ ngồi ; bà liếc nhìn bà Stuart để xem bà chịu đựng thế nào, nhưng người chơi đàn đã quen, và, đóng sách lại, chuẩn bị nghe bài giảng.

Sáng hôm sau, Carie và Andrew bắt đầu bài học tiếng Trung đầu tiên. Giáo viên của họ là một ông lão nhỏ bé, khô héo, mặc chiếc áo dài đen khá bản, gót giày mòn vẹt, và nổi bật với con mắt phải hơi đờ đẫn. Ông chỉ biết một từ tiếng Anh : «yes», mà không hiểu nghĩa, và học sinh nhanh chóng nhận ra từ này chỉ là thói quen, không đại diện cho bất kỳ từ vựng nào.

Andrew và Carie chỉ có một tờ giấy nhỏ ghi âm tiếng địa phương Hàng Châu do một người Mỹ viết, và một bản Tân Ước tiếng Trung. Nhưng giáo viên bắt đầu bài học và đến trưa họ đã biết vài câu. Từ đó, họ học từ tám giờ sáng đến trưa, rồi từ hai đến năm giờ chiều với ông lão, và tối ôn lại những gì đã học.

Carie ngay lập tức thể hiện khả năng học nói đáng kinh ngạc - điều khiến Andrew đôi khi khó chịu ; anh cứng nhắc vì được nuôi dạy tin vào sự vượt trội của nam giới. Nhưng anh kiên nhẫn hơn khi học chữ và điều này an ủi anh phần nào, vì anh coi đó là dấu hiệu của học giả. Khả năng nghe và phát âm tự nhiên của Carie mang lại lợi thế. Andrew ngại nói vì sợ sai và bị chê cười. Nhưng Carie không có tính kiêu ngạo hay nhút nhát đó. Bà sử dụng mỗi từ học được, nói chuyện với mọi người : người gác cổng già luôn sẵn sàng cười, đầu bếp hay người giúp việc. Khi sai, bà cười vui vẻ, và

thích thú như những người khác. Bà quá yêu sự vui vẻ để giữ vẻ nghiêm trang, và với nụ cười nhanh nhẹn và đôi mắt nâu sáng lấp lánh, bà nhanh chóng được các bà Trung Quốc yêu mến. Carie có điều gì đó rất con người, ấm áp, khiến không ai có thể không nhận ra. Khi thấy những người này không khác mình, bà đối xử với họ như cùng chủng tộc và không thấy gì lạ. Thái độ của bà không phải nỗ lực có ý thức, mà đơn giản tuôn trào sự đồng cảm nồng nhiệt dành cho đồng loại luôn tràn đầy trong bà. Chỉ sự bản thủ và không trung thực khiến bà phần nộ, và đôi khi bà tự hỏi, không dừng lại ở suy nghĩ này, làm sao có thể cải đạo những người có quá nhiều khuyết điểm đáng nản lòng.

Sau giờ học, cặp vợ chồng trẻ đi dạo dài khám phá thành phố và nông thôn. Andrew và Carie nhanh chóng thích nông thôn hơn, vì những con phố chật hẹp, quanh co, người ăn xin, cuộc sống chật chội, mất vệ sinh khiến Carie ngột ngạt. Họ cũng khó chịu vì đám đông nhanh chóng tụ tập và theo sau. Nhưng Carie sợ nhất những cảnh tượng đau lòng, đặc biệt là gặp người mù. Tôi thường thấy bà tránh sang một bên, tràn đầy thương cảm, mắt ngấn lệ, để nhường đường. Khi thấy người mù nghèo khổ, đàn ông, phụ nữ hay trẻ em, bà lập tức tìm tiền trong túi và thì thầm : «Thật tuyệt vọng - có quá nhiều - không bao giờ thấy bầu trời - hay mặt đất,

không bao giờ thấy !»

Một trong những chuyến đi dạo yêu thích của họ là trên bức tường thành lớn. Từ trên cao, họ có thể nhìn toàn cảnh thành phố, Hồ Tây, những dòng sông uốn lượn và hợp lưu. Ở đó có không gian, không khí, tầm nhìn ra nông thôn hàng dặm, và hầu như không ai làm phiền. Nhưng ngay cả từ trên cao, Carie phải cẩn thận đừng nhìn xuống quá trực tiếp, vì sợ có những xác chết nhỏ dưới chân tường : trẻ em chết, hoặc bị giết.

Rất nhanh, Trung Quốc hiện ra trước mắt bà như thời đó, và vẫn còn đến ngày nay, một đất nước rộng lớn đầy mâu thuẫn, nơi những gì đẹp đẽ nhất trong tự nhiên và trí tưởng tượng con người đan xen với những điều đau lòng nhất trên đời. Sự kết hợp giữa cái đẹp và nỗi buồn gắn bó Carie một cách kỳ lạ với quê hương thứ hai, nhưng đôi khi nó khiến bà sợ hãi, ghê tởm, và bà chạy vào phòng, khao khát quê nhà và tổ quốc.

Bà phát hiện chồng mình không chỉ là vị thánh mà còn là đàn ông, vì bà mang thai ba tháng sau khi đến Hàng Châu.

Trẻ con không nằm trong kế hoạch của bà, và với sự ngây thơ - sự ngây thơ chết người của thế hệ mình - bà tự hỏi chuyện gì xảy ra. Bà uống nhiều ký ninh và thuốc

bổ gan, và phải nhờ đến kinh nghiệm của bà Stuart mới có thể nhận ra chuyện gì đang xảy ra và giúp Carie hiểu rõ tình trạng của mình. Khi sự thật hiện ra trước mắt, bà đón nhận nó với nhiều cảm xúc lẫn lộn và một sự ngạc nhiên lớn. Bởi vì bà đã dành cả cuộc đời mình cho một lý tưởng, bà không nghĩ rằng một ngày nào đó mình lại có thể có con. Nhưng bà là một người phụ nữ đích thực, không thể không vui mừng, và sau một khoảng khắc suy nghĩ, bà thay đổi kế hoạch, nghĩ rằng mình sẽ đạt được mục tiêu bằng những phương cách mới và sử dụng ảnh hưởng từ gia đình, từ những đứa con nhỏ của mình, thay vì đi theo Andrew đến bất cứ nơi nào ông ấy đến.

Bà vẫn kiên trì học tiếng Trung ; tuy nhiên, bà thường cảm thấy mệt mỏi và phải nằm nghỉ nhiều. Với tính cách sôi nổi của mình, Carie có những giai đoạn phản ứng và suy sụp ; vào những lúc đó, bà tự hỏi với một cảm giác gần như sợ hãi, làm thế nào để nuôi dạy con cái trong một môi trường quá khác biệt với mình và giữ gìn nguyên vẹn những nguyên tắc của dòng tộc, niềm tin của mình, bảo vệ chúng khỏi nỗi buồn và cảnh chết chóc. Nỗi nhớ nhà cùng với sự yếu đuối về thể chất chiếm lấy bà, nỗi nhớ quê hương, những người bà quen biết trong làng, những con người với ánh mắt thẳng thắn, hành động ngay thẳng, cuộc sống giản dị và trong

sạch.

Không có bác sĩ ở Hàng Châu, và khi thời điểm sinh nở đến gần, bà cùng Andrew trở lại Thượng Hải, nơi đưa con trai đầu lòng của bà chào đời. Khi cảm nhận đứa bé trong vòng tay, bà quên đi những nỗi đau thể xác và tâm hồn, và niềm vui lại trở lại vì một con người đã ra đời; một cậu bé khỏe mạnh, tóc vàng nhạt, mắt xanh. Carrie trào dâng tình yêu thương dành cho con, và tình mẫu tử sâu thẳm trong bà thức tỉnh để không bao giờ ngủ quên nữa. Phải thừa nhận rằng trong những năm tháng mang thai và nuôi dạy con cái, những xung động mãnh liệt trong bản chất của bà hướng chủ yếu về chúng và về tổ ấm mà bà muốn xây dựng cho chúng. Ít nhất vào thời điểm đó, nhiệt huyết với sứ mệnh của bà đã lui về phía sau.

Khi đứa trẻ được ba tháng tuổi, Andrew được cử đến Tô Châu để thay thế vị trí bằng tác. Điều này có nghĩa là phải nhổ bỏ những rễ cây non vừa bắt đầu bám vào đất ở Hàng Châu, và cũng là một sự thay đổi về phương ngữ. Carrie tìm thấy một sự an ủi ở đó. Bà sẽ có một ngôi nhà riêng, thay vì chỉ một căn phòng đơn lẻ.

Ngôi nhà mới này chỉ gồm ba phòng nằm phía trên trường học của các bé trai. Muốn đến đó, phải leo lên một cầu thang ngoài trời hẹp và xoắn ốc. Nhưng cặp

vợ chồng cảm thấy thực sự thoải mái trong căn nhà của mình ; cửa sổ nhìn ra thành phố với những mái ngói tối màu, chất đông không theo trật tự, và những con kênh hẹp uốn lượn giữa các ngôi nhà. Bên cạnh trường học, và ngay trong tầm nhìn từ cửa sổ của Carie, là một ngôi chùa cổ kính uy nghi, đã tồn tại nhiều thế kỷ, và đến nay vẫn còn như một chứng tích của sự huy hoàng của Trung Hoa cổ đại. Carie biết rằng đó là một ngôi đền ngoại đạo, và với sự chân thành của mình, bà nhìn nó dưới góc độ đó, nhưng dù sao, bà vẫn bị chinh phục bởi vẻ đẹp, sự thuần khiết của đường nét, sự cao quý của chiếc vương miện bằng đồng trên đỉnh và âm thanh dịu dàng, hơi hoang dã của những chiếc chuông kim loại treo ở các góc mái cong.

Dưới bóng của ngôi chùa cổ, trên tiếng ồn ào của những học sinh đang chơi trong sân, cậu bé Mỹ tóc vàng lớn lên một mình, ngồi trên ghế, sau đó bò trên sàn nhà cho đến khi có thể đứng dậy, chập chững bước đến cửa sổ và nhìn ra ngoài.

Khi đưa trẻ rời khỏi vòng tay của Carie, bà bắt đầu tham gia vào công việc của trường học do chồng bà quản lý. Vấn đề vệ sinh là mối quan tâm đầu tiên của bà. Đôi mắt tinh tường của bà kiểm tra những bím tóc dài lủng lẳng trên đầu các học sinh và phát hiện ra những bất

tiện. Bà kiên quyết xử lý, xúc thuốc diệt bần trùng vào chân tóc, giặt giũ và chà xát, không màng đến những tiếng kêu la và phản đối. Sau đó, bà kiểm tra giường chiếu, quần áo, xông khói và nhờ vào những nỗ lực dọn dẹp, mọi người đều sạch sẽ nhưng cũng cảm thấy khó chịu.

Andrew quan tâm đến linh hồn bất tử và không nghĩ đến chấy rận hay bọ giường. Carrie, bận rộn với những nỗ lực vệ sinh, nhìn thấy Andrew đang cầu nguyện với một cậu bé bú sữa bình. Bà ngừng bàn việc và tự nhủ, đây hồi hận : «Anh ấy tốt hơn mình nhiều ! Tại sao mình lại dễ dàng quên đi những linh hồn như vậy ?»

Và bà gửi lên trời một lời cầu nguyện nhanh chóng và thoáng qua : «Xin Chúa hãy giúp con nhớ rằng linh hồn quan trọng hơn thể xác !»

Nhưng ngay sau đó, sự quan tâm của bà lại bị cuốn vào việc đưa ra chỉ dẫn cho nhà bếp, đặt gạo và rau củ, hoặc bà nhìn thấy một cậu bé quá xanh xao, và phải thuyết phục cậu uống một chút sữa, điều mà tâm hồn phương Đông của cậu rất ghét, hoặc một cậu bé khác bị ngứa ở tay và bà phải chạy đi lấy thuốc mỡ lưu huỳnh. Linh hồn quan trọng hơn, bà thực sự tin điều đó, nhưng thể xác lại hiện hữu quá rõ ràng !

Trong thời gian này, lòng nhiệt thành giúp đỡ người khác đã thúc đẩy bà nghiên cứu y học từ những cuốn sách mà bà có thể mua được ở Thượng Hải, và bà mở một phòng khám nhỏ để điều trị những bệnh đơn giản, chữa lành vết loét, nhiễm trùng da và đưa ra lời khuyên cho các bà mẹ trong việc chăm sóc con cái. Đó là một phần trong bâng việc hàng ngày của bà. Bà học cách rạch những nhọt ghê tởm và chăm sóc những bàn chân bị biến dạng, sưng tấy và hoại tử. Bà thường xuyên nổi da gà, và cảm giác buồn nôn đôi khi khiến bà không thể ăn uống, nhưng khiếu hài hước đã cứu bà. Bà không bao giờ quên mỉm cười khi thấy một người phụ nữ do dự trước một viên thuốc ký ninh :

«Làm sao một thứ nhỏ bé như vậy có thể chữa được những trường hợp đáng sợ : ớn lạnh, sốt hoặc những căn bệnh khiến da dẻ héo úa và vàng vọt ?»

Không nói một lời, nhưng với ánh mắt tinh nghịch, bà học cách hòa tan viên thuốc trong một bát nước nóng lớn và đưa loại thuốc đắng nghét, đầy đến miệng bát, cho một bà lão, người thấy nó rất khó uống nhưng lại rất nhiều, cảm thấy yên tâm và uống hết, tin rằng phương thuốc này sẽ chữa khỏi bệnh hoàn toàn.

Niềm vui khi nhìn thấy làn da lành mạnh trở lại, và sức khỏe hồi phục trên những cơ thể xanh xao và gầy gò, thật sự tốt đẹp. Đó là một chiến thắng và bù đắp cho sự phản kháng của thể xác nhạy cảm, nổi kinh hoàng trước những căn bệnh bị bỏ bê quá lâu.

Năm đó, anh trai bà, Cornélius, gửi cho bà một chiếc đàn organ cỡ trung từ hãng Mason và Hamlin, giống như chiếc đàn trong phòng khách ở Mỹ. Nó có âm thanh dịu dàng đáng chú ý, bởi vì Cornélius đã tự tay chọn nó với sự cẩn thận tối đa và đôi tai tinh tường của anh không hề nhầm lẫn. Chiếc đàn mất sáu tháng để đến nơi, được vận chuyển qua Địa Trung Hải. Nó đến vào một tối thứ Bảy và Carie không thể ăn hay ngủ cho đến khi bà mở thùng và cùng Andrew tháo gỡ chiếc đàn. Nó đây rồi, thực sự là của bà ! Carie ngồi xuống, trái tim xúc động, và với một cảm giác thành kính, chơi một bản hợp xướng mà người ta thường hát ở quê nhà : «Tôi biết rằng Đáng Cứu Rồi của tôi vẫn sống !» Chẳng mấy chốc, giọng hát mạnh mẽ và đầy chiến thắng của bà vang lên vui tươi và lan tỏa khắp sân trường và đường phố ; mọi người dừng chân trong ánh hoàng hôn để lắng nghe thứ âm thanh họ chưa từng được nghe trước đây. Sau đó, bà hát một bài thánh ca bằng tiếng Trung, và người giúp việc đến và đứng trong bóng tối của cánh cửa hé mở. Bà nhận thấy vẻ mặt chăm chú của anh ta và

với một niềm vui lớn, bà chợt nghĩ rằng món quà này có lẽ sẽ là phương tiện hành động đặc biệt của mình. Kể từ ngày đó, chiếc đàn organ đại diện cho một sinh vật sống đối với bà, và đến nay vẫn có những người, khi nghĩ về bà, lại thấy hình ảnh bà trước chiếc đàn, thoát khỏi bâng việc của một bà nội trợ, ăn mặc tùy tiện, vẫn đeo tạp dề ; nhưng luôn với một cử chỉ quen thuộc, đôi bàn tay mạnh mẽ của bà tập hợp giai điệu thành những hợp âm hùng mạnh, để rồi tỏa ra xa, và giọng hát tuyệt vời của bà vang vọng.

Trong suốt những cuộc hành trình nhiều gian nan, chiếc đàn organ luôn theo bà, và khi ngôi nhà của bà chỉ là một túp lều bằng bùn, người ta đặt nó trên một bệ gỗ, để bảo vệ nó khỏi độ ẩm của nền đất và để Carie có thể chạy đến nhiều lần trong ngày và khiến nó cất tiếng.

Mùa hè thứ hai, bà lại có thai. Andrew và bà dành cả mùa ở Thượng Hải, để gần bác sĩ, vì Carie không được khỏe. Khi chuẩn bị trở về, Andrew bị say nắng nặng, và họ buộc phải kéo dài thời gian lưu lại. Carie tự tay chăm sóc chồng, vì bác sĩ nói rằng tính mạng của ông phụ thuộc vào sự chăm sóc mà ông nhận được. Carie gửi Edwin, cậu con trai nhỏ, đến nhà một người bạn và bắt tay vào bâng việc cứu chồng mình.

Suốt sáu tuần, ông ấy giữa ranh giới sống chết, và trong suốt thời gian đó, Carie không một lần thay đồ để ngủ, chỉ tắm rửa và làm mới bản thân vào mỗi sáng và tối. Bà không rời khỏi đầu giường bệnh nhân và dành trọn thời gian cho ông. Bác sĩ ngạc nhiên trước sức sống phi thường như vậy. Trong những ngày cuối hè oi ả và đầu thu ngọt ngào, Carie vẫn giữ vẻ tươi tắn với những chiếc váy trắng, chiếc nơ cổ, mái tóc bồng bênh óng ả không một sợi rối cùng tâm hồn điềm tĩnh và kiên định. Bà quyết định rằng Andrew không được phép gục ngã khi sự nghiệp anh chọn vừa chớm nở. Bà còn phải nghĩ đến đứa con sắp chào đời, không thể để nỗi sợ hãi và lo âu về ông khiến mình gục ngã. Andrew thường xuyên lên cơn mê sảng ; bà phải nhờ người giúp việc ghi chặt ông, dùng nước mát tắm rửa cho đến khi ông lấy lại bình tĩnh. Nỗ lực của Carie được đền đáp khi chồng bà bình phục, nhưng cơ bắp ở cánh tay và vai ông tổn thương đến mức không bao giờ hồi phục được sự linh hoạt như xưa.

Những ngày cuối thu se lạnh, cả gia đình trở về Tô Châu và bà bé Maude chào đời. Em bé nhỏ nhắn, mũm mĩm với làn da trắng hồng, đôi mắt nâu và mái tóc vàng xoăn tít. Mùa đông năm ấy trôi qua hạnh phúc bên hai đứa trẻ. Edwin lớn phổng phao, bắt đầu biết nói và hát. Carie vui sướng khi đặt em bé vào nôi, giữ Edwin bên

cạnh và dạo những bản nhạc cho chúng nghe. Em bé mở to đôi mắt lắng nghe, còn Edwin cất cao giọng hát trong trẻo và đúng nhịp.

Carie là người mẹ rạng rỡ nhất. Bà sưu tầm khắp nơi những bài hát, câu thơ do mình nghĩ ra hoặc tìm thấy trong sách báo, mang đến niềm vui bất tận cho các con. Về sau, khi trưởng thành, nhìn lại quá khứ, chúng nhận ra mình đã lớn lên trong sự bà bà đơn và môi trường chật hẹp thế nào, nhưng nhờ người mẹ, chúng chẳng bao giờ phải chịu đựng điều ấy, bởi chúng được tắm trong sự giàu có từ sự hiện diện của bà. Một phần niềm vui của Carie bắt nguồn từ tâm hồn tràn đầy sức sống, nhưng cũng có cả quyết tâm bảo vệ các con khỏi cuộc sống phương Đông bao quanh, bởi bà thấy nó quá đẹp đẽ và quá đau thương cho những trái tim non nớt. Bà luôn cảm thấy ngọt ngào trước sự phô bày nhân tính quá mức của phương Đông : sự chấp nhận đau khổ và dục vọng của con người. Bà không muốn các con mình sớm học những điều ấy, nhưng vẫn chỉ cho chúng thấy vẻ đẹp trong tâm với. Bà bế con gái nhỏ đến cửa sổ để nghe tiếng chuông chùa vang lên như bạc, nhưng che kín phần kính dưới bằng tấm rèm xếp ly để Edwin không nhìn thấy người ăn xin ngồi cả ngày bên dưới, khuôn mặt rụng dần vì bệnh phong.

Mùa đông năm ấy, bà dành trọn vẹn tâm huyết cho các con đầu tiên, và khi kinh nghiệm làm mẹ dày lên, bà càng sống sâu hơn trong nội tâm. Bà lại bắt đầu trăn trở về Chúa, Đấng sau bao năm chờ đợi vẫn chưa ban cho bà dấu hiệu phê chuẩn nào. Bà không bao giờ biết được liệu những xung động nhanh chóng trong tâm hồn mình đến từ Ngài hay chỉ xuất phát từ trái tim và khát khao của riêng bà. Chúa chưa một lần hiện ra với bà theo cách có thể cảm nhận được. Nhưng chẳng bao giờ, bà nhận ra những đứa trẻ nhỏ đã dạy bà rất nhiều điều về vị Chúa mà bà kỳ vọng - những khuôn mặt ngẩng lên nhìn bà, cố đoán xem tâm trạng bà thế nào, những bàn tay nín lậy bà - suốt đời, Carrie luôn nhắc với chúng tôi : «Chúng dạy tôi nhiều hơn tôi dạy chúng». Bà chìm sâu vào suy tư và rồi nói : «Tôi nghĩ chúng ta không hiểu ý Chúa hơn những đứa trẻ này hiểu ý tôi, ngay cả khi vấn đề là về chúng. Chúng phò thác sinh mệnh cho tôi, tin chắc vào tình yêu của tôi, và vì thế sẵn sàng tin rằng tôi biết điều gì tốt nhất cho chúng. Tôi nghĩ đó chính là cách chúng ta nên đặt câu hỏi về Đấng thiêng liêng - chỉ cần tin rằng Chúa tồn tại và Ngài luôn chăm lo cho chúng ta». Đó là toàn bộ đức tin của bà.

Khi mùa xuân đến, bà nhận ra mình lại mang thai, một tin không vui. Điều này buộc bà phải cai sữa cho bé Maude sớm hơn dự định, ngay trước cái nóng ngột ngạt

của mùa hè. Carie cố gắng hết sức, dù không có sách vở hay những tiện nghi mà các bà mẹ ngày nay có.

Nhưng dù chăm sóc kỹ lưỡng, việc thay đổi thức ăn khiến đứa bé lâm bệnh. Carie hoảng hốt tuyên bố rằng, nếu muốn con sống sót qua mùa hè, họ phải rời đi, đến nơi khí hậu mát mẻ hơn. Thế là Andrew, bà cùng các con đã vượt biển Trung Hoa đến Nhật Bản, trải qua phần còn lại của mùa hè trên một hòn đảo nhỏ. Andrew, như thường lệ, miệt mài với bằng việc truyền giáo, lang thang khắp đất nước cùng một nhà truyền đạo người Nhật, trong khi Carie dành trọn tâm huyết cho các con. Họ sống cả ngày trên bãi biển, những con sóng trong vắt lẫn tăn vỗ vào bờ cát ven rừng thông. Edwin nghịch nước, râm nắng và khỏe mạnh hơn, còn bé Maude ngồi chơi với cát, chân ngâm trong làn nước ấm nồng. Bé đỡ hơn nhưng chưa khỏi hẳn, vì không có sữa tươi, mà bé lại không tiêu hóa được loại sữa đặc ngọt đặc sánh. Cuối hè, bé vẫn yếu ớt và nhỏ con. Carie, biết ơn vì con còn sống, chuẩn bị trở về Trung Quốc. Andrew thì nóng lòng tiếp tục bằng việc.

Hành trình qua vùng biển động trên con tàu nhỏ chạy bằng bánh guồng càng thêm gian nan khi một cơn bão khủng khiếp ập đến. Dường như con tàu sẽ chìm trước bình minh, giữa những ngọn sóng hung dữ. Carie bị say

sóng dữ dội và đau đớn, nhưng nỗi sợ cùng sự khổ sở của bà tan biến trước nỗi lo cho bé Maude, ngay từ đêm đầu đã lên cơn rối loạn tiêu hóa nghiêm trọng, dấu hiệu ban đầu của một kết cục thảm khốc. Carie, vật vờ vì buồn nôn, lo sợ cho đứa con trong bụng, lảo đảo trong cabin chòng chành, ôm đứa bé đang ốm. Andrew không thể giúp vì bé Maude không chịu theo ông ; ông chỉ biết chịu đựng và cầu nguyện. Cái nóng ngột ngạt trong cabin đóng kín khiến Carie kêu lên rằng bà thà bị quăng xuống biển còn hơn nghe tiếng thở gấp của con, rồi bà chạy vội, bám vào lan can, leo lên boong tàu. Ở đó, bà gặp một vị khách thấu hiểu hoàn cảnh, một nhà truyền giáo già, bác sĩ W. A. P. Martin. Ông nhẹ nhàng bế đứa bé và đi lại trên boong. Ông nhận ra ngay bé đang hấp hối, ánh mắt buồn bã nhìn gương mặt nhỏ xinh dần tỉnh lặng và mất ý thức.

Trên con tàu Nhật nhỏ này không có bác sĩ. Carie, thấy rõ điều sắp xảy ra, rơi vào tuyệt vọng. Bà chạy xuống cabin, quỳ gối cầu xin trong đau khổ : «Nếu Chúa có lời từ thiên đường, xin hãy phán ngay - lập tức !» Andrew vẫn bình tĩnh cầu nguyện, không chịu nổi những lời van xin cuồng nhiệt của vợ, cách bà làm phiền Chúa, nên ông nhẹ nhàng trách móc. Nhưng bà quay lại giận dữ :

«Không phải anh mang nặng đẻ đau những đứa trẻ này ! Anh không hiểu việc hi sinh cả sinh mạng để tạo ra một mạng sống rồi chứng kiến nó tắt ngúm - là chính tôi đang chết !» Trong cơn phẫn nộ, bà thốt lên : «Nếu đứa này không đến quá sớm, tôi đã có thể cho Maude bú suốt mùa hè và cứu được con. Ôi, Maude - Maude !»

Bà trở lại boong, nơi vị lão thành đứng lặng dựa vào thành tàu giữa cơn cuồng phong. Ông đã phủ mảnh chăn lên mặt đứa bé, chờ Carrie với vẻ trầm ngâm rồi trao lại cho bà sinh linh bé bỏng đã ngừng thở : «Con ơi, đứa trẻ đã trở về với Chúa, Đấng đã ban nó».

Carrie im lặng ôm con. Đây là cú đánh trực diện đầu tiên của cuộc đời, và bà cảm thấy bất lực. Bà cần ở một mình, không thể chịu được sự hiện diện của ai - kể cả Andrew. Bà đi đến cuối boong, mở cánh cửa nhỏ dẫn đến đuôi tàu, chui vào ngòai trên cuộn dây thừng. Biển dâng sóng đen ngòm, ánh bình minh le lói chiếu lên những vệt sáng xám xịt. Bụi nước phủ lên người Carrie; bà bọc con trong váy, ngắm khuôn mặt bé nhỏ đã tái nhợt và bình yên như tạc từ đá.

«Nó chết vì đói - chết vì kiệt sức», Carrie thì thầm.

Một làn nước bắn lên. Bà che lại cho con, lòng căm ghét biển cả - thứ mê mông vô tri vô giác này. Dù

sao, thi thể bé nhỏ sẽ không bị nuốt chửng giữa đại dương. Bà sẽ đưa con về Thượng Hải, nơi nó yên nghỉ cùng những người da trắng khác.

Bầu trời xám xịt đè nặng lên biển cả gào thét. Giữa tất cả, Chúa ở đâu ? Cầu xin hay đòi hỏi dấu hiệu đều vô ích. Bà ôm chặt con, ánh mắt thách thức nhìn ra đại dương. Bà òa lên khóc nức nở ; dù đau đớn, con say sóng lại ập đến. Ngồi đó, đứa con đã chết trong tay, những cơn buồn nôn hành hạ bà không thương tiếc, và bà phải cẩn thận vì đứa trẻ sắp chào đời.

Bà đứng dậy, choáng váng, dò dẫm tìm cầu thang, một tay bám vào lan can, tay kia ôm chặt đứa bé, bà lặng lẽ trườn về phòng mình. Gió làm tung mái tóc dài sẫm màu ướt đẫm nước biển. Andrew nhìn chằm chằm qua ô cửa kính dày, đóng kín vì bão, nhưng làn nước đen ngòm liên tục phủ lên như thể họ đang lặn dưới biển.

Anh quay sang vợ với khuôn mặt bình thản : «Đây là ý Chúa», anh nói nhẹ nhàng.

Nhưng bà vén mái tóc ướt ra sau và đáp lại : «Đừng nói với tôi về Chúa !»

Đột nhiên, bà bật khóc nức nở.

* * *

Carie cảm thấy nỗi đau dữ dội dần ngấm vào, bà có thể nhìn lại mọi thứ một cách bình tĩnh, nhưng vẫn cảm thấy trống trải đến đau đớn trong lồng ngực. Bà trở về nhà với gia đình, dưới bóng ngôi chùa, và buộc mình phải sống mạnh mẽ trở lại ; bà dạy Edwin đọc, chăm sóc học trò như một người mẹ, dạy chúng hát, cách học lịch sử, số học, địa lý và những môn quan trọng khác, điều làm ngôi trường này khác biệt với những ngôi trường cổ điển trong nước. Bà giữ cho ngôi nhà luôn tươi mới và gọn gàng, nặn bánh mì nâu, làm bơ từ sữa trâu mà bà cuối cùng cũng kiếm được, và lấp đầy ngày tháng bằng trăm ngàn việc. Nhưng bà không thể chịu được tiếng chuông chùa leng keng, và mỗi khi gió thổi khiến chúng rung lên, bà vội vàng bỏ dở bàn việc và đóng cửa sổ lại. Bà cảm thấy biết ơn khi, sau hai tháng, Andrew đột ngột được gọi trở lại Hàng Châu. Thật là một sự nhẹ nhõm khi được trở về một nơi mà Maude chưa từng sống và nơi Carie không tìm thấy bất kỳ ký ức nào về cuộc đời ngắn ngủi của bà bé.

Bà tham gia nhiều hơn vào bàn việc của Andrew. Chúa không gằn gỏi với bà hơn trước, nhưng bà đã ngừng cảm thấy phản kháng và vượt qua giai đoạn giận dữ mà bà thấy thật vô ích. Đôi khi, bà thậm chí có thể

nói : «Xin ý Cha thể hiện», mà không có một tinh thần nổi loạn từ sâu thẳm trái tim ngay lập tức bóp nghẹt lời nói ấy. Bà lại cố gắng kìm nén bản tính sôi nổi và mãnh liệt của mình. Cuộc chiến xưa lại bắt đầu. Bà suy nghĩ, cố gắng nhìn thử thách này như một bài học cần thiết, tìm kiếm ý nghĩa trong đó. Có lẽ Chúa muốn giúp bà, và lấy đi đứa con của bà vì bà đã quên Ngài giữa hạnh phúc làm mẹ. Có lẽ bà cần được dẫn dắt bằng nỗi đau khi không thể được dẫn dắt bằng niềm vui ? Bà cảm thấy khiêm nhường trước suy nghĩ đó và đến nhà nguyện nhỏ với những bức tường trắng mở ra con phố nhộn nhịp thường xuyên hơn ; bà nói chuyện với những người phụ nữ và cố gắng dạy họ đọc. Một số đã nhận ra bà, và ánh nhìn từ những khuôn mặt dũng cảm của họ làm ấm lòng bà. Khi một trong số họ nói : «Năm nay tôi đã mất con», mắt Carie đầm lệ và bà nắm lấy bàn tay sạm nắng, siết chặt, tràn đầy sự thấu hiểu.

Nhưng thể chất và tinh thần của Carie quá gắn bó với nhau. Khi bà buồn, cơ thể bà suy yếu, và mùa đông đó bà gầy đi và cảm thấy mệt mỏi. Sự ra đời của một bé gái vào mùa xuân không mang lại niềm vui cho bà. Quá sớm để có một đứa trẻ khác trong vòng tay. Bà đón nhận đứa bé dịu dàng, âu yếm, nhưng không có niềm vui. Đứa trẻ, được đặt tên là Edith, dường như phản ánh tâm trạng của mẹ ; nó trầm lặng, điềm tĩnh và kiên nhẫn

so với tuổi, ngay cả khi còn rất nhỏ, đã có vẻ nghiêm túc và cam chịu.

Mùa hè, tất cả họ lên vùng cao, không quá xa một thị trấn nơi Andrew tiếp tục giảng đạo và dạy học, nhưng đủ xa để có sự thay đổi không khí và thoát khỏi cái nóng ẩm ướt từ những cánh đồng lúa ngập nước đang «ủ» dưới ánh mặt trời. Một ngôi chùa Trung Quốc nằm trên đỉnh núi, và họ thuê hai phòng ở đó.

Đó là một trải nghiệm mới đối với Carie. Sự yên tĩnh sâu lắng của những lùm tre râm mát, những cây thông, các nhà sư im lặng, uy nghi trong bộ áo màu xám, những gian phòng rộng mát mẻ và tối om của ngôi chùa, nơi những vị thần bất động tựa vào tường như đang mơ mộng, tất cả cho bà thấy một khía cạnh chưa từng biết của đất nước rộng lớn và phức tạp này. Những vị thần uy nghiêm xếp hàng dọc theo các hành lang chính của ngôi chùa, nhưng trong căn phòng nơi Carie ngủ cùng các con, một nữ thần nhỏ của lòng từ bi, mạ vàng và đặt trong một hốc tường, dịu dàng cúi mắt xuống. Edwin gọi đó là : «người phụ nữ xinh đẹp bằng vàng», và Carie kể những câu chuyện về bức tượng nhỏ thanh lịch trông như một con búp bê trong bộ váy bay lượn. Người phụ nữ trẻ cuối cùng cũng cảm thấy rất thiện cảm với vị nữ thần kiên nhẫn đang nhìn xuống những khuôn mặt

trắng của những người ngoại quốc.

Khi những đứa trẻ ngủ và Carie quạt cho chúng, bà suy nghĩ về sự kỳ lạ của cuộc đời mình. Trước đây, phòng và nhà bà nhìn ra những đồng cỏ xanh mướt, những con đường quê với hàng rào sáng sữa, những ngọn núi xa xôi bị gió quạt, và bầu trời rộng lớn - giờ đây, bà thấy mình ngồi với hai đứa con trong căn phòng tối om của một ngôi chùa Trung Quốc và nhìn qua cửa sổ tròn, dưới con đường lát đá, thấy một chiếc lư hương khổng lồ in bóng trên màu xanh thẫm của những lũy tre. Ngày đêm, theo những khoảng thời gian đều đặn, tiếng chuông chùa đơn độc, ngân vang, vang lên và sừng núi dội lại - một thứ âm nhạc huyền bí kỳ lạ, thấm đẫm nỗi buồn của con người.

Đột nhiên, Carie cảm thấy sợ hãi. Bà ôm lấy cậu con trai nhỏ và tự nhủ rằng bà không muốn con trai mình, một đứa trẻ Mỹ, bị che phủ bởi sự kỳ lạ của đất nước này - không phải nó, cũng không phải bất kỳ ai trong gia đình bà. Từ nay trở đi, mỗi quan tâm đầu tiên của bà là nói với chúng về quê hương của chúng, một vùng đất tươi đẹp và vui vẻ nơi mọi người tin rằng Chúa là một linh hồn tự do, không bị giam cầm trong những hình thù đáng sợ và kỳ quặc bằng đất sét sơn màu.

Vào lúc bình minh và hoàng hôn, các nhà sư tụng kinh với những bài hát buồn bã, và khi Edwin nghe thấy làn sóng giọng nói con người dâng lên trong những giai điệu chậm rãi và u sầu, cậu bé chạy đi giấu mặt vào lòng mẹ ; Carie an ủi con bằng một giọng điệu tự nhiên và rất đơn giản : «Đó là cách họ hát thánh ca, bà nói. Con không biết chúng ta cũng làm như vậy sao ?»

Bà áp má vào má con trai và hát nhẹ nhàng : «Tôi thích kể về Chúa Giê-su và tình yêu của Ngài», sau đó bà bắt đầu một bài hát thiếu nhi vui vẻ. Chẳng mấy chốc, trong căn phòng của ngôi chùa Trung Quốc, vang lên những âm thanh tràn đầy niềm vui, bao bọc lấy những đứa trẻ, mang đến cho chúng cảm giác an toàn và ấm áp. Đối với chúng, những lời tụng buồn bã chỉ là phần đệm, hầu như không thể nhận ra qua giọng hát ấm áp và hạnh phúc đó. Trước khi kết thúc, bà luôn hát: «Quê hương tôi là bạn, hồi vùng đất ngọt ngào của tự do». Edwin hết sức hòa giọng cùng mẹ, đầy hào hứng. Đó là bài hát đầu tiên cậu thuộc lòng từ đầu đến cuối.

Nhưng nỗi buồn đã âm thầm hủy hoại sức khỏe của Carie, và dù bà cố gắng, bà không thể lấy lại được sự nhanh nhẹn trong bước chân. Không khí rất ngọt ngào làm suy nhược và những đám muối bay lên từ vùng nước ấm của những cánh đồng lúa. Vào thời đó, người

ta không biết rằng những con bàn trùng này mang bệnh sốt rét, và Carie coi những con ớn lạnh và sốt của mình là điều hoàn toàn tự nhiên. Hơn nữa, Edwin bị kiệt lý, và suốt nhiều tuần liền cậu bé yếu ớt và xanh xao.

Những khó khăn khác lại nảy sinh vào năm sau khi đưa con thứ ba chào đời. Andrew và Carie được gọi đến Tô Châu, và trong thời gian ở thành phố đó, vị bác sĩ trẻ người Mỹ của nhiệm vụ, vừa mới đến và sống cùng họ, kinh hoàng trước cảnh tượng khủng khiếp của những đau khổ mà ông phải làm dịu và sự bao la của nhiệm vụ, đã có những dấu hiệu của chứng rối loạn tâm thần. Carie, với nhận thức tinh tế, là người đầu tiên nhận ra điều đó và bà sống trong căng thẳng tinh thần lớn, lo sợ một tai họa.

Một ngày nọ, vào cuối bữa ăn và sau khi Andrew rời đi, vì đã ăn xong trước những người khác, bác sĩ Fishe lấy một hộp thuốc từ túi ra và đặt trước mặt Carie.

«Bà Stone, ông nói với giọng điệu thuyết phục, dạo gần đây bà không được khỏe, đây là thứ sẽ chữa khỏi cho bà ngay lập tức». Ông cười một cách kỳ lạ và chói tai, Carie cảm thấy lạnh người.

«Nhưng hiện tại tôi hoàn toàn khỏe mạnh mà, bác sĩ Fishe», bà đáp, ngạc nhiên, nửa đứng dậy.

Ông ta nắm lấy cổ tay bà và nói bằng giọng trầm, gắt gỏng : «Nuốt đi, nuốt ngay những viên thuốc này».

Carie lập tức nhận ra mình đang đối mặt với một kẻ điên. Sự bình tĩnh vốn có không bỏ rơi bà ; bà trả lời nhẹ nhàng : «Chờ một chút để tôi rót đầy ly», và, rất điềm tĩnh, bà rời khỏi phòng với chiếc ly rỗng trên tay.

Một khi ra ngoài, bà chạy đi tìm Andrew. Ông đang thuyết giảng cho những người trên phố, tụ tập trong một căn phòng dưới tầng, nhưng khi bà, vừa thở hổn hển vừa kể lại cuộc gặp gỡ và bày tỏ nỗi lo cho những đứa trẻ bị bỏ lại một mình với kẻ điên, Andrew lập tức đi theo bà. May mắn thay, ông cao lớn và khỏe hơn vị bác sĩ trẻ mà ông thấy đang núp dưới bàn với con dao phay trên tay. Sau một cuộc vật lộn ngắn, Andrew đã không chế được hắn.

Ngày hôm sau, Andrew đưa hắn lên một chiếc thuyền buồm Trung Quốc và đi cùng đến Thượng Hải, canh chừng hắn ngày đêm. Sau đó, ông giao hắn cho một người Mỹ đang trên đường trở về Hoa Kỳ. Vị bác sĩ trẻ có những khoảnh khắc tỉnh táo hoàn toàn khi hắn hiểu rõ mọi chuyện. Hắn nghe người Mỹ giải thích với vài hành khách rằng bác sĩ Fishe không được minh mẫn và họ không nên lo lắng nếu thỉnh thoảng hắn có vẻ kỳ lạ. Ngay lập tức, vị bác sĩ trẻ vội vàng thì thầm với họ rằng

hắn đang đưa người Mỹ về nhà vì ông ta đã phát điên. Những hành khách và thủy thủ đoàn, bối rối, thực sự đã băn khoăn trong vài ngày liền không biết ai trong hai người là người tỉnh táo.

Sự việc này đã khiến Carie kiệt quệ hoàn toàn. Bà cảm thấy mệt mỏi và lần đầu tiên nhận ra mình bị ho và có những cơn sốt. Cùng với Andrew, bà đi khám một bác sĩ ở Thượng Hải, người nói với bà rằng bà bị lao phổi và cần lên tàu về Mỹ ngay lập tức.

Bà trở về căn phòng nhỏ đơn sơ trong nhà trọ của hội truyền giáo để suy nghĩ về việc mình nên làm. Trong một khoảnh khắc, bà đã có ý nghĩ hạnh phúc : «Mình có thể về nhà với lương tâm trong sạch !» Nhưng khuôn mặt của Andrew lập tức hiện lên trong bà, nhợt nhạt và suy sụp. Giờ đây, trong căn phòng nhỏ nơi ông ngồi, quay lưng lại với bà, đôi vai rũ xuống, bà bình tĩnh nói với ông : «Andrew, em sẽ không về nhà».

Một lúc sau, ông hỏi : «Vậy còn cách nào khác ?»

Và bà trả lời với giọng nóng bỏng : «Em sẽ không kéo anh ra khỏi sứ mệnh. Em không muốn người ta nói rằng chính em đã đưa anh đi xa. Chúng ta sẽ đến miền bắc Trung Quốc, đến Chefoo, thuê một ngôi nhà ở đó, và anh có thể thuyết giảng tại đó. Còn em, em sẽ tự

chữa lành».

Bà thấy đôi vai chồng mình thẳng lại, ông quay về phía bà, sự nhẹ nhõm hiện rõ trong ánh mắt và giọng nói : «Ồ, Carie, nếu em nghĩ..».

Lúc đó, bà nhìn ông, quá kiêu hãnh để nói thêm điều gì, nỗi đau thấu tận tâm can. Liệu ông có hiểu được cuộc chiến mà bà sẽ phải trải qua không ? Ông sẵn sàng chấp nhận bất kỳ sự hy sinh nào từ bà, nhưng điều đó chẳng quan trọng, bà sẽ tự mình chiến đấu. Lần đầu tiên, bà hiểu rõ rằng giữa người đàn ông này và bà thực sự chẳng có điểm chung nào ngoài hai mối liên hệ : lời răn của tôn giáo họ và những đứa con họ có cùng nhau, và ngay cả những đứa con cũng chỉ là mối liên hệ bằng xương bằng thịt, bởi Andrew chưa bao giờ hiểu hay yêu thương chúng, cũng không hề ghét bỏ chúng. Ông chỉ đơn giản là không coi chúng là những thực thể có thực. Cuộc đời ông trôi qua trong sự kết hợp huyền bí với Chúa và với những linh hồn con người - bởi đàn ông và phụ nữ hiếm khi đại diện cho điều gì khác ngoài một linh hồn trong mắt ông. Trong khi đó, với Carie, giác quan là có thực, cuộc sống gần như hoàn toàn bằng xương bằng thịt - và Chúa - Chúa ở đâu, và Ngài là ai ?

Toàn bộ cuộc sống của Carie bị đặt thành vấn đề. Nếu bà kéo Andrew ra khỏi sứ mệnh của ông, vậy điều gì sẽ còn lại cho họ ? Mỗi liên hệ nào sẽ cho phép họ sống bên nhau với vẻ chân thành ? Bà không tin rằng ông có thể tha thứ cho bà, hay thậm chí từ bỏ việc ông đã bắt đầu. Carie thuộc về một thời đại mà hôn nhân, ít nhất là trong số những người sùng đạo và đáng kính, là không thể thay đổi như cái chết. Bà đã hứa sẽ sống với ông và bà sẽ làm điều đó. Vì vậy, bà trả lời tất cả những đề nghị trở về nhà bằng câu : «Không, chúng ta sẽ đến miền bắc Trung Quốc, và xem liệu em có thể tự chữa lành ở đó không. Em sẽ không bỏ cuộc».

Nhưng bà cực kỳ độc lập khi bị tổn thương, và bà không cho phép Andrew động đến quá nửa số tiền lương ít ỏi của họ vì bản thân bà không thể tiếp tục làm việc cho hội truyền giáo. Sau đó, sau khi chia tay nhóm bạn nhỏ, họ thuê một chiếc thuyền buồm và đi dọc theo bờ biển. Carie tự hỏi liệu bà có bao giờ gặp lại những khuôn mặt đã trở nên quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Nhưng bà có niềm kiêu hãnh và sức mạnh từ quyết định của mình khiến bà trở nên nghiêm túc.

Tôi nhớ bà kể với tôi rằng chiếc thuyền buồm đó, giống như nhiều chiếc khác, bị lũ chuột to dùng xâm chiếm, chúng chạy qua chạy lại suốt đêm trên đầu bà,

dọc theo những xà ngang thấp. Một lần, bà bị đánh thức bởi một con chuột mắc kẹt trong mái tóc dài búi xõa của bà, đang cố thoát ra. Bà phải thò tay vào, túm lấy nó và ném xuống đất. Cảm giác cơ thể trơn nhẵn đó vụn vụn trong tay khiến bà buồn nôn, và vì kinh hãi, bà muốn cắt ngắn mái tóc của mình.

Khi họ đến bờ biển, tất cả lên tàu đến Chefoo, một hải cảng nằm trên vịnh ở miền bắc Trung Quốc. Nhưng tôi không được quên kể rằng chính vào đêm trước ngày họ khởi hành, Carrie đã phát hiện ra chiếc bàn hình bầu dục trong một cửa hàng đồ cũ ở Thượng Hải. Bị cuốn hút bởi tỷ lệ tinh tế và vẻ chắc chắn của nó, bà mua ngay lập tức từ ông lão cò kè bớt một thêm hai. Andrew ngạc nhiên và khó chịu, bởi trong mắt ông, một cái bàn chỉ là một cái bàn, và họ đã mang theo quá đủ đồ đạc cho sở thích của bà. Nếu có thể, ông chỉ muốn đi với một túi vải, một chiếc ví mỏng và một cuốn sách, không mang theo gì thêm. Nhưng Carrie thấy rằng một món đồ đẹp là nguồn vui, và khi cơn say sóng ập đến dữ dội, bà lấy lại can đảm khi nghĩ rằng dưới khoang tàu, bên dưới bà, là chiếc bàn đó, với vẻ duyên dáng, những đường cong đẹp đẽ và chất gỗ mịn bóng.

CHƯƠNG III

Đến Chefoo, họ bắt đầu tìm một ngôi nhà. Andrew muốn thuê một căn gần thành phố Trung Quốc, trong khu vực uốn lượn dưới chân đồi. Nhưng Carie từ chối. Bà cảm thấy ốm yếu và mệt mỏi đến mức không tự lừa dối mình ; bà sẽ phải chiến đấu cho mạng sống của mình và tìm kiếm mọi sự giúp đỡ có thể từ những gì xung quanh. Edwin, cũng gầy gò và xanh xao, đứng không vững và không thể thoát khỏi căn bệnh kiết lỵ khó chịu mắc phải sáu tháng trước.

Khi Carie kể với tôi điều này, ánh mắt bà trở nên dịu dàng, đầy thương cảm : «Cậu bé tội nghiệp của tôi, bà nói, phải theo một chế độ ăn kiêng khắc nghiệt và luôn đói khổ ! Một ngày, cậu nhìn thấy vài mảnh vụn trắng trên sàn phòng ăn, cúi xuống và liếm ngón tay để nhặt chúng. Cậu tưởng đó là vụn bánh quy và khóc khi phát hiện ra đó chỉ là vôi vữa rơi từ bức tường trắng. Trái tim tôi như vỡ tan !»

Bà ước gì có thể đưa con trai mình vượt biển, về ngôi nhà thời thơ ấu, với những căn phòng rộng thơm ngát. Nhưng vì điều đó là không thể, bà chọn một ngôi nhà trên đỉnh ngọn đồi nhìn ra biển. Gió thổi rất trong lành, thổi thẳng từ đại dương vào, không bị vẩn đục bởi hơi

người hôi hám. Còn Andrew thì phải đi xa hơn để đến chỗ làm.

Ngôi nhà dài, một tầng, xây bằng đá, nằm trên một vách đá dựng đứng nhìn xuống vùng nước sâu, xanh biếc và trong vắt dưới những con sóng trắng xô vào bờ. Có một khu vườn nhỏ đầy cát và một bức tường đủ cao để bảo vệ lũ trẻ, nhưng cũng đủ để Carie tựa vào và đưa mắt nhìn xa xăm, mơ tưởng rằng mình có thể thấy từ xa ngàn dặm một bờ bến yêu dấu.

Lúc đó, bà bắt đầu cố gắng cứu lấy mạng sống của mình. Andrew không bao giờ nghi ngờ bà bị bệnh nặng đến mức nào, nhưng bà biết rõ nguyên nhân của những cơn đau ở hông, tiếng ho khan liên tục làm bà đau đớn, và cơn sốt ngày một tăng. Ở một góc hiên, bà đặt chiếc giường của mình lên những viên gạch để có thể nhìn thấy biển và trời cao phía trên bức tường.

Bên phải giường bà là những ngọn núi cát với sườn núi trơ trọi, nhưng Carie không nhìn thấy thành phố Trung Hoa nằm dưới chân núi. Điều đó phù hợp với mong muốn của bà, bởi để sống, bà cần quên đi những cơn phẫn nộ, những kẻ ăn xin mù lòa, và những nỗi khổ đau khiến trái tim bà tan nát vì bà không thể xoa dịu chúng. Tuy nhiên, khi nằm xuống, bà vẫn nghĩ về chúng.

«Andrew chịu đựng được cảnh khổ của người khác, bà tự nhủ, vì anh ấy cầu nguyện cho họ và cảm thấy được an ủi : anh ấy nghĩ rằng Chúa sẽ cứu rỗi linh hồn họ và trên Thiên Đường, họ sẽ tìm thấy hạnh phúc». Carie cũng cầu nguyện, tất nhiên, nhưng với sự mãnh liệt và một nỗi phần nộ, bởi những điều này không bao giờ nên tồn tại trên trái đất, và Thiên Đường không thể xóa đi ký ức về những nỗi khổ đã qua. Ngay cả khi Chúa cho phép những đau khổ như vậy vì những mục đích khôn ngoan của Ngài, như Andrew nói, điều đó cũng không làm dịu đi những đau đớn của thân xác, không mang lại ánh sáng cho người mù, và cũng không giải phóng những cuộc đời bị nghiền nát và áp bức. Carie dừng suy nghĩ ở đó vì bà không tìm thấy câu trả lời nào. Vì vậy, bà gắng vâng lời với tất cả nghị lực tích lũy được trong những năm học tập tại nhà nguyện làng quê.

«Tôi chỉ cần tin tưởng và vâng lời», bà tự nhủ, đầy ăn năn.

Bà không thể bắt chước Andrew, rút vào phòng để cầu nguyện rồi trở ra với vẻ mãn nguyện, chỉ nghĩ đến linh hồn con người. Nhưng chính vì nỗi đau của mình, bà rửa và băng bó vết thương, chăm sóc người bệnh, và khi mọi sự giúp đỡ của con người đều vô ích, khi đau

khô và cái chết không thể tránh khỏi, bà khóc, như thể những đòn roi đang giáng xuống chính thân xác bà ; cuộc sống đã bẻ gãy sức lực của bà.

Tôi đã thấy bà thức trắng đêm bên cạnh một người mẹ đang chứng kiến đứa con mình chết dần. Carie vừa cầu nguyện thành tiếng vừa hành động, và khi đứa trẻ qua đời vào lúc bình minh, bà ôm lấy thân hình bé nhỏ màu nâu ấy và cảm thấy bất lực, khóc một cách giận dữ và tuyệt vọng. Bà kể chuyện này với Andrew. Anh ngạc nhiên, mở to mắt và nói nhẹ nhàng : «Đó là ý Chúa ; không nghi ngờ gì nữa, đứa trẻ đã được an toàn, trên Thiên Đường». Carie phản ứng đầy phẫn nộ : «Anh có nghĩ rằng suy nghĩ đó có thể lấp đầy trái tim và vòng tay của một người mẹ không ?» Rồi buồn bã, bà nói thêm : «Tôi biết thật sai trái khi nói như vậy, tôi nên nói: Xin ý Chúa được thực hiện - nhưng điều đó không lấp đầy khoảng trống trong vòng tay và trái tim».

Một lần, tôi nghe ai đó nói với bà về một đứa trẻ đã chết : «Thân xác giờ chẳng là gì cả vì linh hồn đã rời khỏi nó». Carie trả lời rất đơn giản : «Thế thân xác không quan trọng sao ? Tôi yêu thân xác của những đứa con tôi ; tôi chưa bao giờ chịu đựng được việc nhìn chúng được đặt xuống đất. Tôi đã tạo ra chúng và gắn bó với chúng, tôi đã tắm rửa, mặc quần áo và chăm sóc

chúng ; chúng là những thân xác quý giá».

Cái chết và đau khổ dường như không thể hiểu nổi đối với Carrie, người với trái tim nhạy cảm không bao giờ có thể làm tổn thương bất kỳ sinh linh nào. Bà rất khó hiểu được vị Chúa của thời đại mình; thực tế, bà không bao giờ hiểu được.

Từ một trong những trải nghiệm sâu sắc và đầy tính nhân văn của mình, bà đã đem về một người phụ nữ trở thành người hầu và đi theo bà đến khắp nơi cho đến khi tuổi già khiến bà không thể tiếp tục được nữa. Người phụ nữ này sống với một người đàn ông không phải chồng mình, và hẳn ta đã đập vỡ sọ đứa con gái nhỏ của bà vào buổi sáng nó chào đời. Cùng ngày hôm đó, Carrie đi ngang qua túp lều tồi tàn và nghe thấy tiếng rên rỉ tuyệt vọng vang lên từ bên trong. Đôi tai tinh tế của bà nhận ra đó không phải là nỗi đau thông thường, và ngay lập tức, bà cảm thấy mình phải tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra. Bà bước vào và thấy một sinh linh bé nhỏ đã chết nằm trên đùi người mẹ ; óc chảy ra từ cái sọ vỡ. Người đàn ông nằm trên giường gỗ chửi rủa, cáu kỉnh, và người phụ nữ ngồi đó dường như bị choáng váng. Đứa trẻ, quá gầy gò, có lẽ dù sao cũng không sống được lâu. Carrie dùng thổ ngữ của họ hỏi han nhanh chóng. Người đàn ông kinh ngạc khi thấy bà xuất hiện, hoảng

sợ trước ánh mắt sáng và cái nhìn giận dữ của người phụ nữ trẻ, đến nỗi hấn bỏ đi không nói một lời. Carie quay lại với người phụ nữ khốn khổ có làn da nâu sạm, quỳ xuống trước mặt bà, hỏi han, và hai người mẹ trò chuyện với nhau. Carie phẫn nộ trước sự việc vừa xảy ra, và với lòng nhân ái, bà giận dữ với kẻ đã dám làm điều tàn ác như vậy.

«Ôi, đứa bé tội nghiệp !» bà kêu lên với giọng đầy xúc động, và người phụ nữ đang nhìn chăm chăm vào đứa trẻ đã chết bỗng bật khóc. «Tên đàn ông đó đáng bị giết», Carie nói thêm với vẻ mặt dữ tợn.

«Ai có thể động đến một người đàn ông ? người phụ nữ vừa khóc vừa nói. «Hắn có quyền giết một đứa con gái nếu hắn muốn. Sao hắn không giết luôn tôi nữa !

- Nhưng bây giờ bà sẽ không ở lại với hắn chứ ? Carie hỏi.

- Tôi có thể đi đâu ? người phụ nữ đáp. Đàn ông ở đâu cũng thế cả. Tôi đã sống khắp nơi, họ đều giống nhau».

Carie cảm nhận được sự giản dị và chân thành của người phụ nữ này, bà liền nói ngay : «Bà sẽ đến sống với tôi. Tôi cần ai đó giúp tôi trông nom con gái nhỏ của tôi».

Người phụ nữ từ từ đứng dậy :

«Tôi sẽ đi tìm một tấm chiếu để bọc con tôi, sau đó tôi sẽ đến».

Carie không bao giờ hỏi thêm bà điều gì nữa. Bà đón nhận người phụ nữ này vào nhà, dạy bà làm việc nhà, và thậm chí cố gắng, dù không thành công, dạy bà biết đọc. Vì tình yêu dành cho Carie, người phụ nữ Trung Hoa đã chăm sóc Edwin và bà con gái nhỏ da trắng một cách ân cần. Khi nghe nói về Maude, bà rơi vài giọt nước mắt, rồi nhớ lại và nói : «Nhưng ít nhất ông chủ không giết nó bằng một hòn đá khi nó đang bú sữa mẹ.

- Không», Carie trả lời nhỏ nhẹ, tràn đầy thương cảm. Rồi bà nắm lấy cơ hội : «Ở đất nước chúng tôi, chúng tôi không cho phép những điều như vậy, bà nói, vì chúng tôi tin vào một vị Chúa dạy chúng tôi lòng nhân ái».

Ôi, đất nước tươi đẹp của tôi ! Carie nghĩ, và vị Chúa của tôi, Ngài khiến những ai tin vào Ngài trở nên tốt đẹp hơn !

«Tôi muốn biết về điều đó», người phụ nữ trả lời. Và Carie bắt đầu kể cho bà nghe. Tuy nhiên, bà do dự. Suy cho cùng, bà nghĩ, con người giản dị này không dạy bà nhiều điều hơn là bà dạy họ ? Chắc chắn Chúa phải tồn

tại, bởi nơi nào Ngài không hiện diện, con người sẽ trở nên như thú vật. Và trước những ví dụ như thế, Carie cảm thấy hy vọng trong mình hồi sinh.

Từ ngày đó, người phụ nữ này đi theo Carie trong mọi hành trình ; bà trở thành một phần của gia đình và nuôi dưỡng những đứa trẻ sau này được sinh ra bởi Carie và Andrew. Nhiều năm sau, khi những đứa trẻ ấy lớn lên, thể hiện tình cảm với Wang Amah hay trêu đùa bà bằng cách gọi «Mẹ nuôi», tôi vẫn nhớ ánh mắt dịu dàng Carie dành cho người phụ nữ già gầy guộc, nhăn nheo và tóc bạc trắng. Một lần, Carie nói với tôi : «Tôi tin Wang Amah không phải là người phụ nữ đức hạnh theo cách người ta vẫn nghĩ, và tôi e rằng bà ấy chẳng hiểu nhiều về Kinh Thánh, nhưng tôi chưa bao giờ thấy bà ấy quát mắng trẻ con hay thốt lời ác ý. Nếu trên thiên đường không có chỗ cho bà ấy, tôi sẽ nhường một nửa chỗ của mình - nếu tôi có được lên đó».

Wang Amah theo gia đình đến Chefoo. Ở đó, bà chăm sóc Carie và các con, giúp Carie có thể yên tâm nằm nghỉ mà không phải lo lắng cho Edwin và Edith. Andrew tiếp tục rao giảng với nhiệt huyết hơn bao giờ hết, thờ ơ với mọi thứ khác như Thánh Phaolô từng làm. Nhưng Carie nghỉ ngơi trong bầu không khí trong lành. Bà ngủ, đọc sách, ăn uống và dần hồi phục sức

sống. Sau sáu tháng, cơn ho của bà biến mất. Carie có thể đứng dậy và mỗi ngày dành vài giờ làm những công việc nhỏ trong nhà và vườn mà không bị sốt. Những tháng dưỡng bệnh này, Carie sống trong ngôi nhà nhỏ bên bờ biển, chỉ cách quê hương bà một đại dương mênh mông, là một trong những khoảng thời gian hạnh phúc nhất của những năm tháng ấy. Bà hài lòng khi thấy Andrew bận rộn với công việc mình chọn ; bà cảm nhận sức sống mới trỗi dậy trong huyết quản và đắm mình trong vẻ đẹp rực rỡ của trời cao, núi non và biển cả.

Thật hạnh phúc cho tất cả chúng tôi khi bà bắt đầu hát trở lại, ban đầu rất nhẹ nhàng, sau đó là những giai điệu tràn đầy.

Căn bệnh này cũng có mặt tốt cho những đứa trẻ. Carie dành nhiều thời gian ngắm chúng chơi đùa, ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Bà kể cho chúng nghe những câu chuyện và dặn chúng không được bắt chước một số điều chúng thấy xung quanh. Bà thường nói : «Chúng ta là người Mỹ. Chúng ta không hành xử như thế».

Carie luôn tổ chức ngày 4 tháng 7. Bà treo lá cờ tự làm. Họ đốt pháo và cùng hát quốc ca bên cây đàn organ. Trước khi biết về đất nước mình, những đứa trẻ thường nói khi nghĩ về kỳ nghỉ : «Chúng ta sẽ về nhà».

Thường vào lúc hoàng hôn, khi ngồi trên bãi biển, chúng nhìn ra đại dương trong khi mẹ kể về đất nước xa xôi - quê hương chúng. Bà miêu tả ngôi nhà trắng rộng lớn, đồng cỏ, vườn cây ăn trái và những trái cây chúng có thể hái và ăn ngay, ngọt ngào và tươi sạch dưới mưa nắng. Những đứa trẻ tin rằng chúng đang nghe kể về thiên đường, khi cả đời chúng được giám sát kỹ lưỡng, sợ rằng nếu cho vào miệng thứ gì chưa khử trùng, chúng sẽ bị nhiễm bệnh như Edwin, người dù mọi biện pháp phòng ngừa vẫn bị ốm nhiều tháng, và chỉ giờ mới khỏe lại. Suốt đời, những đứa trẻ của Carie xem quê hương là vùng đất kỳ diệu nơi người ta uống nước chưa đun sôi, và ăn táo, đào, lê hái thẳng từ cây.

* * *

Hàng ngày họ đi tắm biển, trừ khi có bão và sóng quá mạnh. Một ngày nọ, Carie gặp một chuyện nhỏ mà sau này thường được kể lại. Bàn tay bà vẫn còn gầy guộc, và một buổi sáng, không để ý, chiếc nhẫn cưới của bà rơi xuống nước, mãi sau bà mới phát hiện ra.

Bà lập tức quay lại bãi biển. Mọi người cùng tìm kiếm nhưng vô ích. Carie thuê một cậu bé ở bãi biển lặn xuống chính xác nơi bà tắm, nhưng cậu không tìm thấy gì. Gần cuối buổi chiều, khi bà đã mất hết hy vọng, bà cố gắng lần cuối và đi chậm rãi trên cát. Bỗng nhiên,

những tia nắng xiên cuối cùng xuyên qua mặt nước phẳng lặng. Một tia sáng chiếu xuống đáy, chạm vào chiếc nhẫn nằm trong một hốc nhỏ và làm nó lấp lánh. Cậu bé lại lặn xuống và mang chiếc nhẫn lên, Carie đeo nó vào ngón tay trong niềm vui chiến thắng. Khi bà kể với chồng, ông bình thản đáp : «Anh biết em sẽ tìm thấy nó ; anh đã cầu nguyện».

Sau này, khi các con nghe câu chuyện này, chúng hỏi: «Mẹ ơi, mẹ tìm thấy nhẫn nhờ lời cầu nguyện của bố à ?»

Ánh mắt tinh nghịch lóe lên trong đôi mắt sáng của Carie khi bà trả lời : «Có lẽ vậy, nhưng nếu mẹ không quay lại tìm thì cũng chẳng thấy đâu. Cầu nguyện là tốt, nhưng tự mình cố gắng thêm lần nữa càng tốt hơn !»

Carie cảm thấy mình đã khỏe, và bà buộc phải tìm cách kiếm tiền trong khi chờ đủ sức rời bờ biển để tiếp tục công việc truyền giáo cùng chồng tại nơi ông được phân công. Bà cho một nhóm người nước ngoài đến nghỉ hè ở biển thuê nhà, còn mình và các con dọn lên phòng gác mái, nhờ vậy bà dành dụm đủ tiền để bù lại phần lương bà đã bỏ ra trước đó.

Việc thử thách sức lực quan trọng với bà hơn cả tiền bạc. Bà phải nhào bột, giặt giũ, nấu ăn và chăm sóc mười hai người trong nhà, chỉ với sự giúp đỡ của người giúp việc và Wang Amah, người trông nom lũ trẻ. Carie xoay sở được, dù bà lại mang thai. Nhưng không có cơn sốt hay ho trở lại, bà tin mình đã khỏi bệnh. Cuối hè, khi khách rời đi, bà đóng cửa ngôi nhà nhỏ yên bình bên biển với khu vườn đầy cát, và gia đình trở về miền Nam Trung Quốc.

Carie khẩn khoản xin Andrew đừng quay lại cửa sông Dương Tử nơi họ từng sống. Bà khỏe nhưng chưa cảm thấy đủ mạnh. Họ được điều đến một thị trấn cảng sông, Chinkiang, nơi nổi tiếng từ thời Marco Polo với những ngôi đền lớn, tháp chùa và thương mại phồn thịnh, nằm ở giao điểm của sông và kênh đào lớn. Carie thích nơi này ngay lập tức, ngưỡng mộ những ngọn đồi nhô lên từ bờ sông. Nhưng nơi đây quá đa văn hóa để thỏa mãn một người tiên phong như Andrew. Ông thấy ở đây có những giáo đoàn khác và người da trắng, trong khi ông khao khát những không gian nơi không có ai thuyết giảng cho đám đông. Carie không dám mơ về một khu vườn của riêng mình, vì chồng bà không hài lòng. Cuối cùng, nhiệm vụ hiểu rằng ông sẽ phục vụ tốt hơn ở các tiền đồn và cho phép ông đi đến bất cứ nơi nào ông muốn. Vì vậy, ông thuê một căn hộ ba phòng cho gia

đỉnh, phía trên một cửa hàng của người Hoa, đã lên thuyền và đi về phía thượng nguồn của con kênh lớn, phía bắc tỉnh Giang Tô.

Một lần nữa, Carie cố gắng tạo ra một mái ấm cho các con. Ba căn phòng nhìn ra con sông Dương Tử rộng lớn, chảy xiết và vàng đục vì đất bị xói mòn từ hai bên bờ khi nó đổ xuống từ nguồn, trên hành trình hàng ngàn dặm đầy ghềnh thác. Trong những tháng tiếp theo, Carie học cách căm ghét và sợ hãi con sông lớn tàn nhẫn này, quá hung dữ ở những hẻm núi, quá chậm chạp và ảm đạm khi trải rộng trên đồng bằng. Người phụ nữ trẻ nhìn thấy ở đó biểu tượng của cuộc sống phương Đông, điên rồ, tràn trề, đè nén và dường như nuốt chửng mọi sự sống khác cản đường nó. Carie luôn cố gắng chống lại mỗi khi bà xây dựng một mái ấm kiểu Mỹ cho các con.

Bà thường ngồi khâu vá bên cửa sổ, ngược mắt nhìn dòng nước xoáy chậm với những xoáy nước. Bà thấy những chiếc phà lớn qua lại giữa thành phố và bờ bên kia, cùng những chiếc thuyền sampan nhẹ như lá, trôi dạt như những chiếc lá rụng từ cây. Đôi khi chúng bị cuốn vào những dòng chảy ngược, và những người đàn ông phải dùng hết kỹ năng để luồn lách trong mạng lưới dòng chảy.

Vào mùa xuân, con sông dâng cao, phồng lên vì tuyết tan từ núi và thượng nguồn ; nó trở nên hung dữ, điên cuồng. Carie gần như không chịu nổi khi nhìn thấy nó, vì bà đã chứng kiến nhiều lần những chiếc thuyền chạt cứng hành khách bị lật úp, và những người trên thuyền vật lộn trong nước mà không ai có thể được cứu. Hai lần bà nhìn thấy một chiếc phà đầy người, với những người ngồi cả trên mép thuyền, bị lật và cuốn đi như một con thú lớn. Những cái đầu đen xuất hiện trong chốc lát ; chúng nhô lên rồi chìm xuống dòng nước vàng ; những cánh tay giơ lên tuyệt vọng, rồi con sông nuốt chửng họ và mọi thứ trở lại bình thường, ngoại trừ chiếc thuyền quay cuồng trôi dạt.

Người ta nói rằng những ai rơi xuống nước không thể được cứu, vì những dòng chảy ngược dưới bề mặt phẳng lặng và gợn sóng của con sông quá nhanh và sâu. Thỉnh thoảng, cách nhau vài ngày, một chiếc sampan bị cuốn và kéo xuống đáy. Tuy nhiên, với thái độ định mệnh kỳ lạ của phương Đông, người dân địa phương vẫn tiếp tục băng qua vùng nước nguy hiểm bằng bất kỳ phương tiện nhẹ nào. Nhưng lòng căm ghét con sông của Carie ngày càng lớn khi bà nhận ra nó đè nén con người, đặc biệt là những người sống phụ thuộc vào nó.

Bà phải liên tục để mắt đến Edwin và Edith, sợ rằng khi chơi đùa nhìn thuyền bè qua cửa sổ, chúng sẽ chứng kiến cảnh kinh hoàng của những người đàn ông và phụ nữ vật lộn chết đuối.

* * *

Carie đã học cách tạo ra một ngôi nhà ở bất cứ nơi nào cần thiết, và bà định cư bên cạnh con sông mà bà ghét. Bà quét vôi trắng ba căn phòng và thuê một người địa phương sơn sàn và đồ gỗ. Sau đó, trong một cửa hàng vải Trung Quốc, bà mua vải muslin trắng, loại dùng làm màn, và may thành những tấm rèm xinh xắn có viền, vì những tấm rèm hồng đầu tiên đã lâu bị mòn. Bà cắt chúng rộng rãi, để có thể kéo chúng lại và che đi con sông tàn nhẫn. Vì không có chỗ cho một khu vườn, bà đóng một thùng sữa rỗng bên ngoài cửa sổ, và một ngày nọ, bà dẫn Wang Amah và các con lên những ngọn đồi xung quanh thành phố; bà mang về đất đen tối xốp và đổ đầy vào thùng, trồng những cành giâm từ cây phong lũ mang từ khu vườn cát nhỏ ở Chefoo, và những cây hoa hồng bà luôn giữ gìn. Chẳng bao lâu sau, một đốm sắc màu rực rỡ đã nở rộ giữa bà và dòng sông.

Dưới ba căn phòng này, những căn duy nhất Andrew có thể thuê, là cửa hàng của người môi giới, nơi một chủ nhà người Hoa bán các sản phẩm địa phương cùng

các mặt hàng ngoại nhập đóng hộp, và đặc biệt là rượu whisky và rượu mạnh. Một số ít người da trắng ở cảng và một vài người Hoa buôn bán ở đó. Khách hàng chủ yếu của cửa hàng là thủy thủ và lính từ các tàu chiến Mỹ hoặc châu Âu thỉnh thoảng cập bến trong cảng. Con sông rộng và sâu đến mức những con tàu lớn có thể đi xa hơn nhiều so với Trấn Giang. Hình ảnh lá cờ Mỹ, bay phấp phật trên vùng nước tối và nguy hiểm, làm ám lòng Carie.

Bà đặc biệt thương cảm những người đồng hương. Những chàng trai trẻ này lên bờ tràn đầy nhiệt huyết; những chàng trai vừa thoát khỏi tuổi thơ, đến từ khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, khỏe mạnh, cường tráng, háo hức tìm niềm vui. Nhưng họ không tìm thấy gì để làm, và vì không có gì tốt hơn, họ tràn vào cửa hàng nhỏ bán thủ của người môi giới, mua sô-cô-la đã hỏng, bánh quy Anh, và nhất là hết chai rượu whisky Scotland này đến chai khác. Carie nghe thấy họ từ phòng trên cửa mình, khi đêm khuya, đến tận bình minh, họ hát, la hét và than vãn trong cơn say. Những chai rượu vỡ tan vào tường, và giống như tiếng muỗi vo ve, giọng hát the thé của những bà gái nhà chứa xuyên qua tiếng ồn ào. Đôi khi có tiếng gào thét và khóc lóc, nhưng Carie không tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra, lòng đầy thương cảm cho những chàng trai trẻ xa nhà. Bà cảm thấy xấu hổ vì họ

là đồng hương của mình và lại hành xử như vậy trước một dân tộc nước ngoài, vốn đã kiêu ngạo và khinh thường.

Đôi khi, sau một đêm như vậy, bà xuống cửa hàng vào buổi sáng để mua sắm, và thấy những mảnh vỡ đồ sứ và hàng hóa vương vãi khắp nơi. Chủ cửa hàng, một người đàn ông da vàng với khuôn mặt nhăn nhó, nhìn những thiệt hại với ánh mắt u ám. Một ngày, Carie hỏi ông ta : «Tại sao ông lại bán cho họ thứ rượu khiến họ trở nên xấu xa như vậy ?»

Ông ta trả lời với vẻ mỉa mai : «Ồ ! Nếu người da trắng làm vỡ đồ, tôi bắt họ phải trả tiền !»

Nhưng Carie, bị ám ảnh bởi lòng thương cảm cho những người đồng hương và sự xấu hổ của mình, đã nảy ra một ý tưởng mà bà thực hiện trong nhiều năm. Khi một con tàu nước ngoài được báo hiệu cập cảng, bà lập tức bắt đầu làm bánh - những chiếc bánh lớn trắng như tuyết với dừa, những chiếc khác thơm ngon, đậm đà với sô-cô-la, từ một công thức bà đã học trong căn bếp mát mẻ lát gạch thời thơ ấu, sau đó bà nhào bột làm bánh tarte và bánh quy và mời các thủy thủ đến uống trà. Không có nhiều điểm chung giữa những người đàn ông thô lỗ này, những người chen chúc trong những căn phòng nhỏ với nụ cười ngượng ngùng, và người phụ nữ

thanh lịch, có học này. Nhưng bà cảm nhận được mối liên kết sâu sắc giữa họ, liên kết của chủng tộc và quê hương, và trái tim bà vui sướng khi thấy họ ăn ngấu nghiến những chiếc bánh ngon và uống hết ly nước chanh này đến ly khác. Khi họ đã no nê, bà để họ nhảy múa theo điệu nhạc và hát, hoặc đôi khi chỉ ngồi yên lắng nghe những người đàn ông thiếu vắng phụ nữ chia sẻ câu chuyện của họ. Khi họ ra về, bà cảm thấy chiến thắng vì đã giúp họ vượt qua khó khăn ít nhất một lần - đồng thời, trong lúc bảo vệ họ, bà còn mang đến cho họ một chút hương vị quê nhà.

Mùa đông năm đó, bà sinh một bé trai đặt tên là Arthur. Cậu bé cũng có mái tóc vàng và đôi mắt xanh. bà tràn ngập niềm vui mới trước một sinh linh bé bỏng, bởi mỗi đứa con chào đời đều mang đến cho bà một niềm hạnh phúc vô bờ, dù việc sinh nở có vất vả đến đâu. Wang Amah lần này rất vui vì đó là một bé trai. Đứa bé đã được hai tháng tuổi khi người cha lần đầu nhìn thấy con : một đứa trẻ xinh xắn nhưng ngay từ đầu đã có vẻ yếu ớt.

Trong nhật ký không đều đặn của Carie những năm đó, tôi liên tục bắt gặp câu cảm thán : «Tôi giàu có biết bao nhờ những đứa con của mình !»

Dù thiếu đi những người bạn mà lẽ ra bà đã có nếu sống trong môi trường bình thường, và bất chấp những chuyến đi dài ngày của Andrew, bà vẫn cảm thấy hạnh phúc giữa đàn con, và chúng cũng hạnh phúc khi được ở bên bà. Một ngày nọ, khi nghe một người phụ nữ kể về mối tình lãng mạn lớn nhất đời mình, tôi thấy ánh mắt Carie thoáng chút nuối tiếc ; nhưng nỗi hoài niệm ấy nhanh chóng tan biến, và bà bình thản đáp : «Những đứa con chính là cuốn tiểu thuyết của tôi».

Edwin và Edith sớm bộc lộ năng khiếu trí tuệ phi thường, và Carie vui sướng thỏa mãn niềm đam mê đọc sách và ca hát của chúng.

Trong cuộc sống kỳ lạ này, bà không biết tương lai sẽ ra sao, nhưng trong mùa đông chờ đợi, bà dành trọn thời gian cho các con. Không có khu vườn nào để chúng chơi đùa, và đường phố thì bẩn thỉu, đông đúc, vì vậy mỗi buổi sáng đẹp trời, sau khi hoàn thành công việc trong ngày, Wang Amah và Carie, bế đứa bé trên tay, dẫn lũ trẻ đi qua những con phố nhỏ để tránh sự chú ý, tiến đến con đường núi. May mắn là nó rất gần. Họ nhanh chóng đến một con đường uốn lượn dưới những tán cây và tre, dẫn đến những ngôi mộ phủ đầy cỏ xanh.

Carie luôn cảm thấy buồn khi nhìn những khu đất đầy mộ chí ; mặt đất xanh tươi vào mùa xuân và hè, rồi khô cằn và nâu xám vào mùa đông khi cỏ bị cắt làm chất đốt. Người phụ nữ trẻ nghĩ về những cuộc đời đã yên nghỉ ở đó, thường bị lãng quên. Những ngôi mộ của binh lính tử trận nhỏ bé và san sát nhau ; những ngôi mộ lớn hơn của người giàu và gia đình họ được bao quanh bởi tường ; mỗi năm mộ đều mang ý nghĩa riêng. Nhưng Carie bảo vệ lũ trẻ khỏi nỗi buồn này, và chúng vui đùa trên những ngôi mộ, hái hoa dại và chạy nhảy trên những sườn dốc. Sau này, khi về quê hương, chúng ngạc nhiên khi thấy những ngọn đồi trống trải, không có một công trình nhỏ nào, và lần đầu tiên nhận ra rằng chúng đã chơi đùa cả đời trên lưng những người đã khuất. Đó là cách người mẹ Mỹ này bảo vệ con mình và giữ cho chúng luôn vui tươi.

Sườn đồi mà chúng thường chơi đùa nhất nằm dưới bóng của một pháo đài trên đỉnh. Gần đó, binh lính tập trận trên một bãi đất, và lũ trẻ thích ngắm nhìn những người lính mặc áo xanh và đỏ xông lên với giáo và kiếm, hoặc nghe tiếng súng thần công duy nhất vang lên từ bức tường bao quanh pháo đài.

Dưới chân núi, con sông uốn khúc. Nước rút dần, để lộ một vùng đồng bằng màu mỡ, từ đó nhô lên một hòn đảo hình nón nhọn, ngày nay vẫn được gọi là Đảo Vàng. Một ngôi chùa tuyệt đẹp, từng được Marco Polo chiêm ngưỡng, sừng sững trên những mái cong của ngôi đền trên đảo.

Nếu lũ trẻ thích thú ngắm nhìn những người lính lấp lánh và tiếng súng thần công kỳ lạ, thì người mẹ lại yêu mến những ngọn núi xa xôi với những đỉnh nhọn nối tiếp nhau dọc bờ sông. Vào giữa trưa, chúng hiện lên rõ ràng và xanh biếc; vào sáng sớm và chiều tối, chúng chìm trong sương mù. Carie yêu chúng ; chúng phần nào thay thế cho dãy núi in bóng trên bầu trời quê hương, nơi ngôi nhà cũ của bà cách xa hàng vạn dặm.

Mùa hè lại đến. Mùa hè mà năm nào Carie cũng sợ hãi vì những ngày ẩm ướt triền miên. Mùi hôi thối từ những con phố đầy rác bốc lên, tràn vào ba căn phòng. Những cây phong lữ héo rũ và chết vì nóng, những bông hoa hồng tàn phai. Ruồi nhặng sinh sôi từ những đồng rác cháy dở bốc khói dưới ánh nắng thiêu đốt. Không khí nóng nực như một làn hơi độc. Carie nghĩ, nhất định phải đưa lũ trẻ lên núi.

Trên một ngọn đồi gần pháo đài có một khu đất cũ của các nhà truyền giáo, và sau nhiều lần đàm phán, Carie tìm được một ngôi nhà một tầng bỏ trống vào mùa hè. Đó là một ngôi nhà thấp, vuông vức, với sáu phòng, ba phòng mỗi bên một hành lang xuyên suốt, và một hiên bao quanh hai bức tường ngoài. Nó giống như thiên đường so với căn hộ ồn ào, chật chội trên phố. Carie dọn đến và mùa hè trôi qua. Đôi khi, vào buổi tối, bà sốt ruột khi phải săn lùng những con rết mà bà sợ chúng bò vào giường của lũ trẻ, vì vết cắn của chúng có thể gây bệnh.

Những vũng nước và ruộng lúa ở thung lũng sinh ra nhiều muỗi, và từ những chiếc chum lớn chứa phân bón mà nông dân dùng để cải tạo đất, bầy ruồi bay ra như mây. Tuy nhiên, từ đây có thể ngắm nhìn những thung lũng màu mỡ và những ngọn đồi thấp phủ đầy tre ; cách đó một dặm, con sông hung dữ giờ chỉ còn là một dải vàng rộng, chảy hiền hòa ở chân trời. Rất sớm vào buổi sáng, sương mù dày đặc phủ kín thung lũng, và những đỉnh núi nhô lên như những hòn đảo xanh. Cảnh tượng thật tuyệt đẹp, và càng đẹp hơn với Carie vì nó gợi nhớ quê hương bà. Chỉ có điều, những màn sương này nặng nề và nóng bức, trong khi sương Virginia mang hơi lạnh buổi sớm.

Một bãi cỏ nhỏ nơi lũ trẻ nô đùa và một mảnh vườn nhỏ là thứ tuyệt vời nhất. Carie trồng hoa và dậy sớm để chăm sóc chúng, mong chúng nở hoa trước khi bà rời đi. Đó là khu vườn đầu tiên của bà ở Trung Quốc.

Nhưng mùa hè kết thúc, và Andrew đến, thông báo rằng một ngôi nhà đang chờ họ ở thượng nguồn kênh lớn, tại một thị trấn tên Tsingkiangpu, nơi ông đã chọn làm trung tâm công việc trong những tháng gần đây. Ông rời trung tâm này và đi khắp một vùng rộng lớn bằng la, xe bò hoặc đi bộ để truyền giáo và giảng dạy tại các làng mạc, thị trấn. Ông đã quen thuộc với Tsingkiangpu để có thể an cư tại đó và đã thuê một ngôi nhà kiểu Trung Quốc vừa được sửa sang.

Carie tiếc nuối ngôi nhà mà bà đã gắn bó, và những bông hoa của bà mới chỉ ra nụ, nhưng bà vẫn đóng gói đồ đạc, đồ nội thất và đưa các con lên đường, cùng Wang Amah, cả gia đình lên một chiếc thuyền. Sau mười ngày hành trình chậm rãi dọc theo con kênh yên ả, bà đến được khu phố cổ Trung Hoa, nơi không có bóng dáng người da trắng. Andrew đã tìm được một ngôi nhà rộng lớn khác thường nằm sâu trong một sân rộng. Người ta đồn rằng nơi đây bị ám bởi hồn ma một người phụ nữ bị chồng ngược đãi, chủ nhân trước đây của tòa nhà. Người phụ nữ này hiện về dưới hình dạng

một con chôn, khiến không ai dám thuê nhà, và chủ nhà vui mừng giao lại nó cho cả một người ngoại quốc.

Dù sao đi nữa, Carie tỏ ra biết ơn và một lần nữa bắt tay vào việc dựng lại tổ ấm. Bà lặp lại quy trình gần như không thay đổi - những bức tường sạch sẽ, quét vôi trắng, những ô cửa sổ lớn đục vào tường và rèm cửa mới với viền ren, chiếu sạch trải trên sàn nhà; sân trồng cỏ, thêm hoa nữa, những bông cúc mua từ các tiểu thương, và những đóa hồng nhỏ đơn giản, rực rỡ sắc đỏ, hồng và vàng. Khi cây đàn harmonium yêu quý và chiếc bàn đã được đặt vào vị trí, giường ngủ, vài chiếc ghế mây và nhà bếp được sắp xếp xong xuôi, tổ ấm đã được tái lập. Bên ngoài, mọi hoạt động nhộn nhịp diễn ra trên con phố ồn ào chạy từ đông sang tây xuyên qua thành phố, cùng với tiếng ồn ã của đô thị, tiếng rao của những người bán hàng, tiếng những người kéo xe kêu gọi nhường đường giữa đám đông, tiếng kéo kẹt của những chiếc xe cút kít. Nhưng đằng sau cánh cổng, sau những bức tường, là một góc yên bình và sạch sẽ, nơi người phụ nữ Mỹ đã tái tạo một mảnh nhỏ quê hương mình để nuôi dạy những đứa con. Bà thường mời những phụ nữ Trung Hoa đến đây, và họ trầm trồ thán phục, thở dài khi thấy ngôi nhà đẹp đến nhường nào.

Andrew đã mở nhiều nhà nguyện trong thành phố và đi rao giảng khắp vùng. Ông đi đi về về, tràn đầy nhiệt huyết với sứ mệnh của mình. Ông sử dụng ngôn ngữ thành thạo và dành phần lớn thời gian để soạn sách cho thánh giả của mình.

Lúc này, Carie không theo chồng đi xa khỏi nhà và các con, nhưng bà thường đến các nhà nguyện, chơi đàn harmonium nhỏ và dẫn dắt các bài hát bằng giọng ca trong trẻo. Sau bài giảng của Andrew, bà dạy giáo lý cho những phụ nữ đến nghe, họ tụ tập thành từng nhóm nhỏ để lắng nghe giáo lý lạ lùng này. Phần lớn trong số họ là những con người bất hạnh, thất vọng, mệt mỏi với cuộc sống và gục ngã dưới gánh nặng đau khổ ; họ chán ghét những yêu cầu khắt khe của các thầy tế trong tôn giáo của mình. Một số không hiểu được giáo lý mới, và có lẽ, những lời Carie nói chưa bao giờ truyền tải được thông điệp bà mong muốn.

Nhưng khi lắng nghe những câu chuyện buồn, sự đồng cảm nhanh nhạy và tự nhiên của bà có sức ảnh hưởng lớn hơn cả lời nói. Phản ứng đầu tiên của bà luôn là «tìm cách cứu giúp», và cuối cùng, bà được gọi là «Người Mỹ làm việc thiện». Nhiều phụ nữ Trung Hoa tìm đến bà, những người xa lạ, chỉ nghe danh tiếng bà, và họ thường kết thúc câu chuyện của mình bằng ánh

mắt khắc khoải : «Người ta nói bà luôn tìm ra cách...».

Bà luôn sẵn sàng lắng nghe những lời than phiền. Tôi vẫn nhớ hình ảnh bà ngồi bên cửa sổ phòng khách nhỏ, gương mặt linh hoạt biến đổi vì lòng trắc ẩn, chăm chú lắng nghe giọng nói ghen ngào không ngừng. Bọn trẻ chơi đùa và cười vang trong vườn ; thỉnh thoảng, bà mỉm cười với chúng nhưng vẫn tập trung, ánh mắt đượm buồn. Hầu hết những người phụ nữ này đều là nạn nhân của sự áp bức, chưa từng gặp ai trong đời sẵn lòng lắng nghe tiếng lòng đau khổ của những trái tim bé nhỏ, nên họ kể đi kể lại nhiều lần, cảm thấy nhẹ nhõm khi được giải bày với một đôi tai biết đồng cảm. Một ngày nọ, tôi nghe một phụ nữ nói với bà : «Hãy bảo tôi phải làm gì, tôi sẽ làm. Bảo tôi phải tin gì, tôi sẽ tin. Cả đời tôi chưa từng gặp ai chú ý đến một lời nói hay giọt nước mắt của tôi. Cha tôi không thương tôi vì tôi là con gái ; chồng tôi không cần tôi ; con trai tôi khinh rẻ tôi. Tôi luôn bị coi thường vì là một người phụ nữ xấu xí và thất học. Thế mà bà, một người ngoại quốc, một người Mỹ, lại quan tâm đến tôi, nên niềm tin của bà sẽ là niềm tin của tôi. Bà phải có tôn giáo đích thực, vì nó khiến bà tốt bụng - ngay cả với tôi».

Mùa đông năm đó là một trong những mùa đông hạnh phúc nhất trong đời Carie. Ngôi nhà Trung Hoa rất ấm

cúng ; họ nhờ một người thợ thiếc làm một chiếc bếp bằng kẽm, và hai cửa sổ được trang trí bằng hoa. Carie có tài trồng hoa ; những căn phòng bà ở vốn trông trái với ít đồ đạc trở nên ấm cúng và dễ chịu nhờ những chậu cây trang trí.

Nhưng mùa xuân đến, và mùa hè lại gần kề. Carie ước gì mùa này đừng tồn tại ! Nhưng mùa hè năm đó còn tồi tệ hơn bao giờ hết, vì mùa xuân có một đợt hạn hán bất thường kéo dài ngày này qua ngày khác. Những người nông dân vốn trông chờ lũ lụt để ngập ruộng lúa giờ đành nhìn cây lúa khô héo trước mắt. Mùa hè nóng như thiêu, vượt quá mọi tưởng tượng. Hy vọng vào vụ lúa tiêu tan, họ gieo ngô khắp nơi để không hoàn toàn trắng tay.

Với trực giác nhạy bén, Carie nhanh chóng nhận ra sự thay đổi trong tâm trạng của người dân trong thành phố ; rất ít người đến nhà nguyện nhỏ của Andrew. Đám đông ban đầu thưa dần, và một ngày Chủ nhật, phòng họp hoàn toàn trống trơn. Hôm sau, Wang Amah đi chợ về, báo cho Carie biết bà không nên ra đường. Khi bị hỏi dồn, người hầu gái miễn cưỡng trả lời : «Người ta nói các vị thần đang giận vì có người ngoại quốc trong thành. Đây là lần đầu tiên họ đến sống ở đây, và chưa bao giờ có hạn hán như thế này. Vì vậy, họ cho rằng các

vị thần phải nổi giận».

Bản thân Andrew, vốn thường không quan tâm đến những gì xảy ra bên ngoài công việc truyền giáo, cũng nhận thấy khi ông giảng trên đường hay phát sách tôn giáo, mọi người tỏ thái độ thù địch. Một hai lần, có người còn giật lấy cuốn sách nhỏ và xé ngay trước mặt Andrew, một hành động đầy ý nghĩa ở một đất nước coi trọng chữ viết. Nhưng sự chống đối càng khiến Andrew kiên định hơn. Khi thấy công việc trong thành phố không thể tiếp tục, ông bắt đầu một chuyến đi dài ngày đến vùng nông thôn, để lại Carie một mình với các con và Wang Amah.

Vào một ngày tháng Tám nóng như đổ lửa, Carie ngồi khâu bên cửa sổ. Không khí ngột ngạt, oi bức, và sự đặc quánh của nó như khuếch đại mọi âm thanh từ đường phố. Bà nghe thấy tiếng thì thầm dưới cửa sổ mở. Bà lắng nghe, tai căng ra, lòng đầy lo sợ. Hai người đàn ông đang bàn kế hoạch.

«Tối nay lúc nửa đêm, họ nói, tối nay lúc nửa đêm, chúng ta sẽ phá cửa, giết chết chúng và ném xác chúng trước mặt các vị thần để xin mưa».

Carie vội đứng dậy đi tìm Wang Amah. «Ra đường nghe ngóng đi, bà nói, và cố tìm hiểu xem người ta định

làm gì tối nay», và bà lặp lại thềm những gì vừa nghe thấy.

Không nói một lời, Wang Amah khoác chiếc áo cũ nhất và bước ra ngoài. Một lúc sau, bà trở về với ánh mắt đờ đẫn. Bà đóng kín tất cả các cửa và áp sát môi vào tai Carie.

«Ôi, thưa bà chủ, bà thốt lên với giọng ghen ngào, tối nay họ sẽ đến để giết bà và các con ! Tất cả người da trắng đều phải chết».

Carie nhìn bà : «Bà có nghĩ họ thực sự sẽ làm điều đó không ?»

- Tại sao không ?» Wang Amah trả lời trong nỗi tuyệt vọng, và nhẹ nhàng lau mắt bằng góc tạp dề : «Tất cả những người mà bà đã đối xử tốt, bà thì thào - giờ đây không một ai trong số họ dám giúp bà. Nếu họ thử, họ cũng sẽ bị giết». Carie đứng im lặng ; bà đang suy nghĩ nhanh chóng. Wang Amah nhìn thẳng vào mắt người phụ nữ da trắng và nói một cách kiên định : «Nhưng còn có tôi».

Carie bước tới và nắm lấy bàn tay trung thành, sạm màu và thô ráp. «Tôi không sợ, bà nói. Tôi sẽ đi cầu nguyện với Chúa của tôi».

Bà rút vào phòng, đóng cửa và quỳ xuống bên giường. Trong chốc lát, nhịp tim khiến bà choáng váng. Liệu ngày hôm nay có là ngày kết thúc cuộc đời bà - và cuộc đời ngắn ngủi của những đứa con ? Bà hướng lòng mình lên những đỉnh cao mơ hồ nơi bà được dạy rằng Chúa ngự trị, và cầu nguyện : «Nếu đó là ý Ngài : xin hãy cứu chúng con, nhưng dù sao cũng xin giúp con không sợ hãi». Sau một khoảng lặng dài, bà tiếp tục : «Nếu đã đến lúc phải chết, xin hãy giúp con đưa các con đi trước».

Bà quỳ rất lâu, hỏi xem mình nên làm gì. Rồi bà chờ đợi trong im lặng, nhưng như mọi lần, không có câu trả lời nào đến với bà. Cuối cùng, bà đứng dậy, được tiếp thêm sức mạnh bởi lòng can đảm của chính mình và cơn giận mạnh mẽ, lạnh mạnh đang dâng lên trong lòng.

«Tôi sẽ không để mình bị giết bởi một lũ người mê tín ngu dốt, và tôi sẽ không cho phép họ giết các con tôi», bà tự nhủ với sự quyết tâm và ngạc nhiên trước sự bình tĩnh của mình. Dù Chúa im lặng, bà vẫn tin tưởng vào Ngài và không sợ con người.

Tối hôm đó, bà cho các con đi ngủ sớm và ngồi khâu vá một cách bình thản. Cơn giận đã tiếp sức cho bà suốt cả ngày. «Tôi không muốn chết chút nào, bà nói to với

sự kiên định. Dần dần, một kế hoạch hình thành trong đầu bà. Bà tiến đến cửa sổ với đồ khâu và vừa làm vừa lắng nghe. Tiếng ồn ào của thành phố vang lên trong không khí ngột ngạt và bụi bặm. bà theo dõi từng thay đổi nhỏ nhất trong nhịp điệu của nó. Đến nửa đêm, sự thay đổi diễn ra. Tiếng ồn lớn dần và dường như tiến về phía ngôi nhà. Thời khắc đã đến. bà đứng dậy và gọi khẽ Wang Amah, người đang ngồi im lặng trong bóng tối của sân. «Wang Amah, làm ơn pha trà ngay bây giờ».

Sau đó, bà xuống nhà, đặt tách và đĩa lên bàn tròn, bánh ngọt vào đĩa. Khi mọi thứ đã được sắp xếp cẩn thận như chuẩn bị cho một bữa tiệc, bà quét sàn, dọn dẹp phòng và xếp ghế như để đón khách. Tiếp theo, bà ra sân và mở rộng cổng chính. Một nhóm nhỏ đàn ông, đi tiên phong, đứng ở ngưỡng cửa, khuôn mặt che khuất trong bóng tối của đêm ngột ngạt. Họ lùi vào bóng tối ; Carrie giả vờ không nhìn thấy họ và không hề nao núng. bà quay vào nhà, để cửa mở sau lưng, điều chỉnh bậc đèn dầu để ánh sáng lan tỏa ra ngoài, rồi lên đánh thức ba đứa con.

Bà mặc quần áo cho chúng và dẫn xuống nhà. Chúng im lặng, ngạc nhiên trước những gì đang diễn ra, nhưng mẹ chúng nói chuyện với giọng điệu tự nhiên, hát một

bài hát nhỏ, đặt chúng ngồi trên chiếu và đưa đồ chơi ngày Chủ nhật. Chẳng mấy chốc, chúng vui đùa vui vẻ, và Carie lại ngồi xuống với đồ khâu. Wang Amah mang ra những ấm trà đầy và đứng im lặng phía sau lũ trẻ, khuôn mặt không biểu lộ cảm xúc.

Xung quanh nhà, tiếng ồn ào lớn dần, biến thành tiếng gầm gừ của đám đông. Khi tiếng nói trở nên rõ ràng và gần hơn, Carie đứng dậy với vẻ thờ ơ, bước ra cửa và gọi : «Xin mời vào !»

Những người đàn ông đã ở giữa sân, và nghe tiếng Carie, họ xông lên phía trước ; một đám đông đầy hận thù, giận dữ, thuộc tầng lớp lao động nghèo khổ nhất. Họ cầm gậy, dùi cui và dao. bà lại gọi họ, thân thiện và niềm nở, nhờ một nỗ lực ý chí. «Mời vào, các bạn, hàng xóm của tôi, tôi đã chuẩn bị trà».

Những người đàn ông do dự, bối rối. Một số bước vào. Carie bận rộn rót trà vào tách, cầm bằng hai tay theo quy tắc lịch sự, và tiến về phía người có vẻ là thủ lĩnh, một gã cao lớn, vẻ mặt khó chịu và nửa trần truồng. Hắn há hốc miệng, rồi cầm lấy tách trà, không thể làm khác. Carie nở nụ cười tươi sáng nhất với những khuôn mặt lấp lánh dưới ánh sáng từ cánh cửa mở rộng.

«Các bạn có muốn vào và dùng trà không ? bà nói. Xin mời ngồi. Tôi tiếc là ngôi nhà nhỏ bé của tôi không đủ ghế, nhưng các bạn rất được chào đón».

Cô lùi lại và giả vờ bận rộn quanh bàn. Lũ trẻ ngừng chơi và Edwin chạy đến bên cô. bà nhẹ nhàng trấn an chúng. «Không có gì phải sợ, các con yêu. Đây là những người muốn biết chúng ta là ai - những người kỳ lạ chưa bao giờ thấy người Mỹ và tự hỏi chúng ta được tạo ra từ gì».

Đám đông bắt đầu tràn vào phòng. Họ nhìn chăm chăm, há hốc miệng, tạm thời bị phân tâm. Ai đó thì thầm : «Thật lạ là bà ấy không sợ».

Carie nghe thấy và hỏi với vẻ ngạc nhiên được diễn rất khéo : «Tại sao tôi phải sợ hàng xóm của mình ?»

Những người khác bắt đầu xem xét đồ đạc, rèm cửa, cây đàn organ. Một người chạm ngón tay vào phím đàn, và Carie chỉ cho hắn cách tạo ra âm thanh, rồi bà ngồi xuống ghế đầu và bắt đầu chơi nhẹ nhàng, hát bằng tiếng Trung : «Chúa Giêsu, tên Ngài là tình yêu».

Một sự im lặng chết chóc bao trùm căn phòng cho đến khi bà kết thúc. Cuối cùng, những người đàn ông nhìn nhau, do dự : «Ở đây chẳng có gì ngoài người phụ

nữ này và lũ trẻ», một người nói.

«Tôi về nhà», người thứ hai nói đơn giản rồi bước ra.

Một số khác, vẫn với khuôn mặt đen sẫm, nán lại, và thủ lĩnh của nhóm dừng lại để nhìn lũ trẻ. Hắn đưa tay về phía Arthur ; cậu bé có làn da hồng hào, thân thiện, và cả đời được bao quanh bởi những khuôn mặt nâu, mỉm cười và nắm lấy ngón tay đen, gầy guộc của người đàn ông, khiến hắn bật cười, thích thú, và thốt lên : «Đứa này vui quá !»

Đám đông sau đó tập trung quanh lũ trẻ ; họ xem xét chúng với những lời bình luận ồn ào ; nhặt đồ chơi của chúng lên để xem và giải trí. Carie, lo lắng, cảnh giác với bất kỳ cử động đột ngột nào có thể làm lũ trẻ sợ hãi và khiến tâm trạng của những người đàn ông thay đổi. Wang Amah, với khuôn mặt nghiêm nghị và tối sẫm, canh chừng gần cửa. Cuối cùng, thủ lĩnh đứng dậy và tuyên bố lớn tiếng : «Ở đây không còn gì để làm nữa ; tôi về.»

Đó là tín hiệu khởi hành. Từng người một, với những cái liếc nhìn lại phía sau, những người Trung Quốc rút lui ra đường qua sân nhà. Carie ngồi xuống, bỗng cảm thấy yếu ớt và, bế đứa bé lên, nhẹ nhàng đung đưa nó trên đùi mình. Những người đàn ông, nán lại chốc lát ở

ngưỡng cổng, mang theo hình ảnh cuối cùng về người phụ nữ trẻ ấy.

Khi không còn ai ở lại, Wang Amah lén đến bên cô, ôm lấy đứa trẻ và ghì chặt vào lòng với một cử chỉ dịu dàng.

«Tôi sẽ giết con quái vật nào dám làm hại nó !» bà lầm bầm, và Carie trông thấy cán dao thái ló ra từ áo của Wang Amah. Carie chỉ cười một cách hơi căng thẳng ; bà bế Edith lên, nắm tay Edwin, và đưa mọi người lên lầu. bà tắm lại cho bọn trẻ bằng nước mát và đặt chúng lên giường.

Sau đó, bà xuống đóng cổng sân thông ra con đường vắng lặng và trống trải lúc này, trong bóng tối trước bình minh. Carie dừng lại ở ngưỡng cửa nhà. Một chút gió thổi từ hướng đông nam, dường như báo hiệu một cơn bão. bà lắng nghe. Một cơn gió mạnh bất ngờ nổi lên, thổi qua các cửa sổ, và những tấm rèm bay lên ngang tầm mắt. Làn gió trong lành ấy mang theo hơi mát của biển khơi xa xôi.

Carie lên giường nằm và nằm im, lắng nghe. Gió có mang mưa đến không ? bà thức suốt một tiếng đồng hồ, rồi chìm vào một giấc ngủ nhẹ và chẳng bao lâu sau lại tỉnh giấc. Một trận mưa rào đổ xuống mái nhà bằng

đá phiến, thật là một bản nhạc ! Nước chảy từ các góc nhà, bắn tung tóe lên những viên đá lát sân. Carie tràn ngập niềm vui. Cơ thể bà cuối cùng cũng thả lỏng trong không khí mát mẻ và ẩm ướt. Đêm kinh hoàng - đêm khủng khiếp đã kết thúc.

Bà đứng dậy và bước đến cửa sổ. Ngày xám bắt đầu ló dạng phía trên những mái nhà, nhưng không một bóng người. Thành phố ngủ say, kiệt sức vì cái nóng đã qua, và trên những con đường vắng, mưa rơi thành những đường dài đều đặn. Họ đã được cứu... Cuối cùng đây có phải là dấu hiệu từ Trời ?

Mùa hè sắp kết thúc và Carie cảm thấy hạnh phúc và nhẹ nhõm. Rồi, như thể niềm vui không thể kéo dài trong nhà bà, Arthur đột ngột bị sốt vào một ngày đầu tháng Chín. Ngày hôm trước, đứa trẻ đã bị ngã nặng trong rãnh nước được lát gạch ở sân ; ngay sau đó, nó trở nên uể oải và Carie lo lắng theo dõi. Nhưng đến tối, nó lại vui vẻ như thường lệ.

Ngày hôm sau, nó lại rơi vào trạng thái mệt mỏi và đến trưa thì mặt đỏ bừng vì sốt. Carie cho nó uống những loại thuốc đơn giản mà bà có, tắm cho nó bằng nước mát, và Wang Amah không ngừng quạt cho nó. Dù vậy, cơn sốt vẫn tiếp tục tăng và đến tối đứa trẻ đã mất ý thức. Suốt cả ngày, nó than phiền, nhưng còn quá

nhỏ để chỉ ra chỗ đau, mặc dù mẹ nó đã nhiều lần kiểm tra cơ thể bé nhỏ. Cuối cùng, nó rơi vào trạng thái kiệt sức khủng khiếp, môi tái nhợt, và bà cúi xuống nó, vừa sợ hãi vừa bất lực ; Wang Amah chạm vào những bàn chân nhỏ.

«Nó sắp chết rồi», bà nói nhẹ nhàng.

Trong thành phố không có bác sĩ da trắng, nhưng người mẹ không thể để con mình chết như thế. bà quay sang Wang Amah, hoảng loạn. «Đi, đi tìm bác sĩ Trung Quốc giỏi nhất thành phố, bảo ông ấy đến ngay - nói với ông ấy - một đứa con trai sắp chết !»

Wang Amah biến mất ngay lập tức và trở lại rất nhanh cùng một vị bác sĩ, một ông già nhỏ bé, co rúm, mặc chiếc áo choàng đen bản thủ, đeo cặp kính đồng to tướng trên mũi. Ông bước vào phòng một cách im lặng và lạnh lùng, không nhìn sang trái hay phải, tiến thẳng đến chiếc giường nhỏ. Ông rút từ tay áo ra một bàn tay bản thủ, với những móng tay dài như móng vuốt, và nhẹ nhàng đặt ngón tay cái và ngón trỏ lên cổ tay nhỏ đang nóng bừng. Ông ngồi như vậy một lúc lâu, mắt nhắm nghiền. Rồi ông đứng dậy, lấy từ trong áo ra một mảnh giấy gấp, rút từ thắt lưng mực và bút lông, nhanh chóng viết vài chữ tượng hình.

«Mang cái này đến hiệu thuốc», ông nói với Wang Amah, sau đó đun các loại thảo mộc trong nước nóng và cho uống một ly lớn mỗi hai giờ. Ông đưa tay nhận tiền rồi đi ra.

Wang Amah cầm mảnh giấy, đi lấy một gói thảo mộc và một chiếc vòng đồng cũ xanh rỉ. Bà đang vội vàng chuẩn bị thuốc thì Carie gọi : «Amah ! Amah !» Đó là một tiếng kêu và Wang Amah chạy vào phòng bệnh. «Con tôi ! Con tôi !»

Carie ôm nó trong tay. Nó đang chết dần trong cơn co giật. Wang Amah rên lên một tiếng hiểu ra, lấy từ giường một chiếc áo nhỏ mà đứa trẻ đã mặc, cầm theo một chiếc đèn đang cháy và chạy ra khỏi nhà. Carie nghe thấy tiếng gọi từ đường phố vọng lên :

«Đứa trẻ ơi, quay về, quay về nhà đi».

Tiếng gọi lặp lại, ngày càng yếu dần khi nó đi xa.

Carie đã nghe thấy tiếng gọi này nhiều lần và rùng mình vì nỗi buồn của nó. bà cũng thường bắt gặp một người mẹ đang khóc, tay cầm chiếc đèn lồng đang cháy và một chiếc áo nhỏ, và trái tim bà đau nhói vì đồng cảm vì bà biết ở đâu đó một đứa trẻ đang chết dần và người mẹ, trong hy vọng cuối cùng, đang cố gắng gọi

hồn đứa trẻ lang thang trở về.

Giờ đây, linh hồn lang thang đó là của con bà. Bà ôm chặt lấy cơ thể mảnh khảnh và trong khi bà ôm nó, nó run lên một cái, rồi bất động.

Ngày hôm sau, bà gửi người chạy đi tìm Andrew, vì lúc đó không có dịch vụ bưu điện nào khác. Wang Amah mua một chiếc quan tài nhỏ, Carrie lót bên trong bằng một ít lụa xanh mà bà có, và cùng nhau, hai người phụ nữ tắm rửa cho đứa trẻ tóc vàng và đặt nó vào chỗ của nó ; nghe tiếng khóc của họ, không ai có thể biết được ai là mẹ. Họ gọi người đến để niêm phong quan tài, vì không khí vẫn còn nóng như mùa hè. Rồi khi mọi việc xong xuôi, Carrie ngồi xuống và chờ chồng. Ông về đến vào tối hôm sau, kiệt sức vì chuyến đi gấp. Carrie ra đón ông, mắt khô ráo, căng thẳng đến cùng cực.

«Em phải đi, bà nói với ông, phải gặp một người phụ nữ da trắng - ai đó cùng chủng tộc với em. Hãy mang thi thể bé nhỏ đến Thượng Hải, bên cạnh đứa kia. Em không thể để con em một mình ở đây, trong thành phố ngoại đạo này !»

Andrew đồng ý trước sự tuyệt vọng trong giọng nói của vợ. Sáng hôm sau, họ thuê một chiếc thuyền và đi đến bờ biển, một chuyến hành trình mười bốn ngày dọc

theo con sông.

Nhưng vì không có báo chí và không có bưu điện để chuyển thư, không ai cảnh báo họ rằng dịch tả đang hoành hành ở Thượng Hải. Họ đến nhà trọ tồi tàn của giáo đoàn bằng cách đi dọc theo những con đường tối tăm vì cái chết. Ngày đầu tiên, Carie đếm được hơn năm mươi quan tài đi ngang qua cửa sổ của bà. Bà hoảng sợ và ngay sau đám tang, họ vội vã lên đường trở về.

Nhưng vào lúc bình minh của ngày họ định về, Carie bị nôn mửa dữ dội và tiêu chảy. Một giờ sau, Edith, gần bốn tuổi, cũng bị theo. Andrew tìm một bác sĩ, nhưng vô ích vì hôm đó là ngày đua ngựa mùa thu và tất cả đàn ông da trắng đều có mặt ở trường đua ngoại ô thành phố. Họ phải chờ hai tiếng đồng hồ, trong lúc Carie nằm thoi thóp. Khi bác sĩ đến, ông nhanh chóng bắt tay vào việc hồi sức cho cô, đồng thời hướng dẫn Andrew và Wang Amah cách chăm sóc đứa trẻ đang ốm.

Carie đã bất tỉnh, nhưng một lần nữa thể chất dẻo dai của bà chiến thắng và bà tỉnh lại. Đến khoảng mười giờ tối, bà đủ sức thều thào : «Edith, Edith.»

Andrew, người chưa từng giấu giếm bà điều gì, đáp : «Em hãy cố tin...»

«Cô bé không chết chứ ? người mẹ tội nghiệp hỏi trong hơi thở gấp gáp.

- Có», Andrew không tìm được lời đáp. Hôm sau, họ mua chiếc quan tài nhỏ thứ hai, và Andrew một mình theo sau ra nghĩa địa ; ngôi mộ mới vừa chôn Maude giờ đây đón nhận đứa con thứ ba. Carie nằm trên giường, không nước mắt, đặng cay, cố khuất phục trước quyền lực tàn nhẫn đã tước đoạt những đứa con của bà. «Em tin... em sẽ trở nên tốt hơn... Em muốn có niềm tin...» Nhưng trong sâu thẳm trái tim không chịu khuất phục, bà khóc và kêu lên : «Tin vào ai đây ?»

Sau thời gian dưỡng bệnh dài đằng đẵng của Carie, họ trở về trung tâm thành phố bằng thuyền. Ngôi nhà giờ đây rộng lớn và trống trải với Edwin, đứa con duy nhất chín tuổi. Thật khó để an ủi hay mang lại niềm vui cho cậu bé. Carie muốn nuôi dạy con trai trở nên mạnh mẽ, cứng cỏi. Nhưng giữa bầu không khí ngột ngạt này, chỉ có bà mới có thể là điểm tựa cho con, nhưng nỗi buồn khiến bà không làm được. Khi chỉ còn lại đứa con này, bà chăm sóc nó với nỗi sợ hãi và tình yêu thương cuồng nhiệt mà chính bà biết là không tốt cho con.

Suốt ngày đêm, trái tim bà rỉ máu, khóc thương những đứa con đã mất. Andrew trở lại công việc như bốn phen, và bà ở lại một mình. Wang Amah vẫn là

người bạn, người giúp đỡ, nhưng sự giản dị của người phụ nữ Trung Quốc không còn đủ với Carrie nữa.

Một lần nữa, bà lao vào công việc, giúp đỡ người khác khi có thể, quay lại nhà nguyện nhỏ, nhưng mỗi khi cố nói về Chúa, trái tim bà lại khô cằn và lặng im. bà biết gì về Ngài ngoài những lời sáo rỗng được dạy ? Đôi môi bà không truyền tải thông điệp nào ; chỉ có đôi bàn tay vâng lời vẫn miệt mài làm việc.

Bà thậm chí không thể hát những bài thánh ca cũ mà không khóc. Dần dần, nỗ lực này làm kiệt sức bà. Bà không chỉ chiến đấu để kìm nén nỗi đau, mà còn để tìm lại Chúa. bà thường xuyên cầu nguyện và bám víu vào hy vọng tôn giáo, vì bà không biết đến sự cứu rỗi nào khác. Niềm tin vào điều tốt đẹp hữu hình là cần thiết cho bản chất thực tế của bà. Nhưng những lời cầu nguyện dường như dội ngược lại, như tiếng vọng trong sa mạc.

Wang Amah thấy bà tiêu tụy thế nào, và một hôm khi Andrew có nhà, bà nói rằng ông sẽ mất vợ nếu không nhanh chóng tìm cách xoa dịu nỗi đau của bà. Andrew nhìn Carrie và nhận ra bà thật sự buồn bã, xanh xao, gầy guộc. Ánh mắt u tối trong đôi mắt nâu của bà khiến ông sợ hãi.

«Carie, ông ngập ngừng, nếu chúng ta... em có muốn về nhà một thời gian không, về Mỹ ?»

Bà nhìn ông không nói, và đột nhiên, đôi mắt tôi đầy lệ.

Quê hương... ngôi nhà... đó là thứ duy nhất có thể cứu bà.

Họ đã xa nhà mười năm, và theo thông lệ của giáo đoàn, Andrew được nghỉ phép một năm. Một tháng sau, họ lên đường về phía bờ biển.

Khi đến Thượng Hải, ý nghĩ trở về nhà bỗng trở nên không chịu nổi với Carie. Bà không muốn đi nữa. Trái tim bà rướm máu, vết thương còn chưa lành, và bà cảm thấy không thể đối mặt với những gương mặt quen thuộc, đầy cảm thông, sẽ khơi lại nỗi đau. Andrew, bối rối trước sự thay đổi kỳ lạ này, đã tham khảo ý kiến bác sĩ, người khuyên họ nên thay đổi hoàn toàn khung cảnh - đến một vùng đất mới với Carie. Họ chọn Địa Trung Hải và châu Âu.

Suốt ba tháng, họ đi qua nhiều quốc gia châu Âu và Carie giữ thái độ thụ động chưa từng có. Họ cập bến Ý rồi đến Thụy Sĩ. Họ ở lại thành phố xinh đẹp Lucerne một tháng, thưởng thức mật ong vàng óng trong khi

mắt họ đắm chìm từ hồ nước xanh biếc đến những ngọn núi trắng lấp lánh. Đó là liệu thuốc tốt nhất. Vẻ đẹp làm dịu lòng Carie, và khung cảnh thiên nhiên tươi mát, con người yên bình, sạch sẽ, những nhà thờ nhỏ với tháp chuông nhọn hay nhà thờ lớn u tối đã hồi phục tâm hồn cô. Mơ hồ, bà nhận ra vẫn còn điều gì đó tốt đẹp trong cuộc sống. Và nếu cuộc sống tốt đẹp, thì Chúa vẫn tồn tại ; và Carie, trong tương lai xa, sẽ hòa giải nỗi đau với nhận thức này ; nhưng lúc này, bà quá mệt mỏi để chiến đấu. Bà đã phản kháng lần đầu, rồi tuyệt vọng trước một đòn mới ; nhưng khi đưa con gái xinh đẹp, rực rỡ của bà cũng bị lấy đi ở tuổi lên bốn, bà đã câm lặng, trái tim tan nát. Nỗi buồn của cuộc sống xung quanh, giữa những người bà làm việc cùng, càng tô đậm cảm giác bất hạnh phổ quát. Bà cần được nhìn thấy những vùng đất yên bình và thịnh vượng, nơi đau khổ không hiện hữu rõ ràng.

Cuối cùng, họ đi lên phía bắc, đến Hà Lan, nơi bà tích cực tìm kiếm xưởng đồ gỗ cũ của Mynheer ở Utrecht, giờ đã hiện đại hóa nhưng vẫn là một cơ sở quan trọng. Carie vui sướng dẫn Edwin đi thăm, chỉ cho ông ngôi nhà và thành phố, và thấy niềm tự hào về tổ tiên tốt đẹp, dũng cảm của mình nhen nhóm trong lòng ông. Bà thoát khỏi sự bà lập suốt mười năm và bén rễ trở lại giữa gia đình.

Hai tuần ở Anh vào cuối hè ngấm vào tâm hồn bà vẻ đẹp, và bà cảm thấy cơ thể khỏe mạnh trở lại, tinh thần cũng khá hơn. Ít nhất, bà đã có thể đẩy nỗi đau vào quá khứ, và dù chưa đủ can đảm nghĩ đến tương lai, bà có thể vui mừng và háo hức nghĩ về quê hương và ngôi nhà xưa.

Liệu có thể trong suốt mười năm, vùng đồng bằng yên tĩnh này vẫn đẹp như xưa ? Một lần nữa Carie ngồi bên cửa sổ phòng thờ con gái, ngắm nhìn khung cảnh ngày nào. Bà không bao giờ chán ngồi yên trong sự tĩnh lặng này. Âm nhạc cũng không làm bà hạnh phúc bằng cảnh núi rừng trập trùng mọc lên từ vùng đất màu mỡ yên bình ; bà cũng thích tìm lại con phố làng với những cây du và phong cao lớn, và trở về nhà thờ trắng nhỏ nơi người anh của Andrew vẫn tiếp tục làm lễ. Cách giảng đạo của ông có lẽ còn mơ hồ hơn, người vợ nhỏ bé của ông tròn trịa hơn, nhưng ngoài ra không có gì thay đổi, ngoại trừ những gương mặt quen thuộc, trên đó mười năm cuộc đời đã in dấu.

Về đến nhà, Carie gặp lại những người mình yêu thương : cha cô, mái tóc bạc trắng như tuyết, vẫn giữ nguyên tính độc đoán và luôn tỏ ra hơi cứng nhắc với Andrew ; Cornelius, người đã cưới một bà nàng tóc nâu xinh đẹp trẻ hơn anh rất nhiều và để bà dẫn dắt mình.

Tất cả các chị em gái đều đã kết hôn, trừ người chị cả và bà út, và Luther... làm sao cậu bé liều lĩnh ngày nào lại có thể biến thành một thương nhân thận trọng và giàu có, một người chồng tốt và là cha của hai đứa con ?

Tất cả họ đều ở đó, vui mừng khi gặp lại bà, chào đón bà với tình cảm triu mến trong ngôi nhà cũ, nhưng dù sao thì một vết nứt lớn đã vĩnh viễn chia cách cuộc sống của họ với cuộc sống của bà ! Cảm giác về sự khác biệt giữa họ không ngừng bao trùm lấy Carrie, ký ức về những gương mặt khác, về những vùng đất xa lạ. Bà trò chuyện với từng người thân của mình ; những buổi tối âm nhạc vui vẻ vẫn tiếp diễn ; bà đi thăm các chị em và chia sẻ những chi tiết nhỏ nhất trong cuộc sống của họ : nấu ăn, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa và những chuyến đi dài bằng xe ngựa trong vùng quê mùa thu tuyệt đẹp, phía sau đôi ngựa già - nhưng đồng thời, tâm trí bà lại ở một nơi khác, và cuối cùng bà hiểu được sự khác biệt sâu sắc giữa quan niệm sống và trải nghiệm của họ với của mình.

Các chị em bà sống một cuộc đời không mạo hiểm, an toàn tuyệt đối, trong một đất nước mới, giàu có và màu mỡ, nhưng bà đã học cách hiểu một vùng đất khác, rất cổ xưa, chật chội vì những con người đau khổ, bốc mùi vì một cuộc sống quá dư thừa - nơi sự sống sinh ra

quá nhanh, chết đi quá nhanh, một cuộc sống tăm tối và thiêu đốt.

Dần dần, Carie cảm nhận được rằng dù có những gốc rễ gắn bà với quê hương, bởi sự ra đời và tình yêu của bà dành cho nó, bà vẫn gắn bó với Trung Quốc, gắn bó bởi những gì bà biết về nó, gắn bó bởi những tâm hồn như Wang Amah, gắn bó bởi ba thi thể nhỏ bé đang yên nghỉ trong mảnh đất cổ xưa đó, hòa lẫn làn bụi nhạt của chúng với màu đen của đất. Bà sẽ không bao giờ là người xa lạ với nó nữa ; bà thậm chí chấp nhận ý nghĩ sẽ trở lại đó một ngày, vì một phần trái tim và xương thịt của bà vẫn còn nằm lại nơi ấy.

Nhưng chưa có chuyện trở về, ít nhất là trong nhiều tháng nữa. Mùa thu rực rỡ trôi qua. Liệu nó có bao giờ đẹp đến thế ? Những cây phong có thể bùng cháy như vậy trong mười năm liên tiếp không ? Mùa đông đến, và rồi Giáng sinh. Tất cả các con trai, con gái, và những đứa cháu tụ tập dưới mái nhà trắng lớn. Edwin vui đến mức quên cả lời nói. Quá phấn khích để nói chuyện một cách mạch lạc, cậu lao vào những trò chơi lấp đầy những ngày tháng, trong một sự tự do mà cậu chưa bao giờ nghĩ là có thể : trong nhà, trong rừng, trên đồng cỏ, trên tuyết, trong những buổi trượt băng và trượt tuyết.

«Ôi, mẹ ơi ! Con yêu nước Mỹ !» cậu không ngừng lặp lại. Cậu nói đó khiến bà đau nhói. Nếu bà trở lại Trung Quốc, liệu bà có tước đi của cậu đất nước tươi đẹp này, di sản của cậu không ? Mặt khác, một sợi dây đau đớn và im lặng buộc chặt Carrie với vùng đất xa xôi, nên bà lại trì hoãn quyết định của mình.

Sau lễ Giáng sinh, tất cả họ đến thăm gia đình Andrew, những người sống trong một trang trại lớn đầy những góc khuất bên bờ sông Greenbrier. Gia đình này rất khác với gia đình Carrie. Trong nhà có rất nhiều thức ăn, và sự lãng phí làm tổn thương tinh thần tiết kiệm mà tổ tiên người Hà Lan của bà đã truyền lại. Sản phẩm từ trang trại và trái cây bị bỏ phí, trong khi họ lại thiếu tiền. Cha của Andrew là một người đàn ông cao gầy và u ám, với đôi mắt sâu thẳm đầy lòng nhiệt thành tôn giáo và một bản chất khắc nghiệt của một kẻ theo chủ nghĩa thần bí. Giọng nói của ông trang nghiêm và như thể vang lên từ một ngôi mộ.

Ngược lại, mẹ của Andrew, một bà già chua ngoa, sắc sảo, có cách nói chuyện khá gay gắt. Bà tự nguyện rút lui khỏi cuộc sống năng động ở tuổi sáu mươi, và từ đó, dù vẫn khỏe mạnh, bà dành thời gian giữa chiếc ghế bập bênh và giường ngủ. Từ hai điểm tựa này, bà quan sát thế giới của mình. Cuộc cãi vã không ngừng

với chồng là niềm vui chính trong đời bà. Bà trêu chọc ông đến mức ông, người không có tài ứng đối như vợ, phải bắt bà im lặng bằng những lời lẽ ầm ĩ.

Mỗi tối, ông lão đều đòi đốt lửa trong lò sưởi đá lớn. Khi lửa vừa bùng lên, ông nằm dài trên tấm da thú trước lò sưởi và im lặng nhìn ngọn lửa với ánh mắt đờ đẫn. Không ai biết ông đang mơ về điều gì ; nhưng trong một thời đại mà mọi người đều sợ gió lửa, việc nằm như vậy trước lửa là rất nguy hiểm. Người vợ già hay chế nhạo không bao giờ bỏ lỡ cơ hội quát ông : «Ông sẽ chết vì cái trò đó đấy», hoặc nếu ông không để ý đến lời nhận xét quá bình thường này, bà thêm vào : «Ông cư xử như một đứa trẻ vậy.»

Bà chỉ hài lòng khi đã trêu chọc ông đủ để ông quay lại nhìn bà, với đôi lông mày dày nhú lại, và hét lên: «Im đi, đồ đàn bà.» Lúc đó, bà mới vui vẻ trở lại và không nói gì thêm với chồng. Bà chỉ thỉnh thoảng cầu nhàu tỏ vẻ khinh bỉ suốt cả buổi tối, mỗi khi nhìn thấy ông.

Từ cuộc hôn nhân này, bảy người con trai và hai con gái đã ra đời trong ngôi nhà nghiêm khắc và không có niềm vui này. Tất cả các con trai đều chọn nghề mục sư. Ngôi nhà này thật kỳ lạ đối với Carie ; nó thiếu đi tất cả sự lịch thiệp giản dị đã tạo nên sức hấp dẫn cho ngôi

nhà của bà. Nhưng trong chuyến thăm, mà bà cố gắng rút ngắn nhất có thể, bà hiểu Andrew hơn, sự khắc khổ của ông, nỗi sợ hãi, sự nhiệt huyết bị kìm nén một cách kỳ lạ, và sức mạnh thần bí đã định hướng cuộc đời ông.

Vào mùa thu, bà nhận ra mình đang mong đợi một đứa con, và bà cảm thấy tốt hơn là nên ở lại ngôi nhà cũ cho đến khi mầm sống nhỏ bé này phát triển thêm một chút. Vì vậy, bà trở về phòng mình, trải qua mùa xuân tươi đẹp trên quê hương, từ chối nghĩ về quá khứ và tương lai, chia sẻ với Edwin niềm vui gieo hạt và những trái cây chín sớm, tìm thấy niềm vui mộng mơ khi hái táo vào tháng Sáu, khi ăn những quả dâu tây và anh đào còn ướt đẫm sương, lấp lánh và tươi mát vào buổi sáng.

Bà hoàn toàn đắm mình vào sự hoàn hảo của cuộc sống giản dị này, hài lòng khi từ bỏ mọi suy nghĩ cho đến khi đứa bé ra đời. Ngay cả những công việc hàng ngày cũng mang lại cho bà niềm vui ; giặt giũ dưới những tán cây trong sân, phía sau nhà nơi những chiếc chậu được đặt trong bóng râm của những cây du lớn, ấm nước treo trên những thanh sắt chéo nhau, và nước được kéo lên trong vắt từ đáy giếng gần đó, là quần áo trắng tinh được ủi trong không khí mát mẻ của văn phòng, với cánh cửa mở rộng nhìn ra khu vườn xanh, trong khi một con ong vo ve quanh những người phụ

nữ đang làm việc ; bà thích đánh bơ và nhìn những hạt vàng hình thành trên bề mặt kem, rồi kết lại thành một khối dày, đổ khuôn những miếng bơ ẩm, muối chúng, và in lên mỗi miếng dấu hiệu cổ xưa hình quả dâu tây.

Edwin tham gia vào mọi việc ; cậu nhất quyết giúp đỡ các công việc khác nhau, nhưng cứ mỗi lúc lại bỏ dở và chạy cùng các anh em họ, chân đất, trong vườn cây và trên đồng cỏ. Thật tốt biết bao cho Carie khi thấy cậu thoát khỏi vẻ tái nhợt của phương Đông, và ngắm nhìn cậu lớn lên, khoác lên màu da hồng hào, đôi mắt sáng ngời - một vẻ vui tươi ồn ào mà bà không ngờ cậu có được.

Điều tuyệt vời hơn cả là những buổi sáng Chủ nhật yên bình, bữa sáng trong căn phòng ăn rộng mát mẻ, muộn đến mức ngay cả Hermanus cũng có mặt. Cả ngôi nhà, lấp lánh sau buổi dọn dẹp thứ Bảy, tràn ngập bầu không khí tĩnh lặng, trang nghiêm. Rồi đến bước đi chậm rãi tới nhà thờ, mọi người trong bộ trang phục đẹp nhất, hình ảnh mái đầu bạc của người cha dẫn đầu gia đình trên con đường làng rợp bóng, những lời chào đầy trang trọng của hàng xóm, tiếng chuông ngân - âm thanh dịu dàng nhất với tai Carie - và rồi vẻ đẹp tĩnh lặng, sự linh thiêng của ngôi nhà thờ tràn ngập sự bình yên. Thực sự, Chúa hiện diện ở đó, gần như hiển hiện

trước mắt.

Carie tìm thấy sự chữa lành trên những con đường yên bình và đẹp đẽ của quê hương mình. Và rồi, không một dấu hiệu báo trước, không một thị kiến đột ngột, bà lại ý thức được những dự định cũ của mình. Ở đây có biết bao sự tráng lệ, sạch sẽ, đức hạnh ; còn nơi kia là những bàn tay nâu trông rỗng, những thân thể gầy guộc, tiếng gọi tha thiết, không thể cưỡng lại của sự khốn khổ hướng đến trái tim quá mềm yếu của cô.

Vì vậy, vẫn không có một dấu hiệu trực tiếp nào, không một thị kiến được Chúa gửi đến, mà chỉ là tiếng gọi của những con người bất hạnh, những người theo niềm tin của bà, vẫn nằm ngoài sự cứu rỗi, để áp đặt lên bà ý tưởng trở lại.

Con gái nhỏ của bà chào đời vào một ngày hè không một gợn mây, và khi con đau qua đi, Carie quay đầu trên giường ngắm nhìn những ngọn núi phía xa, và một chút lòng tốt của cuộc sống lại tràn về trong tim bà. Cuộc sống một lần nữa - mạng sống nhỏ bé nằm bên cạnh bà - bà có thể đặt tên cho đứa trẻ là gì nếu không phải là Consolation (Niềm An Ủi) ? Và đó là tên bà đặt cho con.

Họ ở lại thêm bốn tháng nữa, cho đến khi đứa bé cứng cáp hơn : Consolation trở thành trung tâm của ngôi nhà, mỗi ngày những đứa cháu gái nhỏ giặt quần áo và tã lót rồi mang lên, gấp gọn và là phẳng đầy tự hào, thơm mùi nắng và gió. Tất cả đều tự hào về đứa trẻ vàng óng xinh xắn trong một gia đình mà đa phần có đôi mắt đen, và với người mẹ, Consolation nhỏ bé này cũng trở thành một niềm hy vọng.

Carie cảm thấy có đủ can đảm để nghĩ đến việc trở lại vùng đất kia cùng đứa con Mỹ, sinh ra trong ngôi nhà cũ của bà. Đôi khi, bà lại tràn ngập nỗi sợ hãi khi nghĩ về những sinh linh nhỏ bé khác đã được trao cho bà rồi lại bị lấy đi quá nhanh, nhưng bà biết mình phải đi, dù chỉ vì Andrew đang nóng lòng trở lại công việc của ông ở đó.

Đúng vậy, đó là nhiệm vụ của bà. Phải chăng cái chết của ba đứa con đã khiến bà khuất phục trước ý muốn của Chúa ? Những ý muốn thâm lặng của Ngài ? Bà cảm thấy kiệt quệ, bà sẽ vâng lời. Bà sẽ không đòi hỏi một dấu hiệu thần thánh nào nữa. Bà sẽ tin tưởng và thuận theo ; bà sẽ lắng nghe tiếng gọi, nếu không phải của Chúa, thì ít nhất là của những con người nơi đó, tiếng gọi của những người kém may mắn, những người nghèo khó, những kẻ bị cuộc đời áp bức. Biết đâu Chúa

cũng đang nói qua hình thức này ? Nhưng, dù Ngài có nói hay im lặng, bà đã quyết tâm vâng lời và «đi khắp thế gian».

Một lần nữa, hành trình trở lại bằng đường bộ và đường biển. Carrie sợ đại dương và những ký ức kinh hoàng ập đến khi cơn say sóng lại xuất hiện, lấy đi sữa của bà, và bà phải dùng đến những biện pháp nhân tạo. Đứa trẻ từ chối bú bình ; nó nhỏ bé về thể xác nhưng mạnh mẽ về ý chí, và một trong những hình ảnh thú vị trong chuyến đi là Andrew, đôi bàn tay to vụng về giữ lấy đứa bé vui vẻ nhưng bướng bỉnh, cố gắng cho nó ăn bằng bát và thìa một cách khá nguy hiểm. Và đó là cách họ phải nuôi Consolation vượt Thái Bình Dương với sự hợp sức của Andrew và người phụ nữ trên tàu, may mắn là rất tốt bụng, và đã yêu quý đứa bé hay cười mà cứng đầu này.

Nhưng bất chấp mọi thứ, đứa trẻ vẫn lớn lên khỏe mạnh và được đưa lên bờ ở Shanghai, vui tươi, tràn đầy sức sống, và dường như không hề bị ảnh hưởng bởi hành trình mười ngàn dặm trước khi tròn sáu tháng tuổi. Nó chính xác là đứa bé mà Carrie cần, một bà bé tròn trịa, vui nhộn, tràn đầy niềm vui và những đòi hỏi nho nhỏ. Wang Amah, biết tin về sự xuất hiện này, đã đến bờ biển, và khuôn mặt rạng rỡ của bà, với chiếc

môi dưới hơi trễ, là thứ đầu tiên Carie nhìn thấy khi đặt chân lên cầu cảng. Người phụ nữ già nâu sạm vội vàng ôm chặt Edwin vào lòng, khiến cậu bé phản kháng vì bản tính nam nhi, rồi Wang Amah đón lấy đứa bé vàng óng mẫm mẫm ; người hầu già lại nhớ đến hai đứa trẻ đã mất và ôm chặt lấy đứa bé này vừa khóc vừa cười. Carie muốn đón lại Consolation và tự mình bế con lên xe kéo đến khách sạn, nhưng Wang Amah từ chối trao trả. Còn Consolation, nó chấp nhận tình yêu mới này như một điều hiển nhiên. Nó nhìn Wang Amah một lúc bằng ánh mắt chăm chú, rồi chấp nhận bà.

Họ chỉ ở lại bờ biển một ngày, vì cuối thu đã đến ; tiết trời mát mẻ và Andrew muốn nhanh chóng trở lại những chuyến đi trong vùng. Nhưng Carie đã dành một giờ để đến thăm mảnh đất nhỏ nơi ba đứa con bà yên nghỉ ; bà trông một gốc hồng mang từ hiên nhà mình. Sáng hôm lên đường, bà đã nhổ nó lên, bọc kỹ với đất và rêu trong vải bố, rồi tưới nước đều đặn suốt hành trình.

«Ba đứa nhỏ này chưa từng thấy nước Mỹ, quê hương của chúng, bà buồn bã nói với Edwin, người đang giúp bà làm việc - chúng sinh ra và chết đi nơi đất khách, và điều này sẽ an ủi mẹ khi nghĩ rằng có một thứ từ quê hương và ngôi nhà của mẹ, để tạo cho chúng một nơi

che chở đẹp đẽ».

Một cây cọ lớn mọc lên trên ngôi mộ, và dưới bóng nó, bông hồng Mỹ đã lớn lên và tươi tốt.

Họ lại lên đường một lần nữa, đầu tiên là tàu hơi nước dọc theo sông Dương Tử, rồi một chiếc thuyền gỗ, đi ngược kênh lớn đến ngôi nhà cũ ở Tsingkiangpu.

Có những gợi nhớ kinh hoàng trong ngôi nhà và sân vườn - Carrie không thể chịu được hình ảnh công rãnh khùng khiếp, nơi Arthur đã mắc bệnh. Cô lấp nó đi và biến nó thành một luống hoa. Nhưng lúc này bà không muốn nghĩ về quá khứ. Sinh linh nhỏ bé mới này, vui tươi và đòi hỏi, cần bà ; bà cần dạy dỗ Edwin. Một gia đình Mỹ cũng sắp đến sống gần họ ; Edwin sẽ có một người bạn chơi cùng, và bà sẽ có một người đồng hương dịu dàng, tốt bụng làm bạn. Và hơn hết, đám đông u ám của đất nước này đang đòi hỏi bà ; chính sự im lặng trong nỗi khốn cùng của họ đã gọi bà trở lại. Lần đầu bà đến vì tình yêu dành cho Chúa, lần này là vì những con người khốn khổ đó.

Tôi có thể bắt đầu kể lại một phần câu chuyện này, vì tôi đã gặp người phụ nữ Mỹ. Những ký ức đầu tiên của tôi về bà là từ ngôi nhà của bà ở Tsingkiangpu. Đó là những ký ức rất mơ hồ, những hình ảnh dần trở nên nhẹ

nhàng ; tôi sẽ nghi ngờ tính hiện thực của chúng nếu chúng không được khắc sâu trong tâm trí tôi.

Tôi nhớ lại một buổi sáng mùa xuân trong sân, nơi những bông hoa hồng nở rộ khắp nơi, giăng thành dây leo trên những bức tường gạch xám, rực rỡ trên nền cỏ xanh. Tôi nắm chặt tay Edwin và loạng choạng bước trên những phiến đá của con đường cũ. Trước mặt chúng tôi là cánh cổng lớn, luôn đóng kín với thế giới bên ngoài. Cánh cổng được nâng cao khoảng sáu inch so với mặt đất, và bên dưới là một đoàn người không ngừng di chuyển - những bàn chân trần, hoặc đi dép rom, giày nhung. Chúng đại diện cho cuộc sống bí ẩn bên ngoài đối với tôi. Tôi dừng lại và nhẹ nhàng, vì tôi hơi mồm mĩm, nằm xuống đất và nhìn dưới cánh cổng rộng. Nhưng dù cố gắng, tôi chỉ thấy những tà áo bay phấp phới dừng ở đầu gối hoặc buông xuống chân, cùng những đôi chân trần nâu sẫm với cơ bắp nổi lên như dây thừng. Tôi không hiểu gì, đứng dậy và phải đi lớp bụi bám trên người.

Chính lúc đó, người phụ nữ xuất hiện, người mà thế giới nhỏ bé của chúng tôi xoay quanh. Bà mặc một chiếc váy trắng có viền xếp nếp quét trên cỏ khi bước đi, và một chiếc mũ rộng vành cũ được buộc trên mái tóc nâu bằng một dải ruy băng đỏ. Trên tay bà là một chiếc kéo

làm vườn, bà cắt những bông hồng còn đẫm sương cho đến khi có một bó lớn.

Bà gởi một bông hồng trắng tuyệt đẹp, lấm tấm những giọt nước lấp lánh, và đối với tôi, nó to như một chiếc đĩa. Người phụ nữ trẻ ngắm nhìn nó, sau đó nhẹ nhàng hít hà hương thơm. Tôi bị ấn tượng mạnh bởi vẻ mặt đăm đúi của bà đến nỗi muốn bắt chước. Bà đưa bông hồng cho tôi, và không chút do dự, tôi úp mặt vào đó khôn mặt tôi. Bông hoa còn to và ướt hơn tôi tưởng, tôi lùi lại hắt xì, ướt đẫm và nghẹt thở, với cảm giác như chạm vào một vũng nước đóng băng.

Suốt một mùa hè dài, dường như tôi hầu như không gặp Carrie. Bà nằm trên giường ngày đêm, co quắp, nhỏ bé và gầy gò với đôi mắt to tròn. Sáng và tối, Wang Amah dẫn tôi đến bên bà, luôn bắt đầu bằng việc mặc cho tôi một chiếc váy trắng sạch sẽ và tết lại lọn tóc vàng dài hình ống trên đỉnh đầu. Wang Amah cuốn nó quanh ngón tay sẫm màu và thè lưỡi khi làm. Khi bà rút lưỡi vào, tôi biết bà đã xong và tôi có thể cử động. Chính Wang Amah, vào thời điểm đó, là nhân vật quan trọng trong nhà đối với tôi. Bà tắm rửa cho tôi, nhồi nhét vào đầu tôi những bài thơ Trung Quốc ngắn, mắng mỏ và kêu trời vì tính độc lập của tôi, và hai lần một ngày chuẩn bị cho tôi nghi thức gặp người phụ nữ da

trắng trong phòng khác.

Rất lâu sau, khi chính Carie kể cho tôi nghe về những ngày đó, tôi biết rằng bà lại là nạn nhân của những vi khuẩn lỵ đáng sợ, và trong ba tháng hè nóng bức, bà không thể rời giường. Bà buộc phải giao con cái cho Wang Amah, và nếu Edwin lúc đó đã là một cậu bé lớn, thì Consolation mới chỉ hai tuổi, khiến Carie lo lắng cho con ; vì vậy, hai lần mỗi ngày, Wang Amah dẫn bà bé đến, tươi tắn và xinh xắn, tóc được chải và uốn, khuôn mặt nhỏ vui vẻ và hạnh phúc.

Lúc đó, trong thành phố không có bác sĩ, nhưng một người phụ nữ Anh, bạn của Carie, một trong nhiều người đã nhận được lòng tốt của bà, và là một bác sĩ, đã tạm nghỉ công việc để chăm sóc Carie suốt mùa hè. Bà ấy cứu mạng Carie, vì người phụ nữ trẻ lúc đó đang mang thai.

Sau cái nóng tháng chín, một buổi sáng gió mát, Carie sinh được một cậu con trai, một bé trai khỏe mạnh với mái tóc đen và đôi mắt xanh, được đặt tên là Clyde. Carie, khi ngắm nhìn đứa trẻ đẹp đẽ, ngạc nhiên rằng nó có thể chào đời khỏe mạnh từ một cơ thể kiệt quệ như của bà. Thời tiết dịu hơn giúp Carie hồi phục, và sức khỏe tuyệt vời của bà lại trở về.

Nhìn chung, những năm đó là những năm hạnh phúc của Carrie. Bà dần trở lại công việc giữa những người Trung Quốc, mở lại phòng khám nhỏ cho các bà mẹ và trẻ em, lớp học đọc, và tiếp đón nhiều phụ nữ đến nhờ giúp đỡ. Nhưng bà không vì thế mà bỏ bê con cái. Bà đặt phòng khám trong nhà người gác cổng và tổ chức lớp học cùng phòng tiếp khách trong một gian nhà ; bà có thể quan sát lũ trẻ chơi trong sân từ cửa sổ.

Bà chỉ dành buổi chiều cho những công việc này ; buổi sáng dành cho việc dạy Edwin, cậu bé đã lớn và phát triển nhanh hơn tuổi, và trước khi bà kịp nhận ra, Consolation cũng muốn học đọc. Ba đứa trẻ lớn nhanh, khỏe mạnh và thông minh. Chúng yêu âm nhạc và màu sắc. Carrie phải ứng biến nhiều thứ, tự mình bù đắp cho những gì môi trường Mỹ, vốn là quê hương của chúng, có thể mang lại. Bà lo lắng nhất khi thấy Edwin hoàn thành bài tập quá nhanh. Bà không muốn cậu có quá nhiều thời gian rảnh để lang thang ngoài đường. Gia đình người Mỹ, nơi bà kỳ vọng nhiều, chỉ ở lại rất ngắn, và một lần nữa Carrie là người bạn duy nhất của Edwin. Bà không ngừng lo sợ rằng mình không thể duy trì cho con cái lối suy nghĩ và quy tắc sống của người Mỹ ; bà sợ rằng, bất chấp nỗ lực của mình, sự cam chịu định mệnh phương Đông sẽ thấm vào tâm hồn chúng, lấy đi sức mạnh của chúng.

Chính vì điều này mà bà có cuộc tranh cãi duy nhất với Wang Amah. Carie, thấy Edwin không thích vận động, giao cho cậu nhiệm vụ mỗi ngày mang củi để đun bếp, dọn dẹp và giữ phòng sạch sẽ. Điều này với Wang Amah là một sự báng bổ. Con trai cả - phải làm công việc của đầy tớ. Thật không thể tưởng tượng ! Trong khi gia đình ăn trưa, bà lẻn vào phòng Edwin, dọn dẹp nhanh chóng, và khi cậu bé trở về, căn phòng đã sạch bóng và công việc hoàn thành. Cậu giữ im lặng về điều này cho đến một ngày Carie phát hiện Wang Amah đang làm công việc yêu thương nhưng đáng trách này.

Carie có tính cách nóng nảy và đôi khi lời lẽ sắc bén. Lúc đó, bà đã thông thạo tiếng địa phương Trung Quốc và không chấp nhận bất kỳ sự can thiệp nào liên quan đến con cái, đặc biệt khi bà cho rằng giáo dục và sự ngay thẳng của chúng bị đe dọa. Bà không ngần ngại nói thẳng với Wang Amah, và người phụ nữ già dịu dàng biện minh : «Ở nơi chúng tôi, bắt con trai cả làm việc là một điều xấu hổ. Con gái thì được, nhưng con trai thì không.

- Đúng vậy ! Carie giận dữ nói, và đàn ông của các người lớn lên trong sự lười biếng và trở thành những kẻ quái gở như người chồng mà tôi đã cứu bà khỏi hắn».

Lời nhận xét trúng đích, Wang Amah lặng lẽ rút lui, buồn bã. Ngay sau đó, như thường lệ, Carie hỏi hận và cố giải thích rằng phải dạy con trai làm việc nếu muốn chúng thành công, và ở Mỹ, con trai và con gái đều được dạy dỗ như nhau, với sự tôn trọng như nhau. Nhưng trật tự xã hội này vượt quá hiểu biết của Wang Amah ; dù vậy, từ đó bà không phản đối nữa.

Lúc này, Carie rất nỗ lực rèn luyện tính cách cho con trai cả. Trong một đất nước nơi mọi thứ xung quanh đều khiến cậu tự cao và có cái nhìn sai lệch về bản thân, thật khó để dạy cậu lễ phép với mẹ, chị em và những phụ nữ Trung Quốc đến thăm. Edwin có bản tính kiêu ngạo; những người giúp việc đối xử với cậu với sự tôn kính thái quá, và cậu nghe được những lời bàn tán về vị trí của mình với tư cách là con trai cả. Carie rất khó khăn để cân bằng điều này ; Andrew, luôn vắng nhà, quá mệt mỏi để quan tâm đến con trai trong những khoảng thời gian nghỉ ngơi hiếm hoi ở nhà.

Tôi còn giữ một cuốn nhật ký nhỏ từ thời đó, do Edwin viết mỗi tuần theo lời khuyên của mẹ, một tờ giấy có minh họa một chiếc thuyền buồm, được vẽ bằng bút rất sinh động. Chiếc thuyền lướt đi trong gió với cánh buồm căng - bức vẽ thông minh và sống động. Ý tưởng về cuốn nhật ký này đến từ Carie, nhưng Edwin, có

năng khiếu viết lách và vẽ tranh bẩm sinh, đã nhiệt tình thực hiện. Cậu thu thập tin tức từ nhiều nơi, gửi báo đi xa, đến các trạm truyền giáo ở trung tâm đất nước hoặc các cảng ; cuối cùng, cậu có được nhiều người đăng ký, phần lớn có lẽ vui lòng trả vài đồng mỗi tháng cho cậu bé. Cậu tích cóp được một ít tiền tiêu vặt, mà dưới sự giám sát của mẹ, có lẽ chủ yếu dùng để mua đồ ngọt như mì xào kiểu Trung Quốc, kẹo mè và bánh nhân thịt của những gánh hàng rong.

Nhưng nếu Carie luôn lo lắng cho Edwin, cậu bé cũng là niềm vui của bà. Qua Edwin, tôi hiểu được vị trí kỳ lạ người mẹ chiếm trong đời cậu. Edwin ghi nhớ hình ảnh một người bạn đồng hành vui vẻ, sôi nổi, thú vị, luôn sẵn sàng gợi ý những trò giải trí. Đôi mắt lấp lánh vàng của bà bỗng sáng lên, và bà reo lên : «Mẹ sẽ bảo con làm gì bây giờ !»

Và đó chắc chắn là điều tuyệt diệu. Bà dạy Edwin hát, chơi vĩ cầm, và trở thành nhà phê bình khắt khe nhưng đầy cảm thông khi cậu thử viết trường ca hoặc tiểu thuyết. Bà ít khuyến khích con đường văn chương, dù thầm kín, bà say mê đọc tiểu thuyết hay, vì bà là người giàu nhân tính, luôn hứng thú với đồng loại. Nhưng tôn giáo thời đó dạy bà xem tiểu thuyết như tệ nạn, cùng với khiêu vũ và bài lá. Bà thích thú *Pickwick*

papers đến phá lên cười, rồi lại hồi hận vì đã ham vui. Điều này phản ánh rõ sự giằng xé trong con người bà. Bà tìm cách dung hòa bằng chỉ cho phép sách kinh điển trong nhà, giúp hình thành gu thẩm mỹ sớm cho các con. Năm bảy tuổi, Edwin đã đắm mình trong Dickens, Thackeray và Scott. Những đứa trẻ khác bắt chước, nên sau khi nếm trải món ăn tinh thần đậm đặc ấy, các tác giả tầm thường với chúng luôn nhạt nhẽo.

Dù có bảy con, Andrew chẳng bao giờ học cách bế trẻ hay mặc áo cho chúng. Ông sinh ra là nhà tiên tri, vị thánh tách khỏi đời thường. Ngay ở nhà, ông vẫn xa cách. Không đứa trẻ nào dám chạy đến nhờ ông buộc giày hay cài nút. Tôi nghe Carrie cười kể : «Khi tôi ốm, đôi khi ông ấy phải giúp Wang Amah. Ông ấy đem bọn trẻ đến trước mặt tôi, mặc quần áo ngược hết. Buồn cười lắm, trông chúng kỳ cục - như kiểu không biết đang đi vào hay đi ra !»

Người ta thường so Andrew với Thánh Phaolô. Ông giống vị tông đồ : bẩm sinh mộ đạo, táo bạo, dũng cảm trên nhiều phương diện, trung thành với nghĩa vụ theo cách ông hiểu, và mù quáng với mọi thứ khác. Với các con, ông là sinh thể mờ nhạt, ngoài tầm với. Ông nghiêm khắc khi nhận ra sự tồn tại của chúng, và kỳ vọng chúng phải gương mẫu, nhưng do thiếu thấu hiểu,

chẳng bao giờ khiến đức hạnh trở nên hấp dẫn. Lũ trẻ thích sự bông bột của mẹ hơn, những cơn giận nhỏ, cái ôm siết, trò đùa, ánh mắt tươi vui, so với sự hoàn hảo lạnh lùng của cha.

Nhưng công bằng mà nói, Carie chưa bao giờ nghi ngờ tầm quan trọng trong sứ mệnh của Andrew. Dù đôi lần phản kháng hậu quả khắc nghiệt phải gánh chịu, tôi tin sâu thẳm, bà tự nhủ rằng chủ nghĩa thần bí của chồng vượt quá hiểu biết của mình, và tất cả nên theo ông, từ một khoảng cách. Lúc đó, chúng tôi bắt đầu cảm nhận bóng đen của «Tân Ước của Cha». Andrew, với khả năng phê bình văn học sắc sảo, chê bản dịch Kinh Thánh tiếng Trung duy nhất. Ý định tự dịch Tân Ước từ tiếng Hy Lạp đã ám ảnh ông nhiều năm. Là học giả xuất sắc về ngôn ngữ cổ, ông luôn đọc Phúc Âm bằng tiếng Do Thái hoặc Hy Lạp khi tiện định. Tôi vẫn nhớ gáy sách mòn vàng của cuốn Tân Ước bỏ túi ông chẳng rời. Dù thay trang phục, ông luôn giữ nó trong áo khoác. Khi ông qua đời, chúng tôi đặt cuốn sách nhỏ bên cạnh, biết rằng ông không thể yên nghỉ thiếu nó.

Ông dịch thuật vào buổi tối hoặc ngày nghỉ hè. Theo năm tháng, những trang viết tay nguệch ngoạc chữ Hán góc cạnh chất đống trên bàn. Một cụ già Trung Quốc gù lưng, chuyên giúp ông trau chuốt ngữ pháp và văn

phong, trở thành khách quen trong nhà.

Nhưng khi hoàn thành, vấn đề xuất bản lại thiếu tiền. Chúng tôi chỉ có thể trích từ đồng lương ít ỏi. Carrie và Andrew tranh luận. Bà nghĩ đến các con, ông nghĩ đến sách. Bà nói : «Andrew, tôi không thể cắt giảm quần áo của chúng hơn nữa; tôi đã lộn trái, vá đi vá lại, và không dám tiết kiệm thức ăn.

- Tôi biết», ông đáp, vừa lo lắng, vừa tuyệt vọng.

Bà nhìn ông và hiểu giấc mơ lớn thế nào với ông. Cuối cùng bà nhượng bộ : «Tôi sẽ xoay xở, trích mỗi tháng năm đô la, còn lại tôi sẽ cắt giảm mọi nơi có thể».

Ông vui trở lại. Nhưng lũ trẻ xem Tân Ước như cái giếng nuột đồ chơi chúng khao khát ; chiếc váy bà bé mơ ước, hay sách vở chúng thèm thuồng. Chúng hỏi đầy lo lắng : «Mẹ ơi, khi cha dịch xong Tân Ước, ta có mua được gì mình thích không ?» Chúng không bao giờ quên ánh mắt mẹ lúc đó. Bà có vẻ bực bội, nhưng không phải vì chúng, và đáp dứt khoát : «Có ! Ta sẽ mua thứ mình thích nhất !»

Nhưng khoảnh khắc ấy không tới, vì bà mất trước khi Andrew hoàn thành. Ông in từng bản, sửa đi sửa lại, quyết tâm cho ra tác phẩm hoàn mỹ. Tân Ước khiến

Carie nghèo đi suốt đời, biến cuộc sống vốn đơn sơ thành nghèo khổ. Nhưng bà không để con cái biến nuôi tiếc thành oán trách. Bà đã chọn và sống theo lựa chọn ấy ; bà buộc chúng tôn trọng giấc mơ của cha, dù đôi lần bà phản kháng gần như công khai.

Các con không thể không thấy khác biệt giữa cha mẹ. Consolation thắc mắc về ba vết đỏ trên trán cha mỗi khi ông ăn trưa. Chúng mờ dần buổi sáng, nhưng khi ông cúi đầu cầu nguyện trước bữa ăn, chúng lại hiện lên đỏ thẫm. Một ngày, bà bé hỏi Carie : «Sao trán cha có những vết đó ?

- Đó là dấu ngón tay khi cha chống tay cầu nguyện, Carie nghiêm túc đáp. Cha con cầu nguyện một giờ mỗi sáng sau khi thức dậy».

Sự thánh thiện ấy khiến chúng nể phục. Chúng tìm kiếm vô vọng dấu vết tương tự trên trán mẹ. «Sao mẹ không cầu nguyện ?» một đứa hỏi.

Carie đáp - có lẽ với một chút khô khan : «Vậy thì ai sẽ mặc quần áo cho các ngài, nuôi các ngài, dọn dẹp nhà cửa và khiến các ngài làm việc ? Tôi nghĩ phải có người làm việc và người khác cầu nguyện».

Andrew thoát khỏi cơn mơ màng thường lệ của mình đủ lâu để nghe thấy cuộc đối thoại này và nhẹ nhàng nhận xét : «Nếu con dành nhiều thời gian hơn cho việc cầu nguyện, có lẽ công việc sẽ tốt hơn».

Carie, cứng đầu, đáp lại : «Thiếu thời gian, và Chúa phải hiểu rằng một người mẹ có con nhỏ buộc phải rút ngắn lời cầu nguyện của mình».

Thực tế, Carie không thể suy ngẫm lâu. Đôi khi, giữa công việc, bà ném lên trời một lời cầu nguyện ngắn ngủi, nhưng giọng nói của bà dường như không mang lại câu trả lời rõ ràng nào. Vào giữa cuộc đời, khi đó đã quá bận rộn, bà tự nguyện từ bỏ những nỗ lực không ngừng để tìm kiếm Chúa. Bà không bao giờ thụ động, nhưng chỉ chắc chắn về một điều : bà phải giúp đỡ tất cả những ai đến gần và cần sự giúp đỡ của bà, con cái, hàng xóm, người giúp việc và cả những người qua đường. Cuối cùng, bà tóm tắt tôn giáo của mình trong hai từ : «tin tưởng và vâng lời». Nếu Chúa thực sự tồn tại, thì phải tin tưởng vào Ngài. Vì vậy, bà hành động như thể Ngài đang hiện diện và hoàn thành mọi nhiệm vụ thiết thực mang lại giá trị xã hội cho một tôn giáo. Tôi tin rằng chính sự tương phản giữa sự nghi ngờ trong tâm trí, sự không chắc chắn trong niềm tin lý thuyết của bà và những phản ứng nhanh chóng của bản tính hào phóng

đã khiến bà trở thành một người Mỹ điển hình.

Một ngày nọ, Carrie, chán nản vì một khoảng thời gian Edwin đặc biệt nghịch ngợm và cáu kỉnh ở nhà, đã khẩn khoản xin Andrew đôi khi đưa con trai đi theo trong những chuyến đi của ông. Đây là những khoảnh khắc duy nhất trong đời cậu bé khi cậu gần gũi với cha mình một chút. Họ cùng nhau đi thuyền, rồi cưỡi la, băng qua vùng đất hàng dặm ; những giờ phút gần gũi bắt buộc, những bữa ăn chung, những khoảnh khắc riêng tư buổi tối đã giúp Edwin hiểu được ý nghĩa thực sự trong công việc của cha mình, và lần đầu tiên, một cách mơ hồ, cậu cảm thấy niềm đam mê cứu rỗi linh hồn là một điều đẹp đẽ.

Ảnh hưởng kép này, từ người cha với tình yêu dành cho linh hồn con người và từ người mẹ với sự quan tâm nồng nhiệt đến đồng loại, đã khiến cậu mãi mãi chán ghét một công việc chỉ đơn thuần là kiếm sống. Sự hoài nghi tự nhiên của mẹ cậu, mà bà đã kìm nén bằng một nỗ lực ý chí mãnh liệt, sau này lại xuất hiện trong cậu, khiến cậu không thể quay lại với sứ mệnh truyền giáo. Nhưng đồng thời, một đặc điểm khác trong tính cách của mẹ đã thấm vào cậu bé một cách bất ngờ và định hình cậu một cách không thể thay đổi : suốt đời, cậu luôn quan tâm đến nhân loại trước tiên và sẵn sàng đáp

lại những yêu cầu của họ.

Trong khi đó, Andrew đưa ra một quyết định định kỳ và tuyên bố với Carie rằng ông phải đi xa hơn, tiến sâu vào nội địa để truyền bá Phúc Âm. «Ông đã nghe thấy tiếng gọi».

Carie nghe mà lòng đau như cắt. Ngôi nhà này, với sân vườn, đã trở thành tổ ấm của bà. Bà có hoa, có không gian để con cái sống và lớn lên. Thành phố u ám bao quanh, nhưng bà đã học cách chấp nhận và xây dựng trong đó một ốc đảo, một ngôi nhà của quê hương. Bà là một trong những người phụ nữ biến những gì thuộc về mình thành một nét riêng. Khu vườn, căn phòng, giỏ đồ khâu, chiếc ghế bành - tất cả đều mang dấu ấn của bà và là một phần của bà.

Ngoài những gốc rễ đã bám sâu này, còn có những gốc rễ khác không kém phần vững chắc. Carie có những người bạn Trung Quốc, bị thu hút bởi sự đồng cảm của bà với nỗi khổ của họ hoặc bởi sự chân thành của bà, vì bà cho phép họ tham quan ngôi nhà, chiêm ngưỡng sự kỳ diệu của bếp lò, máy khâu, đàn organ và tất cả những kỳ quan từ một đất nước xa lạ. Carie đã học cách yêu những người phụ nữ này vì bà dễ dàng quên đi sự khác biệt về chủng tộc và hoàn cảnh. Hơn nữa, hai gia đình da trắng sắp đến và Carie vui mừng khi nghĩ đến việc có

thêm những người bạn mới giống mình. Nhưng những mối liên kết với một nơi chốn và một nhóm người mà bà yêu quý chỉ khiến Andrew thêm bồn chồn. Ông cảm thấy có quá nhiều người làm việc cùng một chỗ - ông cần phải mạo hiểm đến những vùng đất mới.

Carie phản đối, van xin, nổi giận, thậm chí khóc một chút, rồi đột ngột đầu hàng. Bà biết rằng không gì cứng rắn hơn một người của Chúa tin rằng mình nghe thấy lời Ngài. Trong im lặng chết chóc, bà đóng gói tất cả những gì mình có và nhổ những gốc hồng. Về phần mình, Wang Amah cuộn đồ đạc vào chăn bông và một chiếc khăn tay lớn màu xanh ; sau đó, họ đã sẵn sàng.

CHƯƠNG IV

Andrew chọn một thị trấn nhỏ ở phía bắc làm căn cứ hoạt động mới. Người dân ở đó thù địch với người nước ngoài và không muốn cho thuê bất cứ thứ gì. Cuối cùng, Andrew đưa gia đình đến sống trong một quán trọ. Họ sống trong ba căn phòng tồi tàn với tường đất, nền đất nện, dưới mái tranh. Những bức tường thấp là ranh giới duy nhất ngăn cách họ với đám đông thô lỗ sống chật chội trong sự bẩn thỉu kinh tởm.

Carie trông lại những góc hòng vào chậu và bắt tay vào việc với tất cả lòng can đảm ; bà cố gắng một lần nữa tạo dựng một tổ ấm gọi nhớ quê hương, nhưng bà đã mất đi sức lực. Sự xa lạ khiến Andrew tràn đầy sinh lực ; ông cảm thấy thoải mái, nhưng vợ ông đau khổ vì phải sống trong một môi trường như vậy, những căn phòng chật chội, thiếu vườn tược, bệnh tật rình rập, sự bẩn thỉu và trên hết là sự thù địch bao quanh. Ký ức về ba đứa con đã mất lại ám ảnh bà. Mạng sống của chúng, bị cắt ngắn quá sớm, giờ đây hiện lên như những hy sinh dâng lên Andrew và Chúa của ông. Bà ghen ghét canh giữ ba đứa con còn lại - không thể có thêm nạn nhân nào nữa.

Andrew cảm thấy phần khích trước những cơ hội đến với ông năm đó, dù phải chịu đựng nhiều khổ cực, Andrew vẫn có những niềm vui bất ngờ. Đó là thời kỳ chiến tranh với Nhật Bản, và ở những vùng xa xôi như thế này, bất kỳ người ngoại quốc nào cũng bị coi là người Nhật. Một buổi sáng, sau nhiều tuần vắng nhà, Andrew đột ngột xuất hiện khi vợ và các con đang ăn sáng. Trên người ông chỉ còn quần áo lót, chân không giày, vai và lưng đầy vết thương chảy máu. Tất cả tài sản của ông, con la, đồ đạc và lương thực, đều bị cướp sạch. Một nhóm lính lang thang, bất chấp lời thanh minh của ông, nhất quyết cho rằng ông là người Nhật và đã tấn công ông. Dù vậy, Andrew cao đến sáu feet, mắt xanh, và lúc đó ông còn để bộ râu đỏ.

Mùa đông đó, ngôi nhà đất mái tranh trở nên ẩm thấp và không khí độc hại đến mức đứa con nhỏ, Clyde, bị cảm rồi chuyển sang viêm phổi. Andrew, như thường lệ, lại vắng nhà, không có bác sĩ trong bán kính hàng trăm dặm, và Carrie một lần nữa phải đối mặt với nỗi sợ hãi cái chết khiến trái tim như thắt lại. Bà kéo chăn che một góc phòng, dựng một không gian kín gió, rồi cùng Wang Amah thay nhau thức suốt mười ngày dài đằng đẵng ; cuối cùng, như một phép màu, đứa trẻ dần hồi phục.

Carie ôm chặt con vào lòng, lòng đầy phần nộ, tự nhủ rằng thế là đủ rồi - trong cả thị trấn, không ai quan tâm đến con trai bà, đến sự sống hay cái chết của nó nhân danh Chúa của Andrew ! - Liệu chính vị Chúa ấy có quan tâm không ?... Từ nay, bà sẽ không hi sinh thêm đứa con nào nữa.

Bà bắt đầu thu dọn đồ đạc một cách quyết đoán, chuẩn bị rời khỏi nơi tồi tàn này. Trời mưa đã lâu, nước dâng cao hơn mặt đất, ngập cả chân bàn ghế ; để đi lại, họ phải đặt những tấm ván trên gạch, nhưng chiếc đàn organ quý giá vẫn được đặt an toàn trên một bụi gỗ giữa nhà. Khi mọi thứ đã sẵn sàng để lên đường, Carie chờ Andrew. Một buổi sáng đầu xuân, bà thấy ông về, liền vội khoác áo và đội nón. Bước vào nhà, Andrew sửng sốt khi thấy vợ trang bị như vậy, đồ đạc đã được bọc trong chiếu và những khóm hoa hồng lại bị nhổ lên. Lần đầu tiên trong đời, bà không cho Andrew kịp nói lời nào ; bà bắt ông im lặng, đôi mắt lăm lăm tấm vải của bà sáng lên vì giận dữ.

«Anh có thể giảng đạo từ Bắc Kinh đến Quảng Châu, bà nói bằng giọng trắng bệch, đầy ám ảnh, đi từ Bắc Cực đến Nam Cực, nhưng tôi và các con sẽ không bao giờ theo anh nữa. Tôi đưa chúng đến Trấn Giang ; nếu ngôi nhà nhỏ trên đồi còn trống, chúng tôi sẽ ở lại đó,

có một nơi yên bình, cao ráo và không khí trong lành. Nếu không, tôi sẽ về nước. Tôi đã hi sinh ba đứa con ; tôi không còn đứa nào để dâng lên Chúa nữa».

Andrew vô cùng bất bình nhưng không thể thuyết phục được bà ; bà đã bước ra khỏi cổng, nắm tay Edwin, trong khi Wang Amah theo sau, dắt Consolation và bé Clyde. Lần này, Andrew buộc phải theo vợ ; họ ra bờ kênh, thuê một chiếc thuyền và quay về phía nam. Carie, môi mím chặt, kiên quyết giữ vững lập trường suốt ba tuần hành trình đến Trấn Giang. May mắn thay, ngôi nhà nhỏ vẫn trống, và không nói thêm lời nào, bà dọn vào đó.

Bà sống ở thành phố này hai mươi bảy năm và không ai có thể dụ bà đi nơi khác.

Nhưng việc thay đổi chỗ ở không giải tỏa được nỗi lo lớn nhất của Carie về Edwin. Khi gia đình đã ổn định trên đồi, cậu bé thiếu bạn bè cùng trang lứa và cùng chủng tộc, lang thang không mục đích. Edwin chín chắn hơn tuổi mười lăm của mình, và đã đến lúc cậu phải vào đại học ; Carie sớm nhận ra rằng bà phải gửi cậu về Mỹ một mình. Bà dễ dàng đưa ra quyết định này vì mong muốn cậu được hòa nhập trực tiếp với quê hương trước khi trưởng thành. Với nỗi đau trong lòng, bà quyết định hi sinh một lần nữa vì một lý tưởng mà bà chưa thực sự

hiểu rõ, nhưng bà đã học cách kiên định với con đường mình chọn ; vì thế, mùa hè năm đó, Edwin được gửi về Mỹ cùng bạn bè.

Carie viết những lá thư dài van nài anh trai Cornélius. Bà gửi gắm Edwin cho ông ; bà muốn nghĩ về con trai mình trong những kỳ nghỉ, sống trong ngôi nhà lớn, với bầu không khí yên bình và lành mạnh. Ý nghĩ đó an ủi bà phần nào sau khi Edwin rời đi, nhưng không ngăn được những đêm dài lo lắng, mất ngủ, bà tự trách mình đã gửi cậu về quá sớm. Khi ở bên bà, cậu có vẻ là một chàng trai lớn, nhưng từ xa, cậu chỉ là một đứa trẻ. Bà gửi cho cậu những trang thư tràn đầy tình yêu thương, muốn biết mọi suy nghĩ và hành động của cậu. Khi biết cậu hút thuốc, bà buồn bã nhiều ngày, lo sợ cậu đã học thêm nhiều thứ khác. Nhưng Cornélius gửi những báo cáo tốt về cậu. Bà đọc chúng với niềm tự hào ; cuối thư, ông thận trọng thêm : «Edwin có vẻ hơi lười», Carie mừng vì biết cậu đã thoát khỏi bầu không khí mơ màng, lười biếng của phương Đông, và hòa nhập vào cuộc sống năng động, khắc nghiệt hơn của quê hương. Điều đó tốt cho cậu - rất tốt - nhưng ngôi nhà bỗng trở nên trống vắng !

Carie không ở lâu trên đồi. Chủ nhà trở về sau kỳ nghỉ cùng gia đình, và họ lại phải chuyển đi. Andrew tìm được một ngôi nhà nhỏ ở rìa thành phố Trung Quốc, may mắn thay, Carie có thể dễ dàng đưa hai con lên đồi hít thở không khí mỗi ngày.

Ngôi nhà nằm cạnh bến cảng nhượng địa của người Anh theo hiệp ước sau các trận chiến thuốc phiện, và khu vực này đầy những nơi tồi tàn. Mỗi lần đi qua những cánh cửa mở, Carie bước nhanh hơn, che mắt các con khỏi những người phụ nữ từ khắp nơi, nằm nửa trần truồng trên ngưỡng cửa, và bà vô cùng mừng rỡ khi Edwin không còn ở đó, Edwin với đôi mắt tuổi vị thành niên sắc sảo. Những người da trắng từ tàu thủy đổ bộ la cà quanh các nhà chứa. Carie phẫn nộ ; bà ước gì chỉ gặp người Trung Quốc. Bà xấu hổ, đau lòng khi thấy bên cạnh một người như Andrew, với sự ngay thẳng trong sáng, lại có những kẻ say xỉn dâm dăng, miệng đầy lời thề tục, đến từ quê hương xinh đẹp mà bà tự hào. Dù vậy, trái tim bà vẫn rung động trước những con người này, phần lớn còn rất trẻ, chỉ hơn vài tuổi con trai bà, xa cách quê nhà. Những thủy thủ già càng khiến bà thương cảm hơn, vì sau nhiều năm lưu đày, họ không còn nơi nào để về.

Bà lại tiếp tục công việc cũ, canh chừng những con tàu ngoại quốc, nấu ăn, làm bánh, biến ngôi nhà nhỏ thành nơi trú chân của các thủy thủ, và lắng nghe những tâm sự khát khao, xoa dịu nỗi khao khát một người mẹ, một người chị hay một người bạn ở nhiều người trong số họ.

Khi ấy, Clyde là nguồn vui lớn của Carie. Không đứa con nào giống bà nhiều đến thế ; hai tâm hồn họ gắn bó khăng khít. Clyde lớn lên trở thành một cậu bé cực kỳ đẹp trai và dũng cảm. Vừa nghiêm trang vừa vui tươi, cậu thừa hưởng từ mẹ trái tim quá rộng lượng đến mức phải chịu đau khổ. Cậu bản năng hướng về Carie như hoa hướng dương quay về phía ánh sáng, và khi ở bên nhau, họ như ngập tràn hạnh phúc.

Carie truyền lại cho Clyde tinh thần dũng cảm của mình, và tôi chưa bao giờ thấy bà xúc động như ngày cậu bé năm tuổi bị Andrew đánh đòn dữ dội vì một lỗi nhỏ - bàn tay gầy guộc của ông đánh rất mạnh - đứa trẻ nhanh chóng ngừng khóc để hát vang : «Tiến bước, hỡi những người lính của Chúa», đôi mắt còn đầm lệ và bấp bề nhỏ in hằn những vết đau. Nhiều năm sau, khi người con ấy chỉ còn là ký ức, chỉ cần nhớ lại khuôn mặt bé nhỏ ướt đầm, đôi mắt xanh mở to, ánh mắt kiên cường và giọng nói run rẩy, đôi mắt bà lại ngập nước.

Cậu thừa hưởng từ bà tình yêu cái đẹp, và tôi nhớ tiếng reo vui khi cậu phát hiện những bông hoa dại đầu tiên trên cánh đồng, và sau này, vì cậu yêu chúng đến thế, mỗi mùa xuân Carie lại hái thật nhiều để đặt lên mộ con.

Bởi đứa con yêu dấu ấy, không lâu sau sinh nhật lần thứ năm, đột nhiên lên cơn sốt dữ dội và ngã bệnh nặng. Trong thành phố không có bác sĩ ngoại trừ một người lai Ấn hiền lành nhưng ít kinh nghiệm, và một bác sĩ người Anh ở bên cạnh, kẻ nghiện rượu kinh niên đến mức không ai biết khả năng thực sự của ông ta. Người Ấn chẩn đoán viêm phế quản, nhưng ngay từ đầu, Carie đã lo sợ đó là bệnh bạch hầu, vì bà có chút kiến thức y khoa nhờ tự học và giúp đỡ những phụ nữ Trung Quốc thường tìm đến bà.

Carie thức trông Clyde suốt đêm, nhưng bệnh tình ngày càng nặng, bà phái người đi tìm Andrew, lúc ấy đang ở vùng nông thôn cách Trấn Giang ba ngày đường. Đứa trẻ ngạt thở, và rõ ràng không thể cứu được. Trước khi Andrew về, Clyde qua đời, và Carie một lần nữa ôm trong tay thân xác đứa con trai.

Người cha kịp về để nhìn mặt con trong quan tài. Ngày hôm sau, trong cơn mưa gió dữ dội, Carie kiệt sức, ốm yếu, và đang mang trong mình một sinh linh

mới, không thể theo đoàn người đưa tang đến khu nghĩa địa dành cho người da trắng.

Ôi ! Nỗi buồn vô hạn của những mảnh đất nhỏ nằm rải rác khắp các thành phố Trung Hoa, nơi những người ngoại quốc chuẩn bị cho mình chôn an nghỉ cuối cùng ! Họ xây tường cao bao quanh, với những song sắt nhọn hoắt, khóa chặt bằng then lớn. Trong những nơi yên nghỉ đầy bình yên ấy có vài cái cây và lối đi rải sỏi ngăn nắp ; những ngôi mộ nằm sát nhau, chủ yếu là mộ phụ nữ và trẻ em - rất, rất nhiều trẻ em, cùng những ngôi mộ của thủy thủ và những người, theo bia mộ ghi lại, bị đám đông thù địch giết hại. Nhưng tất cả những người đã khuất, vốn xa lạ với Trung Quốc khi còn sống, dường như càng xa cách hơn sau khi chết. Họ như muốn bảo vệ mình khỏi bị nuốt chửng bởi đám đông tham lam, vô cảm đang quây quần xung quanh.

Tôi nhớ ngày Clyde được an táng, Carie đứng bên cửa sổ. Cô khóc khi nhìn theo đoàn người nhỏ bé đi dọc lối đi trong sân. Những giọt nước mắt của bà rơi vào tâm hồn non nớt của tôi ; tôi lặng lẽ đứng bên cạnh và cũng nhìn ra ngoài. Mưa rơi thẳng tắp, bắn tung tóe lên chiếc quan tài nhỏ đang đi qua cổng. Khi nó khuất dạng, Carie vẫn khóc, lần này không phải trong giận dữ hay đau đớn tột cùng, mà như cách người ta khóc khi

không còn chút hy vọng.

Ngày hôm ấy, một phần trong bà đã chết, biến mất vĩnh viễn. Bà từng muốn chôn cất những đứa con khác ở thành phố quốc tế Thượng Hải, nhưng với đứa con này, bà không thể rời xa, ngay cả khi nó đã chết. Bởi người mẹ phải sống ở vùng đất xa xôi này, đứa con trai nhỏ sẽ vẫn bên cạnh bà.

Ngày sau đám tang, Consolation cũng ngã bệnh. Carie, hoảng sợ, phát hiện những triệu chứng tương tự ở con gái. Liệu bà sẽ mất hết từng đứa con ? Bà không thể chịu nổi sự có mặt của vị bác sĩ người Ấn với ánh mắt đờ đẫn và cử chỉ chậm chạp. Bà lao vào mưa gió, gọi một chiếc xe kéo để nhanh chóng tìm vị bác sĩ nghiện rượu ở bến cảng. Bà thấy ông ta trong một nhà chứa, một bà gái Trung Quốc đang cười khúc khích trên đùi ông. Carie bước tới, lắc vai ông ta để đánh thức.

«Con tôi sắp chết, bà nói đơn giản, nó bị bạch hầu. Ông có đến không ?»

Một chút ý thức trách nhiệm lâu nay bị lãng quên dường như trỗi dậy trong ánh mắt đỏ ngầu của người đàn ông da trắng ; ông ta đứng dậy, lảo đảo không nói lời nào, trong khi bà gái tuột xuống đất, rồi đi theo Carie, lẩm bẩm : «Tôi có loại thuốc mới... nhiều ca bạch hầu...

Tôi mua thuốc này ở Thượng Hải, có thể thử xem».

Carie sau đó nhận ra rằng, khi tỉnh táo, ông ta là một bác sĩ rất giỏi, và ngày hôm trước, ông ta vừa mua được một loại huyết thanh mới. Carie không dám rời ông ta một giây, sợ ông ta lại rơi vào trạng thái mê muội ; bà bảo người kéo xe theo ông ta về nhà, vào theo, đánh thức khi ông ta định ngủ gật, lục phòng thí nghiệm tìm lọ thuốc nhỏ mà ông ta quá vụng về để tìm, phát hiện ống tiêm và dẫn ông ta về nhà đến bên giường đưa trẻ bệnh.

Đứng trước bệnh nhân, vị bác sĩ tỉnh táo đến kinh ngạc, tiêm thuốc bằng một tay vững vàng. Cuối ngày, đứa bé có dấu hiệu khá hơn, và hai liều thuốc tiếp theo đã đưa cô bé qua cơn nguy hiểm. Khi cơn khủng hoảng qua đi, Carie kiệt sức gục xuống, và không còn ai chăm sóc Consolation, giúp cô bé hồi phục. Andrew đã ở nhà khi gia đình lo lắng ; giờ ông cảm thấy cần quay lại công việc, dù sự hiện diện của ông cũng chẳng thay đổi được gì, bởi con gái ông không chịu được ông ở bên.

Nhưng Carie luôn có một người bạn trong lúc cần, ai đó mang ơn bà vì lòng tốt của bà. Lần này, đó là một cô gái Anh trẻ, ngây thơ, cô độc, đến làm gia sư cho một gia đình quan chức hải quan và bị cuốn vào một mối tình nhục nhã như thường thấy ở các bến cảng. Cô chạy

đến nhờ Carie khi buộc phải rời khỏi nhà chủ, và Carie đã giúp cô, cho cô ở lại, chỉ cho cô thấy sự điên rồ của mình, đến mức cô gái bắt đầu khinh miệt kẻ quyến rũ mình và quyết định quay trở về nhà. Cô trì hoãn chuyến đi để chăm sóc Consolation. Đây không phải là một nhiệm vụ nhẹ nhàng, vì cô bé đang hồi phục luôn đòi mẹ và bộc lộ tính cách quyết đoán cùng sự bướng bỉnh của mình. Carie rất cảm động trước sự giúp đỡ này ; hai người phụ nữ đã kết bạn và duy trì tình bạn trong nhiều năm, ngay cả sau khi Consolation khỏi bệnh và trưởng thành.

Có lúc Carie cảm thấy mình sẽ không bao giờ lấy lại được sức lực và sự nhiệt huyết. Bà uể oải suốt mùa đông và run rẩy khi mùa xuân đến, trong cái lạnh ẩm ướt bên bờ sông. Ngôi nhà trở nên buồn tẻ với chỉ một đứa trẻ nhỏ. Edwin, ở nơi xa xôi, dường như đã bị cuốn vào cuộc sống mới. Suy nghĩ về đứa bé sắp chào đời không mang lại chút niềm vui nào, bởi sinh rồi tử, sự sống hao mòn, sự lãng phí đau lòng ấy để làm gì ?

Carie lại chìm vào nỗi sợ hãi xưa : liệu những đứa con của bà có bị lấy đi vì tội lỗi nổi loạn của bà ? Bà đã từ bỏ việc khao khát tìm kiếm Chúa, chỉ bằng lòng với việc giúp đỡ người khác mà không nỗ lực tìm kiếm đức tin ? Bà cố gắng chiến đấu với chính mình, cố gắng

khuất phục để tránh một hình phạt mới, vì Chúa vẫn có thể đụng chạm đến bà, khi bà còn một đứa trẻ. Bà cố gắng dập tắt mong muốn được chứng kiến sự hiện diện của Chúa. Bà đọc sách tôn giáo và cố gắng tuân theo các quy tắc thiên định cùng đọc Kinh Thánh, nhưng tâm trí thực tế và thiếu kiên nhẫn của bà luôn lao về phía trước, và khi đọc, suy nghĩ của bà lại ở nơi khác.

Cuối cùng, bà gần như tuyệt vọng tự nhủ rằng chỉ có cái đẹp mới có thể chữa lành mình ; vẻ đẹp yên bình của sương mù trên những thung lũng trong ký ức, đỉnh núi, những hàng hoa nhỏ mà bà từng trông ở mỗi nơi mình sống ; âm nhạc và thơ ca, vì chúng cũng mang lại một sự bình yên nào đó. Nhưng bà sợ sự bình yên này, biết đâu nó không đến từ Chúa, mà chỉ là thỏa mãn phần con người khao khát hạnh phúc mà bà cả đời cố kìm nén. Vị Chúa mà bà biết là một vị Chúa khắc nghiệt, và sự khắc nghiệt không thể giúp bà, vì nó trái ngược với bản chất của bà.

Khi đứa con gái nhỏ chào đời vào tháng Năm, một bé gái tóc nâu, mắt xanh, Carrie hầu như không thể mỉm cười. Những ngày trôi qua và bà không hồi phục. Cuối cùng, cơn sốt ập đến và nhiễm trùng bùng phát. Carrie mất sữa, và tiếng khóc đói của đứa bé vang lên trong ngôi nhà tĩnh lặng. Andrew và Wang Amah cố gắng cho

bé uống hỗn hợp sữa nhưng dường như bé không thích, dù rất đói. Nhưng người mẹ không còn nhận thức được chuyện gì đang xảy ra với con mình.

Wang Amah, lo lắng, sợ hãi một thảm họa cuối cùng; những bát nước dùng loãng, sữa pha nước theo chỉ định của bác sĩ khiến bà vô cùng nghi ngờ. Một tối, sau này bà kể lại với tôi, Carie thấy nước dùng có mùi tanh của cá. Dù ghét, bà vẫn uống vì cần sức khỏe, và tự nhủ rằng mình không gặp nguy hiểm ; có lẽ bát của bà đã được đặt gần một đĩa cá. Nhưng ngay sau đó, bà cảm thấy kỳ lạ được tiếp thêm sinh lực, rồi chìm vào giấc ngủ và nghỉ ngơi tốt hơn nhiều so với những ngày trước. Ngay hôm sau, bà bắt đầu hồi phục.

Wang Amah thú nhận vài tuần sau, khi bà chủ đã khỏe, rằng tối hôm đó bà đã thay nước dùng thường bằng một loại nước sắc cá và thảo dược mà người Trung Quốc dùng để chữa sốt hậu sản, vì bà thấy rõ bác sĩ đang để Carie chết dần, và bà không thể chấp nhận điều đó.

«Tôi không biết liệu bà ấy đã cứu tôi hay không, Carie nói. Có lẽ cơn sốt sắp qua rồi ; dù sao thì thứ nước của Wang Amah cũng không làm hại tôi ; người phụ nữ này có một trí tuệ lớn mà cuộc đời đã ban tặng cho bà ấy».

Cuối cùng, Carie đã khỏe lại, và điều đó là đủ với chúng tôi.

Mùa hè sau đó, ngôi nhà thấp trên đồi lại trống. Gia đình sống ở đó đã trở về Mỹ vĩnh viễn, và ngôi nhà được giao cho Andrew và Carie. Tuy nhiên, không có gì đáng phấn khởi, vì đó chỉ là một ngôi nhà nhỏ tồi tàn với sàn nhà lún chìm đầy rết và bọ cạp. Tôi nhớ một nghi thức hàng đêm : vào lúc nửa đêm mùa hè, Andrew cầm đèn và Carie, tay cầm một chiếc dép cũ, nhanh chóng giết những con côn trùng độc. Những con rết trón vào những góc kỳ lạ nhất ; một lần, Carie tìm thấy một ổ rết dưới gối, và Andrew đã giết một con rết khổng lồ bằng bột biển khi tắm buổi sáng. Nhưng Carie hài lòng với ngôi nhà vì có một khu vườn cũ, cây cối và một bụi hoa hồng trắng trên hiên. Khi gia đình chuyển đến vào tháng Năm, hoa hồng đang nở rộ, phủ đầy những chùm hoa nhỏ xíu hình nụ, tỏa hương thơm nồng nàn ngọt ngào. Chim gáy đã làm tổ ở đó.

Carie can đảm bắt đầu lại cuộc sống hàng ngày. Consolation đã lớn, cần được dạy dỗ mọi thứ theo phong tục quê hương, và phải chăm lo cho Faith, đứa bé. Carie có thể sống ở đó với trái tim tràn đầy, vì vẻ đẹp bao quanh bà, tràn ngập trên những ngọn đồi và thung lũng nhỏ như khu vườn, nơi những người đàn ông nâu nhỏ

bé cày cấy, cùng với vợ của họ.

Vẻ đẹp này như một liều oxy tiếp sức cho Carrie, mang lại sinh lực và năng lượng. Sương mù bốc lên từ dòng sông lúc bình minh, phủ lên những khóm tre rêu phong, và giữa những ngôi mộ, cỏ cao ánh lên màu bạc. Dưới thung lũng, trong những cánh đồng, những vũng nước được viền bằng liễu và đào. Vào mùa xuân, Carrie chưa từng thấy cảnh tượng nào đẹp hơn.

Những lá thư từ Eldwin khiến bà thêm hạnh phúc. Cậu cảm thấy hạnh phúc hơn nhiều so với lúc đầu. Những ngày đầu, cậu cảm thấy chán nản và cô đơn trên mảnh đất mà mẹ đã dạy cậu coi là quê hương. Carrie, hoang mang, tự nhủ : «Mình đã làm đúng khi gửi con đến đó từ trẻ, nếu không, con sẽ không bao giờ thích nghi được với quê hương».

Như vậy, ý thức rằng mình đã hành động khôn ngoan an ủi bà, và tình yêu với quê hương dường như hồi sinh khi con trai bà bắt đầu thích nghi và tự khám phá nước Mỹ.

Bà luôn cảm nhận sự hiện diện của bốn đứa con đã mất, và bất cứ khi nào có thể, bà đến Thượng Hải thăm mộ ba đứa đầu. Ngôi mộ nhỏ của Clyde ở gần đó, bà đi bộ đến đó, trốn khỏi nhà, để ngồi một lúc bên ngôi mộ

yên bình.

Vậy là ở tuổi trung niên, Carie kiên quyết sắp xếp lại cuộc sống, một cuộc sống bận rộn hơn bao giờ hết. Bà tạo dựng lại tổ ấm và lần đầu tiên cảm nhận được sự ổn định. Sáu căn phòng rộng lớn, với những cửa sổ mở ra khu vườn, thung lũng và núi đồi, và bà cảm thấy hạnh phúc khi được xây dựng tổ ấm ở đó.

Tôi vẫn nhớ ngôi nhà ấy như một chốn thiên đường dành cho tất cả chúng tôi ; ngăn nắp, sạch sẽ, giản dị ngự trị nơi đây, hoa lá điểm tô vẻ duyên dáng, và đến giờ tôi vẫn như cảm nhận được mùi thơm mát rượi của chiếu cỏ trải trên sàn nhà. Đó là nơi Consolation lớn lên, nơi Faith bắt đầu biết nói, biết đi, và rồi cũng phát triển theo cách của mình ; đó là nơi Andrew đến để thư giãn trước khi lại lên đường, tràn đầy năng lượng, để đi rao giảng và giảng dạy ở những nơi xa xôi trong suốt thời gian dài vắng nhà. Cũng từ nơi đó, Carie lan tỏa lòng hiếu khách ấm áp và rộng lượng của mình : những cặp vợ chồng trẻ người Mỹ, bồi rối trong những ngày đầu tiên ở phương Đông, đã đến ở để bắt đầu cuộc sống mới trong phòng khách của bà ; những nhà truyền giáo mệt mỏi nghỉ ngơi ở đó, những kẻ lang thang ngủ qua đêm - những mảnh vụn kỳ lạ của người da trắng mà biển cả mệnh mông phương Đông vô tình vớt được,

và họ dường như cũng không biết mình đến đây bằng cách nào, chắc chắn cũng không biết sẽ đi về đâu - tất cả những ai không nơi nương tựa, tất cả những kẻ bất hạnh, đều tìm đến cửa nhà bà bằng những con đường lạ lùng; bà đón tiếp họ, và để họ ra đi, sạch sẽ, no đủ và được khích lệ.

Bà không nói nhiều với họ ngoài những cuộc trò chuyện thực tế, vui vẻ về những chủ đề bình thường, vì bà chưa bao giờ biết giảng đạo ; khi muốn nói về những điều thuộc linh, bà thường thông qua âm nhạc. Bà hát bài thánh ca yêu thích, một đoạn trong bản oratorio, bằng giọng hát trầm ấm và dịu dàng, vào một buổi tối yên tĩnh, khi ngôi nhà chìm trong những giấc mơ và suy tưởng, và không cần nỗ lực gì thêm, Carie để giai điệu làm công việc của nó.

Một ngày nọ, một kẻ lang thang kỳ lạ đến ở với chúng tôi một tuần. Không ai biết ông ta là ai. Ông tự nhận là người Mỹ, và quả thực giọng nói của ông mang âm điệu của một thương nhân Yankee. Nhưng người ta khó mà nhận ra ông là một con người vì cuộc đời đã đối xử quá tàn nhẫn với ông. Ông ở lại nhà, ăn uống tham lam, lặng lẽ lắng nghe, vì ông không thể mở miệng mà không buông lời chửi thề, và ông cảm nhận một cách mơ hồ rằng đó không phải là những lời nên thốt ra trước

mặt chúng tôi. Khi rời đi, sau khi được nghỉ ngơi đầy đủ, sạch sẽ, mặc bộ đồ của Andrew, và đi đôi giày của ông, ông do dự trước cửa, cuối cùng lắm bầm : «Tôi chưa bao giờ nghĩ mình sẽ lại thấy nước Mỹ ! - Nhưng cuối cùng thì - ở nhà bà, thưa bà !»

Khoảng thời gian đó, Carie được trao tặng một cô con gái người Trung Quốc.

Carie đã giúp đỡ một người phụ nữ bản xứ trong cơn hoạn nạn, và người phụ nữ đó để lại cho bà đứa con gái mười tuổi tên là Mây Quý. Trên giường bệnh, người phụ nữ Trung Quốc sắp lìa đời nói với Carie : «Không ai ngoài bà quan tâm đến tôi. Cha tôi không yêu thương tôi vì tôi chỉ là một đứa con gái nữa trong một ngôi nhà đã quá đông đúc. Chồng tôi chưa bao giờ yêu tôi. Ông ấy chỉ lấy tôi để chăm sóc nhà cửa sau khi vợ đầu của ông qua đời ; con trai tôi cũng không yêu tôi. Tại sao bà lại tốt với tôi như vậy, bà không phải là người cùng máu mủ với tôi ?»

Carie, với trái tim buồn bã, mỉm cười và trả lời nhẹ nhàng : «Tôi không biết, chỉ biết rằng nỗi đau trong tâm hồn bà đã thu hút tôi đến với bà. Rốt cuộc, chúng ta không phải là con của cùng một Cha sao ?»

Người phụ nữ nói thêm : «Tôi không có gì để lại cho bà ngoài đứa con gái nhỏ, vì tôi chỉ quan tâm đến nó ; hãy nhận lấy nó và biến nó thành một người phụ nữ như bà».

Carie đưa đứa trẻ về sau khi người mẹ qua đời, và trong nhiều năm, Mây Quý trở thành một thành viên trong gia đình. Sau vài tháng, Carie gửi cô bé vào một trường nội trú Trung Quốc, nơi cô được giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ, giữa những người cùng chủng tộc, vì Carie không muốn tách cô khỏi cội nguồn, điều mà bà cho là sự cô đơn tồi tệ nhất.

Bà đề cô mặc trang phục Trung Quốc, nhưng không bó chân. Mây Quý cảm thấy hơi xấu hổ vì sự khác biệt này giữa các bạn đồng trang lứa, nhưng Carie cố gắng thêu cho cô những đôi giày nhỏ xinh đẹp và thanh lịch, để cho cô thấy rằng đôi chân tự nhiên không hề xấu xí.

Khi cô gái tròn mười bảy tuổi và hoàn thành việc học, Carie, theo phong tục địa phương, đã đính hôn cô với một thanh niên Trung Quốc có học thức mà bà biết là đáng hoàng. Khác thường, bà muốn đảm bảo sự đồng ý của Mây Quý và cho phép hai người trẻ gặp nhau trong phòng khách của bà - một điều chưa từng nghe thấy trước đây. Mây Quý xinh đẹp và dịu dàng, chàng trai đứng đắn và khôi ngô, và họ thích nhau ngay từ đầu.

Carie nghiên cứu kỹ tính cách của họ, thích thú với vai trò mới mẻ này của một người mai mối, và tin rằng họ sẽ hạnh phúc bên nhau. Và quả thực, sau đám cưới theo phong tục Trung Quốc, họ đã sống hạnh phúc. Mây Quý gọi Carie là mẹ, và sau này, với trái tim rộng lớn và hào phóng, bà cũng nhận những đứa con của cô con gái Trung Quốc làm cháu, chúng coi bà như một người bà thực sự.

Carie có lẽ đã nhận nuôi nhiều đứa trẻ Trung Quốc nếu bà có thể. Đôi khi có những trường hợp bi thảm. Một ngày nọ, một người đàn ông bước vào nhà nguyện khi Carie đang trò chuyện với những phụ nữ bản xứ; ông ta bỗng một thân hình lớn với những chi thể buông thõng, đặt xuống dưới chân bà, trên nền gạch.

«Đây là con trai của chúng tôi, ông ta nói một cách khắc nghiệt, như bà thấy đấy, nó chỉ còn chờ chết. Tuy nhiên, nếu bà muốn nhận nó, điều đó sẽ giúp chúng tôi không phải giết nó. Dù sao, nó cũng là một đứa con trai».

Carie nhìn sinh linh tội nghiệp, một kẻ đàn độn, hoàn toàn vô dụng. Dù thương cảm, Carie không thể nghĩ đến việc nhận nuôi nó. Bà buồn bã lắc đầu và cố gắng giải thích với người đàn ông rằng ông phải có trách nhiệm, ngay cả với một đứa trẻ như vậy. Nhưng không

nói thêm lời nào, người đàn ông nhặt lên thân hình dài vô dụng và bước ra khỏi nhà nguyện. Carie nhớ mãi sự việc này cho đến cuối đời ; bà nói, day dứt : «Tôi tự hỏi liệu mình có nên nhận lấy sinh linh tội nghiệp đó không. Dù bằng cách nào, tôi cũng sẽ cố gắng xoay xở».

Trong thời kỳ trưởng thành, Carie sống một cuộc đời năng động, và do đó hạnh phúc, mặc dù sự sôi nổi ngày xưa, vẻ trẻ trung trong ánh mắt và cử chỉ, đã chuyển thành một thái độ bình tĩnh và thanh thản. Bà đã trải qua quá nhiều điều không thể hiểu nổi mà phải chấp nhận, đồng thời gửi gắm những câu hỏi khẩn thiết của mình lên Chúa. Những lúc vui vẻ của bà trở nên hiếm hoi, nhưng thỉnh thoảng vẫn có, và hai đứa trẻ háo hức chờ đợi những giờ phút đó, đẹp nhất trong đời chúng. Một không khí bí ẩn, một luồng sinh khí vui tươi làm ánh mắt nâu vàng của Carie lấp lánh, và bà tỏa ra một thứ ánh sáng rực rỡ. Những đứa trẻ nín thở vì sau khi nhìn thấy vẻ mặt tươi sáng và vui tươi của mẹ, chúng mong đợi một trò đùa, một bài hát ngộ nghĩnh hoặc một câu nói dí dỏm. Carie có tài ứng tác những vần thơ dễ dàng, và để giải trí, bà thường ngẫu hứng những câu thơ tình nghịch.

Những đứa trẻ reo lên vì vui sướng, nhưng Andrew cảm thấy khó chịu khi nghe những điều kỳ quặc này.

Ông giơ tay lên phản đối, đầu tiên nhẹ nhàng, sau đó rất bức bối: «Carie... Carie... làm ơn !» ông nói với giọng van xin.

Điều này chỉ khiến Carie thêm hứng khởi, bà tuôn ra những vần thơ ngày càng sáng tạo và chỉ dừng lại khi thấy chồng mình thực sự khó chịu. Đôi khi, khi bà trở về nhà, với giọng điệu khoa trương của một người tốt bụng nhưng hơi ngốc nghếch mà bà vừa chia tay. Điều này khiến Andrew vô cùng bất bình, nhưng lại làm các cô con gái nhỏ thích thú, vì chúng thừa hưởng khiếu hài hước sắc sảo và óc khôi hài từ mẹ. Bà bắt chước mọi người đến mức hóa thân thành họ, mang cả biểu cảm của họ. Nhưng Carie không bao giờ để niềm vui này vượt quá giới hạn. Thường xuyên, khi các con gái vỗ tay reo hò, bà đột ngột dừng lại, ánh mắt thoáng âu lo, rồi nói với vẻ nghiêm trang : «Mẹ thật không tốt khi chế nhạo một người tử tế như anh Jones - người anh em tốt bụng ấy. Các con, đừng bắt chước người mẹ xấu xa này».

Đó là cuộc giằng co dai dẳng giữa bản chất mạnh mẽ, phong phú của bà và những áp đặt của đạo Tin Lành khắc nghiệt lên lương tâm nhạy cảm của bà. Bà không ngừng vật lộn để trở nên «tốt đẹp» như mong muốn, đạt được sự tách biệt như Andrew - liệu đó có phải là ích

kỷ? - và sự hòa hợp thần bí của ông với Chúa.

Nhưng Carie không bao giờ có được bình yên thực sự. Năm 1900, cuộc nổi dậy của Nghĩa Hòa Đoàn bùng nổ ở Trung Quốc. Trong nỗ lực tuyệt vọng duy trì đế chế già cỗi, Hoàng thái hậu quyết tâm thanh trừng ngoại bang. Cách làm rất đơn giản : tàn sát những kẻ đang có mặt và ngăn cản kẻ khác xâm nhập.

Chiếu chỉ được bí mật truyền đi khắp các tỉnh. Mùa hè đó, tin tức về những vụ thảm sát người da trắng rải rác khiến mọi người kinh hoàng. Carie run lên, quyết tâm bảo vệ hai đứa con còn lại. Bà lo lắng chờ đợi quyết định của Tổng đốc tỉnh.

Tổng đốc Giang Tô nổi tiếng thông minh. Ông nhìn ra sự điên rồ trong chiếu chỉ. Hoàng thái hậu chỉ là một phụ nữ hẹp hòi, quē mùa và thiên cận. Tổng đốc đáp lại kỳ vọng của mọi người ; ông từ chối tuân lệnh, không những không ra lệnh tàn sát người da trắng trong tỉnh, mà còn ký hiệp ước với các lãnh sự ngoại quốc, cam kết rằng nếu họ không điều tàu chiến đến vùng biển của ông, ông sẽ bảo vệ người da trắng.

Điều này nghe có vẻ an tâm, nhưng mọi người vẫn lo lắng vì khó đoán được ông sẽ giữ lời bao lâu. Biết đâu, đó chỉ là cái bẫy để dễ dàng tàn sát những kẻ không có

khả năng tự vệ. Andrew và Carie bàn bạc kỹ với những người bạn Trung Quốc. Andrew muốn ở lại, phó mặc cho Chúa. Nhưng Carie nhớ rằng, bốn lần trước, niềm tin vào Chúa đã không cứu được con bà. Cuối cùng, họ quyết định chờ đợi và sống qua ngày.

Andrew thuê một chiếc thuyền của một lão người Hoa theo đạo Cơ Đốc ; ông yêu cầu người này neo thuyền gần cuối con đường dẫn ra sông. Carie thì tìm được một lối mòn kín đặng sau nhà, xuyên qua rặng tre và đầm lầy trong thung lũng, dẫn thẳng đến thành phố. Bà và Wang Amah sẵn sàng chạy xuống đó cùng bọn trẻ bất cứ lúc nào.

Suốt mùa hè kinh hoàng đó, ngày đêm, họ chờ đợi hiểm nguy.

Một giỏ đồ ăn nhỏ cho con gái đã được chuẩn bị sẵn, mỗi người có một gói quần áo và giày dép dự phòng. Carie cất những thứ quý giá vào một chiếc hộp : chút bạc của ông nội, chuỗi ngọc tím đính bạc, vài cuốn sách của mẹ bà - rồi cùng người giúp việc chôn hộp xuống đất trong hầm.

Bà cố gắng che chở cho con khỏi nỗi sợ hãi đang rình rập; bà không muốn chúng bị bóng tối của vùng đất này làm vẩn đục niềm vui. Bà luôn cố gắng cho chúng một

tuổi thơ bình thường và hạnh phúc, như thể chúng đang sống ở quê nhà. Vì vậy, cả mùa hè, chúng vui chơi, buổi sáng bận rộn với những hoạt động Carie sắp xếp trong khi bà lo việc nhà. Bà cũng chơi cùng các con gái, những ký ức về tình bạn ấy vẫn còn mãi. Carie có nhiều thời gian rảnh hơn, vì khách thăm thưa dần. Mọi người sợ hãi những gì có thể xảy ra ; Hoàng thái hậu thù địch với người ngoại quốc, và không ai muốn bị thấy đi cùng người Mỹ.

Một số tín đồ trung thành vẫn lui tới ; Carie trân trọng họ. Bà yêu lòng dũng cảm, dưới mọi hình thức. Bà chỉ nói đơn giản rằng họ phải kiên định, giữ vững đức tin trong cơn bất bớ, như những người đi trước đã làm. Bản thân bà cũng sẽ có đủ nghị lực. Tổ tiên tiên phong của bà đã truyền lại sự bình tĩnh, sức mạnh trước nghịch cảnh, và sự vô úy. Bà luôn dũng cảm đối mặt với thử thách.

Vị lãnh sự Mỹ ở cảng tin rằng có âm mưu phản bội, nên nhắn Andrew theo dõi lá cờ lãnh sự có thể nhìn thấy từ hiên nhà. Nếu nguy hiểm cận kề, ông sẽ bắn đại bác và hạ cờ ba lần. Đó là tín hiệu. Họ phải lập tức rời nhà, xuống bến sông và lên tàu hơi nước đang chờ sẵn. Tất cả người da trắng khác đã rời đi.

Carie cảm thấy bị chia cắt, và bà đau khổ vì điều đó. Một mặt, bà có các con và bản năng mách bảo phải đưa chúng tránh xa hiểm nguy ; mặt khác, những tín đồ Trung Quốc, những người bạn thực sự, đang hoảng loạn. Họ bị cô lập về tinh thần và không biết tương lai ra sao. Một lần nữa, Carie cảm thấy tiếng gọi từ lòng trắc ẩn.

Cuối cùng, họ thống nhất rằng khi tín hiệu vang lên, Carie sẽ một mình đưa Wang Amah và các con đi, để Andrew ở lại động viên tín đồ. Carie đồng ý, nhưng có lẽ trong lòng bà nuôi tiếc khi nghĩ rằng chồng mình cao thượng hơn, ít bùng bột và nhiệt thành thái quá trong việc thể hiện lòng tốt. Những tuần lễ sống dưới hiểm nguy đã khiến Carie trở nên trầm lắng. Bà nhận ra rằng, bất chấp nỗi đau, bản chất bà vẫn nổi loạn, và Chúa của bà vẫn xa vời. Bà trở nên khiêm nhường, lạnh lẽ, tự hỏi làm sao dẫn dắt người khác đến với Ngài khi chính bà chưa tìm thấy Ngài.

Vì thế, Carie khiêm tốn bước xuống bến sông vào một buổi chiều ẩm ướt tháng Tám khi tín hiệu vang lên. Bà đưa các con gái và Wang Amah đi theo, vội vã băng qua những con đường vắng dẫn đến tàu hơi nước. Andrew đi cùng. Carie lên tàu, ngoảnh lại nhìn chồng. Chưa bao giờ cô dành cho ông sự kính trọng đến thế.

Ông trông thật cô độc, người đàn ông cao lớn, da trắng, đội mũ, đứng trên bến, giữa đám người bản xứ nhỏ bé, nâu sạm. Liệu bà có gặp lại ông ?

Tám tháng trôi qua. Andrew vẫn ở lại vị trí, còn Carie cùng hai con gái sống trong một căn phòng nhỏ tại nhà trọ ở Thượng Hải. Bà duy trì việc học hành đều đặn cho các con mỗi ngày, sau đó giờ giải lao trôi qua trong một khu vườn hẹp ven sông Hoàng Phố. Những đứa trẻ chơi đùa ở đó, tận hưởng bầu không khí trong lành hiếm hoi giữa thành phố ngột ngạt. Những con tàu lớn, thuyền buồm và thuyền tam bản qua lại là thú tiêu khiển chính. Đôi khi, một chiếc tàu viễn dương lướt qua bến cảng, uy nghi. Đó là niềm vui lớn. Carie gọi các con lại và chỉ cho chúng xem. Một con tàu đến thẳng từ Mỹ ! – quê hương của họ ! Wang Amah nhìn chăm chăm, lũ trẻ cũng đưa mắt theo, mơ mộng. Không đứa nào trong số chúng từng biết đến nước Mỹ. Cho đến lúc này, chúng tưởng tượng về nó qua những hình ảnh tuyệt đẹp : hoa táo hồng dưới bầu trời xanh, những chùm nho tím mẫm có thể hái và ăn ngay mà không cần rửa, những quả táo rơi đầy dưới đất, những chú ngựa để cưỡi, những đồng cỏ để chạy nhảy, và đường cây phong chảy ra từ những thân cây khổng lồ, nhuộm vàng vào mùa thu. Tất cả những điều đó, và nhiều hơn nữa, đại diện cho quê hương trong mắt chúng. Những ngày có tàu qua, chúng

tạm gác trò chơi và hỏi Carie hàng nghìn câu hỏi. Khi trở về nhà trọ, căn phòng nhỏ của chúng như rộng thêm nhờ những câu chuyện và giấc mơ về vùng đất rộng lớn thuộc về chúng.

Mười tháng trôi qua, một cuộc viễn chinh của các nước phương Tây vào Trung Quốc đã khôi phục an ninh, cho phép gia đình trở về ngôi nhà vuông trên đỉnh đồi. Một ngày hạnh phúc khi cả nhà đoàn tụ. Ngôi nhà và khu vườn không bị xáo trộn, dù chiếc hộp đựng báu vật của Carie đã bị đánh cắp, có lẽ bởi người giúp việc đã chôn giấu nó. Carie đầu tiên bừng bừng phẫn nộ, nhưng sau đó, như thường lệ, bà thấy thương cảm. «Kể khốn khổ nghĩ rằng món đồ sẽ bị tịch thu nên đã lấy nó để hưởng lợi», bà nói.

Thái độ của Carie trước lỗi lầm của người khác rất đặc trưng. Ban đầu, bà phẫn nộ, thậm chí càng nghĩ càng tức giận, nhưng với tấm lòng rộng lượng, bà hiểu được động cơ của người phạm lỗi. Bà nhanh chóng nhận ra khi bị lừa. Tôi nhớ một sự việc nhỏ : một ngày mùa đông, khi Andrew vắng nhà, một phụ tá đến đòi lương. Carie muốn thanh toán cho anh ta. Bà lên lấy số tiền bằng đô la từ chiếc két sắt nhỏ của mình và đưa cho người đó. Bà phải rời đi một lát vì con gái gọi. Khi quay lại, người đàn ông nói : «Thưa bà, bà có thể đổi cho tôi

một đồng đô la không ? Nó là giả».

Anh ta đưa ra một đồng xu làm bằng chì. Carie nhanh tay cầm lấy và sờ thử. Nó nóng hổi, trong khi số tiền bà vừa lấy từ phòng lạnh vẫn còn lạnh buốt. Đồng xu này đã hấp thụ hơi ấm từ cơ thể người.

«Anh nhầm rồi, bà bình tĩnh nói, đồng này anh đã giấu sẵn trên người».

Cô nhìn chăm chăm vào người Trung Quốc, rồi tiếp tục với vẻ mặt đầy thương cảm và giọng buồn bã :

«Bạn ơi, có đáng vì một đồng đô la mà đánh mất sự trung thực của mình không ?»

Người đàn ông cúi mặt bỏ đi không nói lời nào, nhưng Carie cảm thấy đau lòng vì đã từng tin tưởng vào sự ngay thẳng của anh ta.

Tôi đang vội đến mùa đông, vì mùa thu mang đến thử thách. Hàng năm vào mùa này, dịch tả hoành hành, và Carie sống trong nỗi sợ hãi cho đến khi dịch kết thúc. Bà cẩn thận kiểm soát việc nấu ăn và đun sôi nước. Dịch tả thời đó chưa có cách chữa, tiến triển nhanh đến mức cái chết thường đến trước khi kịp thử bất kỳ biện pháp nào. Năm đó, Wang Amah đột ngột lên cơn vào một đêm và không muốn đánh thức bà chủ.

Carie nghe thấy tiếng rên rỉ và nôn mửa của người giúp việc, vì bà vốn ngủ nhẹ và đã học được cách «ngủ một nửa» ở vùng đất đầy bất ngờ này. Bà lập tức thức dậy, chân trần như thói quen ban đêm - dù biết nguy hiểm từ rét, bà quá vội để xỏ dép - và bước vào phòng Wang Amah. Bà kinh hãi khi thấy Wang Amah đang rơi vào hôn mê. Carie phản kháng ; bà không chấp nhận để Wang Amah chết. Bà chạy xuống bếp, nhóm lửa lớn và đun nước tắm. Bà đổ nước ấm pha rượu whisky xuống họng Wang Amah, xoa bóp tay chân và dùng các loại thuốc có sẵn để chữa trị. Khi nước tắm sẵn sàng, Carie nhúng Wang Amah vào, chỉ để đầu nổi lên. Bà đổ sữa pha nước vào miệng Wang Amah, xoa cổ để ép bà ấy nuốt. Cách điều trị quyết liệt này giúp Wang Amah tỉnh lại. Đến bình minh, bà ấy vẫn rất yếu nhưng còn sống.

Carie gọi Andrew, vì trước đó bà quá vội nên chưa kịp đánh thức ai. Bà ngăn chồng lại vì sợ lây nhiễm, dặn dò ông chăm sóc các con và cố gắng thực tế hơn :

«Sáng nay anh đừng cầu nguyện nữa, Andrew, bà van nài. Bọn trẻ sẽ nghịch ngợm hết mức trước bữa sáng». Andrew nhìn bà với ánh mắt trách móc, nhưng suốt cả tuần, ông cố gắng làm theo chỉ dẫn Carie hét từ cuối vườn, nơi bà chăm sóc Wang Amah trong căn phòng nhỏ vốn dùng để chứa dụng cụ làm vườn. Sau một tuần,

họ có thể khử trùng và đưa Wang Amah về phòng. Carie đoàn tụ với các con. Mỗi quan hệ giữa hai người phụ nữ càng khăng khít. Wang Amah không bao giờ quên sự hy sinh của Carie, người đã rời xa các con và liều mạng để cứu bà ấy. Bà ấy hỏi Carie với sự ngạc nhiên : «Bà là ai? Phải có trái tim thép nào mới dám hi sinh mạng sống vì một kẻ tầm thường như tôi, chẳng ai thèm nhìn lần thứ hai ?»

Carie luôn bối rối khi nhận được sự tôn sùng, và lần này bà thú nhận với Andrew một cách khiêm tốn : nếu kịp suy nghĩ, bà đã không làm điều tốt đó, nhưng cơn giận bất ngờ trước ý nghĩ dịch bệnh kinh tởm sẽ cướp đi Wang Amah đã khiến bà hành động. Cơn giận là tiếng gọi chiến đấu của bà. Carie nói với Andrew, với chút lo lắng vì bà luôn hành động mà không nghĩ đến Chúa :

«Em sợ mình đã cứu Wang Amah không phải nhân danh Chúa.

- Nếu em chỉ có thể nghĩ đến Ngài và cầu khẩn Ngài, Andrew đáp, lo lắng cho sự cứu rỗi của vợ.

- Nhưng Andy à, bà nghiêm túc nói, khi ai đó sắp chết, người ta vội vàng cứu họ chứ không hỏi tại sao».

Một khoảng cách lớn ngăn cách hai con người này, và họ nhìn nhau mà không hiểu. Andrew không làm gì mà không nghĩ đến Chúa, trong khi Carie thấy cuộc sống đã đủ phong phú để thỏa mãn.

Vào khoảng thời gian đó, người ta bắt đầu nhắc đến Kuling. Carie đã thốt lên một lần nữa sau trận ốm của Wang Amah : «Mỗi mùa hè lại xảy ra một chuyện khủng khiếp. Giá như chúng ta có thể rời khỏi cái nóng kinh hoàng của thung lũng Dương Tử một thời gian, tôi sẽ không còn lo sợ cho các con gái của mình đến thế».

Nhiều gia đình da trắng sống rải rác dọc thung lũng cũng chia sẻ nỗi lo của Carie về con cái họ. Một người Anh đi săn trên núi Lư đã phát hiện ra nơi trú ẩn mát mẻ, một loạt thung lũng nhỏ xinh đẹp nằm trên đỉnh núi cao. Suốt mùa hè, không khí ở đây trong lành, đặc biệt vào lúc bình minh và hoàng hôn, nhờ những dòng suối và làn sương mát lạnh. Người Anh lan truyền tin tức về khám phá này, và một nhóm người đã cùng nhau thuê đất, xây những ngôi nhà nhỏ bằng đá sẫm có trong thung lũng.

Carie thúc chồng đến thăm nơi này. Khi trở về, ông nói : «Tôi chưa từng thấy nơi nào giống quê nhà đến thế.» Thế là đủ. Với số tiền ít ỏi họ có - và tôi tin rằng Carie đã phải vay mượn từ cuốn Tân Ước của cha chúng

tôi - họ mua một mảnh đất. Mùa hè sau, Carie và các con gái lên thuyền đi ngược dòng sông đến thị trấn gần núi nhất, rồi tiếp tục hành trình dài cả ngày bằng kiệu qua những cánh đồng lúa, đồi tre trập trùng, và cuối cùng bắt đầu leo lên núi cao.

Dưới chân núi, thời tiết nóng ẩm và ngột ngạt. Nhưng khi những người khiêng kiệu bước đều đặn lên sườn núi, một làn gió mát dịu lan tỏa. Carie bỗng tràn đầy sức sống, bà cảm thấy như đang hít thở không khí trên đỉnh núi Tây Virginia. Lần đầu tiên kể từ khi rời quê hương, bà lại được tận hưởng hương vị ấy. Họ leo suốt hai giờ trên con dốc dựng đứng, men theo lối mòn quanh co. Dưới chân núi, những dòng suối từ đỉnh cao đổ xuống thành thác bạc, hoặc lặng yên trong những hồ nước xanh thẳm.

Carie chưa từng thấy những loài hoa như thế, ngay cả ở Mỹ. Hoa núi ở đây to lớn và rực rỡ : những bông huệ tigré đỏ lốm đốm, những đoá dạ yến thảo trắng khổng lồ điểm gân tím, những dương xỉ mảnh mai phủ khắp nơi. Thỉnh thoảng, một dây leo bung ra từ thân cây, rụng những bông hoa hình sao tỏa hương thơm ngát. Rồi đột nhiên, trong thinh không, vang lên tiếng chim trong trẻo, ngân nga đầy hoang dã.

Carie không ngờ một vùng đất đông đúc như Trung Quốc, nơi bà từng than thở «chứa quá nhiều người sống và kẻ chết», lại có cảnh sắc hùng vĩ đến thế. Bà tựa lưng vào kiệu, say sưa ngắm những dải sương trắng lấp lánh quanh đỉnh núi phía xa. Họ tiếp tục leo lên, tưởng như con đường sẽ dẫn thẳng lên trời, cho đến khi một khúc cua khuất đưa họ vào hẻm núi hẹp, nơi gió cao nguyên ùa vào mát lạnh như nước suối.

Những người phu đặt kiệu xuống, để làn gió mát thổi vào lưng trần đầm mồ hôi, rồi cất tiếng hú chào mừng lạnh lạnh : «Da la-la-la-la hoo-oo!» tiếng vọng nhảy từ đỉnh này sang đỉnh khác. Carie suýt nữa đã hòa cùng tiếng reo vui ấy, đáp lại tiếng núi bằng chất giọng phóng khoáng tương tự.

Sau đó là đoạn leo dốc ngắn nhưng dốc đứng lên thung lũng hình chén úp giữa trời. Trên một sườn núi là ngôi nhà ba phòng Andrew đã xây.

Khó ai hình dung được ngôi nhà cùng thung lũng, vẻ đẹp thiên nhiên và không khí mát lạnh đã mang lại cho Carie sự an ủi lớn lao thế nào. Những đêm ngủ ngon không oi bức, hít thở không khí trong lành, uống nước suối tinh khiết không cần đun sôi, hai tháng không lo dịch bệnh, nhìn lũ trẻ hồng hào khỏe mạnh thay vì xanh xao vì sốt xuất huyết - tất cả khiến lòng bà tràn ngập

biết ơn. Đôi khi bà cất lời cầu nguyện cùng các con, những lời tự đáy lòng hơn là nghi thức môi mép.

Carie thường dẫn các con thám hiểm núi rừng, dã ngoại bất cứ đâu nào hứng. Bà thích ăn ngoài trời không kém lũ trẻ, và khi Andrew vắng nhà, bà vui vẻ đề nghị: «Mang đĩa ra ngoài ăn thôi !»

Họ ngồi trên bậc thềm hoặc sườn núi, vừa ăn vừa ngắm mặt trời khuất sau đỉnh núi đột ngột như thường thấy ở vùng cao. Nhưng Andrew không ưa những bữa ăn bất chợt thiếu tiện nghi như thế, hay bất kỳ thay đổi nào với nếp sinh hoạt của ông. Khi có mặt, cả nhà phải ngồi vào bàn ăn đúng giờ với lời cầu nguyện trước bữa, Carie chỉ còn cách kê ghế đối diện cửa mở để thỏa chút thích thú.

Andrew thi thoảng cũng lên núi nghỉ ngơi ngắn ngày, nhưng ông không mấy khó chịu vì nóng. Càng về già, ông càng khô héo nhưng cũng càng dẻo dai. Ông không cảm nhận nỗi khổ của người khác như vợ mình. Âm nhạc, thơ ca chẳng lay động ông ; vẻ đẹp thiên nhiên hiếm khi khiến ông rung động, còn tiếng kêu đau khổ của nhân loại trong mắt ông thường chỉ là sự phản kháng của kẻ tội lỗi trước hình phạt công bằng của Chúa.

Sự khác biệt giữa hai vợ chồng ngày càng rõ rệt. Carie không muốn thừa nhận bất hòa, nhưng vô thức bộc lộ qua vô số chi tiết nhỏ khiến Andrew kiên nhẫn chịu đựng như một thử thách Chúa gửi. Sự nhẫn nhục này càng khiến Carie bứt rứt vì cảm thấy mình không tốt bằng chồng.

Căng thẳng giữa họ chưa thực sự bộc phát khi Carie còn cảm thấy mình cần thiết cho các con. Chưa từng có người mẹ nào dịu dàng, tràn đầy tình yêu thương như bà, với những câu chuyện vui và bài hát nhỏ xua tan nước mắt trẻ thơ, nhưng, dù có những lúc bất chợt nghịch ngợm, bà luôn sẵn sàng đôi tay chăm sóc ân cần nhất và biết cách thức canh giấc với sự bình tĩnh cùng tinh thần tỉnh táo khi cần thiết. Chưa bao giờ bà là một người mẹ hoàn hảo hơn trong những mùa hè trên núi, khi bà có thể dành trọn thời gian cho các con. Bà dẫn chúng đi khắp nơi để khám phá vẻ đẹp thiên nhiên, dạy chúng yêu những vách đá cùng những tảng đá sắc nhọn in bóng lên nền trời, hay những hốc nhỏ nơi dương xỉ và rêu phong quây quần quanh vũng nước. Bà mang chút vẻ đẹp ấy về nhà, lấp đầy các phòng bằng dương xỉ và hoa lá.

Tôi tin rằng hành trình tìm kiếm Chúa của bà, điều bà chưa từng từ bỏ, dường như dễ dàng hơn khi đứng trên đỉnh núi, bởi Chúa có vẻ gần gũi khi ta không thấy nỗi đau nhân loại. Rồi sẽ đến ngày bà cảm nhận được sự hiện diện của Ngài giữa vẻ đẹp tuyệt vời khiến con người trở nên nhân hậu và kiên nhẫn. Sáng Chủ nhật, bà đến nhà thờ nhỏ bằng đá được xây khi cộng đồng mở rộng, và tiếng chuông trong vang gọi mọi người đến giảng đạo mang lại cho bà niềm vui thực sự. Tôi nghĩ bà chưa bao giờ nghe tiếng chuông ấy mà không nghĩ về quê hương bên kia đại dương, và chính vì nhớ quê nhà mà bà đáp lại lời gọi ấy, cất tiếng hát và tôn thờ, ngay cả khi không hiểu hết. Với bản tính và giáo dục của mình, bà luôn cảm thấy cần hướng về điều gì đó cao cả hơn trong hạnh phúc, để tâm trí bà có thể tìm thấy và dâng lời cảm tạ vào những giờ phút đẹp đời. Bà là người mà niềm vui và bình yên làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp nhất, nhưng nỗi đau quá lớn lại khiến bà hoảng loạn và phản kháng.

Cứ thế, chín năm trôi qua, lúc nhanh lúc chậm, và một lần nữa, Andrew cùng gia đình có thể, nếu muốn, dành một năm nghỉ phép tại quê nhà.

Họ chuẩn bị vào tháng Sáu, cho thuê ngôi nhà trên núi lại cho bạn bè, rồi xuống bờ biển và đặt chân lên Thái Bình Dương. Edwin đã trưởng thành trong những năm qua - những năm dài đằng đẵng với người mẹ, nếu đo bằng nỗi lo âu triền miên, những nỗi sợ và đêm trắng. Edwin tốt nghiệp đại học và chuẩn bị vào trường luật. Gia đình họ sẽ không ở trong ngôi nhà trắng lớn mà đến thành phố nơi Edwin học đại học, Lexington, một thị trấn cổ ở Virginia, ngập tràn ký ức lịch sử và không khí xưa cũ. Carie vui mừng, hy vọng thôi vào tâm hồn các con gái tình yêu quê hương mà chúng chưa từng biết.

Nhưng trước hết, họ phải vượt đại dương. Carie say sóng dữ dội hơn bao giờ hết và nôn nóng đặt chân lên đất liền khi đến San Francisco. Bà chỉ cho các con gái nhỏ từng thứ một, dòng nước chảy, điện khí, những tòa nhà cao ngất, khiến chúng tròn mắt kinh ngạc, tự hào về những kỳ tích này vì đất nước sở hữu chúng là của chúng.

Nhưng một điều khiến chúng sốc là thấy người da trắng khiêng vác hành lý và xếp đồ lên xe tải. Consolation, kinh hãi, hỏi :

«Ở đây ngay cả phu kéo xe cũng là người da trắng sao ?»

Carie bật cười : «Ở đây không có phu kéo xe, đó là lý do mọi người hạnh phúc. Ai cũng làm việc và không ai thấy xấu hổ khi dùng đôi tay của mình.»

Những câu hỏi này khiến bà suy nghĩ ; bà lo rằng các con mình đã vô tình bị ảnh hưởng bởi phương Đông. Bà quyết định dạy con gái lớn nấu ăn, may vá và quản gia trong năm nay. Bà tin rằng việc nhà ngăn sự bất mãn nảy mầm.

«Mọi phụ nữ đều nên biết quản gia, nhào bột, nấu ăn và may vá, bà nói, kể cả khi họ có nhiều người giúp việc». Về sau, khi Consolation tỏ ra khó chịu với lý thuyết này, Carie bảo : «Đến lúc nào đó con sẽ phải làm, và hơn nữa, chúng ta là người Mỹ, chúng ta làm việc».

Đó là câu nói cuối cùng, thể hiện truyền thống của dòng tộc ; bà giữ nguyên vẹn điều đó vì trong cơ thể mạnh mẽ không biết sợ hãi của bà, không có một giọt máu lười biếng.

Chuyến đi xuyên nước Mỹ bằng tàu hỏa luôn là niềm vui của Carie, một cách tái khẳng định quyền sở hữu. Bà thấy đất nước trải dài trước mắt, ngắm núi non, cánh đồng và đồng bằng ; bà nhìn ánh đèn thấp lên trong những ngôi nhà nhỏ buổi tối ; bà hòa mình vào nhịp

sống sôi động của phố xá, làng mạc và thành thị, tận hưởng như một bản giao hưởng. Ngồi bên cửa sổ toa tàu, đôi mắt lấp lánh, bà say sưa ngắm khung cảnh luôn biến đổi. Bà ghi nhận mọi sự phát triển, dù là nhỏ nhất; mỗi dấu hiệu thịnh vượng đều khiến bà vui mừng và chỉ cho các con.

Nhưng lần này, bà chỉ nhìn nước Mỹ qua Edwin, đứa con trai đã trưởng thành.

Đây rồi ngôi làng quen thuộc, hàng rào trắng, cây phong lớn, ngôi nhà rộng rãi mãi mãi là tổ ấm thực sự. Và đây là cha bà, dáng người gầy, thẳng tắp như thời trai trẻ, mái tóc bạc cùng bộ trang phục chỉnh chu, áo sơ mi không một vết nhăn và bộ đồ đen. Phải chăng Hermanus không chịu già đi vì lòng kiêu hãnh ? - Còn mái đầu bạc kia, dáng lưng còng, có thật là Cornélius, vây quanh bởi những cô con gái đã ra dáng thiếu nữ ? Chàng trai vai vuông, má hồng kia hẳn là con trai ông, còn người phụ nữ đứng đắn kia chính là cô vợ trẻ ngày nào. Chín năm đã trôi qua, và khi Carie nhìn mình trong gương căn phòng cũ, bà thấy hai bên thái dương điểm bạc, làn da không còn vẻ rạng rỡ như xưa.

Các chị em gái của Carie đều đã có nhà riêng, và ngôi nhà vắng bóng họ nơi ngưỡng cửa trở nên xa lạ. Nhưng đứng đó, e dè và lặng lẽ, là một chàng trai cao

ráo, đáng vẻ trầm tư. Có phải Edwin không ? Khi người mẹ muốn ôm cổ con, cậu phải cúi xuống vì đã cao lớn hơn nhiều. Cậu đeo kính một tròng, cổ áo cao, trông già hơn tuổi hai mươi mốt. Bà đẩy con ra xa để ngắm kỹ. Bà thấy trong ánh mắt cậu sự dịu dàng, chân thành và thông minh, dù có chút mơ màng. Carie sẽ phải khám phá điều gì ẩn sau đôi mắt nghiêm túc ấy, vì bà nhận rõ cậu bé con ngày xưa không còn nữa.

Carie vui sướng dẫn các con gái nhỏ đi khắp trang trại và làng quê, chỉ cho chúng từng góc nhỏ trong ký ức và gặp lại bạn bè cũ. Những mái nhà yên bình này với bà chứa đựng linh hồn của quê hương. Chủ nhật, bà lại háo hức đến nhà thờ, nghe tiếng chuông nhỏ mà bà chưa từng quên. Hermanus, dù đã cao tuổi, vẫn dẫn đầu gia đình như xưa, bước đi trước hàng dài người theo sau dọc con phố làng. Giờ đây, Carie, Andrew và ba đứa con cùng tham gia nghi thức mà bà yêu thích. Trong nhà thờ, người anh của Andrew vẫn tiếp tục giảng đạo, với mái tóc bạc trắng và vẻ ngoài mong manh. Ông chưa bao giờ hoàn toàn hồi phục sau những khổ cực phải chịu đựng trong thời nội chiến, và vết thương cũ ở hông thỉnh thoảng lại tái phát. Nhưng ông vẫn có thể tiếp tục những bài giảng bình dị, không chút phù phiếm, chỉ tập trung vào các vấn đề giáo lý. Và Carie, khi nghe giọng nói ấy, cảm thấy tâm hồn mình được an ủi.

Ôi ! Làm sao bà có thể rời nước Mỹ được chứ ?

Đó là một mùa hè hạnh phúc khi Carie vui vẻ trở lại với những công việc ngày xưa : đánh bọ, giặt giũ dưới tán cây, ủi quần áo trong căn phòng phụ mát mẻ, làm mứt trái cây ; sau đó bà bắt đầu một chuyến thăm viếng các chị em và những người anh em đã lập gia đình. Có thể nào cô bé Greta ngày nào giờ đã trở thành một người mẹ gia đình với đôi mắt đen, rất đỗi chín chắn dù vẫn còn chút tinh nghịch, còn Luther, giờ là một thương nhân ôn định, giàu có với bốn đứa con ? - Kỳ nghỉ kết thúc, Andrew thuê một ngôi nhà ở Lexington, một dinh thự cũ kỹ lộn xộn, được trang bị đồ đạc sơ sài, nằm ở rìa thị trấn. Đây là lần đầu tiên Carie có một nơi an cư ở Mỹ. Ngôi nhà cũ được xây dựng trước chiến tranh, nhà bếp nằm tách biệt, vốn là khu vực dành cho nô lệ, và Carie phải đi qua một khu vườn rậm rạp để đến đó. Một người phụ nữ khác có lẽ sẽ phàn nàn, nhưng bà cảm thấy mình may mắn khi nhìn thấy phía sau khu vườn là sườn núi và rừng cây. Công việc trở nên dễ dàng nhờ bước chân nhanh nhẹn và những bài hát của bà, và so với những gì bà từng quen thuộc, nó thật nhẹ nhàng. Bà chỉ cần chăm sóc gia đình mình, nuôi dưỡng, chăm lo và vui đùa cùng họ. Bà không còn phải đối mặt với những đòi hỏi từ bên ngoài như ở Trung Quốc : tiếng gọi của bệnh tật, đau khổ, và sự nghèo đói của con

người, và Carie được nghỉ ngơi mà không phải gánh vác gánh nặng ấy.

Bà cũng không phải dạy dỗ con cái ; Consolation đi học một năm ; Edwin, đang học đại học, khiến bà vui mừng vì thành tích xuất sắc, còn Faith luôn bám lấy các chị em như một người bạn chơi. Buổi tối, cả nhà quây quần bên lò sưởi đá cũ ; Andrew nhóm lửa bằng củi, và họ ăn tối với sữa - từ một con bò"", Faith không quên nghiêm túc nhắc lại - cùng những chiếc bánh gừng lớn và trái cây mà ở Trung Quốc không có.

Những lúc ấy, Carie quan sát con trai mình ; bà cố gắng hiểu xem con đã trở thành người như thế nào và khôi phục lại mối liên kết khăng khít giữa hai mẹ con trước khi xa cách. Bà khao khát con có được tất cả những gì bà không có. Nhưng chính sự dịu dàng của bà khiến Edwin trở nên xa cách. Cậu có vẻ ngoan ngoãn, trung thành, và chắc chắn là tốt bụng, nhưng Carie cảm thấy con trai mình đang xa dần. Cuối cùng, bà miễn cưỡng từ bỏ và chờ đợi, buồn bã nhận ra tất cả những gì đã chia cắt bà với đứa con trai mà bà từng nghĩ vẫn là cậu bé ngày nào. Nhưng trong những năm tháng cô đơn, Edwin đã trưởng thành và không còn phụ thuộc vào bà nữa.

Có lẽ sự tự lập ấy đã giúp bà dễ dàng trở về phương Đông vào cuối năm, nơi vẫn còn bao người cần đến bà. Carie đã rời quê hương hai mươi hai năm. Nước Mỹ vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong trái tim bà như xưa, bà coi đó là vùng đất tươi đẹp nhất được Chúa ban phước. Nhưng chỗ đứng của bà giờ đã bị lấp đầy. Hai mươi năm, anh chị em bà đã học cách sống mà không có bà, dù họ vẫn dành cho bà nhiều tình cảm. Hai mươi năm, những cô con gái của Cornélius giờ đã là thiếu nữ sống trong căn phòng mà bà từng ở khi bằng tuổi họ : những chiếc váy dài với tay bông rủ xuống thay cho váy crinoline ngày trước, và trên tường, những bức ảnh thời đi học được treo trong một tấm lưới, theo một thời thượng, thay thế cho bức tranh Đức Mẹ nhỏ tối màu thời trẻ của bà. Cornélius và vợ đã sống trong căn phòng nơi mẹ ông qua đời từ nhiều năm, đến nỗi ngay cả Hermanus dường như cũng quên người đã yêu ông say đắm. Ở làng, ông bà Dunlop đã qua đời từ lâu, bạn học của Carie đã kết hôn và rời quê, chỉ còn ông già Neale Carter, vẫn độc thân, sống lặng lẽ với những người hầu da đen. Khi Carie gặp lại ông, một người to lớn, đỏ mặt, lảm bảm giữa những cơn buồn ngủ, bà cảm thấy câu chuyện tình có thể đã phát triển giữa họ giờ đã chấm dứt vĩnh viễn. Neale Carter không nhớ gì và chỉ nghĩ đến đồ ăn và những dự định của mình.

Carie đã rời nước Mỹ, và nước Mỹ đã quên bà ; nếu bà muốn định cư ở đó bây giờ, bà sẽ phải tự tạo một chỗ đứng mới.

Nhưng điều đó không xảy ra, vì ngay trước khi năm kết thúc, Andrew đã nóng lòng trở lại công việc. Ông đã mất cha mẹ ; ngôi nhà cũ đã được bán đi, và trái tim ông vẫn ở phương Đông, giữa những con người da vàng. Hơn nữa, ở Mỹ, ông cảm thấy mình thừa thãi giữa vô số nhà thờ và giáo sĩ tràn ngập khắp nơi, khiến ai muốn cũng có thể nghe lời Chúa và được «cứu rỗi». Vì vậy, ông nghĩ đến những người dân ở những vùng đất xa xôi không có ai hướng dẫn ; tiếng gọi của họ khiến ông không quan tâm đến điều gì khác ; và mùa hè năm sau, khi Edwin hoàn thành xuất sắc năm học đại học và nhận được vị trí hiệu trưởng, trở nên độc lập, gia đình ông chuẩn bị lên đường.

Carie cảm thấy một nỗi buồn sâu sắc khi phải chia tay con trai. Nếu nước Mỹ giữ chân cậu - và bà mong muốn điều đó - thì cậu sẽ mất đi đối với bà ; bà cảm nhận được điều này dù không thể giải thích rõ ràng. Nhưng Edwin đã trưởng thành và phải tự chọn cuộc đời mình. Liệu bà có thể trách cậu nếu cậu chọn quê hương mà bà đã dạy cậu yêu từ khi chào đời ? Chỉ có điều, sự lựa chọn này đồng nghĩa với việc bà phải sống lưu đày,

xa con trai. Có lẽ bà sẽ chỉ gặp lại cậu một hoặc hai lần trong suốt cuộc đời ? Carie rời nước Mỹ với đôi mắt đầm lệ hiếm hoi và trái tim tan nát. Sự chia ly với quê hương không chỉ là thể xác, mà còn là một sự đứt gãy tinh thần sẽ ngày càng sâu sắc, và bà ra đi như thể mình không còn tổ ấm nào nữa.

Carie trở về bên bờ sông, trong ngôi nhà nằm giữa những ngọn đồi, phía trên thị trấn nhỏ Trung Quốc tối tăm trải dài như bãi cạn bên bờ nước. Bà sắp xếp lại nhà cửa và khu vườn với một sự bình thản khiến người ta, vốn quen với tính cách sôi nổi của bà, cảm thấy như đó là sự chán nản. Tuổi tác bắt đầu in dấu lên bà. Bà vẫn giữ mái tóc dày, mềm và xoắn như một vương miện lỏng lẫ, nhưng chúng đã ngả màu trắng, và thân hình đầy đặn thời trung niên giờ trở nên gầy guộc.

Tôi tin rằng bà cảm thấy tuổi trẻ của mình đã xa lắm rồi, chỉ còn là ký ức. Nước Mỹ đã bỏ bà lại phía sau, lãng quên bà, bà không còn chỗ đứng nào ở đó. Phải sống ở quê hương, cùng quê hương, nếu muốn hoàn toàn thuộc về nó. Vì vậy, Carie vui mừng vì đã trao con trai mình cho tổ quốc. Còn bản thân bà, lần đầu tiên, bắt đầu sống cuộc đời của mình, mà không nhận ra rằng bà đang mang quê hương theo bà, thực sự là hiện thân của nó, đối với tất cả những người bà gặp.

Bà lại bắt đầu công việc nhân ái của mình đối với những người bản xứ và tạo ra, trong ngôi nhà của mình, một bầu không khí mà bà mong muốn bao bọc các con mình. Consolation đã lớn lên ; cô là một cô gái khá khó tính, bướng bỉnh và đầy đam mê. Cô giống Carie, điều mà Carie không nhận ra, và chỉ thấy phiền lòng khi nhận thấy ở cô sự nhạy cảm thái quá, một khả năng xúc động quá lớn, điều sẽ khiến cô phải chịu đau khổ sau này. Carie cố gắng dạy cô gái trẻ cách kiểm soát bản thân, dù chính bà chưa bao giờ làm được điều đó. Bà lập một kế hoạch làm việc hàng ngày cho Consolation, dạy cô âm nhạc và hội họa, và mỗi tuần giao cho cô những bài tập viết dài. Carie, không có sự trợ giúp mà phụ nữ hiện đại có, đã nuôi dạy các con gái của mình bằng cách tốt nhất có thể. Bà rèn luyện cơ thể chúng, làm cho chúng dẻo dai bằng các bài tập, sửa lại dáng điệu và khuyến khích chúng dũng cảm về thể chất.

Tôi nhớ rằng bà thưởng cho Consolation một đồng bạc mỗi khi cô lấy được một tổ quạ trên ngọn cây. Consolation, giờ đã trưởng thành, vẫn nhớ như in một ngày khi còn là thiếu nữ, cô đã lấy được một tổ quạ. Đó là vào tháng Ba, và gió làm thân cây rất mảnh mà cô đang trèo lên ngày càng cao đung đưa. Phải làm việc này rất sớm vào đầu năm, vì Carie không đành lòng nhìn thấy một tổ chim vừa mới được xây bị phá hủy.

Carie thường rất khó khăn trong việc bắt con gái tuân theo kỷ luật của một thói quen hàng ngày. Consolation chống cự một cách mãnh liệt, và mẹ cô chỉ thành công khi kích thích lòng tự trọng của học trò và khen ngợi cô. Nhưng nhờ khả năng đồng cảm, Carie, bằng cách tự vấn bản thân, đã hiểu và chinh phục được đứa trẻ, giúp cô vượt qua giai đoạn tuổi teen đầy bất ổn một cách tương đối dễ dàng. Carie chọn lọc những gì bà cho là tốt nhất trong văn hóa của đất nước mình và Consolation đã thấm nhuần điều đó. Mặc dù bản tính nóng nảy của họ, người mẹ đã bao bọc con gái mình bằng những ảnh hưởng lành mạnh ; bà kiên định và vĩnh viễn truyền cho cô tình yêu cái thiện và cái đẹp, chỉ với sự trợ giúp của sách vở và thiên nhiên.

Ngoài nhiệm vụ làm mẹ, những ngày của Carie còn bận rộn hơn bao giờ hết bởi những người xung quanh, đặc biệt là sau một trong những năm đói kém đáng sợ. Năm 1905 đặc biệt kinh hoàng. Mùa màng thất bát, đến nỗi ở thung lũng Trường Giang vốn giàu có và màu mỡ, thực phẩm trở nên khan hiếm, ngay khi những người tị nạn từ các tỉnh phía Bắc đổ về.

Đầu mùa đông, thành phố và nông thôn bị xâm chiếm bởi những con người khốn khổ, đàn ông, phụ nữ và trẻ em, họ đi bộ, ăn xin để sống sót, và nhiều người đã

chết trên đường. Cái lạnh ập đến, và số lượng người tị nạn ngày càng tăng, gầy gò, u ám, nửa sống nửa chết. Carie, dù đã quen với những cảnh tượng đau lòng, vẫn cảm thấy đau đớn và xót thương. Bà cố gắng hết sức để quyên góp tiền từ khắp nơi. Năm đó, không có món tráng miệng nào trên bàn ăn, từng mẫu thức ăn đều được tiết kiệm, ngay cả Tân Ước cũng phải đợi.

Carie không dám phân phát số ít cứu trợ mà bà có vào ban ngày, vì phần chia quá ít ỏi so với nỗi khổ. Những món quà này chẳng là gì so với hàng ngàn người đói tập trung, và bà có thể mất mạng nếu phân phát công khai ; đám đông sẽ xông vào để cướp lấy chúng. Bà đi lang thang với đôi tay trống rỗng giữa những túp lều, ghi nhận những trường hợp đau lòng nhất, và đêm đến, mặc chiếc áo cũ của Wang Amah và đi cùng người hầu, bà lén lút đi giữa những người tị nạn và phân phát hoặc một đồng đô la hoặc một ít thức ăn.

Andrew vắng nhà suốt mùa đông. Ông ở phía Bắc, nơi nạn đói hoành hành dữ dội nhất, và ông cứu trợ những người khốn khó bằng số tiền được gửi từ Mỹ, trong đó ông chuyển một phần cho Carie, người cảm thấy hạnh phúc khi biết rằng số tiền này đến từ những người đồng hương hào phóng. Biết bao lần tôi đã nghe bà nói câu này : «Đây là từ nước Mỹ gửi đến !» Vì vậy,

những người nghèo tuyệt vọng cuối cùng đã coi bà là hiện thân của đất nước đó.

Đôi khi, những chuyến hàng chở đầy lương thực thay thế cho tiền mặt. Nhưng hàng hóa không phải lúc nào cũng được chọn lọc kỹ. Tôi nhớ một con tàu chở đầy pho mát bị hư hỏng nhẹ ; đây gần như là loại thực phẩm duy nhất mà người Trung Quốc không ưa, trừ khi họ đã quen với nó khi ở nước ngoài. Carie nhìn hàng hóa được dỡ xuống bến cảng với ánh mắt đau khổ ; ngay lập tức, bà vội đi tìm những gia đình da trắng hiếm hoi trong vùng và, với sức thuyết phục nồng nhiệt, thuyết phục họ nhận càng nhiều thứ đồ cồng kềnh này càng tốt. Bản thân bà mua số pho mát không bán được và chất đầy hầm nhà. Trong nhiều năm, chúng tôi phải ăn thứ pho mát cứu đói này. Nhờ số tiền bán được, Carie mua gạo, bột mì, và vui mừng khi có thể nuôi sống nhiều người tị nạn.

Nhưng những cảnh tượng kinh hoàng hàng ngày đã làm suy yếu sức mạnh tinh thần của bà, đến mức bà suýt gục ngã dưới gánh nặng của nỗi buồn, của sự bất lực trong việc xoa dịu hiệu quả nỗi khổ này. Bà không bao giờ tưởng tượng được rằng con người có thể chịu đựng đến mức này, sự tra tấn chậm rãi của những cơ thể sung phòng như xác chết, những đứa trẻ tuyệt vọng

khôn khô và sự ích kỷ tàn nhẫn khi giành giật thức ăn, ngay cả giữa cha mẹ và con cái, vợ và chồng.

Carie không thể đi lại lâu giữa những túp lều mà không bị phát hiện. Mọi người theo bà ; điên cuồng vì đói, họ lao đảo leo lên đồi, gõ cửa và nằm rạp xuống, run rẩy, dựa vào những bức tường bao quanh ngôi nhà. Tôi tin rằng không ai có thể đau khổ hơn Carie vào lúc đó. Chút thức ăn bà có thể nuốt trở nên đắng ngắt trong miệng khi nghĩ về những người không có gì để ăn. Tuy nhiên, bà không dám cho người tị nạn vào ; quá đông, họ sẽ ăn hết mọi thứ và rơi trở lại vào cảnh khôn cùng. Nhưng tiếng than vãn, tiếng gọi tên bà ngày đêm, những cái chết nằm la liệt mỗi sáng sớm cho đến khi được mang đi, khiến bà gần như phát điên vì lòng thương vô ích, nỗi đau và sự phẫn nộ. Tất cả cơn giận dữ của bà trỗi dậy khi nghĩ về một đáng tội cao cho phép những điều này xảy ra. Nhưng bà đã được dạy không nghi ngờ ý muốn của Chúa. Ngài biết tất cả và không gì xảy ra nếu không có ý muốn của Ngài. Bà cố gắng tin vào quy tắc đức tin cũ : «Hãy tin tưởng và vâng lời». Thật đau lòng khi thấy bà bị dằn vặt như vậy. Bà nỗ lực tuyệt vọng, kiên trì tìm kiếm thức ăn ngày đêm. Bà đi khắp nơi, vào nhà của những người giàu, điều bà không bao giờ dám làm nếu không bị thúc đẩy bởi nỗi khổ của con người.

Bà thậm chí không còn cố gắng bảo vệ các con mình ; dù sao điều đó cũng vô ích. Bức tường nào có thể ngăn được tiếng than khóc, những tiếng kêu kinh hoàng khi mất hết hy vọng, và những tiếng gọi yếu ớt, đau lòng nhất của những đứa trẻ ? Carie đã đưa các con gái vào công việc của mình. Họ buộc phải chứng kiến những gì cuộc sống mang lại, và người mẹ chỉ cố gắng giúp họ tránh những cảnh tượng kinh hoàng nhất của cái chết đau đớn.

Lần này, không có lễ Giáng sinh. Theo thông lệ, Carie luôn cố gắng biến Giáng sinh thành dịp vui nhất năm vì các con. Bà trang trí nhà cửa bằng cành tầm gửi và cây xanh; đó là một nghi thức gia đình thực sự, cũng như việc nhào bột làm bánh pudding. Như thường lệ, Carie phải tự mình chuẩn bị mọi thứ, vì ở Trung Quốc không có cửa hàng đồ chơi hay quầy bánh kẹo. Nhưng bà luôn tạo ra một bữa tiệc Giáng sinh thịnh soạn với những chú bé bằng bánh gừng và những món quà vừa hữu ích vừa ngộ nghĩnh do chính tay bà làm. Đêm trước lễ, những chiếc tất được treo trên lò sưởi, và sáng hôm sau, Carie trang trí cây thông bằng những món đồ nhỏ xinh từ dải ruy-băng hay giấy bóng mà bà đã tích góp hàng tháng trời. Đó là ngày duy nhất bà để mình thả lỏng trong niềm vui, và không gì có thể làm hỏng những giờ phút ấy, hay phá vỡ bầu không khí huyền diệu của đêm

Giáng sinh với những câu chuyện bên lò sưởi, những bài thánh ca hát quanh chiếc đàn organ trước khi lên giường. Sáng sớm, giọng hát ngọt ngào của Carie vang lên : «Hãy vui mừng, Chúa đã sinh ra vì chúng ta !»

Bà đã khắc họa Giáng sinh như thế cho gia đình, truyền lại những truyền thống và ý nghĩa sâu sắc của ngày lễ, để họ mãi giữ một ấn tượng khó phai. Dù giờ đây họ đã tản mác khắp ba châu lục, và mẹ họ yên nghỉ nơi đất khách trên một châu lục thứ tư, Giáng sinh vẫn gọi lên trong họ những ký ức sâu đậm. Carie dạy các con lòng bao dung; đây là dịp để chuẩn bị quà tặng, không chỉ cho người thân hay anh chị em, mà còn cho những người giúp việc, bạn bè nhỏ người bản xứ, và cả những người thiếu thốn. Bà hiểu niềm vui khi được sẻ chia và sự mãn nguyện từ đó.

Nhưng năm nay, bà không còn lòng nào để vui, dù là vì các con. Làm sao có thể tỏ ra hân hoan, làm bánh pudding hay bánh trái cây khi ngoài kia bao người đang khổ sở ?

«Các con, năm nay chúng ta không ăn Giáng sinh, bà nói một cách nghiêm túc. Hãy dùng tất cả số tiền dành cho lễ và những gì có thể để mua thức ăn cho những người khốn khổ kia».

Một ngày Giáng sinh kỳ lạ trôi qua với việc nấu những nồi com lớn để phân phát từng bát qua khe cổng cho đến khi hết sạch và chẳng còn gì để cho. Ngày dài và lặng lẽ. Tối đó, Carie thậm chí không hát. Nhưng đôi lại, bà ngủ ngon hơn vì bên ngoài ít tiếng khóc hơn.

May mắn thay, Faith còn quá nhỏ để hiểu hết mọi chuyện, nhưng sự việc đã để lại ấn tượng quá sâu sắc với cô chị so với tuổi của mình. Mùa xuân rồi cũng qua đi, khi những người tị nạn thoát khỏi cái chết mùa đông tụ tập lại và lên đường trở về với hy vọng gieo hạt trên mảnh đất của mình. Carie quyết định cho con gái đi xa một thời gian, vì thấy cô bé bối rối và căng thẳng. Ở Thượng Hải có một trường nội trú do những phụ nữ Mỹ từ New Orleans điều hành, và Carie gửi Consolation đến đó cho đến khi cô đủ tuổi vào đại học ở Mỹ.

Thực ra, Consolation đã quá cô đơn và hay mơ màng. Sự cô độc nơi đất khách quá nặng nề với một đứa trẻ đang lớn, và mẹ cô chuẩn bị cho cô lên đường.

Carie cảm thấy mình sẽ chẳng bao giờ tìm được niềm an ủi nơi các con. Bà phải hy sinh chúng cho đất nước này - cho sứ mệnh này, và khi không phải là mạng sống của chúng, thì sự hiện diện của chúng cũng bị lấy đi. Nhưng bà giấu nỗi đau trong lòng và cố gắng thuyết phục Consolation rằng đây là một sự kiện vui vẻ, sẽ đưa

cô đến với những người bạn cùng lứa và cùng chủng tộc. Carie cố gắng chuẩn bị cho cô một bộ đồ xinh xắn, cẩn thận đóng gói vào chiếc rương vòng nắp đã đi qua bao nhiêu dặm đường đất và biển, rồi Andrew đưa con gái đến trường. Trong nhà giờ chỉ còn Faith, một cô bé trầm lặng và nghiêm túc.

Sự đè nén khổ sở của mùa đông năm ấy được bù đắp bằng một mùa hè hạnh phúc trong ngôi nhà nhỏ trên núi cao. Ngày càng nhiều gia đình phương Tây đến định cư, và Carie không chỉ cảm thấy sức khỏe hồi phục nhờ không khí trong lành, bầu trời và núi non, mà còn vui mừng vì được kết bạn với những người cùng chủng tộc và giáo dục. Thật tuyệt khi có thể trốn khỏi, dù chỉ vài tuần, những giằng xé trong lòng mà bà không thể tránh khi tiếp xúc với những thiếu nữ Trung Quốc.

Thỉnh thoảng, bà cần lui về nơi như thung lũng cao này, đắm mình trong bình yên và vẻ đẹp. Mùa hè đó, bà trồng dương xỉ và hoa dại, tỉa cây ăn quả và bụi cây quanh nhà. Đó là cách tốt nhất để hồi phục tâm hồn.

Suốt những năm qua, Andrew vẫn kiên định đi bộ hoặc cưỡi lừa xám đến các làng để giảng đạo và xây dựng nhà thờ. Nhiều tín đồ cảm thấy xấu hổ khi thấy mục sư của mình di chuyển như vậy. Một ngày nọ, ông về nhà trên lưng một chú ngựa trắng béo tốt, món quà

từ các thành viên giáo hội. Trước sự ngạc nhiên của vợ, ông trả lời một cách bối rối nhưng hài lòng : «Có lẽ tôi không nên nhận : Chúa của chúng ta đã cười một con lừa».

Nhưng Carie đã yêu mến chú ngựa và vuốt ve mũi đen của nó. Bà nhanh nhẩu : «Tôi nghĩ Ngài sẽ cười ngựa nếu ai đó tặng Ngài một con».

Lúc này, chỉ còn một cô con gái ở nhà, Carie tiếp tục công việc giáo xứ với Andrew và lên kế hoạch lớn cho phụ nữ Trung Quốc. Bà thường đi cùng chồng. Họ mua một chiếc thuyền nhỏ và đi dọc theo kênh rạch đến các thành phố và làng mạc ; Faith đi theo họ. Giữa những giờ dạy học cho Faith và việc nhà trên thuyền, Carie dạy dỗ phụ nữ và con gái bản địa.

Andrew và bà thường tranh luận gay gắt về xung đột giữa giáo lý Cơ đốc và thực tế ở Trung Quốc. Chẳng hạn, một ông Ling muốn gia nhập giáo hội, nhưng có hai vợ. Andrew chỉ thấy một giải pháp : bắt ông ta bỏ người vợ lẽ. Nhưng Carie, sau khi nghe người phụ nữ này than thở, đã can thiệp và nói : «Người đàn bà tội nghiệp không biết đi đâu và cô ấy không có lỗi !»

Andrew cứng nhắc, tin vào lẽ phải của mình, ông không chấp nhận thỏa hiệp nguyên tắc. «Ông Ling sẽ không được vào giáo hội nếu giữ vợ lẽ», ông tuyên bố rõ ràng.

«Thật tàn nhẫn ! Carie kêu lên với sự phẫn nộ thường thấy trước bất công. Tôi sẽ nói thế ngay cả khi đó là Chúa».

Andrew không muốn tranh cãi thêm. Nhưng rồi những rắc rối khác nảy sinh. Carie phát hiện một mục sư mà Andrew tin tưởng hút thuốc phiện. Bà đã nghi ngờ từ lâu vì có trực giác nhạy bén, nhưng Andrew không muốn nghe một lời nào chống lại người đàn ông này. Một ngày nọ, Carie nhìn thấy một tờ giấy rơi ra từ quyển Kinh Thánh của vị mục sư. Bà nhặt nó lên trước ông. Đó là một hóa đơn thuốc phiện.

Một lần khác, bà nghe thấy tiếng xì xào về một trợ lý của Andrew, người mà ông rất quý trọng ; và bà đã có bằng chứng rằng người này bán vé vào nhà thờ. Những buổi lễ thường đông nghẹt vào một số dịp, vì người bản địa nhận thấy lợi ích khi cải đạo khi người nước ngoài có quyền lực và chia sẻ đặc quyền trong các hiệp ước của họ với những người tự xưng là tín đồ Cơ đốc. Andrew đủ nhân tính để cảm thấy bối rối trước sự sáng suốt của vợ và, dù sao đi nữa, ông không vui vì điều đó.

Nhưng Carie chỉ có thể hành động khi biết sự thật. Khi người vợ hai của Ling kể với bà về nỗi khổ của một người thiếp, Carie lắng nghe và nói ngay : «Tôi hiểu rất rõ. Có cách nào khắc phục không ?»

Và bà gửi lên Chúa một lời cầu nguyện ngắn gọn quen thuộc : «Lạy Chúa, Ngài thấy người phụ nữ này và những khó khăn của cô ấy. Cô ấy không thể làm gì. Nếu chúng ta không tìm ra cách nào khác, thì phải chấp nhận cô ấy như vậy».

Sau đó, Carie cảm thấy hối hận, nhưng bà tự trấn an mình : «Nếu tôi hiểu, thì tôi nghĩ Chúa cũng có thể hiểu».

Bà vẫn còn nghi ngờ. Andrew lại phán xét khác. Biết đâu Chúa cũng giống như Andrew ?

Trong những năm đó, ngôi nhà của Carie ngày càng trở thành nơi tụ họp của những người bất hạnh. Carie, với giọng nói vui tươi, tình yêu dành cho ánh nắng, hoa lá và những căn phòng tươi sáng, ánh mắt lấp lánh, vẻ ngoài khỏe mạnh và tốt bụng, có một thái độ an ủi đến mức khi ở bên bà, mọi người tin rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Bà thường tiếp một người phụ nữ cao lớn, rất đẹp, với mái tóc đen, đôi mắt sẫm màu, làn da đồng đều, hơi ngăm và luôn mặc những chiếc váy đẹp từ Paris. Đó là

con gái của một thương nhân người Anh giàu có ở cảng, thuộc tầng lớp cao và được giáo dục tốt.

Khi còn trẻ, người đàn ông này, như nhiều người khác, đã đưa về nhà một người phụ nữ Trung Quốc, một cô gái xinh đẹp nhưng không có học thức mà ông say mê trong một quán trà và có với cô hai đứa con : một trai, một gái. Cậu con trai là một kẻ hư hỏng, phóng đãng, gần như luôn say xỉn, nhưng mỗi khi bị kết tội và người cha lại một lần nữa giúp cậu thoát khỏi rắc rối, Carrie luôn nói : «Harry Evans tội nghiệp, cậu ấy quá cô đơn, không ai muốn cậu ấy, cả người da trắng lẫn người Trung Quốc. Cậu ấy không có tổ quốc - đó là nỗi cô đơn lớn nhất !»

Nhưng em gái cậu, Ella xinh đẹp và kiêu hãnh, còn cảm thấy cô đơn hơn. Cô đã thay thế mẹ mình làm chủ nhà, vì người phụ nữ Trung Quốc khi về già trở nên vô cùng thô tục và không bao giờ xuất hiện trước công chúng. Người cha rất cảm động khi tự hào trước vẻ đẹp kiêu hãnh và phẩm giá điềm tĩnh của con gái, khi cô ngồi ở đầu bàn trong những bữa tối. Không một người bản địa nào được phép vào nhà, trừ khi là người phục vụ, và cô gái trẻ không bao giờ có cơ hội gặp gỡ những người Trung Quốc cùng địa vị, những người mà dù sao cũng sẽ khinh thường cô. Cô giống hệt một người Anh,

nhưng đôi bàn tay tuyệt đẹp với những ngón tay thon dài và làn da hơi sẫm, dấu hiệu của dòng máu da vàng, đủ để xua đuổi bất kỳ người đàn ông Anh nào muốn cưới cô. Vì vậy, cô sống giữa những người da trắng và mãi mãi là một người xa lạ với họ.

Người phụ nữ này thường có những cơn tuyệt vọng mà cô giấu cha mình, vì ông yêu cô chân thành và không thể tha thứ cho bản thân vì đã gây ra cho cô nỗi đau khi mang trong mình dòng máu lai. Khi cô rơi vào tâm trạng u ám và ông nhận ra, ông hối hận vì sự điên rồ mà mình đã phạm phải chỉ vì ham muốn một gương mặt xinh đẹp, thỏa mãn dục vọng, khiến cho sinh thể kiêu hãnh này phải sống trong đau khổ.

Ella Evans gặp Carie ; tôi nhớ cô gái trẻ đến cổng trong chiếc kiệu đẹp, thường là vào lúc hoàng hôn, và sau đó đợi trong bóng tối của phòng khách cho đến khi Carie sẵn sàng trò chuyện với cô. Tôi không biết họ nói gì, vì cánh cửa luôn đóng và tôi chỉ nghe thấy những tiếng thì thầm. Nhưng một ngày, tôi thấy cô Evans, khi bước ra, cúi người cao lớn và nhìn Carie một cách nghiêm túc mà không nói lời nào. Tối hôm đó, Carie trở nên đặc biệt buồn bã và im lặng.

Đôi khi, đó là một bóng người nhỏ bé mặc kimono đang chờ đến lượt, một người phụ nữ Nhật Bản, vợ của một ông lão người Anh lập dị, sống trong một ngôi nhà gỗ được xây theo phong cách Nhật Bản, nằm trong một thung lũng xa xôi. Có một câu chuyện được kể ở cảng về ông lão này. Tôi biết ông khi ông đã bạc trắng mái đầu và yếu đi vì tuổi tác, nhưng ông vẫn đứng thẳng với vẻ lịch sự và kín đáo, rất độc lập, của một quý ông người Anh. Trước đây, ông từng giữ một chức vụ ở hải quan tại cảng, và là con trai của một nam tước, được gửi đến phương Đông như bao người khác để tìm kiếm vận may. Ông yêu một cô gái người Anh trẻ, người sẽ đến với ông ngay khi ông thăng tiến. Người ta nói đó là một cô gái tóc vàng mềm mại. Sau ba năm dài dang dở, ông đã kiếm đủ tiền để xây một ngôi nhà cho cô và viết thư bảo cô đến.

Những tin đồn kỳ lạ nhất lan truyền về ngôi nhà này và những món đồ ông mua ở Thượng Hải - những tấm thảm Aubusson, đồ nội thất bọc satin và một cây đàn piano bằng gỗ hồng. Người đàn ông Anh đã nhịn ăn và thậm chí mắc nợ để mua chúng. Ông đến đón cô gái trẻ ở bờ biển, tràn đầy nhiệt huyết dưới vẻ ngoài điềm tĩnh. Nhưng khi con tàu cập bến, nó chỉ mang đến cho ông một lá thư ngắn :

«Tôi rất tiếc, Ronald thân mến, nhưng chúng ta đã nhầm. Tôi không yêu anh - tôi không thể yêu anh».

Cô đã bỏ trốn với một sĩ quan hải quân. Ronald Stearns gấp lá thư lại, xé thành từng mảnh nhỏ và ném chúng vào dòng nước đục ngầu của sông Hoàng Phố ; cùng đêm đó, ông đến một trong những nhà chứa Nhật Bản nổi tiếng nhất và mua một người phụ nữ, hơi lớn tuổi hơn những người khác, không có nhan sắc nhưng chu đáo, lịch sự và sạch sẽ.

Ông trang trọng cầu hôn cô và đưa cô đến Lãnh sự quán Anh. Rất bối rối trước sự thay đổi này, cô theo ông một cách lo lắng, bước những bước nhỏ dọc hành lang, quần trong đôi guốc gỗ. Và ở đó, bất chấp sự can ngăn của viên lãnh sự, Ronald Stearns cưới người phụ nữ Nhật nhỏ bé và đưa cô về cảng. Ông xây cho cô một ngôi nhà kiểu Nhật trên sườn núi, quá xa để có khách đến thăm, và bán đầu giá cây đàn piano gỗ hồng, đồ nội thất satin và tất cả những món đồ lặt vặt tích lũy. Khi tôi quen biết ông, ông đã sống một cuộc đời đáng kính trong nhiều năm, rất trang nghiêm và không hòa nhập với đời sống xã hội chật hẹp của những người da trắng trong thành phố, chỉ có mối quan hệ công việc với họ. Khi cha ông qua đời, ông thừa kế gia tài, nhưng không bao giờ trở về Anh ; ông sống cùng người vợ Nhật của

mình, luôn hoàn toàn lịch sự và tràn đầy lòng tốt với bà. Họ không bao giờ có con.

Tôi không biết tại sao bà Stearns lại đến thăm Carie. Có lẽ chỉ để trò chuyện thân mật với một người đồng cảnh ngộ, vì bà rất cô đơn dù có những bộ trang phục lộng lẫy, những chiếc kimono hoa văn và những chiếc thắt lưng sắc sỡ. Bà hầu như không nói được tiếng Anh, điều này cho thấy mối quan hệ giữa bà và chồng. Mọi điều kiện sống đều khiến họ xa cách nhau. Ông đọc rất nhiều và ngoài giờ làm việc, dành thời gian để nghiên cứu, dù vẫn giữ phép lịch sự khi cùng bà dạo bước trong khu vườn Nhật Bản mà ông đã trồng cho bà vào mỗi buổi tối. Họ đi bộ trong im lặng vì chẳng có gì để nói. Bà thậm chí không hiểu thế giới tri thức và học vấn của chồng, còn cuộc sống nhỏ bé của bà lại quá đơn giản và thô sơ đối với ông. Carie đã trở thành người lấp đầy khoảng trống trong cuộc đời của người phụ nữ thiếu bạn đồng hành này.

Nhiều thành viên trong cộng đồng người nước ngoài ở cảng cũng tìm đến Carie. Có người phụ nữ Anh nghèo khổ, điên loạn, đến trong đêm trên chiếc kiệu, một người vợ đam mê và ghen tuông với người chồng lạnh lùng và độc ác. Bà ta trút vào tai Carie câu chuyện bi kịch cuộc đời mình không chút giấu giếm, và sau khi bà ta rời

đi, đôi mắt Carie đầy ghê tởm, kinh hoàng vì biết quá nhiều điều mà bà ước gì mình không hay. Còn có nhà truyền giáo cũ, một phụ nữ Scotland gầy gò, mắc bệnh lao, đã kết hôn với một thuyền trưởng tàu hơi nước làm việc trên sông, cũng là người Scotland, với hy vọng cải hóa ông ta. Nhưng ông ta là một kẻ nghiện rượu, say xỉn với whisky và lại tiếp tục uống ngay sau tuần trăng mật. Vợ ông đến kể với Carie về những nỗ lực tuyệt vọng, ngây ngô của bà để xoa dịu hoặc khơi dậy tình yêu của chồng, duy trì nó ở mức độ giúp củng cố một ý chí suy yếu. Nhưng bà thiếu sắc đẹp và duyên dáng, không thể giữ chân bất kỳ người đàn ông nào. Bà ho và khóc nói với Carie : «Giá như tôi có thể có một đứa con, ông ấy muốn một đứa con gái».

Nhưng cơ thể gầy guộc, khom lưng của bà không thể sinh nở, và cuối cùng bà nhận nuôi một đứa trẻ từ trại mồ côi ở Úc. Gia đình cố gắng xây dựng lại cuộc sống trên nền tảng mới ; không may, đứa bé gái bị lây bệnh đậu mùa từ một người giúp việc bản địa trước khi năm kết thúc và qua đời. Người cha nuôi, đã kịp yêu thương đứa bé tóc vàng, lần này trở thành kẻ nghiện rượu kinh niên, và bà Gibbs tội nghiệp qua đời vì căn bệnh đã gặm nhấm bà từ lâu.

Những con người này và nhiều người khác, những kẻ lạc lõng ở các hải cảng phương Đông, đã đến nhà Carie để tìm kiếm sự giúp đỡ từ con người mạnh mẽ của bà. Dường như luôn có ai đó chờ đợi bà. Ngay cả vị bác sĩ người Ấn lai và người vợ da ngăm đầy đặn cũng coi bà là một người bạn đặc biệt, dù bà không bao giờ gặp họ mà không đau lòng nhớ đến chàng trai tuyệt vời mà bà đã mất.

Vào thời điểm đó trong cuộc đời, Carie đặc biệt thu hút và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ. Bà đã mất đi một chút nhiệt huyết tuổi trẻ và sự sôi nổi bên trong, đôi khi quá mãnh liệt khiến tâm trí bà không được nghỉ ngơi. Bà trở nên dịu dàng hơn nhờ lòng trắc ẩn nhưng vẫn toát lên vẻ mạnh mẽ; bà mang theo hơi thở tươi mới, sự chân thành của những người phụ nữ quê hương mình. Nhìn bà, người ta nghĩ đến những điều tốt đẹp và giản dị của cuộc sống. Bà vẫn giữ được sự bình thản và lành mạnh, đầy khiêu hài hước, trong một bầu không khí mà quá thường xuyên, những người da trắng biến đổi, trở nên buồn bã và dần dần suy đồi. Bà luôn giữ vững cá tính mạnh mẽ của mình.

Gia đình bà phản ánh điều đó. Bà có một khu vườn rau đẹp như ở Mỹ, và trên bàn ăn của bà có đậu, cà chua, măng tây, khoai tây Ireland và rau diếp, tất cả

những loại rau củ ngon lành phương Tây mà không tìm thấy ở nơi khác. Bà không chịu được thịt gia cầm Trung Quốc, quá nhiều xơ, nên tự nuôi gà để có trứng tươi; bà luôn có một con gà béo để quay, hoặc vào mùa xuân, những chú gà con được chế biến theo công thức ngon tuyệt của quê hương. Những chiếc bánh quy từ tay bà luôn nhẹ bẫng ; bánh ngọt dừa, sô-cô-la của bà nổi tiếng, và tôi nhớ hình ảnh bà trong những ngày bận rộn, nhào những khối bột lớn và nướng những ổ bánh mì thơm phức khắp nhà.

Chính bằng những cách giản dị và lành mạnh như vậy, bà đã chữa lành những người đến với mình, và bằng việc là chính mình, theo cách riêng, bà đã mang lại tổ ấm và quê hương cho những kẻ lưu đày.

Tôi tin rằng những năm tháng đó, trước khi cuộc đời bà suy tàn, là hạnh phúc. Bà đã học được rằng tổ ấm và quê hương nằm sâu trong trái tim và có thể được gọi lên theo ý muốn. Nỗi nhớ nhung xưa, nỗi nhớ quê hương với những ngọn núi Virginia và cuộc sống ngọt ngào ngày trước, đã biến mất. Tất cả những điều đó, bà giữ mãi trong lòng, nơi trú ẩn duy nhất của quá khứ, vì đã có nhiều thay đổi với người thân của bà. Cha bà, Hermanus, một người sành ăn đến tận cuối đời, đã qua đời ở tuổi già. Sự chia ly không khiến bà đau khổ hơn

và bà không khóc. Ký ức đó hòa vào những ký ức khác mà bà giữ gìn và sẽ sống mãi cùng bà.

Trung thành với quyết định của mình, bà không bao giờ thay đổi chỗ ở nữa. Andrew đi khắp đất nước : bắc, nam, đông, tây, và thỉnh thoảng trở về để tìm lại sức sống trong ngôi nhà yên bình do vợ tạo dựng. Ông đi một mình, điều đó cũng tốt hơn cho ông, vì ông không hợp với những lo toan gia đình, và khi thoát khỏi những phiền muộn, lo lắng do việc di chuyển nhà cửa, ông đi truyền giáo khắp nơi tâm hồn thỏa mãn của ông muốn đến, tin rằng mình đang đáp lại tiếng gọi của Chúa.

Còn Carrie, bà có thể trồng một cái cây và hy vọng hái được quả ; những bông hồng của bà leo lên tận mái nhà, và bà không còn phải kéo lũ trẻ từ một căn nhà tồi tàn này sang nơi khác ; bà khéo léo tạo ra một bầu không khí riêng và dẫn chúng đi dã ngoại trên núi hay những ngôi đền bao quanh bởi tre trúc. Tôi tự hỏi liệu mình đã từng thấy ai trông lạc lõng đến thế trong một ngôi đền Phật giáo. Bà đứng vững vàng, trông rất thực tế, không hề bộc lộ chút xúc động nào trước những vị thần phương Đông âm đạm. Hiếm khi tôi thấy sự tương phản nào rõ rệt hơn. Tôi nhớ Carrie trong một sân đền phủ đầy lớp bụi thời gian, phân phát bánh sandwich cho gia đình bằng cử chỉ nhanh gọn và quan sát những vị

thần im lặng, như một tâm hồn hiện đại mạnh mẽ ngấm nhìn những huyền thoại quá khứ.

Carie chăm chú phát triển từng tài năng nhỏ của con cái. Bà không chỉ dừng lại ở những buổi dã ngoại, những chuyến đi dài kèm theo nghiên cứu thực vật, mà còn khéo léo tổ chức những buổi gặp mặt xã hội nhỏ, để dạy các con gái cách cư xử duyên dáng, chuẩn bị cho ngày chúng rời khỏi cuộc sống giới hạn này ; ví dụ, bốn lần một năm có những buổi hòa nhạc nơi Carie cất cao giọng hát và sắp xếp để các con cũng có vai trò nhỏ ; chúng viết và thiết kế các chương trình, còn mẹ chúng không bỏ qua bất kỳ phương tiện nào có thể chuẩn bị cho chúng một cuộc sống sau này ở bất kỳ nơi nào trên thế giới. Một nền hòa bình đặc biệt ngự trị ở Trung Quốc vào thời điểm đó. Những sự trả đũa mà đất nước phải gánh chịu sau nỗ lực trục xuất người nước ngoài, vào thời điểm cuộc nổi dậy của Nghĩa Hòa Đoàn, đã khiến người bản địa cảm nhận sâu sắc sự yếu kém của mình, và người phương Tây giành được một quyền lực đặc biệt. Người da trắng đi lại khắp nơi với sự độc lập hoàn toàn, bởi người Trung Quốc thấy họ được hậu thuẫn bởi những chiến hạm, những khẩu súng chết người và những người lính không khoan nhượng, điều ít nhất mang lại cho họ sự yên ổn tạm thời.

Carie không còn chứng kiến người thân của mình qua đời, đó là phước lành lớn nhất của bà. Bà nhìn các con mình lớn lên và cảm thấy an toàn. Edwin giờ đã kết hôn, và dù bà chưa từng gặp con dâu hay đưa cháu trai đầu lòng, bà cảm thấy hạnh phúc vì có người thay thế mình chăm sóc con trai, tổ chức gia đình cho cậu và lo lắng hàng ngàn điều nhỏ nhặt tạo nên hạnh phúc và tiện nghi cho một người đàn ông. Consolation, cô con gái, cũng đang lớn lên, và dù mối quan hệ giữa mẹ và con gái vào thời điểm đó thường khiến Carie đau lòng, bà vẫn tự hào về con gái mình. Thời gian cũng đang đến khi cô phải sang Mỹ, đến lượt mình.

Còn Faith, cô con gái nhỏ, có lẽ ngoại trừ Clyde, là đứa con được yêu thích nhất của bà. Cô bé giống anh trai về ngoại hình, với mái tóc đen xoăn, đôi mắt to màu xanh đậm, màu tím hoa violet. Về tính cách, cô bé phù hợp với bà hơn Consolation. Faith là một đứa trẻ dễ mến, dễ tính, dịu dàng, có tính cách ôn hòa và là một người bạn đồng hành đáng yêu. Consolation thừa hưởng quá rõ những khuyết điểm của Carie : sự bốc đồng, cứng đầu, tình yêu say đắm với âm nhạc và cái đẹp. Carie, với sự bối rối lớn của mình, nhìn thấy ở cô con gái búng bình này tất cả những khía cạnh trong tính cách của chính bà mà bà đã cố gắng kiềm chế nhất. Faith giống Andrew hơn ; cô bé ít sôi nổi hơn chị gái,

biết kiểm soát bản thân hơn, trầm lặng và ít nói, vì vậy Carie thường coi cô như một người bạn tâm tình và chỉ nhận ra sau này rằng điều đó không tốt cho đứa trẻ nhạy cảm và nghiêm túc này.

Carie chưa bao giờ cảm thấy mình tràn đầy sức sống như vào thời điểm này. Bà đã qua tuổi sinh nở và mệt mỏi vì những đứa trẻ nhỏ. Khí hậu trên ngọn đồi, phía trên cảng sông, rất phù hợp với bà và bà khỏe mạnh hơn so với khi sống ở đồng bằng của con kênh lớn. Bà cũng rất bận rộn, đã tạo dựng được vị trí trong cộng đồng người Trung Quốc đa dạng này, và trong cộng đồng nhỏ hơn gồm những người đàn ông và phụ nữ da trắng.

Nhưng trong cuộc sống bận rộn này, Carie vẫn day dứt về mối quan hệ không trọn vẹn của mình với Chúa. Đôi khi bà tự nhủ rằng, sau này, bà sẽ tĩnh tâm và cố gắng thực hiện những khát vọng của mình. Bà sẽ đọc Kinh Thánh nhiều hơn, cầu nguyện và cố gắng để trở nên «tốt đẹp». Bà không bao giờ hiểu rõ bản chất của mình để nhận ra rằng bà sẽ phải chết đi trước khi thoát khỏi sự ràng buộc với con người và những nỗi khổ của họ. Cuộc sống thách thức bà mạnh mẽ hơn cả thế giới bên kia, và bà không thể khước từ bất kỳ lời kêu gọi nào vào cuộc chiến. Bà thích cảm giác nguồn lực và trí tuệ của mình được thử thách. Bà quá bận rộn, chẳng hạn,

để vui chơi nhưng ngoại lệ, bà thích chơi cờ vì nó kích thích tinh thần của bà.

Tôi nhớ rằng bà thường xuyên nhìn đôi tay mình với sự khó chịu - đôi tay đẹp, hữu ích, thô ráp, mạnh mẽ, với những ngón tay thon dài một cách kỳ lạ, những bàn tay lớn với đường nét đơn giản nhưng rõ ràng. Bà luôn dự định sẽ ngừng việc nhúng tay vào đủ thứ, sẽ đeo găng khi làm vườn, bôi kem và chăm sóc chúng. Bà thích những bàn tay trắng đẹp đẽ của các quý bà, với làn da mịn màng và mềm mại, những móng tay hồng hào và tinh tế. Nhưng nếu đôi khi bà nghĩ đến việc đeo găng, cuối cùng bà luôn cởi chúng ra và xới đất, ngẩng đầu lên xin lỗi : «Tôi phải sờ vào rễ cây, nếu không cây sẽ không lớn được và tôi thích cảm giác chạm vào đất».

Chúng tôi biết bà, và chúng tôi trêu chọc sự làm đom của bà bằng tiếng cười, bởi chúng tôi biết những ngón tay của bà sẽ chạm vào mọi thứ, từ đất trong vườn đến những vết thương của lũ trẻ.

«Vậy thì để khi tôi già, khi tôi không thể làm việc nữa», bà nói đùa về mình.

Ôi ! Tuổi già mà bà không bao giờ chạm tới, khi bà dự định làm bao nhiêu việc : chăm sóc đôi tay, trở thành một bà lão đáng kính - rất đáng kính ! bà, người thường

bật cười không kiểm soát ! - rồi đọc Kinh Thánh, tìm thấy Chúa của mình. Tuổi già không bao giờ đến, không thể đến với một sinh vật tràn đầy sức sống, trẻ trung một cách không thể chữa được !

Làm sao tôi có thể miêu tả chính xác cuộc sống của bà, bị trói buộc bởi sự tiết kiệm khắc nghiệt, đến mức giữ lại từng tờ báo nhỏ nhất phòng khi có thể dùng vào việc gì đó, điều có thể đè nén một tâm hồn ít kiên cường hơn bà ? Tôi nhớ về Carie luôn tươi tắn và xinh đẹp, nhưng khi nhìn lại, tôi nhận ra bà mặc cùng một chiếc váy năm này qua năm khác. Bà có tài buộc lại một dải ruy băng, ghim lên một bông hoa, khiến chúng trông như mới, và phong cách của bà thật tuyệt ! Tôi nhớ một chiếc rương thiếc lớn trên gác xép, nơi cất giữ tất cả những chiếc mũ cũ, những bông hoa và những mảnh ruy băng, những mảnh lụa. Hai lần một năm, bà vui vẻ nói : «Hãy đến Paris mua mũ mới cho mùa này».

Và chúng tôi trang trọng lên gác xép, mở chiếc rương và với đôi tay khéo léo, Carie lấy ra đủ thứ để làm mũ cho bà và hai con gái. Tôi chưa bao giờ thấy bà không hài lòng với tác phẩm của mình. Những chiếc mũ của bà đẹp hơn bất kỳ chiếc mũ nào tôi từng thấy và có phong cách riêng. Carie có thể là một thợ làm mũ hàng đầu, một ca sĩ, một nghệ sĩ, hoặc làm bất cứ điều gì bà

muốn. Dù sao, trí tưởng tượng, sự sáng tạo vui tươi và đôi tay khéo léo của bà đã cho chúng tôi ảo giác, sự phấn khích, của việc mua một chiếc mũ mới. Nhiều năm sau, khi tôi thực sự đến Paris để chọn một chiếc mũ, tôi cảm thấy ít xúc động hơn so với những chuyến phiêu lưu cũ lên cầu thang gác xép, đến Paris, trong một chiếc rương thiếc.

Bảy năm trôi qua như vậy, nhanh hơn bất kỳ giai đoạn nào khác trong cuộc đời Carrie, và hạnh phúc hơn, bởi cái chết không một lần ghé thăm nhà bà. Carrie ngày càng có được sự khôn ngoan sâu sắc hơn ; dù không bao giờ thoát khỏi những khuyết điểm của mình, bà có một bản chất phong phú và tuyệt vời. Ngoài một số xung đột với các con gái, chúng coi bà như một người bạn vui vẻ, rất thú vị, dù những khoảnh khắc vui tươi của bà ngày càng ít đi. Sự kiên nhẫn và thấu hiểu của bà ngày càng lớn, nhưng bà vẫn khó chịu với những điều khiến bà phẫn nộ.

Đến kỳ nghỉ phép một năm lại đến. Consolation giờ là một thiếu nữ mảnh mai mười bảy tuổi, sẵn sàng vào đại học, nhiệt huyết, nhút nhát, đầy mâu thuẫn, trẻ con ở một số điểm và lại phát triển một cách kỳ lạ ở những điểm khác. Carrie muốn tặng cô một món quà chia tay vào lúc xa cách, thứ gì đó thỏa mãn gu thẩm mỹ và tinh

thần phiêu lưu của cô. Sau khi suy nghĩ, bà quyết định sẽ đến Mỹ bằng cách đi qua châu Âu, đó sẽ là món quà của bà. Bà muốn chia sẻ với các con gái những kỷ niệm về các quốc gia khác mà bà từng trải qua.

Tôi nghĩ đó là lúc xảy ra cuộc tranh cãi lớn về «Tân Ước của cha chúng ta», và đó là lần duy nhất Carie thành công, nhờ sự cứng đầu và một chút giận dữ, để đạt được điều mình muốn. Andrew phải hoãn việc xuất bản một ấn bản mới, điều này giúp mua cho Consolation một bộ đồ mới để vào đại học. Cô gái trẻ nghe thấy những tiếng động, được cố tình làm dịu đi, của một cuộc tranh cãi dữ dội sau cánh cửa đóng kín phòng ngủ của bố mẹ, và cô nhớ khuôn mặt nghiêm nghị và hơi chán nản của cha khi ông bước ra, trong khi mẹ cô, đỏ mặt và mắt sáng lên, nói với vẻ quyết tâm : «Mẹ sẽ mua cho con chiếc váy đó, và chúng ta sẽ đi qua châu Âu.»

Họ đi qua Siberia để tránh cho Carie phải đi biển. Họ đi thuyền hơi nước ngược sông Dương Tử, rồi bắt tàu hỏa ở Hán Khẩu về phía bắc. Carie hào hứng với những cảnh tượng mới lạ như các con của bà. Đặc biệt, nước Nga thu hút sự chú ý của bà. Ở đó, bà nhận thấy một tình trạng nhân sinh nghiêm trọng và nguy hiểm, và kinh hoàng trước sự khác biệt giữa một số ít người giàu có được giáo dục và quần chúng, hàng triệu sinh

vật sống gần như như động vật. Bà không ngừng lặp lại: «Những người này một ngày nào đó sẽ làm cách mạng rung chuyển thế giới. Người ta không thể cảm thấy an toàn ở một đất nước tồn tại tình trạng như vậy».

Chưa đầy mười năm sau, lời tiên tri của bà ứng nghiệm. Bà cảm nhận vũ trụ rung chuyển và theo dõi với niềm quan tâm sâu sắc các giai đoạn của cách mạng Nga ; sự đồng cảm của bà hướng về nhân dân, bất chấp khuynh hướng bảo thủ trong tư tưởng và sự ghét cay ghét đắng những hành động thái quá.

Mùa hè đó, những danh lam thắng cảnh châu Âu khiến họ vui thích, mỗi người tìm thấy điều mình yêu thích. Andrew say mê những nhà thờ và thánh đường, còn Consolation háo hức khám phá mọi thứ. Riêng Carie, bà thích ngắm nhìn những ngôi nhà, phụ nữ và con người nơi đây. Họ dành hai tháng bên bờ một hồ nước xanh ở Thụy Sĩ, trong một lâu đài nhỏ mở cửa cho khách du lịch, do một góa phụ trông nom, người phụ nữ từng sống trong giàu sang và chết trong nghèo khó tại nơi này. Carie ngắm nhìn vẻ đẹp của hồ nước và dãy Alps phủ tuyết, lắng nghe những câu chuyện của người góa phụ nhỏ bé. Carie luôn tìm thấy ai đó sẵn sàng tâm sự với bà. Ngay cả những nữ hầu phòng khách sạn cũng kể cho bà nghe câu chuyện của họ từ ngày thứ hai.

Khi đến lúc trở về Mỹ, Carie không cảm thấy háo hức như trước kia. Khi tiến gần đến quê hương, bà tràn ngập nỗi nghi hoặc. Những ký ức về nước Mỹ vẫn nguyên vẹn trong bà, nhưng liệu thực tế có còn như xưa ? Trong chuyến về thăm cuối cùng, bà không chắc mình có còn chỗ đứng, và giờ đây, bảy năm đã trôi qua. Lần này, điều gì sẽ xảy ra ? Bà nghe người ta nhắc đến nhiều thứ. Họ nói rằng đất nước giờ tràn ngập những phát minh mới, như ô tô, hay những cỗ máy kỳ lạ phục vụ việc nhà. Tất cả đều đã thay đổi.

Nhưng nếu nước Mỹ đã khác, thì vẫn còn Edwin, vợ anh và con trai họ. Đó là niềm vui đủ để bà mong chờ. Cả gia đình vượt qua đại dương đầy sóng gió, đến New York rồi bắt chuyến tàu đầu tiên về phương Nam.

Nhưng cả Carie lẫn Andrew đều không thể ở lại Mỹ trọn năm. Khi Carie trở về ngôi nhà trắng rộng lớn, bà cảm thấy trống vắng đến khó chịu vì sự vắng mặt của cha mình, một cụ già nhỏ bé, kiêu hãnh với mái tóc bạc trắng. Căn phòng của ông, từng là một cửa hàng châu báu thực sự với những món đồ trang sức chế tác thủ công, đá quý được gắn một cách tinh xảo, đủ loại đồng hồ treo tường và đeo tay, giờ trống trơn và được con trai cả của Cornélius sử dụng. Carie không còn thuộc về ngôi nhà lớn nữa. Bà trở về với tư cách một vị khách,

một người hiếm khi ghé thăm, chỉ xuất hiện sau những khoảng thời gian dài lưu đày. Vợ của Cornélius đã bình thản chiếm lấy nơi này, và dường như cuộc sống ngày xưa đã rời khỏi ngôi nhà cũ, ngay cả ký ức về quá khứ cũng biến mất.

Ở làng quê, trong nhà thờ trắng, một người lạ thay thế vị trí trên bục giảng của anh trai Andrew, người đã qua đời. Neale Carter cũng đã chết, và ngôi nhà của ông được bán lại cho những người chỉ đến vào mùa hè. Hầu hết những gương mặt xưa cũ đều không còn. Ngay cả tên thị trấn cũng đã đổi. Điều này khiến Carie cảm thấy buồn bã và xa lạ đến mức bà không thể ở lại lâu.

Nhưng bà vẫn còn Edwin cùng gia đình nhỏ của anh, và Consolation cần được đưa vào trường nội trú. Bà hướng về họ và sống sáu tháng cùng con trai. Đứa bé mang lại niềm vui cho bà, vì trái tim bà đủ rộng lớn và tràn đầy tình mẫu tử để đón nhận mọi đứa trẻ trên đời. Nhưng dù sao, ở đây, trong ngôi nhà của những người trẻ, bà vẫn cảm thấy mình chỉ là một vị khách qua đường.

Không còn một mái nhà nào ở quê hương chào đón bà, không còn nơi nào khiến bà cảm thấy mình thuộc về. Bà gặp lại Consolation ở trường đại học, cô bé đã chìm đắm trong cuộc sống mới và những người bạn, và Carie

hiểu ra với nỗi buồn rằng không ai còn cần bà ở quê nhà xưa nữa, ngay cả những đứa con của bà, cuộc sống của chúng đã đầy ắp những công việc mà bà không có phần trong đó. Bà phải vượt đại dương một lần nữa, đến với những người cần bà, những người đau khổ vì sự vắng mặt của bà và đang nóng lòng chờ đợi bà trở về. Trong mỗi chuyến đi trước, bà từng tự hỏi liệu mình có quay lại Trung Quốc không và tin rằng sẽ không thể nào rời nước Mỹ lần nữa. Nhưng lần này, bà quyết định hướng về nơi lưu đầy với một trái tim kiên định. Bà mang theo quê hương trong tim, nguyên vẹn trong ký ức.

Tôi tin rằng một linh cảm đã mách bảo tâm hồn nhạy cảm của bà ; Carrie cảm nhận đây là lần cuối bà vượt đại dương. Không rõ lúc đó bà đã nhiễm mầm bệnh nhiệt đới khiến cơ thể suy nhược không thể cứu vãn, dẫn đến cái chết sớm, hay vì bà cảm thấy quá nhiều sự thờ ơ xung quanh, sự thiếu vắng một mái nhà ; dù sao, bà cũng nói lời tạm biệt với vẻ đẹp của quê hương.

Trong mùa thu dài và rực rỡ ở nhà con trai, bà thường đi dạo một mình trong rừng, đắm mình trong sắc đỏ và vàng của lá cây, in sâu vào lòng những hình ảnh cuối cùng của sương mù tím phủ trên núi. Bà nhìn những ngôi nhà, những con người bình lặng, sạch sẽ và mãn nguyện, những nhà thờ nhỏ đông đúc vào Chủ nhật

bởi các gia đình trọn vẹn : cha, mẹ và con cái, với ánh mắt trù mến. Nhưng Carie đặc biệt quan tâm đến con người, những sinh vật đặc biệt được sống trọn đời trên đất Mỹ. Bà muốn cho họ thấy họ may mắn thế nào khi được sống ở đất nước độc nhất vô nhị này, nhưng bà lại khó diễn đạt khi nói đến những điều sâu sắc. Bà chỉ biết mỉm cười buồn bã khi người ta ngạc nhiên hỏi liệu bà có thực sự muốn trở lại vùng đất ngoại giáo kia không. Tôi tin rằng đến cuối đời, bà vẫn giữ nỗi nhớ nước Mỹ trong tim.

Bản thân tôi lúc đầu cũng không hiểu hết năm tháng đó quan trọng thế nào với Carie, nhưng một ngày nọ, khi ngồi cạnh bà trong nhà thờ, mọi người cất tiếng hát bài thánh ca bắt đầu bằng : «Ôi ! Vẻ đẹp của bầu trời bao la !» Bà hát vui vẻ, giọng tràn đầy, rồi đột ngột ngừng lại. Tôi nhìn bà để xem có chuyện gì. Khuôn mặt bà biến dạng vì nước mắt, và tôi nghe bà thì thầm : «Nước Mỹ, ôi nước Mỹ !»

Carie trở về Trung Quốc cùng Andrew. Họ chỉ mang theo cô bé Faith. Carie vẫn bị say sóng dữ dội khi vượt Thái Bình Dương, nhưng bà bình tâm với niềm tin rằng đây là lần cuối.

Wang Amah đợi họ ở Thượng Hải, khuôn mặt vàng ươm, tận tụy, đầy nếp nhăn và rụng hết răng dưới mái tóc bạc thưa thớt. Người bạn và người hầu trung thành giờ gần như không làm việc nữa, nhưng bà vẫn sống cùng Carie vài năm trước khi về với người con trai nuôi, điều bà làm sau này khi cần được chăm sóc và không muốn thành gánh nặng cho Carie. Khi mới đến, Carie vẫn có bà phục vụ và siết chặt bàn tay nhỏ, chai sạn và nâu sạm giữa đôi tay mình, rồi tất cả cùng nhau trở về ngôi nhà thấp bé. Carie nghĩ rằng những năm tháng bình yên của tuổi trung niên đang chờ phía trước, và bà đón nhận chúng với sự kiên định.

Nhưng cuộc đời bà không được định sẵn cho sự bình yên. Thời thế trái ngang, và thảm họa của cách mạng Trung Quốc ập xuống, cuốn họ vào hỗn loạn. Trong mười một năm cuối, một sự tĩnh lặng kỳ lạ, khó hiểu bao trùm Trung Quốc - một sự yên bình đầy rối ren, một sự an toàn giả tạo cho tất cả.

Đột nhiên, sự kiện diễn ra chóng mặt, chứng tỏ những cuộc nổi dậy lớn đã âm ỉ dưới lớp vỏ bề ngoài yên ả. Triều đại Mãn Thanh bị lật đổ ở Bắc Kinh, và lãnh tụ cách mạng Tôn Trung Sơn tuyên bố nền cộng hòa ở Trung Quốc.

Carie trở về được vài tháng thì viên lãnh sự Mỹ khuyên đồng hương nên tìm nơi trú ẩn gần bờ biển phòng khi kẻ xấu lợi dụng tình hình hỗn loạn và thiếu chính quyền trung ương tấn công người nước ngoài. Carie và Andrew nhìn nhau ; liệu họ có phải đối mặt với những lo âu xưa cũ ? Andrew, nửa tin nửa ngờ, nói với vợ : «Em nên đi», và bà miễn cưỡng thu dọn ít đồ. Sáng hôm lên đường, Carie cảm thấy mệt - tôi nghĩ bà ốm ít hơn mình tưởng - nhưng bà tuyên bố không thể đi. Mọi người ra đi không họ, và hôm sau, Carie khỏe lại, bỏ đồ đạc ra và quyết định ở lại chứng kiến cách mạng. Bà không còn những đứa con bám víu, và bà ghét cay ghét đắng bất cứ thứ gì giống chạy trốn nguy hiểm.

Trận chiến ác liệt nhất diễn ra ở Nam Kinh, cách nhà họ vài dặm về phía thượng nguồn ; từ giường nằm, Carie nghe tiếng đại bác hiện đại rền vang, thứ vũ khí người Trung Quốc học được từ phương Tây. Một ngày, tiếng súng nổ khô khốc vang lên gần nhà, và Carie, với thói quen liêu lĩnh, lao đến cửa sổ để xem chuyện gì.

Bên ngoài tường nhà, bà thấy những cơ thể nằm rạp xuống, cố ẩn mình trong lùm tre. Bà vội mặc quần áo và lặng lẽ đi xuống. Khi bước ra, bà nhận ra là những người phụ nữ Mãn Châu tị nạn, ăn mặc lộng lẫy trong những bộ áo dài bằng lụa, đầu vấn búi cao và chân để tự

nhien theo phong tục Mãn Châu. Một vài người trong số họ mặc trang phục Trung Hoa như một cách ngụ ý trang, nhưng gò má cao và bàn chân lớn đã tố cáo thân phận thật của họ. Carie chợt hiểu ra rằng họ là vợ và con gái của các quan chức Mãn Châu trong thành, đang phò mặc số phận cho sự thay đổi triều đại. Bởi đó là tập tục ở Trung Quốc : những kẻ lên nắm quyền sẽ tiêu diệt những thành viên còn sót lại của các gia đình cầm quyền trước đó, và những người phụ nữ tội nghiệp này đang phải chịu đựng số phận ấy. Carie ra hiệu cho một người trong số họ, đề nghị cho họ nơi trú ẩn, nhưng người phụ nữ đó hoảng sợ lùi vào đám cỏ cao, và Carie trở về nhà, vò đầu bứt tóc, tuyệt vọng vì cảm thấy bất lực, điều mà bà khó lòng chấp nhận. Thật vậy, chẳng có gì có thể làm được. Việc Carie đề nghị giúp đỡ, với tư cách là người nước ngoài, sẽ gây hại nhiều hơn lợi.

Không thể tính được số lượng phụ nữ, đàn ông và trẻ em người Mãn Châu đã bị tàn sát một cách vô ích tại nơi này và khắp Trung Quốc. Carie ở trong phòng với Faith. Họ bịt mắt và cố gắng không nghe thấy những âm thanh bên ngoài. Tôi tin rằng ngay cả Carie, dù đã quen với những cảnh tượng đau lòng, cũng không thể chịu đựng được sự tàn bạo diễn ra trong ngày hôm đó; bà không bao giờ quên cảnh tượng thương tâm này : những quý bà vốn được nuôi dạy tinh tế, từng được

bảo bọc kỹ lưỡng, giờ bị săn đuổi như những con nai và nằm giữa những khóm tre, đã chết, những bộ áo dài nhung của họ nhuốm đầy máu.

Nhưng khi giai đoạn này qua đi, và nền Cộng hòa Trung Hoa được thành lập, ít nhất là trên danh nghĩa, Carrie đã rất quan tâm đến tình hình mới. Bà vốn là một người có tinh thần nổi loạn bẩm sinh, và cảm thấy bị cuốn hút bởi mọi cuộc khởi nghĩa. Tổ quốc của bà là một nền cộng hòa nên chế độ này dường như tốt hơn bất kỳ chế độ nào khác. Bà nhìn vào tương lai với hy vọng.

«Có lẽ bây giờ họ sẽ dọn dẹp mọi thứ», bà nói, và bà hoàn toàn ủng hộ sắc lệnh yêu cầu cắt bỏ bím tóc dài trên đầu của đàn ông, vì mái tóc dài đó là biểu tượng của sự nô lệ dưới triều đại Mãn Châu cũ. Đúng là đôi khi bà cảm thấy buồn cười trước cách thức thực hiện mệnh lệnh này, và bà cũng thông cảm phần nào với những người đàn ông Trung Quốc lớn tuổi, nghiêm túc và bảo thủ, những người coi bím tóc của họ như một phần không thể tách rời của bản thân. Những người nông dân, khi vô tình đi qua cổng thành vào một buổi sáng, với những giỏ rau tươi treo trên đòn gánh, bất ngờ bị lính gác chặn lại, túm lấy và cắt phẳng bím tóc dài bằng những chiếc kéo thô ráp. Không ít người đã hét

lên vì sợ hãi, tưởng rằng mình sắp bị chặt đầu.

Nhưng lúc này, chính phủ mới tỏ ra rất quyết liệt; khắp nơi, binh lính sẵn sàng xóa bỏ biểu tượng của sự nô lệ từ quá khứ. Nhiều người đàn ông vào buổi sáng còn tự hào với mái tóc dài, nhưng khi đêm xuống, họ lén lút trở về nhà như những con chó nhục nhã, với mái tóc bị cắt ngắn đến gáy. Carrie cho rằng cuối cùng thì đây cũng là một điều tốt. Bà kiên quyết yêu cầu người làm vườn và người giúp việc của mình cắt tóc ; bà nhìn những cái đầu trọc của họ và tự nhủ rằng đó là một bước tiến tới sự sạch sẽ và đạo đức.

Thành phố chẳng bao lâu sau lại trở nên yên bình ; cuộc cách mạng tiến lên phía bắc, để lại phía sau rất ít thay đổi tức thì, và những thay đổi đó cũng không đáng kể hơn việc cắt tóc hàng loạt. Khi mọi náo động qua đi, Carrie thấy mình trở về với cuộc sống gần như không khác trước đây, và bà bắt đầu công việc truyền giáo theo những kế hoạch đã định từ lâu, khi các con bà đã đủ lớn để bà có thể tự do. Faith đã đủ tuổi đến trường ở Thượng Hải, và khi không còn con gái ở nhà, bà cảm thấy trống trải.

Bà theo Andrew khắp nơi, trong những chuyến đi dài bằng thuyền, xe bò hoặc kiệu. Những năm gần đây, một tuyến đường sắt đã được xây dựng đến vùng duyên hải,

và Carie sử dụng nó cho phần lớn hành trình, sau đó rẽ về phía bắc hoặc phía nam, đến các thành phố và làng mạc, và đi bộ hàng dặm trong vùng nông thôn. Trong khi Andrew thuyết giảng, bà tập hợp các nhóm phụ nữ và trẻ em xung quanh mình, dạy họ đọc, hát, đan len và may vá, đồng thời cố gắng truyền đạt cho họ những nguyên tắc cơ bản về cuộc sống và cách hành xử của người theo đạo Cơ đốc.

Nhưng bà làm tất cả những điều này theo cách riêng của mình, không phải cách của Andrew. Ông truyền đạt thông điệp như một người nước ngoài nói chuyện ở một đất nước không phải của mình, và mang theo một sắc lệnh từ vị vua của quê hương ông. Nhiệm vụ của ông là đọc nó để mọi người cùng nghe. Khi hoàn thành nhiệm vụ đó, trách nhiệm của ông coi như đã xong.

Có lẽ vào khoảng thời gian này, Carie nhận ra rằng bà và Andrew vẫn cách xa nhau, dù đã kết hôn hơn ba mươi năm và có bảy người con. Bà kết hôn với người đàn ông này để thỏa mãn khía cạnh cứng nhắc và thanh giáo trong tính cách của chính mình, nhưng khi cuộc sống trôi đi, chính yếu tố con người, phong phú hơn, lại phát triển mạnh mẽ trong bà. Chỉ có hai người họ trong nhà, trên những con thuyền, đi bộ dọc theo những con đường đầy bụi ở nông thôn, hoặc trên những con

phổ lát đá trong thành phố, họ không bao giờ có những cuộc trò chuyện. Carie, với tài nói chuyện dí dỏm, vui vẻ và đầy hóm hỉnh khiến nhiều người say mê, nhận thấy rằng những nhận xét nhanh nhạy của bà về những gì xung quanh khiến Andrew chán nản, vì ông cho rằng chúng quá táo bạo một cách không cần thiết. Lời nói hơi giáo điều của vị truyền giáo, sự chậm chạp trong việc nắm bắt sự hài hước, cách ông hoàn toàn chìm đắm vào công việc, sự bất lực trong việc nhìn thấy hoặc hiểu được những khó khăn thực tế của những người xung quanh, lối sống khắc khổ và khô khan của ông, không có chỗ cho cái đẹp hay niềm vui, khiến Carie cảm thấy xa cách, dù bà vẫn ngưỡng mộ sự tự chủ và tinh thần cao thượng của ông.

Trước đây, bà từng mơ về việc cùng làm việc, sát cánh bên nhau, trong tinh thần đồng đội vững chắc và bất khả chiến bại. Khi các con còn nhỏ, và cuộc sống của bà đầy ắp những nghĩa vụ, bà không thể thực hiện được điều đó, nhưng giờ đây, khi các con gái đã lớn, bà sẽ cùng Andrew chia sẻ mọi công việc. Bà nghĩ rằng họ sẽ cùng nhau đọc sách, trò chuyện, làm việc; ông sẽ giúp bà tiến bộ, phát triển đời sống tâm linh, giải thích cho bà những điều trong Kinh Thánh mà bà thấy khó hiểu. Và bà - chắc chắn bà sẽ tìm cách giúp ông - bù đắp những khiếm khuyết của ông. Bà sẽ quan tâm hơn

đến phần âm nhạc trong nhà thờ; cùng Andrew chọn những bài thánh ca hay nhất, thay vì những bài hát quá nghiêm trang thông thường không được yêu thích, và với khả năng diễn đạt mạnh mẽ và khéo léo, Carrie có thể làm dịu đi phần nào những bài giảng khô khan của Andrew. Họ sẽ cùng nhau đọc lại và bà sẽ đề xuất những câu chuyện nhỏ làm ví dụ, những so sánh thú vị. Vui mừng, bà không hề tự hỏi dù chỉ một giây liệu Andrew có muốn sự hợp tác của mình hay không. Bà nghĩ rằng chính vì những năm tháng như thế này mà bà đã rời bỏ quê hương và sự hy sinh của bà sắp được đền đáp. Andrew, chắc chắn, sẽ hạnh phúc khi tận dụng năng lượng của vợ mình, cũng như bà sẽ tận dụng sức mạnh của ông ; mỗi người sẽ bổ sung cho người kia.

Nhưng bà đã nhầm. Andrew thích tự mình soạn các bài giảng khiến ông hoàn toàn hài lòng. Ông nghi ngờ sâu sắc rằng những gợi ý của vợ có thể cải thiện chúng, và ông thấy những bài thánh ca mà bà yêu thích thật kỳ lạ và vô nghĩa. Hơn nữa, giai điệu của chúng quá vui tươi so với phẩm giá tôn giáo. Dường như không phù hợp để ca ngợi niềm vui và vẻ đẹp của thế giới khi địa ngục đang hé mở phía sau.

Andrew còn thâm nhuần học thuyết của Thánh Phao-lô, người nói rằng phụ nữ phải phục tùng đàn ông. Ông chỉ cần thấy Carie quán xuyên nhà cửa, sinh con đẻ cái và chăm lo nhu cầu của mình. «Đàn ông là trí tuệ của phụ nữ». Theo Kinh Thánh, chỉ thông qua chồng, bà mới đến gần Chúa. Nếu Carie cảm thấy có khả năng, trong một giới hạn nhất định, bà có thể dạy dỗ những người phụ nữ đến nhà thờ, nhưng việc kiểm tra cuối cùng kiến thức và đức tin của tất cả họ chỉ thuộc về mình anh, với tư cách là mục sư của Chúa, anh sẽ chọn những người xứng đáng được gia nhập giáo đoàn.

Khi nhận ra suy nghĩ của chồng, Carie, vốn sôi nổi, đã phần nộ nổi loạn. Bà lần đầu tiên nhìn thấy bản chất thật của vị thánh mà bà đã kết hôn vì đức hạnh của ông. Dù ông đối xử tốt với bà, bà cảm thấy ông hẹp hòi, ích kỷ, tự phụ. Phải chăng phụ nữ không có quyền trực tiếp đến gần Chúa ? Trí tuệ của Carie vốn sắc sảo, nhanh nhạy và rõ ràng hơn hầu hết đàn ông. Liệu Chúa có thực sự giống Chúa của Andrew ? Dường như Carie đã dang tay với những món quà tinh thần và vật chất phong phú, bà tự nguyện trao tặng, cảm động trong niềm tin rằng chúng sẽ được trân trọng như một đứa trẻ - nhưng chúng bị từ chối, bị coi là vô giá trị. Đây là lần đầu tiên bà ý thức được tinh thần của Andrew.

Tôi chỉ có thể lặng lẽ lánh đi trước hình ảnh người phụ nữ bị tổn thương sâu sắc trong tâm hồn. Tôi hiểu bà quá rõ, gắn bó quá mật thiết, nên không dò xét phân đòi mà bà chưa bao giờ tự nguyện tiết lộ với bất kỳ ai. Đôi khi, những lời buồn bã và giận dữ vẫn tuôn ra ngoài ý muốn, nhưng bà luôn kìm nén và hối hận.

Bà được nuôi dạy trong thời đại mà ngay từ khi sinh ra, phụ nữ đã bị đối xử nghiêm khắc, có lẽ nghiêm khắc với cả những người chọn con đường tôn giáo. Carrie không bao giờ nghĩ đến việc buông lỏng hôn ước. Dù có xung đột, dù tâm hồn xa cách, những ràng buộc bên ngoài vẫn không thể bị phá vỡ. Nghĩa vụ tôn giáo và bổn phận vượt trên tình yêu.

Bà biết rõ điều đó. Bà cúi đầu, kìm nén, một lần nữa im lặng trước bản tính khao khát hạnh phúc, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ biết bà phải trả giá nào. Bà trở lại cuộc sống bình lặng giữa những người phụ nữ Trung Quốc khiêm nhường, dịu dàng và im lặng dù không muốn. Bà từ bỏ giấc mơ dẫn dắt nhiều phụ nữ đến nhà thờ. Bà không làm phiền các buổi họp của Andrew. Bà chỉ đến những nơi có thể giúp đỡ, trong nhà nguyện hay nơi khác.

Gần đây, một giáo sư người Trung Quốc từng biết Carie thời đó nhận xét : «Tôi đặc biệt nhớ bà vì bà tự giặt quần áo để dành tiền giúp người nghèo. Tôi chưa từng gặp người phụ nữ nào như bà, trước hay sau này».

Trong khi đó, Carie khép mình lại và sống trong cô đơn tinh thần khi nuôi dạy con cái. Bà hát khê nếu Andrew có nhà - và chăm sóc khu vườn, nơi được nhiều người coi là thiên đường. Bà đi bộ trên những con đường gập ghềnh đến những ngôi nhà tranh, gặp gỡ các nhóm phụ nữ và thiếu nữ. Bà quan tâm lại đến người giúp việc và hàng xóm, gửi quà nhỏ cho Wang Amah, giờ đã già và sống với con trai nuôi. Bà viết thư dài cho con, tìm quà tặng chúng trong khả năng, và mong ngóng ngày chúng trở về.

Nhưng đó chỉ là cuộc sống giả tạo. Carie héo mòn. Với khả năng làm việc lớn, bản tính phóng khoáng của bà bị kìm hãm. Bà cô đơn vì khao khát một tình bạn thân thiết. Khi các con còn nhỏ, tình yêu của chúng xoa dịu nỗi đau. Nhưng khi chúng rời nhà, cuộc sống trở nên trống rỗng.

«Thật tốt biết bao, cô thì thầm, nếu có ai đó cùng đi dạo - một người thuộc về mình.»

Cô nói vậy khi nhìn Andrew bước đi. Ông đi một mình trên con đường quanh co, quá chìm đắm trong suy nghĩ và nhiệm vụ để rủ vợ đi cùng, còn bà quá kiêu hãnh để đề nghị. Thật là một tâm hồn xa lạ, ông nhìn thấy Chúa trên trời rõ ràng nhưng không thấy người phụ nữ kiêu hãnh và cô đơn bên cạnh. Với ông, bà chỉ là một người vợ. Từ khi thấy Carie bị khuất phục, tôi căm ghét Thánh Phao-lô, và tôi nghĩ mọi phụ nữ đều nên ghét ông ta vì những gì ông đã gây ra cho những người như Carie, những phụ nữ tự do và kiêu hãnh nhưng bị kết án chỉ vì giới tính. Tôi vui mừng vì ảnh hưởng của Thánh Phao-lô ngày nay đã chấm dứt.

Carie già đi nhanh chóng. Bà gầy gò, tóc bạc trắng như tuyết, nhưng vẫn giữ dáng đứng thẳng. Đôi lúc, nét sống động trong tiếng cười và lời nói của bà khiến người ta nhớ đến Hermanus. Bà đọc Kinh Thánh trong chán nản, hiếm khi nhắc đến Chúa. Tôi tin bà đang mò mẫm tìm kiếm thần linh. Bà cảm thấy tuổi già đến mà chưa làm được điều mình mơ ước. Trong suốt những năm đó, bà chưa bao giờ cảm nhận rõ ràng sự hiện diện của Chúa - luôn có nỗi sợ nhảm lẫn một dấu hiệu từ Thiên đường với một sự ngẫu nhiên tầm thường. Carie cắt những bài thơ ngắn từ báo chí hoặc tạp chí rồi đặt vào giữa các trang Kinh Thánh của bà, khiến cuốn sách trở nên căng phồng : những vần thơ giản dị, phần lớn

mang nỗi buồn, cùng những miêu tả về phong cảnh mà bà từng ngưỡng mộ. Sau khi bà qua đời, tôi đọc lại tất cả và hiểu được tâm trạng của bà trong giai đoạn đó. Những bài thơ ấy nói về những đứa trẻ nhỏ đã khuất, những người lưu vong xa quê hương, và nhất là một vị Chúa mà người ta phải tin tưởng dù không có bằng chứng, vì chưa ai từng thấy Ngài.

Năm sáu mươi tuổi, Carie đột nhiên mắc phải căn bệnh vùng nhiệt đới mà sau này người ta phát hiện ra đã âm ỉ từ lâu và dần dần làm suy kiệt bà. Đó là một căn bệnh mà người ta không biết nguyên nhân lẫn cách chữa. Họ chỉ biết rằng đôi khi một số chế độ ăn uống có thể chữa khỏi. Căn bệnh này hiếm gặp ở người bản địa, nhưng lại rất phổ biến ở những người da trắng sống trong vùng.

Thể chất khỏe mạnh của Carie đã bị suy yếu bởi những cơn sốt rét và kiết lỵ thường xuyên, vì vậy bệnh tình tiến triển rất nhanh. Ban đầu bà không muốn nằm liệt giường, nhưng chẳng bao lâu sau, mọi người nhận ra rằng đây là vấn đề sống còn. Consolation ngay lập tức trở về. Cô đã vượt qua các kỳ thi, trông như một người phụ nữ trưởng thành, và hết lòng chăm sóc mẹ mình.

Khi Carie buộc phải nằm liệt giường, tình trạng của bà ngày càng xấu đi. Trong nhiều ngày, bà kiệt sức, không nói năng, gần như liên tục trong trạng thái lơ mơ. Bà chỉ chịu nằm xuống khi đã đến đường cùng, khi đôi chân không thể nâng đỡ bà được nữa. Nhưng cuối cùng, bà cũng lấy lại sức mạnh bằng một nỗ lực ý chí lớn lao, quyết tâm chiến đấu để giành lấy sự sống. Không gì có thể khích lệ bà bằng ý nghĩ về cuộc chiến này. Đột nhiên, bà tràn đầy sinh lực.

«Tôi đã quyết định không để mình chết, bà vui vẻ nói vào một buổi sáng. Tôi không muốn bị khuất phục bởi cơ thể già nua này - tôi vẫn còn sức trẻ ! Tôi đã nghĩ đến nhiều điều mình muốn làm - những điều rất thú vị. Tôi thật ngốc nghếch. Thời gian qua tôi đã không tận hưởng cuộc sống đủ, và từ giờ trở đi, điều đó sẽ thay đổi».

Bà quyết định tự chữa trị cho mình. Vị bác sĩ kinh ngạc trước sự thay đổi mà ông nhận thấy. Bà thảo luận về tình trạng của mình với ông, quan tâm sâu sắc đến việc hồi phục và nói về nó như thể đó là chuyện của người khác. Vì phương pháp điều trị căn bệnh này còn rất mơ hồ, bà nhờ Consolation viết thư cho tất cả những người mà bà nghe nói đã khỏi bệnh.

«Không cần hỏi thăm những người đã chết đâu !» bà thêm vào một cách vui vẻ.

Từ những phản hồi, rõ ràng chỉ có chế độ ăn uống mới có thể chữa khỏi. Nhưng chế độ này lại khác nhau tùy từng người, khiến vấn đề trở nên phức tạp. Căn bệnh dường như bắt nguồn từ điểm yếu trong thể chất của mỗi cá nhân.

«Tôi sẽ phải tìm ra những điểm yếu của riêng mình, bà nói với nụ cười. Tôi luôn sợ rằng mình có chúng».

Sữa dường như có tác dụng với nhiều người. Bà thử chế độ ăn uống với sữa trong hai tháng, uống một ít mỗi hai giờ. Nhưng công sức đổ sông đổ bể. Bà gầy đi đến mức đáng kinh ngạc. Chỉ còn thấy đôi mắt đen sâu thẳm và ánh nhìn kiên cường của bà lấp lánh trên khuôn mặt nhẵn nhéo, nhỏ bé.

«Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ giống Alice ở xứ sở thần tiên mất, bà nói với Consolation vào một buổi sáng khi cô giúp bà tắm. Tốt hơn hết là tôi nên ăn gì đó để lớn lên trước khi tan biến hoàn toàn», bà thêm vào khi nhìn những chiếc chân tay teo tóp của mình.

Bà thử dùng sữa đông, làm từ những viên men dịch vị. Có một chút kết quả, vì bà ngừng sút cân trong một tháng. Nhưng tháng Sáu đến cùng với cái nóng mùa hè và độ ẩm nặng nề bốc lên từ những cánh đồng lúa ngập nước.

Chúng tôi đưa bà lên Kuling, đến ngôi nhà nhỏ. Hành trình thật gian nan. Chúng tôi phải đặt bà nằm trên một tấm nệm dày, vì những chiếc xương nghèo nàn của bà giờ chỉ còn da bọc xương.

Nhưng không khí miền núi nhanh chóng có tác dụng tốt với bà, và bà nghe nói về một phương thuốc mới. Có người đã khỏi bệnh nhờ nước dùng từ gan và nước ép rau chân vịt. Bà bắt đầu uống hỗn hợp kinh khủng ấy với sự hào hứng. Giường của bà được đặt ở ngoài hiên nhỏ, và từ trên những ngọn cây, ánh mắt bà đắm chìm vào thung lũng, nơi bà ngắm nhìn trong khi uống nước dùng. Chúng tôi biết rằng khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên, bà đang cố quên đi thứ mình phải nuốt.

Trong tuần đầu tiên, chúng tôi theo dõi cân nặng của bà rất sát sao. Bà tăng được hai ounce ; đến cuối tháng, một pound rưỡi. Một số triệu chứng được cải thiện, trong đó có tình trạng viêm niêm mạc miệng. Carie cảm thấy rất được khích lệ, tràn đầy năng lượng và sức sống.

Bà dành nhiều thời gian để suy ngẫm, và chúng tôi đoán được dòng suy nghĩ của bà qua những lời bà thỉnh thoảng thốt lên.

«Các con biết không, bà nói, khi khỏi bệnh, mẹ sẽ trở nên cực kỳ ích kỷ. Mẹ sẽ chỉ lo cho bản thân mình».

Khi chúng tôi nghe với nụ cười mỉa mai, một chút tinh quái lóe lên trong ánh mắt bà : «Ừ, mẹ sẽ có đôi bàn tay thật đẹp».

Sau đó, bà miêu tả cho chúng tôi về một quý bà già đáng yêu và duyên dáng mà bà dự định sẽ trở thành : dịu dàng, đoan trang, ăn mặc chỉnh chu. Chúng tôi trêu chọc bà, vì biết rõ rằng một khi sức khỏe hồi phục, bà sẽ lại chạy đến với những người nghèo khổ và xới tung đất đen trong khu vườn của mình. Nhưng bà trở nên nghiêm túc hơn và nhấn mạnh : «Mẹ nói nghiêm túc đây. Mẹ đã quá ngốc khi buồn bã. Mẹ muốn yêu cuộc sống hơn bao giờ hết. Cả đời mẹ đã làm việc vì người khác, nhưng từ giờ trở đi, các con sẽ không nhận ra mẹ đâu. Sâu thẳm, mẹ luôn mong muốn có thời gian rảnh để nghĩ về bản thân. Mẹ sẽ đọc tất cả những cuốn sách và tạp chí mình thích. Mẹ sẽ có một chiếc váy mới bằng lụa màu hoa cà và đi thăm bạn bè. Các con có biết rằng dù đã tiếp hàng trăm vị khách trong nhà, mẹ chưa bao giờ đi thăm ai chỉ vì niềm vui không ; luôn luôn là vì người ta cần mẹ giúp việc gì đó».

Nhưng quá trình hồi phục từ căn bệnh này không diễn ra đều đặn. Mùa hè trôi qua với một chuỗi những giai đoạn cải thiện và tái phát, và tiến triển được đo lường bằng việc mỗi lần tái phát sau nhẹ hơn lần trước. Carie

đang chiến thắng trong cuộc chiến này.

Mùa thu đến, và mỗi người chúng tôi phải trở về nơi làm việc của mình. Carie quyết định kéo dài thời gian ở lại vùng núi. Bà tiếc nuối sự vắng mặt của Wang Amah, người đã quá già yếu để lên núi cùng bà, và bà ở lại một mình, với một người hầu, trong ngôi nhà đá, quyết tâm tiếp tục cuộc chiến chống lại bệnh tật.

Tôi đã phải ghép lại từ những mảnh thư của bà để hình dung cuộc sống của Carie trong mùa thu và mùa đông năm đó. Bà dần lấy lại sức lực, chậm rãi nhưng chắc chắn, nằm dưới hiên nhà và bận rộn ngắm nhìn những chiếc lá đổi màu rồi rụng xuống. Một ánh sáng u tối, màu rỉ sét, bao phủ toàn bộ sườn núi và những bông cúc tím nở rộ. Chưa bao giờ bà thấy khung cảnh nào gợi nhớ đến mùa thu ở quê nhà đến thế, và toàn bộ con người bà, khi hồi phục sức khỏe, đã để cho sự bình yên tỏa ra từ vẻ đẹp ấy thấm vào mình.

Đến ngày Carie có thể đứng dậy và đi lại được một chút; mỗi ngày bà tự xoa bóp, tắm nắng và chăm chút chế độ ăn uống, dần dần mở rộng thêm. Đôi khi bà mắc sai lầm, ăn thứ gì đó khiến tình trạng tệ đi, nhưng bà bình thản tự kiểm tra và gửi cho chúng tôi báo cáo về sức khỏe của mình, như thể bà là bệnh nhân của chính mình. Dần dà, sau vài lần thử nghiệm, bà tìm ra chế

độ ăn phù hợp và tiến bộ nhanh chóng. Chẳng bao lâu sau, bà bước xuống những bậc thang dẫn đến khu vườn trồng đầy dương xỉ, rồi đi vài bước dọc theo con đường núi rải sỏi chạy ngang phía trên ngôi nhà.

Không lâu sau, bà đi thăm những người hàng xóm, ốm yếu hơn mình, những người lên núi dưỡng bệnh vào mùa đông, và từ đó, những bức thư của Carie chỉ xoay quanh họ. Bà thường xuyên đến thăm và sớm biết hết mọi chi tiết về cuộc sống cùng những căn bệnh họ đang chịu đựng. Tôi tin rằng đôi lại những tâm sự ấy, bà đã đưa ra rất nhiều lời khuyên thiết thực. Bà đặc biệt quan tâm đến một phụ nữ Mỹ trung niên mắc bệnh giống mình ; bà nghiên cứu tình trạng của bà với nhiệt huyết tuổi trẻ và vui mừng khi thấy bà ấy hồi phục.

Mùa đông đến, Carie cảm thấy sức lực trở lại ; bà bồn chồn, không chịu nổi sự nhàn rỗi. Bà lấy lại sự sôi nổi và hứng thú với mọi thứ xung quanh. Nhưng bác sĩ cho rằng bà chưa hồi phục hoàn toàn và không cho phép bà rời vùng cao nguyên. Chính lúc này, bà nảy ra ý định xây lại ngôi nhà nhỏ.

Công trình đã xuống cấp qua năm tháng ; gỗ bị mối mọt ăn mục nát, đá lở ở nhiều chỗ. Hơn nữa, khi Consolation trở về Trung Quốc, Faith thỉnh thoảng đến ở, ngôi nhà trở nên quá chật chội. Dự án xây nhà mới

khiến Carie rất hứng thú, dù phải tiết kiệm tối đa chi phí. Thật thú vị khi tận dụng vật liệu cũ, sắp xếp mọi thứ và tạo bất ngờ cho gia đình. Bà dồn hết nhiệt huyết vào việc này và quên đi bệnh tật.

Bà mời một nhà thầu người Trung Quốc, cùng nhau kiểm tra từng viên đá, thanh gỗ còn dùng được. Hầu hết đều có thể tái sử dụng, và Carie tự vẽ bản thiết kế. Sẽ có ba phòng nhỏ, hai phòng tắm, một hiên lớn và một phòng khách với lò sưởi đá rộng. Tận dụng sườn đồi, bà thêm hai phòng phía dưới dành cho người giúp việc.

Nghĩ đến cuốn Tân Ước của Andrew, Carie tính toán kỹ lưỡng, và cuối cùng, chi phí xây dựng rất rẻ.

Carie dọn vào một ngôi nhà trống bên cạnh, hào hứng nhìn những bức tường cũ đổ xuống và nền móng mới được đào. Từ sáng đến tối, bà có mặt tại công trường, góp ý về cách đặt đá và vui mừng khi thấy tường dần dựng lên. Bà cố gắng bắt chước phong cách nhà Mỹ. Cùng một người phu, bà tìm những tảng đá phẳng dưới lòng suối để xây lò sưởi lớn. Bà còn thêm một lò sưởi nhỏ trong phòng ngủ. Tôi nghĩ bà đang áp ủ ý định sống ở đó khi về già, để tự nhủ mình đang ở quê nhà. Trong sâu thẳm, không tự thừa nhận, bà đã giã biệt tổ quốc, nơi bị ngăn cách bởi đại dương khắc nghiệt, nước Mỹ không bao giờ dang tay đón những đứa con đã rời xa,

dù họ vẫn giữ trọn tình yêu.

Mùa đông ấy với Carie thật hạnh phúc vì bà bận rộn và thấy sức khỏe thể chất lẫn tinh thần dần hồi phục. Bà còn được sống giữa thiên nhiên hùng vĩ, xa những mảnh đời nghèo khổ và áp bức. Tôi nhớ một bức thư bà miêu tả trận băng giá trên núi, phủ lớp sương lên từng cành cây, lá nho và tre : «Đẹp đến mức ngay cả tôi, kẻ có thể say đắm cái đẹp mà không bao giờ thỏa, cũng thấy choáng ngợp», bà viết.

Mùa đông ấy, bà có nhiều niềm vui. Có một ngôi trường nhỏ cho trẻ em Mỹ, và bà dẫn chúng đi trượt tuyết. Tôi có một bức ảnh nhỏ chụp bà ngồi trên chiếc xe trượt đầy trẻ con ; bà cầm dây cương, mắt sáng rực, cười tươi. Bà như sống lại những trò chơi thời thơ ấu, và ở đây không ai chê trách sự vui vẻ của bà.

Khi tất cả chúng tôi đến vào kỳ nghỉ tháng Tám, Carie đón chúng tôi trong ngôi nhà mới, tự hào hơn cả một cung điện. Bà đã làm việc cật lực để mọi thứ hoàn hảo, từ rèm voan trắng trên cửa sổ đến chiếu mới trải sàn; những giỏ dương xỉ xanh rủ xuống và hoa được bày khắp nơi. Carie đã dựng lên tổ ấm trong mơ. Bà hiện thực hóa hình ảnh nước Mỹ trong tim, một mái nhà yêu thích được dịch chuyển đến nơi này.

Quả thật, đó là một nơi quyến rũ, ngôi nhà đá nhỏ bé, sạch sẽ, nằm trên thảm cỏ bậc thang giữa ngọn cây mọc trên sườn dốc. Xuyên qua cành lá là những ngọn núi xa xăm, và giữa những đỉnh núi là biển xanh mênh mông. Bên trong, ngôi nhà đơn sơ đến mức nghèo nàn. Nhưng nó sáng sủa và mát mẻ, được gió và sương cao nguyên quét qua. Điều đó giúp Carie nguôi ngoai nỗi sợ không bao giờ được thấy quê hương nữa.

Mùa hè kết thúc, và một ngày nọ, Carie trang nghiêm tuyên bố rằng bà đã nghỉ ngơi đủ và phải trở lại công việc. Andrew cần một tổ ấm, và bà đoán được ngôi nhà sẽ thế nào khi thiếu bà. Consolation vừa đính hôn với một chàng trai Mỹ trẻ mùa hè này, và phải chuẩn bị cho đám cưới vài tháng tới. Faith, đến lượt mình, sẽ sang Mỹ học đại học khi hoàn thành chương trình trung học ở Thượng Hải. Carie sẽ không thiếu việc và chuẩn bị tất bật.

Chúng tôi quan sát bà suốt mùa đông ; sức khỏe bà ổn định, nếu không nói là khỏe mạnh, thì ít nhất cũng ở mức đáng ngạc nhiên so với hình ảnh bà nằm liệt gầy gò trước kia. Bà tuân thủ chế độ ăn và nghỉ ngơi dù không muốn. Đồng thời, bà chuẩn bị cho đám cưới của Consolation và tương lai của Faith. Bà cảm thấy hạnh phúc và bận rộn, hai từ đồng nghĩa với bà.

Xuân đến và đám cưới diễn ra, hoàn hảo như bà mong muốn. Có thể tưởng mình đang ở thăm cỗ một ngôi nhà Mỹ, buổi lễ giản dị lúc hoàng hôn giữa vài người bạn. Consolation, một cô dâu cao ráo, thanh thoát, bước đi tự nhiên trong váy trắng và mạng che mặt về phía chú rể. Carie nhìn họ, xúc động bởi một cảm giác mới. Hai con người trẻ gắn bó với bà, cuộc sống mới sẽ đến qua họ, bao điều thú vị mới mẻ - thật ngớ ngẩn khi nghĩ rằng bà không còn việc gì để làm nữa !

Hôm đó bà trông đặc biệt xinh đẹp với mái tóc tuyệt trắng, dày và xoăn bồng bênh trên đầu, cùng đôi mắt đen sáng ngời, trẻ trung và linh hoạt hơn bao giờ hết. Bà mặc một chiếc váy màu xám bạc và ôm trên tay một bó hoa cẩm chướng hồng lớn. Bà đã tự tay làm và trang trí chiếc bánh cưới đặt dưới giàn hoa tử đằng. Cô dâu trẻ cắt bánh. Carie ngấm nhìn con gái và chúng tôi nghe thấy bà thì thầm với vẻ mãn nguyện : «Đám cưới này dù ở Mỹ cũng không thể hoàn hảo hơn».

Tám năm đã trôi qua kể từ chuyến về Mỹ cuối cùng của Andrew, và giờ ông lại có thể trở về. Carie phân vân giữa khao khát được nhìn thấy quê hương lần nữa và tình trạng sức khỏe mong manh, vì bác sĩ cho rằng bà không đủ sức chịu đựng hành trình biển dài. Tôi không rõ Carie từ bỏ ý định ra đi vào lúc nào. Có lẽ bà quyết

định dần dần ; bà im lặng về việc này và đến phút cuối, chúng tôi vẫn không biết bà sẽ làm gì. Cuối cùng, bà quyết định ở lại và nhờ Andrew đưa Faith đi, hẹn trở về một mình trước cuối năm. Bà sẽ giữ nhà và tiếp tục công việc của chồng trong khả năng cho đến ngày ông quay lại.

Tin Cornelius qua đời đến như một sự xác nhận cho quyết định của bà. Người mà thời thơ ấu từng quan trọng hơn cả anh ruột, giờ đã ra đi, khiến bà không còn cơ hội gặp lại gương mặt thân thương ấy. Điều này cũng cổ thêm lựa chọn của bà. Bà sẽ giữ quê hương ở nơi nó sống động nhất, trong tim và tâm trí mình. Quá nhiều người thân đã khuất, quá nhiều điều mới xuất hiện, biết đâu bà chẳng còn chỗ nào ở đó nữa ? Ngay cả Edwin cũng xa cách, chìm đắm trong công việc và con cái, không cần đến bà.

Carie vẫn viết cho con trai những lá thư dài hàng tuần, tràn đầy tình yêu như thể cậu bé vẫn là đứa trẻ ngày xưa, và trong mắt bà, cậu mãi như thế. Andrew chẳng bao giờ đề ý đến trẻ con, nhưng bà tha thiết nhờ Faith kể chi tiết qua thư, màu tóc, màu mắt, những biểu cảm ngộ nghĩnh. Bà khao khát được gặp các cháu nhưng tự an ủi rằng chúng đang ở Mỹ, an toàn như mọi người sinh sống ở đó.

Vậy là bà ở lại một mình trong ngôi nhà vuông cũ kỹ, nơi từng vang tiếng con trẻ. Andrew cầu nguyện và làm việc ở đây, nơi bắt đầu những chuyến đi dài của ông. Người ra vào tấp nập, nhưng giờ chẳng còn ai.

Tôi chưa bao giờ nghe bà nói mình sợ hãi. Lão người Hoa giúp việc vườn ngủ dưới nhà khu gia nhân, là người duy nhất phục vụ. Carrie mua một khẩu súng han gí trong cửa hàng, dù không biết dùng, bà vẫn thức dậy hai ba lần mỗi đêm, tay cầm nển, tay xách súng rảo khắp nhà.

Những năm hỗn loạn sau cách mạng, sống cô độc như thế rất nguy hiểm, nhưng hàng xóm quen bà và bà chẳng hề run sợ. Bà bảo rằng con giận khi bị đe dọa đã xóa tan nỗi sợ. Tôi nhớ một đêm hè oi ả, bà nghe tiếng động nơi cửa sổ phòng ngủ mở toang. Bà nhảy khỏi giường, hát tẩm bình phong dưới chân, thấy một gã đàn ông Hoa to lớn đứng đó, ánh mắt hung dữ.

«Cút ngay ! bà quát, giọng sắc lẹm như thường lệ. Anh làm gì trong nhà tôi ?»

Bà lao tới, một bóng trắng nhỏ bé trong chiếc áo ngủ kiểu cũ, khiến hắn lùi lại rồi biến vào bóng đêm vườn tối, đánh rơi mớ khăn mặt và vỏ gối vừa trộm.

Andrew, vốn nhút nhát, sợ trộm đến kỳ lạ, nằm im trên giường khiến Carie phần nộ. Khi gọi chồng dậy không được, bà chạy chân trần đuổi theo tên trộm, vừa hét gọi gia nhân, những kẻ sợ hãi mặc quần áo chậm chạp vì ở xứ này, trộm nào cũng mang dao. Carie vẫn lao qua bãi cỏ đầm sương dưới ánh trăng, chẳng bận tâm đến rét hay bộ cạp, kịp chặn cái túi sắp biến mất sau tường. Bà giật lại được và tiếp tục tuôn một tràng tiếng Hoa đầy phần nộ. Cuối cùng, bà thu nhặt đồ đạc vương vãi khắp vườn. Lúc này Andrew mới chịu dậy, cái kinh như thánh cũng có lúc vậy, còn đám gia nhân bỗng hăng hái khi hết nguy. Carie thu hồi gần hết đồng đồ ít ỏi và lên giường với vẻ đắc thắng.

«Đồ ngốc ! chồng bà nói. Em có thể chết đấy !»

Carie chưa nghĩ đến điều đó. Bà suy nghĩ rồi đáp : «Anh nói đúng, nhưng tôi tức quá khi chúng dám xông vào nhà ! Mà này, để yên cho trộm lấy đồ của mình sao?»

Carie chưa bao giờ biết sợ là gì. Bà khinh thường sự hèn nhát, điều càng khiến bà xa cách chồng, Andrew dám đối mặt hiểm nguy vì nghĩa vụ nhưng lại nhút nhát trong đời thường. Carie không hiểu nổi nỗi sợ xuất phát từ sự thiếu tự tin của một người sống ngoài thực tại.

Bà không khép mình trong cô độc. Ngày ngày, bà lui tới với những người gần xa, tới về một nhòai nhưng gương mặt bình thản mãi nguyên. Khi tôi hỏi, bà chỉ mơ hồ : «Ồ, chẳng có gì đâu !»

Có lẽ bà vẫn tiếp tục sứ mệnh nhân ái cả đời, đến với mọi người. Bà ít giảng đạo, chỉ nói rằng hãy tin vào Chúa và hành động theo ý Ngài, rằng Ngài hẳn muốn trẻ con được chăm sóc tốt hơn, chồng bớt khắc nghiệt, vợ đảm đang hơn. Carie dạy các cô gái trẻ biết chữ, những người khao khát học hành bị xã hội cấm đoán. Bà kể về các vùng đất đã qua, về sao trời, đại dương kỳ bí trước những phụ nữ Trung Hoa tầm thường chỉ biết sinh nở và việc nhà bản thủ. Họ há hốc nghe, đôi mắt mơ màng. Carie kể với họ về những ngôi sao, các hành tinh, về sự sống kỳ lạ nơi đại dương, và giúp họ hiểu rằng họ đang sống trong một vũ trụ bao la và diệu kỳ. Tôi luôn thấy bà dịu dàng với những người phụ nữ bất hạnh từ khi chào đời, không có chút hy vọng nào.

Nhưng Carie lại nổi giận với người mẹ của một bé gái đang khóc vì bị bó chân, và nhờ kiên trì, đôi khi bà đạt được mục đích. Thỉnh thoảng, bà cũng cố gắng cứu giúp những người nghiện thuốc phiện. Tôi biết một người đàn ông khôn khổ mà bà đã cứu dù anh ta không muốn, sau nhiều tuần theo dõi sát sao. Niềm hạnh phúc

khi thoát khỏi gánh nặng đè nặng lên anh và gia đình, khiến họ chìm trong nợ nần, anh ta cho là nhờ những lời cầu nguyện và đức tin của Carie. Và tôi không thể bảo anh ta sai nếu, đối với anh và nhiều người khác, Carie, với ý chí mãnh liệt muốn chữa lành cho mọi người, chính là hiện thân của tôn giáo mới về Chúa Kitô.

«Chắc chắn là vậy, vì ngoài bà ấy ra, chẳng ai quan tâm xem chúng tôi có cái ăn hay không», anh ta nói một cách giản dị như lời kết luận.

Tôi nghĩ rằng những cuộc đấu tranh kiểu này hẳn đã làm Carie thích thú ; bà luôn muốn vượt qua những trở ngại tưởng chừng không thể vượt qua. Đúng là bà đã khiến cuộc sống của người đàn ông Trung Quốc khôn khổ kia trở nên khó khăn, nhưng cuối cùng bà đã cứu được anh ta, vì anh ta trở lại nghề dệt và có thể nuôi sống gia đình.

Vào thời điểm đó, Carie được bao quanh bởi một nhóm phụ nữ lớn tuổi cảm thấy mình là gánh nặng trong nhà và khao khát tình thương. Họ muốn ai đó quan tâm đến những chuyện nhỏ nhặt mà chẳng còn ai để ý nữa, và vì lòng tốt của Carie đã trở thành huyền thoại, họ chắc chắn rằng dù người phụ nữ Mỹ kia có bắt đầu nổi giận, thì khi cơn giận qua đi, bà vẫn sẽ cho họ một đồng xu, một giỏ thức ăn, hoặc một ít vải để may áo.

Carie còn có một cô con gái người Trung Quốc và sáu đứa con của cô bé để chăm sóc, chưa kể những người khác thường đến thăm bà hoặc bà đi tìm họ để trò chuyện lâu và thân mật. Tôi nghĩ nếu Carie muốn viết, bà đã có thể viết nhiều tiểu thuyết từ những cuộc đời mà bà hiểu rõ đến thế, và chưa có người phụ nữ da trắng nào thấu hiểu sâu sắc đến vậy.

Nếu Carie ghét những lỗi lầm và thói xấu của con người, bà cũng rộng lượng và nhanh chóng nhìn thấy những đức tính, đồng thời trân trọng những lời đùa dùa là nhỏ nhất, kể cả khi chúng chế giễu bà. Một ngày nọ, bà đã mua một tấm thảm với giá không hề rẻ, bị thu hút bởi màu sắc tươi vui của nó, và trải nó trước chiếc đàn organ. Không lâu sau, một người quen tình cờ đến gặp Andrew để nói về «Tôn giáo Mới», như anh ta nói. Andrew trò chuyện với anh ta một lúc, và khi người đàn ông đứng dậy chuẩn bị rời đi, Andrew đề nghị tiễn anh ta để tiếp tục câu chuyện ; ông xin phép một phút để thay giày, vì lúc đó là mùa đông và đường xá có vẻ khó đi. Andrew tìm thấy Carie trong phòng ; bà muốn đi dạo, và cả ba cùng lên đường. Người đàn ông Trung Quốc đi một đoạn với Carie và Andrew, rồi viện có có hẹn và rẽ vào một con phố khác. Khi trở về, Carie ngay lập tức nhận thấy thiếu một thứ trong phòng. Tấm thảm đã biến mất. Người đàn ông đã để ý nó trong khi thảo

luận về tôn giáo và, lợi dụng lúc Andrew vắng mặt, đã gấp món đồ mình thích và giấu dưới tà áo rộng. Carie, rất bức mình vì mất tấm thảm, nhưng lại cười đến chảy nước mắt khi nghĩ về vẻ mặt đạo đức giả và giọng điệu ngọt ngào của người đàn ông khi giấu tấm thảm trong người. Bà vừa thán phục sự khéo léo của người Trung Quốc, vừa lên án hành động của anh ta, và khiến Andrew rất khó chịu khi nói : «Tôi hy vọng những người theo đạo của anh không phải lúc nào cũng như thế này, nếu không chúng ta sẽ phải từ bỏ việc giữ nhà cửa».

Carie rất khoan dung khi bà không cảm thấy ác ý trong những lời nói. Tôi nhớ một người phụ nữ Mỹ đã nói với bà một cách bức bối : «Tôi rất khó chịu khi nghe người bản xứ gọi chúng ta là quỷ ngoại bang, họ ít nhất cũng phải nhận ra rằng đôi khi chúng ta giúp đỡ họ».

Carie mỉm cười nhẹ nhàng và đáp : «Có lẽ họ không biết phải gọi chúng ta thế nào. Một ngày nọ, một bà lão ốm yếu đến nhờ tôi giúp đỡ, bà cúi chào tôi thấp đến mức trán chạm đất, và nói một cách khiêm nhường : ‘Xin ngài, vị khách quý tôn kính của tôi, hãy giúp tôi’. Tất cả phụ thuộc vào cách nói», Carie nói thêm.

Andrew trở về từ Mỹ sau tám tháng, khá bối rối trước những thay đổi mà ông chứng kiến. Ông trở về một đất nước sau Thế chiến thứ nhất, không giống chút nào

với nơi ông từng biết trước đây. Một sự đảo lộn hoàn toàn đã biến đổi một vùng đất mà ông từng nghĩ là bất khả xâm phạm như thiên đường. Những nguyên tắc mà tổ tiên ông đã đấu tranh và di cư đến những bờ biển mới này đang bị đối xử một cách hoài nghi và bị nghi ngờ. Andrew không giỏi kể lại dài dòng về trải nghiệm của mình, nhưng Carrie, từng câu từng chữ, đã gọi được những mô tả rời rạc từ ông và ghép chúng thành một bức tranh tổng thể, tạo nên hình ảnh của một đất nước đảo lộn, trong hỗn loạn - và đó là quê hương của bà !

Bà vô cùng hối tiếc vì tuổi già và sự bất lực không thể phục vụ đất nước. Bà thường nói : «Tôi ước mình có thể bắt đầu lại cuộc đời. Nếu tôi còn trẻ, bạn biết tôi sẽ làm gì không ? Tôi sẽ đến New York, đến những nơi người nước ngoài đặt chân lên đất nước chúng ta, và dành cả đời để giải thích cho họ ý nghĩa của nước Mỹ; những điều cần làm và trở thành để đất nước tốt đẹp hơn. Tôi tin rằng một trong những lý do khiến nước Mỹ không còn là chính mình lúc này, là vì quá nhiều người không hiểu từ ‘người Mỹ’ có nghĩa là gì».

Và bà thường nói nhiều lần : «Nếu tôi có thể bắt đầu lại cuộc đời, tôi sẽ dành nó cho đất nước. Tôi rất vui vì con trai tôi đang ở đó, nó sẽ làm việc thay tôi».

Nỗi tiếc nuôi này ám ảnh bà suốt hai năm. Bà đọc tất cả những gì có thể về tình hình nước Mỹ hiện đại, và cố gắng tìm ra nguyên nhân của sự thay đổi này. Trước đây, trong vùng đất yên bình và tươi đẹp này, bà đã cảm nhận được một dân tộc kém may mắn hơn đang cần bà, và giờ đây, bà lại nghe thấy những tiếng gọi ; nhưng đó là tiếng gọi của những đồng bào bất hạnh. Không thể hành động vì tuổi già và hoàn cảnh, bà đau khổ và cầu nguyện cho đất nước nhiều hơn bao giờ hết.

Bà không nhận ra rằng mình đang gầy đi không ngừng, và một chứng thiếu máu nghiêm trọng đang hủy hoại bà. Căn bệnh cũ đã ảnh hưởng đến các cơ quan nội tạng, và bà ăn ngày càng ít. Đôi khi khi nhận ra mình gầy đi, bà cho rằng đó là do chán ăn.

Nhưng một ngày nọ, sức lực của bà đột ngột suy sụp, và bà thậm chí không thể leo lên cầu thang để về phòng. Consolation vội vã đến ; với tình yêu thương, cô nhận ra ngay tình hình nghiêm trọng. Cô ở lại bên mẹ để chờ đợi sự hồi phục, và bất chấp những phản đối mạnh mẽ của người bệnh - Carrie không bao giờ quá ốm để phản đối điều mình không thích - Consolation đã gọi bác sĩ.

Tình trạng thực sự rất nguy kịch ; một chứng suy tim âm ỉ khiến việc phẫu thuật trở nên khẩn cấp, và ngay từ đầu, mọi người nhận ra rằng chỉ còn rất ít hy vọng.

Carie, với khả năng đọc vị khuôn mặt, đã thấy điều mà con gái bà cố giấu, và sự kiên định ngày xưa của bà trở dậy để giúp bà vượt qua.

«Mẹ sẽ không chết đâu, bà khẳng định dù cơ thể yếu ớt. Mẹ chưa kịp làm tất cả những gì mình dự định. Còn rất nhiều sách mẹ muốn đọc và nhiều người cần mẹ. Vả lại, bà nói thêm với ánh mắt lấp lánh, bàn tay mẹ chưa đủ đẹp. Không, không, mẹ cần thêm mười năm nữa để trở thành một bà lão duyên dáng ; mẹ sẽ mặc váy màu oải hương và nhìn lũ cháu của mình lớn lên». Rồi như thể một cơn suy yếu bất chợt ập đến, bà dường như phản kháng lại ý trời và thốt lên : «Dù sao, mẹ sẽ đợi Faith trở về, mẹ muốn gặp lại con bé.»

Cuộc chiến giành sự sống lại một lần nữa bắt đầu.

Chúng tôi đưa bà trở lại ngôi nhà đá nhỏ. Những người phu khiêng trên vai một sinh linh gầy guộc nhưng bất khuất, với đôi mắt đen sâu thẳm, vẫn như xưa, vĩnh viễn trẻ trung, ánh lên kiên cường trên khuôn mặt nhỏ nhắn được bao bọc bởi mái tóc bạc trắng.

Một lần nữa, bà dùng cảm cố gắng chữa lành cơ thể mình, nhưng nó đã bị bất hoạt động quá sức, và dù Carie có sức khỏe tốt cùng ý chí mạnh mẽ, rõ ràng bà sẽ không thể phục hồi. Bà biết điều đó, và trong

một khoảng thời gian ngắn ngủi, chỉ vài ngày, chúng tôi chứng kiến một tâm hồn trẻ trung, mạnh mẽ đang phần nộ và bàng hoàng trước sự phản bội của thể xác già nua, yếu ớt sắp lìa đời. Carrie không nói gì với ai ; bà chỉ thốt ra vài lời lịch sự cần thiết, nhưng biểu cảm của bà thật đáng sợ, và chúng tôi phải quay đi, đau lòng trước những gì đọc được trong ánh mắt bà.

Điều đó không kéo dài. Bà chấp nhận. Bà dường như không còn quan tâm đến thể xác tầm thường của mình nữa, và trong những tháng cuối đời, bà chỉ tìm cách thỏa mãn những khát khao của tâm hồn. Bà không nhắc đến cái chết và dường như phớt lờ nó, chỉ tập trung hơn bao giờ hết vào vẻ đẹp mà bà yêu thích nhất trên đời. Bà bày tỏ niềm vui khi nghe tiếng chim gọi nhau rỉ rả trên cành cây quanh nhà, khi nhìn những bóng mát xanh muốt trải dài trên thảm cỏ, và khi ngắm nhìn vẻ lộng lẫy của những đóa huệ trên hiên nhà. Lúc hoàng hôn, bà ngồi yên lặng, đôi mắt dán chặt vào những đám mây hoặc thung lũng xa xăm.

Tôi không biết liệu bà có nghĩ về tương lai hay không. Bà là một người phụ nữ dũng cảm, đủ từng trải để đón nhận mọi sự kiện với thái độ bình tĩnh. Bà không rơi vào những lời lẽ tôn giáo sáo rỗng như nhiều người hấp hối thường làm. Chúa vẫn không hé lộ điều gì với bà,

và bà dường như hiểu rằng không ai trên đời này có thể khẳng định điều gì đang chờ đợi khi ta một mình bước vào cõi vĩnh hằng.

Trong những ngày cuối, bà bám víu vào sự sống hơn bao giờ hết ; dù vậy, bà vốn luôn khao khát mọi thứ, say mê hương vị cuộc đời. Cuối hè, chúng tôi buộc phải đưa bà trở lại ngôi nhà bên dòng sông, và ai nấy đều nhận ra rằng mọi hy vọng đã tan biến. Carie không để lộ sự chắc chắn của riêng mình, ngoại trừ sự bình thản khi đối mặt với từng ngày, từng đêm. Đôi khi, trong đêm khuya, khi bóng tối đè nặng và bà cảm thấy yếu ớt, kiệt sức, bà đưa đôi mắt mở to nhìn Consolation, người đang thức trông bà, và lặp lại câu hỏi mà mẹ bà từng hỏi : «Con ơi, có phải - cái chết đã đến ?» Và khi Consolation thốt lên từ tận đáy lòng : «Con sẽ không để mẹ chết đâu !» Carie mỉm cười và nhận xét : «Con giống mẹ quá ! Mẹ cũng từng nói vậy với bà ngoại».

Một ngày, bà than thở : «Có quá nhiều thứ mẹ chưa được thấy, chưa được nghe, quá nhiều niềm vui đã vượt khỏi mẹ. Không ai biết mẹ yêu sự vui vẻ đến nhường nào. Mẹ muốn có một chiếc máy hát, mẹ muốn nghe tất cả những bản nhạc mẹ chưa biết».

Người ta mang đến một chiếc máy hát và những đĩa nhạc từ một thành phố ven biển, và bà dành hàng giờ để nghe các giai điệu khác nhau. Không ai biết bà nghĩ gì về chúng ; nhưng dù sao, bà cũng từ chối nghe những bản nhạc buồn. Một người trong chúng tôi đã đặt đĩa nhạc bài thánh ca : «Hãy nghỉ ngơi trong Chúa - Kiên nhẫn chờ đợi Ngài...» Carie lập tức nói với vẻ bình thản nhưng đầy cay đắng : «Hãy bỏ nó đi. Tôi đã chờ đợi... kiên nhẫn và chẳng được gì !»

Từ đó, không ai bật lại bản nhạc ấy nữa, và tôi không thể chịu được giai điệu đó vì nó nhắc tôi nhớ đến giọng điệu của Carie, giọng nói bình thản, kiêu hãnh, chấp nhận không buồn bã và tràn đầy dũng khí. Carie giờ đây đã biết rằng, sau cả đời chất vấn Thiên đường ngay từ thuở ban đầu, bà sẽ không nhận được câu trả lời nào khi còn sống.

Về cuối, khi sức khỏe bà ngày càng suy yếu, một y tá trở nên cần thiết ; cần có người ở bên biết cách chăm sóc, nâng đỡ bà. Bà từ chối rất lâu vì có một sự nghi ngờ lớn và kỳ lạ với mọi thứ thuộc về chuyên môn. Cách duy nhất để bà đồng ý là viện cớ chúng tôi mệt mỏi vì thức trông bà ngày đêm. Ngay lập tức, bà muốn giảm bớt gánh nặng cho chúng tôi. Căn bệnh lan rộng, ảnh hưởng đến thị lực và thính giác của bà. Carie ngủ hầu

hết thời gian, nhưng có những giờ, thậm chí cả ngày, bà tỉnh táo và trở lại là chính mình.

Tôi sẽ không bao giờ quên sự xuất hiện của y tá đó. Chúng tôi đã gửi yêu cầu đến một bệnh viện ở Thượng Hải, nhưng một trận dịch tả đang hoành hành và không ai sẵn sàng.

Cuối cùng, để đáp lại những bức điện khẩn của chúng tôi, một y tá được cử đến và xuất hiện vào lúc bình minh. Tôi đã thức trông Carie cả đêm và ra đón người phụ nữ này trên cầu thang.

Tim tôi như ngừng đập khi nhìn thấy bà ta. Một phụ nữ Anh lớn tuổi, tóc nhuộm vàng cháy, khuôn mặt đầy phấn son. Đây chính là kiểu người mà Carie cực kỳ ghét, nhưng vì quá cần sự giúp đỡ của bà ta, tôi đành để bà ta vào và giới thiệu với Carie.

Bà nhìn người mới đến bằng đôi mắt đã mờ đục, chiếc mũ y tá đồ sộ kiểu Anh trên đầu, rồi hỏi với sự thẳng thắn thường lệ : «Sao bà lại đội cái áo gối lên đầu thế ?

«Tôi sẽ bỏ nó nếu bà muốn, y tá trả lời lịch sự.

- Làm ơn đi», Carie đáp, không chút do dự. Và khi y tá thực hiện theo ý bà, bệnh nhân thêm vào : «Mái tóc đẹp mà bà giấu đi kia, thật phù hợp với làn da tươi tắn

của bà !»

Thị lực của Carie đã giảm đến mức bà không nhìn rõ khuôn mặt thực sự, già nua và phai tàn của người phụ nữ này, và y tá, xúc động trước lời khen chân thành, đã gắn bó với Carie và chăm sóc bà không mệt mỏi.

Carie đã qua đời với sự hỗ trợ của người phụ nữ này trong những giây phút cuối cùng ; một sự trùng hợp kỳ lạ, nhưng phù hợp với cuộc đời hào phóng và đầy tính nhân văn của bà.

Carie hướng về người phụ nữ này với sự quan tâm thường lệ, bà hỏi han về quá khứ của y tá với rất nhiều cảm thông. Đó là một con người không có chút đạo đức nào, và những chút hổ thẹn cuối cùng đã chìm ngấm trong những cuộc phiêu lưu của bà ta thời Thế chiến. Carie nhẹ nhàng gạt đi một số tình tiết quá ảm đạm trong câu chuyện này, và bà chỉ nói đơn giản : «Tôi hiểu - tôi biết giữ gìn đức hạnh khó khăn thế nào - nhất là khi không nhận được lời đáp lại, và phải chờ đợi trong bóng tối».

Sau đó, với một trong những thay đổi tâm trạng đột ngột thường thấy ở mình, Carie nói thêm : «Cô vừa nhắc đến khiêu vũ. Tôi luôn muốn xem điệu fox-trot ; tôi đã nghe nói về nó. Cô có thể biểu diễn thử cho tôi

xem không ?»

Chúng tôi bước vào giữa cảnh tượng ấy ; tiếng nhạc jazz từ chiếc máy hát vang lên, Carie tựa vào gối, hình ảnh của cái chết. Vui sướng, bà nhìn bóng dáng trắng toát và xoay tròn của người y tá bằng đôi mắt tuy mờ đục nhưng không thể làm mờ đi ánh sáng trong đó. Khi điệu nhạc kết thúc, người y tá kiệt sức ngã vào ghế, Carie nhận xét với vẻ sành sỏi : «Thật là một điệu nhạc đẹp - duyên dáng và nhẹ nhàng ! Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu Andrew đã nhầm lẫn về Chúa. Tôi tin chúng ta nên chọn tất cả những điều tươi sáng và hạnh phúc trong cuộc sống : khiêu vũ, tiếng cười và vẻ đẹp.»

Bà trầm ngâm một lúc, rồi chìm vào giấc ngủ. Đó là cách mà phần bản chất bà đã kìm nén suốt thời trẻ, giờ đây trỗi dậy trong tuổi già và lý trí.

Carie hoàn toàn quay lưng với Andrew vào thời điểm này. Bà không yêu cầu ông rời đi, nhưng sự hiện diện của chồng khiến bà bồn chồn rõ rệt ; bà có vẻ không thoải mái khi đối mặt với ông, lại một lần nữa vật lộn với chính mình. Bà thì thầm một lần khi ông bước vào: «Cuốn sách này vẫn chưa hoàn thành, sau bao nhiêu năm...» Vì vậy, chúng tôi đưa Andrew ra xa, và ông khá dễ dàng đồng ý, hơi bối rối, vì ông chưa bao giờ hiểu được bản chất của Carie và những thay đổi của

bà, lần này là lớn nhất, khi bà cố ý gạt bỏ mọi suy nghĩ tôn giáo, mọi ý niệm về Chúa, để chọn vẻ đẹp của cuộc sống và sáng tạo, trong một thế giới mà bà yêu mến và hiểu biết sự phong phú của nó.

Chúng tôi đẩy giường bà đến gần cửa sổ, và bà hạnh phúc ngắm nhìn bên ngoài. Một ngày, bà nói với chúng tôi trong cơn mơ màng : «Dù sao mẹ cũng đã nhận được rất nhiều điều tốt đẹp từ cuộc sống. Mẹ có những đứa con nhỏ bú mớm, mảnh đất tốt để làm vườn, những tấm rèm voan bay trước cửa sổ, núi non để ngắm nhìn, thung lũng và bầu trời, sách vở, âm nhạc của mẹ và những người để mẹ phục vụ. Mẹ đã có rất nhiều điều tốt trong cuộc đời và mẹ muốn tiếp tục sống, nhưng lần này mẹ sẽ dành đời mình cho đất nước».

Nỗi ám ảnh duy nhất đè nặng lên bà là nỗi sợ chết trước khi Faith đến. Faith được mong đợi từng ngày, và Carie quyết tâm gặp lại con gái. Cuối cùng, thời khắc mong đợi cũng đến. Carie yếu đến mức trái tim bà có thể ngừng đập vì bất kỳ xúc động nhỏ nào, nên bà nằm yên như không có chuyện gì xảy ra.

Nhưng bà không muốn Faith, cô gái trẻ vừa từ trường đại học trở về, thấy ngôi nhà chìm trong bóng tối của cái chết. Bà yêu cầu mặc chiếc váy đẹp nhất, bằng lụa màu hoa cà nhạt, thêu bạc, món quà của Consolation,

rồi nhờ chải tóc. Khi mọi thứ đã sẵn sàng, một bó hoa hồng chớm nở đặt bên cạnh, Carie đòi một thứ không tưởng : một thanh kẹo cao su. Chúng tôi tìm mua được trong một cửa hàng và mang về, rất tò mò, vì trước đây bà chưa bao giờ dùng nó. Khi Faith bước vào, cô thấy mẹ mình trang trọng trong bộ váy đẹp, tựa vào gối, và nhai kẹo cao su hết sức mạnh mẽ với ánh mắt tinh nghịch.

«Con đã gặp lại mẹ già rồi đấy, bà vui vẻ kêu lên, tự nhiên như thể vừa gặp Faith ngày hôm qua chứ không phải ba năm trước. Con thấy đấy, mẹ đang nhai kẹo cao su, như một phụ nữ trẻ hiện đại - mẹ nghe nói đó là một bên Mỹ».

Tất cả chúng tôi bật cười, và không khí căng thẳng tan biến. Đó là điều bà mong muốn ; phải cười để ngăn nước mắt. Bà dường như tránh nỗi buồn, sợ rằng trái tim sẽ phá vỡ lớp vỏ mong manh của mình. Bà bình thản chấp nhận sự hiện diện của Faith, và dường như nhanh chóng quên đi việc cô đã vắng mặt.

Ngày qua ngày, Carie chìm vào giấc ngủ mê, và chỉ đôi khi chúng tôi cảm nhận được linh hồn mạnh mẽ của bà tỉnh dậy, chống lại sự thay đổi sắp đến. Một lúc, bà giơ đôi tay sung phòng, đau đớn nhìn lên. Bà nhìn chúng chăm chú và thì thầm : «Mẹ chưa bao giờ có thể

chăm sóc chúng. Có lẽ sau này...»

Bà chỉ nói về cái chết một lần duy nhất. Bà tỉnh dậy đột ngột và nói rõ ràng với Consolation, người đang trông bà lúc đó : «Con gái, nếu cuối cùng mẹ có vẻ sợ hãi, đó chỉ là vì cơ thể tội nghiệp này đã chiếm ưu thế. Nó luôn là kẻ thù của mẹ - luôn cố gắng hạ gục mẹ. Hãy nhớ rằng linh hồn mẹ sẽ tiến thẳng về phía trước. Mẹ không sợ !»

Bà tỉnh lại lần nữa để dọn dò về ngôi mộ của mình. Không được khắc lời ca ngợi, không đề cập đến thân phận người vợ hay người mẹ, chỉ đơn giản là tên bà cùng ba câu trích dẫn bằng tiếng Anh và tiếng Trung; câu cuối cùng là lời hứa chiến thắng : «Kẻ nào chiến thắng, ta sẽ ban cho mảo triều thiên vinh quang».

Rồi bà không còn tỉnh táo nữa, chỉ kịp nói : «Đừng hát bài gì buồn trên quan tài của mẹ. Mẹ muốn bài ca vinh quang. Mẹ ghét ý nghĩ phải chết. Cuộc đời mẹ chưa kết thúc ; mẹ sinh ra để sống trăm tuổi, nhưng nếu phải chết - ít nhất hãy để nó trong niềm vui và chiến thắng - mẹ sẽ tiếp tục ở nơi khác».

Không có lời cuối, không có dấu hiệu cuối. Bà chết trong giấc ngủ ; cuối cùng, khuôn mặt bà bừng sáng với nụ cười rộng, rồi trở nên rất nghiêm trang. Không

ai trong chúng tôi hiểu ý nghĩa của nụ cười đó. Carrie dường như chỉ đơn giản rời xa chúng tôi, cô độc, để lại cho chúng tôi chỉ ký ức về cuộc đời bà, một cuộc đời mạnh mẽ và trọn vẹn, vừa đắng cay vừa ngọt ngào. Chúng tôi mặc cho bà chiếc váy lụa màu hoa cà bà yêu thích và đặt xung quanh bà những bông cúc vàng nhạt và bạc của mùa thu. Bà được chôn cất vào một ngày gió và sương mù, dưới bầu trời xám. Những lời can đảm trong bài thánh ca bà yêu cầu chúng tôi hát vang lên như một lời thách thức, lời thách thức của mọi kiếp người trước cái chết không thể tránh khỏi đang vây quanh. Cuộc đời của Carrie trên trái đất này kết thúc như vậy.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	6
CHƯƠNG II	82
CHƯƠNG III	142
CHƯƠNG IV	213